

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net/>

Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

MUC LUC

Mở đầu

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

CHƯƠNG 17

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24 \(Hết\)](#)

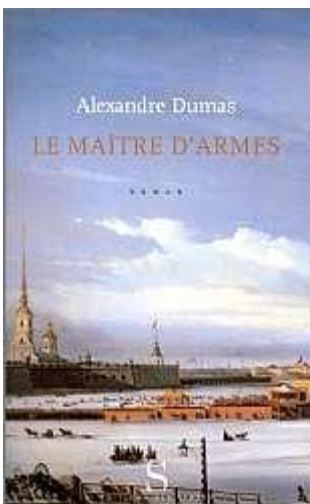
Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

Mở đầu

Nguyên tác: Le maître d'Armes



Grisier ở lại một mình sau cùng trong phòng tập, vừa thấy tôi xuất hiện ở cửa bèn kêu lên:

- A, đúng là một phép lạ!

Thực vậy, tôi đã không tới số 4 ngoại ô Mont-martre từ sau buổi chiều Alfred de Nerval kể với chúng tôi câu chuyện của Pauline.

Với thái độ ân cần như bố con với những người học trò cũ, người thầy đáng kính của tôi tiếp tục:

- Tôi hy vọng không có vụ việc gì xấu đưa anh tới đây chứ?

- Không ạ, thưa thầy kính mến – tôi trả lời ông – việc đến nhờ thầy giúp đỡ hôm nay thì không thuộc loại đôi khi em vẫn nhờ thầy.

- Anh biết dù là việc gì tôi cũng sẽ hết lòng vì anh. Cứ nói đi.

- Thưa thầy, xin thầy kéo em ra khỏi rắc rối này.

- Nếu có thể được tôi sẽ làm ngay.

- Em không nghi ngờ gì điều đó. Thầy hình dung xem, em ký hợp đồng với một hiệu sách mà không có gì giao cho họ cả.

- Lạ nhỉ.

- Em đến nhờ thầy cho em cái gì đó.

- Tôi ư?

- Vâng, thầy đã kể cho chúng em năm mươi lần về cuộc hành trình của thầy ở nước Nga.

- Được rồi, nói xem cụ thể em cần gì?

- Thầy ở bên ấy vào thời kỳ nào?

- Trong những năm 1824, 1825, 1826.

- Đúng những năm quan trọng nhất: kết thúc triều đại Hoàng đế Alexandre và Hoàng đế Nicholas đăng quang.

- Tôi đã thấy chôn người này và đưa người kia lên ngôi người kia. Nhưng này, anh nghĩ xem...

- Em mong được biết rõ...

- Đây là câu chuyện tuyệt vời.

- Đây là điều em đang cần.

- Anh hình dung... Nhưng mà này, anh có đủ tính kiên nhẫn không?

- Điều này thì thầy khỏi phải bận tâm.

- Thế thì anh chờ đây.

Ông ta lại một chiếc tủ rút ra tập giấy đồ sộ.

- Anh cầm lấy, việc của anh đây.

- Một bản thảo, lạy Chúa!
- Ghi chép của một ông bạn ở Saint-Peterbourg cùng thời kỳ với tôi, người đã thấy tất cả những gì tôi thấy và anh có thể tin tưởng vào ông ấy như đã tin tôi.
- Thầy cho em tập bản thảo này à?
- Anh được toàn quyền sở hữu.
- Đây là cả một kho báu.
- Trong đó đồng nhiều hơn bạc và bạc nhiều hơn vàng. Nhưng từ đây anh rút ra phần tốt nhất.
- Thừa thầy, ngay đêm nay em sẽ bắt đầu làm việc và chỉ trong hai tháng...
- Hai tháng?
- Ông bạn của thầy thức dậy buổi sáng sẽ thấy sách vừa in xong.
- Chắc chắn chứ?
- Thầy có thể hoàn toàn yên tâm.
- Điều này sẽ làm ông ấy rất vui, lời nói danh dự đấy.
- À mà bản thảo còn thiếu một thứ, thưa thầy.
- Thiếu gì?
- Tên sách.
- Thế nào, tôi còn phải cho anh một tiêu đề nữa sao?
- Đúng vậy, thầy đừng giúp nửa chừng.
- Anh xem chưa kỹ, có rồi đấy.
- Ở đâu vậy?
- Trên trang này, anh thấy chứ. Người thầy dạy đánh kiếm.
- À vâng, đã có rồi, chúng ta cứ lấy cái tên này nhé.
- Tốt chứ?
- Vâng.

Qua đoạn hội thoại này bạn đọc sẽ hiểu rằng những gì bạn đọc không phải của tôi viết kể cả tên sách.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 1

Tôi đang ở tuổi nhiều ảo tưởng khi có số tiền bốn nghìn francs tôi xem như một kho của không cạn kiệt và khi nghe nói nước Nga như một thiên đường đối với những nghệ sĩ trình độ khá; mà tôi là người tự tin nên tôi đã quyết định đi Saint-Peterbourg.

Quyết định rồi là tôi bắt tay thực hiện ngay: là chàng trai chưa vương vীu gì, cũng không nợ nần ai, chỉ cần mấy bức thư giới thiệu và tấm hộ chiếu, tôi không phải mất nhiều thời gian cho những thứ này vậy nên chỉ tám ngày sau tôi đã lên đường đi Bruxelles.

Tôi chọn đi đường bộ, trước hết vì tôi dự định ghé thăm các thành phố và tìm cách kiếm thêm đài thọ để cho chuyến đi này; sau nữa vì lòng tự hào với vinh quang của tổ quốc, tôi muốn tham quan một số chiến trường cũ, tôi hình dung chúng cũng đẹp như ở ngôi mộ Virgile, ở đó có những cây nguyệt quế rất đẹp.

Tôi dừng lại hai ngày ở thủ đô nước Bỉ, ngày đầu dạo phố và ngày thứ hai có một cuộc đấu tay đôi. Tôi đã khá may mắn trong trận đấu và người ta mời tôi ở lại với những điều kiện khá hấp dẫn nhưng tôi đã từ chối. Tôi muốn tiếp tục đi.

Tuy vậy tôi có dừng lại một ngày ở Liège ; ở phòng lưu trữ tài liệu của thành phố này có một người học trò cũ của tôi, tôi muốn ghé thăm anh ta. Anh ta sống ở đường Pierreuse, ngôi trên tầng thượng nhà anh có thể vừa ngắm rượu vang sông Rhin, vừa ngắm thành phố trải dài dưới chân, nơi Godefroy lên Đất Thánh. Tôi sẽ không làm việc quan sát ấy nếu không có người học trò kể cho nghe năm, sáu truyền thuyết kỳ lạ về những ngôi nhà cổ ấy, một trong những truyền thuyết bi thảm nhất là Bữa tiệc Varfressés, với đề tài vụ giết hại thị trưởng Sébastien Laruelle, ngày nay còn một đường phố mang tên ông.

Trong lúc lên xe ngựa chờ khách ở Aixla Chapelle, tôi nói với người học trò về dự định xuống thăm những thành phố nổi tiếng và dừng lại ở những chiến trường lớn, nhưng anh ta cười về dự định ấy. Anh ta cho biết ở nước Phổ, người ta không dừng lại ở chỗ mình muốn mà ở chỗ người đánh xe muốn và một khi đã lên ngồi khép kín trong thùng xe thì hoàn toàn phụ thuộc vào người đánh xe. Thật vậy, từ Cologne đến Dresde, nơi tôi có ý đồ ở lại ba ngày, người ta chỉ lôi tôi từ thùng xe ra vào giờ ăn và vừa thời gian để chúng tôi ăn uống đủ sống. Sau ba ngày bị giam hãm trên xe, chẳng ai dám than thở gì vì điều này đã được quy định trong đất nước của Hoàng đế Frédéric-Guillaume. Cuối cùng chúng tôi đến Dresde.

Dresde là nơi mà trong lúc tiến vào nước Nga Napoléon đã dừng quân, năm 1812, ông cho triệu tập một hoàng đế, ba ông vua và một phó vương, còn những ông hoàng đến chen chúc trước cửa lều nhà vua đông đến mức lẫn lộn với tùy tùng và sĩ quan cận vệ, vua Phổ phải chờ ở tiền sảnh mất ba ngày.

Hành hương từ Vilna (ngày nay là Vilnius, thủ đô Lituanie), tôi đi ngựa theo con đường Napoléon đã đi mười hai năm trước, vượt qua Niémen, dừng lại ở Posen, Vilna, Ostrovno và Vitebsk, tiếp nhận

mọi thủ tục những người dân Lituanie tốt bụng vẫn giữ lại từ khi nhà vua đi qua. Tôi còn muốn đi thăm Smolensk và Moscou nhưng không thể đi nổi thêm hai trăm dặm nữa. Sau khi ở lại Vitebsk một ngày và đi thăm lâu đài mà Napoléon đã từng nghỉ, tôi thuê một chiếc xe ngựa mà bưu vụ Nga thường sử dụng và gọi là xe trạm, vì người ta thay đổi xe ở mỗi trạm. Tôi bỏ áo khoác lên xe và được ba con ngựa kéo đi, chẳng bao lâu bỏ lại Vitebsk phía sau. Con ngựa giữa ngẩng cao đầu đi nước kiệu còn hai con bên phải, bên trái phóng nước đại, hí lên và đầu cúi xuống như muốn ngón ngấu mặt đất.

Lần này tôi theo con đường Hoàng hậu Catherine đã đi trong cuộc hành trình sang Tauride.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 2

Ra khỏi Vitebsk, tôi phải qua một trạm thuế quan Nga. Tôi chỉ có một chiếc áo khoác nên tuy ý định rõ rệt của người trưởng đồn là kéo dài cuộc khám xét nhưng ông ta cũng chỉ làm mất hai giờ hai mươi phút, đây gần như là điều khó tin trong lịch sử thuế quan Moscou. Khám xét xong tôi được yên thân cho đến Saint-Peterbourg.

Buổi chiều tôi đến Véliki-Louki, tên gọi có nghĩa "vòng cung lớn", muốn chỉ cảnh đẹp của con sông Lova len lỏi giữa những bức tường. Được xây dựng từ thế kỷ XI, thành phố này bị người Lituanie tàn phá vào thế kỷ XII, vua Ba Lan Ballori chinh phục rồi trả lại cho Ivan Vasilievitch, cuối cùng bị Démétrius giả danh đốt trụi. Bị bỏ hoang vắng chín năm, sau đó thành phố có người Cô dắc của sông Don và Jaik đến sinh sống, dân cư hiện nay hầu hết là hậu duệ của họ. Ở đây có ba nhà thờ, đi qua đó người đánh xe của tôi không quên làm dấu thánh.

Mặc dù tình trạng tồi tệ của chuyến đi do chiếc xe và đường xấu gây ra, tôi kiên quyết không dừng lại thăm thú dọc đường vì người ta bảo tôi có thể vượt bảy mươi hai dặm từ Vitebsk đến Saint-Peterbourg trong bốn mươi tám giờ. Tôi chỉ dừng trước trạm trong thời gian thay ngựa. Trong chuyến đi này suốt đêm tôi không ngủ được một chút nào, bởi người nhảy lên trong xe như một quả bóng. Tôi cố bám vào chiếc ghế gỗ dài có trải đệm da mỏng, sau khoảng mười phút đôi tay rã rời, tôi buộc phải trả mình nhồi lên nhồi xuống, thâm tâm ái ngại cho những người bưu tá Nga, họ thật khôn

khô khi phải ngồi hàng nghìn dặm đường trong những chiếc xe tương tự như thế này.

Nét khác biệt giữa đêm ở Moscou và đêm ở nước Pháp đã khá rõ. Trong những chiếc xe ở nước Pháp, tôi có thể đọc sách, còn ở đây, cũng phải thú nhận mệt mỏi vì mất ngủ, tôi đã thử đọc, nhưng đến dòng thứ tư thì một cú xóc làm bật cuốn sách khỏi tay và khi tôi cúi xuống nhặt, một cú xóc khác hất tôi ra khỏi ghế ngồi. Tôi mất nửa tiếng đồng hồ vật lộn dưới sàn xe trước khi đứng lên và được chữa khỏi ý thích tiếp tục đọc.

Mờ sáng tôi đến Béjanitji, một làng nhỏ, và bốn giờ chiều đến Porkhoff, một thành phố cổ trên bờ sông Chelonia, con sông chuyên chở lanh và lúa mì đến hồ Ilmen. Từ đó đến hồ Ladoga tính ra tôi đã đi được nửa đường. Thú thật, tôi rất muốn dừng lại nghỉ ngơi một đêm nhưng quán hàng ở đây bẩn thỉu đến mức tôi phải quay lên xe ngồi. Cũng phải nói nhờ người đánh xe đã đảm bảo con đường sắp đi tốt hơn con đường đã qua mà tôi có quyết định dừng cảm ấy. Cuối cùng chiếc xe trạm lại ra đi với tốc độ nước đại, tôi tiếp tục chiến đấu bên trong thùng xe, còn người đánh xe ngồi trên chỗ của mình ngân nga một điệu hát buồn, tôi không hiểu ý nghĩa của lời hát nhưng âm điệu có vẻ rất phù hợp với hoàn cảnh đau khổ của tôi. Nếu nói tôi đã ngủ thiếp đi thì không ai tin nổi và bản thân tôi cũng không tin, nếu không bị bùng tỉnh dậy với một vết xước đau đớn ở trán. Một cú xóc mạnh đến nỗi người đánh xe văng khỏi chỗ ngồi và làm tôi thức dậy do trán bị đập vào cạnh xe. Tôi có ngay ý định đổi chỗ cho người đánh xe, nhưng nói mãi anh ta vẫn không đồng ý, hoặc vì anh ta không hiểu lời đề nghị của tôi hoặc vì anh ta cảm thấy thiếu trách nhiệm nếu làm như thế. Rốt cuộc chúng tôi lại lên đường, người đánh xe lại hát và tôi tiếp tục bị hành hạ trong thùng xe. Năm giờ sáng chúng tôi đến Selogorodetz rồi dừng lại ăn điểm tâm. Nhờ trời chúng tôi chỉ còn phải đi hơn năm mươi dặm nữa. Tôi thờ dãi trở vào thùng xe, ngồi dựa vào chiếc gậy. Đến lúc ấy tôi mới thử đề nghị bỏ tấm vải trùm xe ra, người đánh xe trả lời đây là điều dễ nhất trên đời. Tôi bảo anh ta làm ngay và vì vậy chỉ còn phần dưới con người tôi là tiếp tục bị hành hạ.

Ở Louga tôi lại có một ý kiến sáng suốt là bỏ chiếc ghế dài, bỏ rom rạ lên sàn xe, lót chiếc áo khoác và nằm trên đó. Nhờ những cải tiến này tình trạng của tôi cuối cùng trở nên gần như chịu đựng được. Người đánh xe dừng lại trước lâu đài Garchina, nơi vua Paul đệ nhất bị đày suốt thời gian Catherine trị vì và trước cung điện Tsarskoï e Selo, nhà nghỉ mùa hè của Hoàng đế Alexandre, nhưng tôi mệt mỏi đến mức chỉ còn đủ sức ngẩng đầu nhìn hai kỳ quan ấy, tự hứa sẽ trở lại thăm trong một chiếc xe tiện nghi hơn.

Ra khỏi Tsarskoï e Selo, trục của một chiếc xe trạm chạy trước bị gãy, xe nghiêng về một bên. Tôi chỉ cách chiếc xe khoảng chừng một trăm bước chân, thấy từ đáy bước ra một quý ông cao gầy, một tay cầm chiếc mũ cao nôi, tay kia cầm chiếc vĩ cầm nhỏ. Ông ta mặc áo màu đen như người ta vẫn thường mặc ở Paris năm 1812, quần ngắn đen, tất lụa đen và đôi giày có khóa. Bước ra đường lớn, ông vung vẩy ngay chân phải, chân trái, rồi đập chân vào nhau, sau đó quay mình ba vòng chắc để

xác định mình không bị thương tích gì. Sự lo lắng bảo vệ bản thân mình thể hiện rõ đến nỗi tôi cảm thấy mình phải có trách nhiệm dừng lại để hỏi thăm ông ta.

- Không có gì, thưa ông, không có gì – ông ta trả lời – có điều tôi không đến kịp buổi dạy. Một giờ dạy người ta trả tôi một louis (một đồng tiền vàng giá 20 francs). Tôi dạy cho một người đẹp nhất ở Saint-Peterbourg, cô Vlodeck ngày kia sẽ đóng vai Philadelphie, một trong những cô con gái của thượng nghị sĩ Warton trong bức tranh của Antoine Van Dyck, trong lễ hội triều đình tổ chức cho nữ quận công thừa kế De Weiman!

- Thưa ông, tôi không hiểu gì lắm về điều ông trình bày, nhưng không sao, tôi có thể giúp ông được việc gì không?

- Ông có thể giúp tôi được việc gì không ư? Ông có thể cứu sống tôi đây. Hãy hình dung, thưa ông, tôi vừa dạy khiêu vũ cho công nương Lubermiska, ở trang trại cách đây không xa. Một bài học trị giá hai louis, tôi không dạy kém giá ấy, tôi đang nổi tiếng và phải tận dụng điều này. Rất đơn giản vì chỉ có tôi là thầy dạy khiêu vũ Pháp ở Saint-Peterbourg. Thế mà anh này lại chở tôi với một chiếc xe bị gãy trục suýt làm tôi bị thương tật, may mà đôi chân tôi còn lành lặn. Ta biết rõ số xe của anh rồi, đi đi, đồ ranh mãnh.

- Tôi nghĩ việc tôi có thể giúp ông được là dành cho ông một chỗ trên xe của tôi...

- Vâng, cảm ơn, đó là một sự giúp đỡ vô cùng quý giá, nhưng thật tình tôi không dám...

- Sao vậy? Giữa những người đồng hương với nhau...

- Ông là người Pháp?

- Tôi còn là một nghệ sĩ...

- Ông là nghệ sĩ? Thưa ông, thành phố Saint-Peterbourg thật chẳng hay ho gì đối với những nghệ sĩ. Khiêu vũ, nhất là khiêu vũ! Chà! Chỉ còn nhảy một chân. Mà này, ông không phải là thầy dạy khiêu vũ đây chứ?

- Thế nào? Khiêu vũ chỉ còn nhảy một chân. Nhưng ông nói người ta trả cho mỗi bài học một louis, có phải để học nhảy lò lò không? Một louis, thưa ông, tôi cho rằng đây là một khoản thù lao rất đẹp đó chứ?

- Vâng vâng, trong lúc này chắc vì hoàn cảnh. Nhưng thưa ông, ở đây không còn là nước Nga cũ nữa. Người Pháp đã làm hỏng tất cả. Nhưng tôi đoán chắc ông không phải là một ông thầy dạy khiêu vũ, đúng không?

- Thế mà người ta bảo tôi Saint-Peterbourg là một thành phố mà tầng lớp ưu việt chắc chắn được hoan nghênh.

- Ồ vâng, vâng, trước kia thì như vậy. Đến mức một anh thợ cắt tóc tôi kiếm được 600 rúp một ngày, trong lúc hiện nay tôi kiếm không đầy 80. Tôi hy vọng ông không là thầy dạy khiêu vũ?

- Không, không, ông bạn đồng hương thân mến – thương hại ông ta cuối cùng tôi trả lời – Ông

có thể lên xe mà không ngại phải ngồi gần một kính địch.

- Thưa ông, tôi sung sướng chấp nhận – ông ta kêu lên và ngồi vào cạnh tôi – Nhờ ông mà tôi còn kịp đến Saint-Peterbourg để đi dạy.

Xe phóng nước đại. Ba giờ sau, lúc trời vừa tối, chúng tôi vào Saint-Peterbourg qua cửa Moscou và theo chỉ dẫn của ông bạn đường rất ân cần sau khi biết chắc chắn tôi không phải thầy dạy khiêu vũ, tôi xuống khách sạn Londres ở quảng trường Amiraute, phía góc con đường thẳng rộng thênh thang Nevski.

Chúng tôi chia tay nhau ở đây, ông ta nhảy lên một chiếc xe trạm khác, còn tôi bước vào khách sạn. Không cần phải nói, dù rất muốn tham viếng thành phố của Pierre đệ nhất, tôi cũng phải gác lại hết hôm sau, tôi thật sự oải cả người không thể đứng vững nổi nữa. Cố lên tới phòng trọ, tôi sung sướng được thấy một chiếc giường êm ấm, là vật dụng tôi hoàn toàn không có từ khi rời Vilna.

Ngày hôm sau, tận trưa tôi mới thức dậy. Việc đầu tiên là tôi chạy đến bên cửa sổ: trước mắt tôi là lâu đài Amiraute với mũi tên vàng, phía trên có một con tàu và vòng cây bao quanh. Bên trái là toà nhà Nghị viện, bên phải là cung điện Mùa Đông và Ermitage, rồi lướt qua những kiến trúc tuyệt đẹp ấy, phóng mắt ra sông Neva, tôi cảm thấy nó rộng như biển cả.

Vừa mặc quần áo vừa ăn sáng, tôi chạy ra bến cảng của Lâu đài, đi ngược lên đến cầu Troiskoï – chiếc cầu người ta bảo dài đến một nghìn tám trăm bước chân. Tại đây tôi đứng chiêm ngưỡng thành phố.

Tôi không biết trên thế giới có cảnh đẹp nào giống như cảnh đang trải rộng trước mắt tôi không. Ngoảnh lưng về khu Viborg, tôi có thể phóng tầm mắt đến tận những hòn đảo Volnoi và vịnh Finlande.

Ngay bên phải tôi, giống một chiếc tàu cắm neo ở đảo Apterkarskoï, sừng sững hiện lên pháo đài đầu tiên của Saint-Peterbourg, mũi tên vàng của nhà thờ Saint Pierre và Saint Paul nơi an táng các hoàng đế Nga, mái nhà màu xanh của lâu đài Monnaies vượt lên trên những bức tường thành vuron cao. Trước mặt pháo đài bên bờ bên kia, bên trái tôi là lâu đài Marbre, mà thiếu sót lớn là hình như kiến trúc sư quên làm mặt tiền, Ermitage là nơi ẩn náu tuyệt đẹp do Catherine II xây dựng, cung điện Mùa Đông có vẻ kỳ lạ về khối lượng hơn là hình thù, về sự lớn lao hơn là kiểu kiến trúc, lâu đài Amiraute với hai góc lầu và những bậc thang bằng đá granit. Amiraute, trung tâm khổng lồ, chỗ ba con đường chính của Saint-Peterbourg đổ vào: con đường thẳng rộng Nevski, đường Des Pois và đường Phục Hưng, cuối cùng xa hơn là bến cảng của người Anh với những khách sạn đẹp, kết thúc là Amiraute mới.

Sau khi nhìn theo dãy dài những công trình uy nghi ấy tôi nhìn lại trước mặt mình: ở mũi đảo Vasilievskoï, người ta dựng lên lâu đài La Bourse, công trình hiện đại mà không hiểu vì sao được dựng lên giữa hai cột sắt nhọn, những bậc thang hình vòng cung chạy xuống tận mặt nước. Phía sau

đó bên bờ sông đối diện bên cảng người Anh là một hàng gồm mười hai trường học: Viện Hàn Lâm khoa học, Học viện nghệ thuật và cuối con đường là Trường Mỏ, ở đầu đường cong của con sông. Phía bên kia hòn đảo mang tên một người trung úy của Pierre Đệ Nhất là Bazil, hoàng đế giao cho người này chỉ huy quân đội còn mình bận việc xây dựng pháo đài, ở trong một ngôi nhà nhỏ của đảo Péterbourg, cánh sông gọi là Tiểu Neva chảy về phía những hòn đảo Volnoi. Ở đây những ngôi nhà nông thôn của những ông chúa giàu có nhất Saint-Peterbourg nằm giữa những khu vườn mát dịu có rào sắt thép vàng trang trí đầy hoa và cây cảnh, dành cho ba tháng hè khí hậu Châu Phi và Ý, còn chín tháng khác họ hưởng thụ khí hậu quê hương trong những nhà kính ấm. Một trong những hòn đảo thuộc hoàn toàn vào hoàng hậu, bà cho xây dựng ở đây một toà lâu đài xinh xắn và cải tạo thành những khu vườn và nơi giải trí.

Nếu quay lưng lại phía pháo đài và đi ngược dòng sông, cảnh vật thay đổi nhưng vẫn lớn lao. Thực thế, ngay ở hai đầu cầu nơi tôi đứng, trên một bờ sông lác nhà thờ Ba Ngôi, bờ bên kia khu vườn Mùa Hè, bên trái tôi là ngôi nhà thờ gỗ Pierre Đệ Nhất ở trong lúc ông cho xây dựng pháo đài Gân ngôi nhà thờ ấy còn có một cây to, trên khoảng cao mười bộ (0.3m) có đóng đỉnh một tượng Đức Bà. Khi người sáng lập Saint-Peterbourg hỏi người dân vào mùa lụt nước sông dâng lên tới đâu, người ta chỉ tượng Đức Bà và ông suýt bỏ công trình đồ sộ của mình. Cây thánh giá và ngôi nhà bắt từ được một kiến trúc hình vòm bao bọc nhằm chống lại thời tiết bất trắc cho ngôi nhà gỗ vốn đơn sơ gồm ba phòng: phòng khách, phòng ăn và phòng ngủ. Pierre Đệ Nhất lo xây dựng cả một thành phố mà không có dành thì giờ xây cho mình một ngôi nhà.

Xa hơn một ít, vẫn ở về phía bên trái và phía bên kia sông Neva lớn là Peterbourg cổ, bệnh viện quân y, viện hàn lâm Y học và cuối cùng là làng Okla và những vùng bao quanh, trước mặt những toà nhà ấy, bên phải trại sĩ quan cận vệ là lâu đài Tauride, mái màu ngọc bích, những trại pháo binh, nhà Từ thiện và tu viện cũ Smolna.

Không thể nói tôi mê mẩn bao lâu trước khung cảnh ấy. Nhìn lại tất cả những lâu đài ấy có lẽ giống một cảnh trang trí nhạc kịch và những chiếc cột nhìn xa như bằng đá hoa cương có lẽ trông gần là gạch, nhưng lướt qua có cái gì đó tuyệt vời vượt lên trên ý tưởng của người xây dựng.

Đồng hồ điểm bốn giờ. Tôi được báo trước bữa ăn sẽ được dọn vào lúc bốn giờ rưỡi, vậy là tôi rất tiếc phải trở lại khách sạn. Lần này tôi đi qua lâu đài Amiraute để được nhìn sát bức tượng khổng lồ của Pierre Đệ Nhất mà tôi đã trông thấy qua cửa sổ.

Vốn bận tâm về những khối kiến trúc lớn, chỉ khi trở lại tôi mới lưu ý đến người dân ở đây vì tính chất rất đặc thù của họ. Ở Saint-Peterbourg chỉ có những nô lệ có râu dài hoặc những ông lớn có huân chương, không có tầng lớp trung gian.

Phải nói thoát nhìn, người moujik (nông dân Nga) không kích thích sự tò mò, đàn ông về mùa đông mặc áo da cừu lộn mặt, mùa hè sơ mi sọc, đáng lẽ phải bỏ trong quần thì phát phới trên đầu gối, đi

dép buộc dây chéo nhau lên đến cẳng chân, tóc cắt ngắn, một bộ râu dài phát triển rậm tự nhiên. Đàn bà mặc áo vải bông bình thường hoặc áo dài gấp nếp lớn dài xuống đến nửa váy, những đôi bốt đồ sộ, trong đó bàn và cẳng chân mất cả hình thù.

Nói đúng ra người ta không gặp dân chúng có nét mặt thanh thản như thế ở một đất nước nào khác trên thế giới.

Ở Paris, trên mười khuôn mặt của tầng lớp cuối cùng trong xã hội, ít nhất cũng năm hoặc sáu thể hiện sự đau đớn, khổ sở và sợ hãi. Saint-Peterbourg không bao giờ có những cái đó. Người nô lệ luôn vững tin về tương lai và hầu như luôn hài lòng về hiện tại, không lo lắng gì về chỗ ở, ăn mặc, lương thực, những việc người chủ phải lo cho họ, trong đời họ không có băn khoăn gì khác ngoài việc tiếp nhận một số roi vọt mà đã từ lâu đôi vai của họ đã quen chịu đựng. Và lại họ quên những đòn roi ấy rất nhanh nhờ vào một loại rượu mạnh được dùng làm nước uống hàng ngày. Thay vì họ nổi nóng như phu người Pháp say rượu vang, lại làm họ kính trọng sâu sắc và khúm núm thêm trước cấp trên, tình cảm thân mật với những người ngang hàng. Cuối cùng tôi thấy họ có tấm lòng độ lượng, khôi hài, đáng cảm động.

Một đặc điểm khác cũng đập vào mắt tôi là giao thông trên đường phố rất thông suốt nhờ có ba con kênh lớn chung quanh thành phố khai thông những rác bẩn, vận chuyển, đưa nguồn thực phẩm và vận chuyển gỗ đi. Không bao giờ có chuyện ùn tắc xe cộ buộc một chiếc xe trên đoạn đường đi bộ chỉ mười phút phải mất ba tiếng như ở Paris. Ngược lại khắp nơi có không gian: đường phố cho các loại xe giao nhau đủ mọi phía với tốc độ cao cho nên không ngớt nghe tiếng "nhanh lên, nhanh lên!" Lề đường cho những người đi bộ không bao giờ bị ùn tắc. Ngoài ra những người đánh xe Nga có sự nhanh nhẹn đặc biệt để dừng ngay chiếc xe đang phóng nước đại.

Tôi còn quên một chi tiết khác của giao thông ở đây đó là người đi bộ phải đi trên hè đường mà hè đường ở đây được lát đá giống như đá dăm ở Lyon. Vì vậy người ta nói Saint-Peterbourg là một người đàn bà đẹp và cao lớn, ăn mặc tuyệt đẹp nhưng lại đi giày dép rất đáng sợ.

Trong số những vật trang trí các hoàng đế Nga để lại, công trình đầu tiên cần nhắc tới chắc chắn là bức tượng Pierre Đệ Nhất. Hoàng đế ngồi trên một con ngựa hung hăng đang chồm lên, hình ảnh tượng trưng của giới quý tộc Nga. Trông ông thật vất vả để chế ngự nó, ông ngồi trên một tấm da gấu tượng trưng cho tình trạng hoang dã khi ông gặp dân chúng. Rồi để hình dung hoàn chỉnh bức họa, khi nghệ sĩ làm xong tượng, người ta kéo nó đến Saint-Peterbourg đặt nó lên một tảng đá nguyên vẹn, biểu tượng những khó khăn mà người khai sáng miền Bắc đã phải vượt qua. Hàng tiếng La tinh và cả tiếng Nga được khắc trên tảng đá:

Pierre Đệ Nhất – Catherine Đệ Nhị - 1782

Tôi đi quanh song sắt nhìn ngắm công trình đến lần thứ ba thì đã bốn giờ rưỡi, nên buộc phải từ giã tác phẩm của người đồng hương, Falconet, nếu không sẽ có nguy cơ không có chỗ ở bàn ăn khách

sạn.

Saint-Peterbourg là thành phố nhỏ lớn nhất tôi từng biết.

Tin tôi đến đây đã được lan truyền nhờ người bạn đồng hành; do ông ta không thể nói gì ngoài việc tôi đi xe trạm và không phải thầy dạy khiêu vũ, khiến nhóm doanh nghiệp Pháp xưng là kiêu dân lo ngại vì ai cũng sợ phải gặp một kẻ cạnh tranh hay một địch thủ.

Vì vậy khi tôi bước vào phòng ăn đã nổi lên những tiếng thì thầm trong các thực khách đáng kính, hầu hết ở trong đoàn kiêu dân, và mỗi người nhìn tôi để qua thái độ đoán xem tôi thuộc tầng lớp nào. Điều ấy thật khó trừ phi phải rất tinh mắt vì tôi chỉ chào họ rồi ngồi vào bàn.

Trong lúc ăn súp, việc giấu tên của tôi còn được tôn trọng. Nhưng sau món thịt bò, sự tò mò được kìm nén lâu chột bung ra từ người ngồi bên tay phải tôi.

- Ông là người nước ngoài đến Saint-Peterbourg phải không? – ông ta hỏi, tay đưa ly cho tôi và nghiêng mình.
- Chắc ông là người đồng hương của tôi? – người ngồi bên trái hỏi, giọng giả vờ thân mật.
- Tôi không rõ, thưa ông, tôi là người Paris.
- Còn tôi ở Tours, khu vườn của nước Pháp, tỉnh ấy, như ông biết, nói tiếng hay nhất. Vì vậy tôi đến Saint-Peterbourg để làm một outchitel.
- Xin lỗi thưa ông – tôi hỏi người bên tay phải – có thể hỏi ông một outchitel là gì không?
- Một người buôn vật – ông này trả lời với vẻ khinh thường.
- Tôi cho là ông không đến đây với cùng một mục đích như tôi – người ở tỉnh Tours vẫn tiếp tục – hoặc nếu không thế tôi có một lời khuyên bạn bè, nên trở về Pháp thật nhanh.
- Vì sao vậy, thưa ông?
- Hội chợ các thầy giáo lần trước tổ chức tại Moscou thật tệ!
- Sao? Hội chợ các thầy giáo à? – tôi sững sốt kêu lên.
- Đúng thế, thưa ông. Ông không biết ông Quận công khốn khổ ấy năm nay mất một nửa về món hàng của mình à?
- Thưa ông – tôi hỏi người bên tay phải – ông cho phép hỏi ông Quận công là ai?
- Một chủ cửa hàng đáng kính thường cho các giáo viên trú ngụ, lấy tiền theo trình độ của họ, và đến những ngày lễ Phục sinh và Giáng sinh những ông lớn có thói quen về thủ đô, ông ta mở cửa hàng và ngoài tiền thuê nhà của ông giáo, ông ta còn có một khoản hoa hồng. Thế nhưng năm nay một phần ba những người thông thái róm của ông ta phải ở lại và người ta trả về một phần sáu những người ông gởi đi các tỉnh, nên ông chủ khổ sở sắp phá sản.
- Đúng thế ư?
- Vậy đấy, thưa ông – người outchitel lại nói – nếu ông tới để làm thầy giáo thì không phải lúc rồi vì những người sinh ra ở tỉnh Tours nghĩa là nơi nói tiếng Pháp tốt nhất cũng khó đứng vững nổi

nơi đây.

- Về phần tôi thì ông có thể yên tâm, tôi làm một loại công việc khác.
- Thưa ông – người ngồi trước mặt tôi nói với giọng Bordeaux – cũng tốt là ông được báo trước, nếu ông kinh doanh rượu vang thì thật là tệ hại vì chỉ còn nước lã để uống mà thôi.
- Sao vậy thưa ông? Chẳng lẽ người Nga chỉ uống bia hoặc đã trông nho ở vùng Kamtchatka?
- Ồ, nếu chỉ có thế thì nói làm gì. Những ông lớn Nga luôn luôn mua mà không bao giờ trả tiền.
- Xin cảm ơn về thông báo ấy nhưng tôi tin chắc người ta không làm tôi phá sản được. Tôi không kinh doanh rượu vang.
- Trong mọi trường hợp, thưa ông – một người mặc áo dài có đuôi, có trang trí ở cổ áo, quàng lông thú, mặc dù giữa mùa hè, giọng đặc vùng Lyon nói ngay với tôi – trong mọi trường hợp tôi khuyên ông, nếu buôn đệm và lông thú thì trước hết hãy dùng cho mình cái tốt nhất, xem ra ông không có vẻ lực lưỡng và ở đây phổi yếu thì đi nhanh lắm. Chúng tôi đã chôn cất mười lăm người Pháp vào mùa đông trước. Ông được cảnh báo rồi đấy.
- Tôi sẽ đề phòng thưa ông. Tôi dự tính nhờ ông cung cấp và hy vọng ông đối xử tốt với người đồng hương.
- Rất sẵn lòng thưa ông. Tôi ở Lyon, thủ đô thứ hai của nước Pháp, và ông biết những người Lyon như chúng tôi nổi tiếng là có lương tâm. Và nếu ông không phải là người buôn đệm và lông thú, thì...
- Này, các ông không thấy rằng ông bạn đồng hương không muốn nói mình làm nghề gì sao? – giọng rít lên đầu lưỡi của một người có mái tóc uốn bằng sắt toả ra mùi khó chịu của kem hoa nhài, đang cố cắt phần cánh gà đã mười lăm phút mà chưa được – các ông không thấy – ông ta lập lại và nhấn mạnh từng chữ - các ông không thấy là ông ta không muốn nói mình là ai ư ?
- Nếu tôi có diễm phúc có những cung cách như anh – tôi trả lời – thì không cần hỏi mọi người cũng biết tôi là ai, đúng không?
- Nói thế có nghĩa là gì, thưa ông? – chàng trai có mái tóc uốn quăn kêu lên – có nghĩa là gì?
- Có nghĩa là chỉ nhìn cũng biết anh là thợ cắt tóc.
- Ông có ý định chửi rửa tôi chẳng?
- Có vẻ như khi người ta nói anh là ai thì có nghĩa là người ta chửi rửa anh sao?
- Thưa ông – chàng trai cao giọng nói và rút trong túi ra một tấm danh thiếp – đây là địa chỉ của tôi.
- Này, anh cắt thịt gà đi.
- Có nghĩa là ông từ chối giải thích cho tôi?
- Ông muốn biết tâm trạng của tôi ư? Thưa ông, tôi không đánh nhau được.
- Vậy ông là một kẻ hèn nhát à?

- Không, thưa ông, tôi là người thầy dạy đánh kiếm.

- A! – chàng trai tóc quăn thốt lên và ngồi xuống.

Một lúc im lặng, trong lúc đó người đối thoại với tôi cố cắt cánh con gà, vẫn không được nên chuyển cho người ngồi bên cạnh.

- A! Ông là thầy dạy đánh kiếm – sau mấy giây ông bạn người Bordeaux lên tiếng – hay đây thưa ông. Lúc trẻ tôi cũng có chơi nhưng không có năng khiếu gì cho lắm.

- Đây là một ngành kinh doanh hiện nay đang kém phát triển ở đây. Nhưng nếu ai học chắc sẽ tiến bộ nhanh, nhất là được một người như ông đây dạy.

- Vâng, chắc chắn thế - người thợ dệt ở Lyon nói – nhưng tôi khuyên ông khi dạy nên mặc áo gi lê bằng flanen, và khi thi đấu nên có một chiếc áo choàng lông thú.

- Theo tôi, ông đồng hương kính mến – chàng thanh niên tóc quăn đã lấy lại được tự tin vừa nói vừa ăn miếng thịt gà người bên cạnh cắt cho – Ông nói từ Paris tới?

- Vâng.

- Tôi cũng thế. Tôi nghĩ ông làm một việc đầu cơ tuyệt vời đấy. Vì tôi xem ra ở đây chỉ có loại sĩ quan quân cảnh trong quân hạt, một kẻ bình thường được phong làm thầy dạy đánh kiếm của đội bảo vệ qua những trận đánh nhau như trên sân khấu. Ông xem, trên một con đường rộng, ông ta đang dạy học trò bốn thế đánh. Tôi mời ông ta tới đấu với tôi nhưng qua những đường kiếm đầu tiên tôi nhận ra ngay tôi là thầy còn ông ta là học trò. Tôi bèn đuổi ông ta đi như một kẻ hèn nhát, trả tiền thù lao bằng nửa tiền một lượt cắt tóc thế mà kẻ khốn khổ ấy còn có vẻ rất hài lòng.

- Thưa ông – tôi nói – tôi biết người ông đang nói. Là người nước ngoài và là người Pháp, đáng lẽ ông không được nói những lời ông vừa nói; vì, là người nước ngoài ông phải tôn trọng sự lựa chọn của Hoàng đế, và là người Pháp ông không nên phi báng một đồng hương. Đây là một bài học đến lượt tôi tặng ông và không bắt ông trả thậm chí một nửa tiền thù lao, ông thấy tôi độ lượng đấy chứ? Nói rồi tôi đứng ra khỏi bàn bỏ đi vì đã chán ngấy lũ người Pháp ấy. Một chàng trai, suốt bữa ăn không nói gì, cũng đứng dậy đi ra ngoài cùng lúc với tôi.

- Hình như, thưa ông – anh ta vừa cười vừa nói – ông không phải tụ họp để đánh giá những người đồng hương thân mến của chúng ta.

- Hiển nhiên không, và tôi phải thú nhận việc tôi có những nhận xét không có lợi cho họ.

- Như vậy đấy! – anh nhún vai nói – thế mà ở Saint-Peterbourg người ta đánh giá chúng ta theo sự quảng cáo. Những nước khác đưa ra ngoài những gì tốt nhất, chúng ta đưa đi nhìn chung là những kẻ tệ hại, tuy vậy khắp nơi dù sao một số ít người như ông và tôi cũng giúp làm cân bằng lại ảnh hưởng của họ. Rất vinh dự cho nước Pháp nhưng rất buồn cho người Pháp.

- Ông cũng ở Saint-Peterbourg à? – tôi hỏi.

- Đã một năm nay rồi, nhưng tối nay tôi đi.

- Thế sao?
- Tôi đã gọi xe. Rất vinh dự được biết ông.
- Không dám.

Tôi bước lên cầu thang, chàng trai đi ra cửa. Không may, tình cờ tôi gặp một người đứng đắn nhưng anh ta lại ra đi vào ngày tôi vừa đến.

Trong phòng, người phục vụ đang chuẩn bị giường cho tôi nằm nghỉ. Ở Saint-Peterbourg cũng như ở Madrid, thường người ta ngủ sau bữa ăn, có hai tháng ở Nga nóng hơn ở Tây Ban Nha.

Giấc ngủ rất thích hợp với tôi, còn mệt mỏi vì hai ngày đi xe và muốn nhanh được thưởng thức một trong những đêm đẹp trời trên sông Neva mà người ta ca tụng. Tôi hỏi người hầu phòng làm thế nào kiếm được một chiếc thuyền độc mộc. Anh ta trả lời rằng rất dễ, chỉ cần đặt trước khoảng mười rúp anh ta sẽ lo việc ấy. Tôi đã đổi một số tiền giấy, đưa cho anh ta một tờ bạc đỏ và dặn anh đánh thức tôi dậy lúc chín giờ.

Tờ giấy bạc phát huy tác dụng: chín giờ anh hầu phòng gõ cửa phòng tôi còn người chèo thuyền đang chờ ở dưới.

Ban ngày chìm trong bóng hoàng hôn êm dịu. Cái nóng ngọt ngào ban ngày chuyển thành làn gió nhẹ thổi qua các đảo mang theo mùi vị thoang thoảng, dịu ngọt của hoa hồng. Toàn thành phố dường như bị bỏ rơi và vắng lặng suốt ngày trở nên đông đúc và chen chúc nhau trong cuộc dạo chơi trên mặt nước, cả lớp quý tộc dồn đến từ các nhánh sông Neva. Tất cả thuyền độc mộc đến sắp đầy chung quanh một chiếc thuyền rộng neo trước mặt thành trì và chở hơn sáu chục nhạc công. Một gia điệu tuyệt vời mà tôi chưa từng nghe, từ mặt sông nguy nga vút lên tận bầu trời. Tôi bảo hai người chèo thuyền đưa tôi lại sát chiếc đàn không lò và sóng động ấy, mỗi nhạc công ôm một chiếc kèn. Tôi nhận ra bản nhạc đồng người ta đã từng kể với tôi, mỗi thành viên chỉ thổi một nốt, kéo dài trong thời gian que nhạc trưởng quay về phía anh ta. Đàn nhạc này đối với tôi như một phép lạ, tôi chưa bao giờ hình dung người ta có thể chơi kèn như chơi dương cầm và tôi không biết nên thán phục người nhạc trưởng kiên trì hay người nhạc công hơn. Sau này khi đã làm quen hơn với dân tộc Nga và đã thấy năng khiếu kỳ lạ của họ về mọi nghệ thuật máy móc, tôi không còn ngạc nhiên về những hoà tấu kèn nữa. Nhưng lúc này, tôi thực sự bị ngây ngất trước âm thanh của bản nhạc, phần đầu bản hoà tấu kết thúc mà tôi vẫn đắm chìm trong tiếng nhạc.

Hoà tấu kéo dài trong đêm. Đến hai giờ sáng tôi còn đứng nghe và xem trong khi mọi người đi từ chỗ này đến chỗ khác. Hình như bản hoà tấu chơi riêng cho tôi và những âm thanh tuyệt diệu như thế không thể đêm nào cũng lặp lại. Tôi thoải mái quan sát những dụng cụ các nhạc công chơi. Những chiếc kèn giống chiếc ống chỉ cong ở đầu, mở rộng vành chỗ tiếng thoát ra.

Tôi trở về lúc trời vừa sáng, rất thích thú với đêm vừa trải qua dưới bầu trời lồng lộng, giữa âm điệu hoà tấu phương Bắc ấy, trên con sông rộng giống như một cái hồ và trong đến mức phản chiếu như

gương tất cả những ngôi sao của bầu trời và mọi ánh sáng của mặt đất. Tôi thú nhận rằng trong lúc này Saint-Peterbourg hình như vượt lên trên tất cả những gì người ta đã nói với tôi về thành phố này và tôi cho rằng nếu không phải thiên đường thì ít nhất đây cũng là cái gì đấy gần như thế.

Tôi không ngủ được khi mà điệu nhạc ấy văng vẳng đuổi theo tôi. Vì vậy, hơn ba giờ sáng mới đi nằm, sáu giờ tôi đã dậy, sắp xếp lại một số thư giới thiệu, dự tính chỉ đưa ra sau khi tiếp xúc, để không phải tự mình làm quảng cáo. Tôi chỉ mang theo thư một người bạn nhờ đưa đến tận tay. Đây là thư mà người tình của anh, một cô gái bình thường ở khu La Tinh gợi cho bà chị buôn bán quần áo nhưng không phải lỗi ở tôi nếu sự kiện này dính líu vào một tầng lớp và làn sóng cách mạng đưa dân chúng đối mặt với Hoàng gia.

Bức thư đề:

Gởi cô Louise Dupuy, ở nhà bà Xavier, buôn bán quần áo thời trang, đại lộ Nevski gần nhà thờ Arménie đối diện chợ.

Toàn bức thư viết theo lối chữ và chính tả kiểu như thế.

Tôi vui về tự mình đưa bức thư. Cách nước Pháp tám trăm dặm sẽ thú vị nếu gặp được một nữ đồng hương trẻ đẹp và tôi biết Louise trẻ và đẹp. Và lại cô biết rõ Saint-Peterbourg vì đã ở đây bốn năm, cô sẽ hướng dẫn tôi cách cư xử cho phù hợp hoàn cảnh.

Tuy vậy đến nhà cô lúc bảy giờ sáng là không tiện, tôi quyết định đi một vòng trong thành phố và trở lại đại lộ Nevski lúc năm giờ.

Tôi gọi người phục vụ, lần này tôi cần một người hướng dẫn chỗ ở. Những người này vừa là đây tở vừa là hướng dẫn viên tham quan, đánh giày và chỉ các lâu đài. Tôi gọi anh ta, chủ yếu về chức năng thứ nhất còn về chức năng thứ hai, tôi đã nghiên cứu kỹ Saint-Peterbourg nên cũng biết về thành phố như anh ta.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 3

Tôi không phải băn khoăn lo lắng về xe cộ. Vừa ra đến đường phố đã thấy mỗi ngã tư có những trạm xe các loại. Đi qua quảng trường Amiraute để tới hàng cộg Alexandre, vừa ký hiệu gọi đầu tiên, nhiều người đánh xe đã chạy tới vây quanh đề nghị, giá rất vừa phải. Không có giá cước cụ thể, tôi muốn xem họ giảm giá đến mức nào, cuối cùng một người hạ giá xuống đến năm rúp. Đồng ý năm

rúp, tôi thoả thuận với người đánh xe là đi suốt ngày và tôi chỉ cho anh ta đến ngay lâu đài Tauride. Những người đánh xe ở thành phố này nói chung là những nông nô, vừa một khoản tiền nộp, họ được phép chủ cho đến Saint-Peterburg làm giàu. Dụng cụ kiếm tiền là một loại xe kéo bốn bánh, bên trong xe chiếc ghế dài thay vì để ngang lại để dọc nên hành khách ngồi như trẻ con đi xe đạp trên đường phố Champ-Élysées. Chiếc xe do một con ngựa kéo, cũng không kém hoang dã như chủ, vừa rời bỏ những đồng cỏ nơi sinh ra và chạy ngược xuôi trên đường phố Saint-Peterbourg. Người đánh xe thể hiện đôi với con ngựa một tình cảm rất bố con và thay vì đánh đập như những người đánh xe Pháp, anh nói với ngựa còn thân mến hơn người chăn la Tây Ban Nha nói với con la quý của mình. Đây là ông bố, ông bác, con bò câu nhỏ, sáng tạo ra những bài hát và lời hứa hẹn với ngựa một cuộc sống khác đời lấy những nặng nhọc hiện nay, với những niềm hạnh phúc mà người khó tính nhất cũng sẽ hài lòng. Vì thế con vật khốn khổ, cảm nhận được sự vuốt ve hoặc tin tưởng vào lời hứa, không ngừng đi nước kiệu và hầu như không bao giờ được cỡi yên cương, chỉ dừng lại ăn trong những máng cỏ đặt khắp các đường. Đây là về chiếc xe và con ngựa.

Còn người đánh xe, anh có một nét giống những người hải hươc xứ Naples, anh ta không cần biết ngôn ngữ của khách, chỉ nhờ vào sự thông minh tinh tế, anh có thể nắm bắt được ý nghĩ của người đối thoại. Anh ta ngồi trên một chiếc ghế giữa chiếc xe và con ngựa, biển số treo ở cổ thòng xuống hai vai để hành khách không bằng lòng về người đánh xe có thể nắm lấy đưa đến cảnh sát khiếu nại và trong trường hợp này người đánh xe hầu như luôn luôn bị phạt, nhưng hiếm khi xảy ra việc ấy.

Dân tộc Nga có bản chất tốt và không có thủ đô nào tôi biết lại giống như ở Saint-Peterbourg, hiếm có những vụ giết người vì đại dột hoặc thù hận. Còn hơn thế, tuy rất muốn trộm cắp nhưng người nông dân Nga ghê tởm hành vi phá rào và người ta có thể giao cho một người gác cửa hoặc đánh xe chuyển một bức thư niêm phong đầy tiền giấy mà không sợ thất thoát dù anh ta biết trong đó có cái gì, còn nếu để trong tầm tay người ấy vài đồng tiền nhỏ nhất cũng sẽ là sự thiếu khôn ngoan.

Tôi không rõ người đánh xe c tôi có hay ăn cắp không nhưng chắc chắn anh rất sợ bị đánh cắp. Khi đến cửa lâu đài Tauride, anh cho tôi biết lâu đài có hai lối ra vào và rất mong tôi đưa cho anh một phần trả dần trong số năm rúp tương đương giá tiền đoạn đường vừa đi. Nếu là ở Paris, tôi đã nghiêm khắc trả lời với kẻ đòi tiền hõn láo, còn ở Saint-Peterbourg tôi chỉ cười vì chuyện quýt xe thường xảy ra. Thật vậy, hai tháng trước đây Hoàng đế Alexandre đi bộ dạo chơi theo thói quen, gặp trời sắp mưa gọi một chiếc xe ngựa đưa về hoàng cung. Đến đây ông tìm trong túi không có tiền, bèn xuống xe và nói với người đánh xe:

- Anh chờ đây, ta sẽ cho người đem tiền ra trả.
- À! Vâng, không biết tôi có nên đợi không.
- Sao vậy? – Hoàng đế ngạc nhiên hỏi.
- Ồ, tôi biết rõ điều mình nói, biết bao nhiêu người tôi chờ đến trước một ngôi nhà hai lối ra vào

xuống xe không trả tiền, bao nhiêu người chịu tiền tôi rồi không trả.

- Thế nào, ngay cả trước cung điện Nhà vua ư?
- Ở đây thường như thế hơn những chỗ khác. Những ông lớn thường ít nhớ.
- Anh phải thưa kiện để người ta bắt kẻ quỵ tiền chứ - Alexandre nói vì câu chuyện làm ông thích thú.
- Bắt một nhà quý tộc! Ngài rất biết là không thể được. Nếu ai đó trong chúng tôi – người đánh xe trả lời – có thưa kiện thì rất dễ bị người ta bỏ tù. Vì vậy xin Ngài tìm kỹ trong túi, tôi chắc Ngài sẽ tìm được tiền trả cho tôi.
- Đây – Nhà vua nói – ta có chiếc áo khoác đáng giá với chuyến đi, đúng không? Anh giữ lấy rồi đưa lại cho người đem tiền ra cho anh.
- Thế thì được! – người đánh xe nói – Ông rất biết điều.

Một lúc sau anh ta nhận tờ giấy một trăm rúp đổi lại chiếc áo. Hoàng đế trả tiền xe vừa cho mình vừa cho những người đến hoàng cung.

Do không thể tùy hứng thoải mái như thế, tôi chỉ đưa cho người đánh xe năm rúp giá đưa đón khách trong ngày, để chúng tỏ cho anh thấy tôi tin tưởng ở anh ta. Đúng là tôi đã biết số xe của anh và anh không biết tên tôi.

Lâu đài Tauride, vừa những đồ gỗ tuyệt đẹp, những bức tượng hoa cương và hồ cá vàng, là món quà của cận thần Potemkine tặng nữ hoàng hùng mạnh Catherine II của ông để kỷ niệm việc chinh phục đất nước. Điều đáng ngạc nhiên không phải ở vẻ huy hoàng của quà tặng mà là ở sự sùng bái ẩn sau nó. Một kỳ quan được xây dựng ở thủ đô mình mà Catherine không hề biết, cho đến một buổi tối, vị bộ trưởng mời nữ hoàng dự bữa tiệc đêm do ông tổ chức. Khi đến bà mới phát hiện thấy một toà lâu đài lộng lẫy trang trí hoa tươi đẹp như trong cõi tiên.

Chính vì vậy Potemkine là mẫu người của những ông hoàng hãnh tiến cũng như Catherine II là mẫu người của các bà hoàng ngẫu hứng, một là hạ sĩ quan bình thường, người kia là công chúa nước Đức, tuy vậy trong số tất cả những ông hoàng và nhà vua kế vị thời kỳ ấy, người ta thấy hai người này là những người được hơn cả.

Một sự tình cờ lạ lùng hơn là một tính toán Trời định đã tập hợp họ lại với nhau.

Catherine mới ba mươi ba tuổi, đẹp, được yêu thương vì lòng từ thiện và được kính trọng vì sùng đạo, bỗng được tin Pierre III muốn đuổi bà đi để cưới nữ bá tước De Vorontsoff và để có lý do ruồng bỏ bà, Pierre dự tính tuyên bố việc bà sinh ra Paul Petrovich là bất hợp pháp. Bà hiểu ngay mình không được chậm trễ. Mười một giờ đêm hôm đó rời lâu đài Peterhoff, lên chiếc xe hai bánh của một người nông dân, người này không biết mình đang chở vợ của Hoàng đế Nga tương lai. Bà đến Saint-Peterbourg khi trời vừa sáng, tập hợp những người bạn tin cậy dẫn đầu họ đến trước các trung đoàn đồn trú ở đây. Đứng trước hàng quân, Catherine kêu gọi họ, gọi lên sự kính trọng của những người

đàn ông, lòng trung thành của những người lính, rồi tranh thủ cảm xúc do bài diễn văn gây nên, bà rút ra một thanh kiếm ném bao đi, hỏi xin một giây đeo để buộc kiếm vào cánh tay. Một hạ sĩ trẻ mười tám tuổi bước ra khỏi hàng, lại gần đưa dây đeo của mình cho bà. Catherine với nụ cười dịu dàng đón nhận lấy. Chàng sĩ quan định trở về hàng ngũ nhưng con ngựa chàng cưỡi vốn quen đi trong hàng kỵ binh, nhảy chồm lên, ngang bướng ở lại bên cạnh con ngựa của Hoàng hậu. Bà nhìn người kỵ sĩ đẹp trai sát cạnh bà, bà cố gắng tách ra xa chàng trai nhưng không có hiệu quả. Một điều gì đó mơ hồ chỉ rõ cho bà đây sẽ là người bảo vệ bà. Bà phong ngay chàng trai là sĩ quan và tám ngày sau, khi Pierre III bị lật đổ dành nhường vương miện lại cho bà. Khi đã thực thụ là nữ hoàng, bà gọi Potemkine tới, phong cho làm nhà quý tộc trong cung điện.

Từ ngày đó vận mệnh của người cận thần đã sang trang mới. Những kẻ muốn cạnh tranh với chàng đều thất bại. Một kẻ tên là Zoritch được Potemkine bảo trợ, đưa vào bên cạnh Catherine, lợi dụng khi chàng đi vắng, đã vu khống để làm hại chàng. Potemkine nghe tin báo, vội quay về căn nhà cũ của mình trong hoàng cung. Khi được biết mình đã hoàn toàn bị thất sủng và sẽ bị đi đày, chàng mặc nguyên quần áo đi đường, vào gặp ngay Nữ hoàng. Ở cửa phòng một trung úy trẻ đứng gác ngăn chàng lại. Potemkine ôm sườn anh ta, nâng lên quăng sang một bên, rồi vào phòng Nữ hoàng và chỉ mười lăm phút sau đi ra, trên tay cầm một tờ giấy.

- Cầm lấy – chàng nói với viên trung úy trẻ - đây là một chứng chỉ thăng đại úy tôi vừa xin được ở Nhà vua cho anh.

Ngày hôm sau, Zoritch bị đày đến thành phố Chklov theo chỉ thị của Nữ hoàng.

Về phần mình, chàng Potemkine lần lượt mơ về lãnh thổ của công tước Courlande và ngôi vua Ba Lan, rồi lại chẳng thiết gì những cái đó, chàng tự hài lòng với việc tổ chức các lễ hội cho các ông vua và tặng những lâu đài cho các nữ hoàng. Chàng nghĩ vương miện liệu có làm cho chàng mạnh và xa hoa hơn những gì chàng đang có không? Triều thần chẳng đã tôn sùng chàng như một hoàng đế rồi sao? Tay trái chàng chẳng đã đầy kim cương, còn tay phải để trần nắm chắc thanh gươm đó sao? Phải chăng chàng đã có những chuyến xe đi thu thập cá ở sông Volga, dưa hấu ở Astrakhan, nho Crimée, hoa ở những nơi có hoa đẹp và trong những ngày đầu năm, ngoài quà tặng, chàng đã biếu nữ hoàng của mình một đĩa anh đào đáng giá mười nghìn rúp?

Khi là thiên thần, khi ma quỷ, chàng liên tục xây dựng hoặc phá huỷ tất cả, làm đảo lộn tất cả nhưng làm tất cả dồi dào sinh lực. Ông hoàng Ligne nói đúng khi bảo rằng ở chàng có một tính lớn lao lãng mạn và sự hoang dã.

Cái chết của chàng cũng kết thúc kỳ lạ như sự đời của chàng. Chàng vừa trải qua một năm ở Saint-Peterbourg giữa những tiệc tùng và hoan lạc, nghĩ đã làm đủ cho vinh quang của mình và của Catherine khi đẩy lùi biên giới nước Nga vượt quá Caucase thì bỗng được tin ông già Reptnine trong lúc chàng vắng mặt đi đánh quân Thổ Nhĩ Kỳ buộc chúng phải đề nghị hoà bình, chỉ trong hai tháng

ông đã làm được hơn chàng trong ba năm.

Thế là không còn nghi ngại được nữa, dù đang bị bệnh nhưng mặc kệ chàng phải đi. Còn bệnh tật, chàng sẽ đấu tranh và tiêu diệt nó. Chàng đến Jassy đi Otchakov, vùng chàng đã chinh phục được. Đi được vài nghìn mét, chàng cảm thấy không khí trong xe ngột ngạt, chàng sai người trải áo khoác trên mặt đất, chàng xuống xe nằm lên trên đó và rồi tắt thở ngay bên vệ đường.

Catherine tưởng chết đi vì cái chết của chàng. Bà ngất đến ba lần, khóc rất nhiều và luôn luôn nhắc tên chàng.

Lâu đài Tauride vào lúc tôi đến thăm, là chỗ ở của Đại Quận công Michel, trước kia là nơi tạm trú của Hoàng hậu Louise, người đàn bà cưới ngựa hiện đại có hy vọng có lúc thắng được đối thủ của mình; vì Napoléon khi gặp bà lần đầu tiên có nói "Thưa bà, tôi biết rõ là là người đẹp nhất trong các hoàng hậu nhưng không biết bà là người đẹp nhất trong những người đàn bà". Những lời tán tỉnh của người anh hùng xứ Corse không kéo dài bao lâu. Một hôm Hoàng hậu Louise cầm chơi một bông hồng.

- Đưa cho tôi bông hồng ấy – Napoléon bảo.
- Ngài cho tôi thành phố Magdebourg – Hoàng hậu trả lời.
- Ô! Không! – Hoàng đế kêu lên – Như vậy thì quá đắt!

Hoàng hậu bực bội vứt bông hồng đi nhưng bà không có được Magdebourg.

Rời lâu đài Tauride, tôi tiếp tục cuộc du ngoạn. Đi qua cầu Troiskoï để tham quan căn lều của Pierre Đệ Nhất, một thứ đồ trang sức thô thiển của hoàng gia hôm trước tôi chỉ mới thấy cái vỏ bên ngoài.

Lòng tin ngưỡng của quốc gia này đã khiến người ta cho giữ công trình nguyên như cũ: phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ như đang chờ nhà vua trở về. Trong sân là chiếc thuyền nhỏ do người thợ mộc Saardam làm. Hoàng đế đã dùng chiếc thuyền ấy đi trên sông Neva đến những điểm cần có mặt ở thành phố đã sinh ra ông.

Gần chỗ ấy là nơi an nghỉ của ông. Thi hài ông cũng như những người kế vị, yên nghỉ trong nhà thờ Saint-Pierre và Saint-Paul giữa trung tâm pháo đài. Ngôi nhà thờ này có mũi tên vàng gọi lên cảm giác không tương xứng và kém thẩm mỹ. Giá trị duy nhất của nó là chỗ kho tàng mồ mã trong đó. Mộ Hoàng đế Nga ở gần cửa ra vào cánh phải, trên vòm trần nhà treo hơn bảy trăm lá cờ lấy của người Thổ, Thụy Điển và Persans.

Tôi đi qua cầu Tioutchkoff trên đảo Vasileivskoi. Những cảnh vật gây sự chú ý trong khu này là sở Giao dịch (chứng khoán) và các Viện hàn lâm. Tôi chỉ lướt qua những công trình này. Tôi vượt cầu Isaac và đường Phục hưng, thấy kênh Fontalka, đi dọc theo bến cảng đến tận nhà thờ Thiên chúa giáo. Tôi dừng lại ở đây để thăm viếng ngôi mộ của Moreau. Mộ chỉ là một tấm đá đơn giản đặt trước mặt bàn thờ ở giữa chánh điện.

Trong các nhà thờ tôi đi thăm thì nhà thờ Kazan là Nhà thờ Đức Bà ở Saint-Peterbourg, bước vào

nhà thờ phải qua hàng cột kép xây dựng theo mẫu nhà thờ Saint-Pierre ở Rome. Ở đây ngược lại với thói quen của người Nga, việc quảng cáo không thể hiện bằng hiện vật. Bên ngoài nhà thờ bằng thạch cao và gạch, bên trong trang trí bằng đồng thau, hoa cương, đá granit, những cánh cửa rắn chắc tạc bằng bạc khối, nền bằng đá thạch anh, tường dát đá hoa cương.

Trong một ngày tôi đã xem khá nhiều công trình. Tôi cho xe đưa đến nhà bà Xavier nổi tiếng để chuyển bức thư cho người đẹp đồng hương. Cô không ở nhà này đã sáu tháng nay và bà chủ cũ của cô cho biết với giọng rất thờ ơ là cô ta ở riêng khoảng giữa con kênh Moika và cửa hàng Orgelot. Địa chỉ này cũng dễ tìm vì Orgelot là cửa hàng có tiếng ở đây.

Mười phút sau tôi đứng trước ngôi nhà được chỉ dẫn. Xác định đây đúng là nhà người đồng hương, tôi để người đánh xe ra về và vào hỏi cô Louise Dupuy.

Một cô gái hỏi tôi đến hỏi hàng hay hỏi việc riêng, tôi trả lời vì việc riêng.

Cô đứng dậy ngay và dẫn tôi về nhà bà chủ.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 4

Tôi được đưa vào một căn phòng nhỏ giăng đầy vải Á đông và tôi thấy người đồng hương của tôi nửa nằm nửa ngồi đang đọc một cuốn tiểu thuyết. Thấy tôi cô đứng dậy và nghe tiếng nói đầu tiên của tôi, cô thốt lên:

- A! Ông là người Pháp!

Tôi xin lỗi vì đã đến vào giờ nghỉ ngơi nhưng tôi giải thích vì tôi vừa đến vào hôm qua và chưa biết một vài thói quen ở đây rồi tôi đưa bức thư ra.

- Của em gái tôi đây! – cô kêu lên – Chà Rose tốt bụng! Rất vui được nhận tin của em. Ông biết cô ấy chứ? Cô ấy vẫn luôn luôn vui vẻ trẻ đẹp chứ à?

- Đẹp, tôi chỉ có thể trả lời. Vui vẻ; tôi hy vọng thế. Tôi chỉ gặp cô ấy có một lần, bức do một người bạn giao cho.

- Ông Auguste, đúng không?

- Ông Auguste.

- Cô em gái khôn khéo, vào giờ này chắc hài lòng lắm đây. Tôi vừa gửi cho cô ấy những món vải rất đẹp và vài thứ đồ khác. Tôi viết thư bảo cô ấy đến đây với tôi, nhưng...

- Nhưng sao?

- Nhưng phải từ bỏ ông Auguste nên cô ấy từ chối. Xin mời ông ngồi.

Tôi định kéo một chiếc ghế nhưng cô ra hiệu cho tôi lại ngồi gần bên cô. Tôi nghe theo không chút ngại ngần. Cô bắt đầu đọc bức thư tôi đưa tới và tôi có thì giờ nhìn ngắm cô.

Phụ nữ có khả năng biến đổi mình tuyệt vời, nếu có thể nói thế. Dưới mắt tôi trước đây là một cô gái tầm thường trên đường phố Harpe; cách đây bốn năm cô gái chắc còn đi nhảy tất cả các ngày Chủ nhật ở Prado và La Chaumiere. Thế mà chỉ cần chuyển người đàn bà ấy đến vùng đất khác và thế là cô trở nên sang trọng, lịch sự. Tôi không còn thấy ở cô điều gì gợi lại sự thô thiển lúc sinh thành và sự giáo dục không đầy đủ. Việc thay đổi lớn đến nỗi khi nhìn người đẹp với mái tóc dài, chiếc áo khoác vải mút xơ lin trắng đơn giản, đôi giày vải Thổ, tư thế nửa ngồi nửa nằm như người thợ đã sắp xếp để chụp ảnh, tôi đã nghĩ mình đang ở một phòng khách riêng của một quý bà lịch sự ở ngoại ô Saint Germain, tuy chỉ là căn nhà sau của một cửa hàng.

- Này, ông làm gì vậy? – Louise đã đọc xong bức thư và bắt đầu lúng túng dưới cái nhìn của tôi bèn hỏi.

- Tôi ngắm cô và nghĩ đến Rose nếu cô ấy đến đây thay vì ở lại trung thành với ông Auguste. Nếu có một quyền lực ma thuật nào đó đột nhiên mang cô tới giữa căn phòng êm dịu này, nếu cô ấy đối mặt với cô như tôi lúc này, cô ấy sẽ quỳ xuống, nghĩ rằng mình đã trông thấy một hoàng hậu.

- Lời ca ngợi hơi quá – Louise mỉm cười nói với tôi nhưng cũng có cái gì đó thật, cô thở dài nói tiếp – Vâng, ông nói đúng, tôi đã thay đổi nhiều quá.

- Thừa bà – một cô gái bước vào nói – bà Gossudarina muốn có một chiếc mũ giống chiếc hôm qua bà bán cho Nữ Hoàng Dolgorouki.

- Có phải chính bà ấy đến không? – Louise hỏi.

- Vâng, chính bà ấy.

- Đưa bà ấy vào phòng khách, tôi sẽ ra ngay.

Cô gái đi ra.

- Đây là điều nhắc nhở với Rose – Louise tiếp tục – tôi chỉ là một người buôn bán thời trang khốn khổ. Nhưng nếu ông muốn thấy một sự thay đổi lớn hơn của tôi, ông hãy nâng tấm vải ngăn và nhìn qua cửa kính.

Nói rồi cô sang phòng khách, để tôi lại một mình. Tôi lợi dụng sự cho phép ấy, nâng tấm vải lên và dán mắt vào một góc cửa kính.

Người phụ nữ tên là Gossudarina là một người đàn bà trẻ khoảng hai mươi hai, hai mươi ba tuổi, có những nét châu Á cổ kính, tay và tai đeo đầy trang sức kim cương. Nàng tựa người vào một nữ nô lệ trẻ để đi vào, trông như quá mệt mỗi khi bước, dù đi trên tấm thảm mềm của phòng khách. Họ dừng lại trước chiếc ghế đi vắng gần cửa ra vào nhất, cô nô lệ dùng chiếc quạt lông phe phẩy cho chủ.

Vừa trông thấy Louise, nàng uể oải ra hiệu cho cô lại gần và nói bằng tiếng Pháp khá tồi. Nàng đề

nghe cô cho xem những chiếc mũ lịch sự nhất và đắt nhất. Louise vội vã mang lại ngay những gì tốt nhất. Gossudarina thử hết chiếc mũ này đến chiếc kia, soi vào chiếc gương do cô nô lệ quỳ trước mặt nâng lên, nhưng không chiếc nào vừa ý vì không có chiếc nào chính xác giống chiếc mũ của Nữ hoàng Dolgorouki. Vì vậy nàng đề nghị phải làm cho nàng một chiếc theo mẫu ấy. Không may là người đàn bà trẻ đẹp muốn có chiếc mũ ngay trong ngày và bản khoản về hy vọng ấy. Vì vậy dù người bán hàng nói thế nào, nàng vẫn đòi hỏi muộn nhất sáng hôm sau phải đưa mũ tới. Sau khi tin chắc về lời bảo đảm của Louise, Gossudarina đứng dậy, chậm chạp bước ra, vẫn dựa vào cô lệ và dặn Louise phải giữ lời nếu không muốn làm nàng chết vì buồn. Louise tiễn nàng ra cửa và trở lại ngay để tìm tôi.

- Thế nào? – cô vừa nói vừa cười – Ông thấy người đàn bà ấy ra sao?
- Tôi cho rằng bà ta rất đẹp.
- Tôi không hỏi ông điều ấy, tôi hỏi ông nghĩ gì về tầng lớp và tính chất của bà ta.
- Nếu tôi gặp ở Paris, với những thái độ cường điệu, cách giả làm ra vẻ bà lớn, tôi sẽ cho đấy là một vũ nữ nào đấy được một đức ông đưa ra từ nhà hát và bảo trợ cho.
- Như vậy, đối với một người khởi sự thì không tồi, ông đã tiến tới gần sự thật. Người đàn bà ấy mới đây còn là một nữ nô lệ giòng giống xứ Georgie, được vị bộ trưởng thân tín của Hoàng đế, ông Naravitchev bao làm tình nhân. Việc thay đổi vị trí ấy đã được bốn năm và cô Machinka nghèo khổ đã quên mất mình từ đâu ra, hay đúng hơn chỉ nhớ đến một phần vào những giờ bận bịu trang điểm ăn mặc, thời gian còn lại cô dùng để hành hạ những người bạn cũ và cô trở thành kẻ khủng bố của họ. Những người nô lệ khác không dám gọi tên cũ của cô ta là Machinka nữa mà gọi là Gossudarina, có nghĩa gần như là "quý bà". Ông đã nghe người ta báo với tôi tên ấy đấy, đến mức – Louise tiếp tục – đây là một ví dụ về sự tàn bạo của con người hãnh tiến ấy. Có lần cô ta thay quần áo, không thấy cuộn chỉ để cắm đinh ghim đã cắm ngay kim vào vú của cô nô lệ hầu phòng. Việc làm ấy gây ồn ào đến mức Hoàng đế biết được.
- Nhà vua đã làm gì? – tôi sốt sắng hỏi.
- Người ta trả tự do cho cô nô lệ, gả cô cho một người nông dân và cảnh cáo vị bộ trưởng nếu để kẻ thân tín của ông làm một việc gì đại loại như thế. Nếu không sẽ bị đày đi Sibérie.
- Cô ta dè chừng về lời cảnh cáo ấy chứ?
- Vâng. Lâu nay không nghe nói gì về cô ta nữa. Nhưng nào, nói chuyện về tôi và những người khác đủ rồi. Trở về việc của ông một chút. Ông cho phép, nhân danh đồng hương, hỏi ông đến Saint-Peterbourg có ý định gì. Có lẽ biết rõ thành phố trong ba năm ở đây ít nhất tôi cũng giúp cho ông được những lời khuyên.
- Tôi hơi nghi ngại đấy, nhưng không sao. Vì cô quan tâm đến tôi, xin nói với cô tôi đến đây với tư cách là thầy dạy đánh kiếm. Người ta có hay gây gổ với nhau ở Saint-Peterbourg không?

- Có, những cuộc đấu tay đôi hầu như luôn có người chết. Khi tan cuộc các đấu thủ và người làm chứng có nguy cơ bị đi đày ở Sibérie. Mặc dù vậy ông sẽ không thiếu học trò. Tuy nhiên tôi có một lời khuyên.

- Thế nào?

- Cố gắng để Hoàng đế chỉ định ông làm thầy dạy đánh kiếm ở một trung tâm nào đấy, để ông có một cấp bậc trong quân đội. Như ông biết, ở đây bộ quân phục rất có giá.

- Lời khuyên rất tốt, đưa ra thì dễ nhưng thực hiện thì khó lắm.

- Vì sao vậy?

- Làm sao tiếp xúc được với Hoàng đế? Tôi không có một sự bảo trợ nào ở đây cả.

- Tôi sẽ nghĩ về điều đó.

- Thế nào? Cô ư?

- Việc ấy làm ông ngạc nhiên à? – Louise cười nói với tôi.

- Không, tôi không ngạc nhiên gì về cô. Cô khá đẹp để có thể đạt được những gì mình muốn. Nhưng tôi chưa làm điều gì xứng đáng với lòng tốt của cô.

- Ông chưa làm gì ư? Chẳng phải ông là đồng hương? Mang đến cho tôi bức thư của Rose tốt bụng? Nhắc lại với tôi Paris hoa lệ, đưa lại cho tôi một trong những giờ êm dịu nhất tôi chưa từng trải qua ở Saint-Peterbourg? Hy vọng tôi sẽ gặp lại ông chứ?

- Cô đề nghị thế sao?

- Vào khi nào đây?

- Nếu cô cho phép, xin gặp cô ngày mai.

- Vào giờ này, lúc tôi rảnh nhất để có thể nói chuyện lâu.

- Vậy thì vào giờ này.

Tôi chia tay với Louise, vui vẻ vì đã không còn cảm thấy đơn độc ở Saint-Peterbourg nữa. Đây là một chỗ dựa tạm thời, đúng thế, dựa vào một cô gái đơn độc. Tuy nhiên ở cô có cái gì đó rất êm dịu gợi lên niềm hy vọng.

Tôi ăn tối ở nhà hàng, đối diện với cửa hiệu của Louise, chủ nhà hàng là người Pháp tên Talon. Lúc này tôi không muốn nói chuyện với bất cứ một người đồng hương nào, dễ dàng nhận ra họ ở đây cũng như nơi khác qua giọng nói to và những câu chuyện kinh doanh của họ. Và lại lúc này đây tôi đang có nhiều những suy nghĩ riêng tư và tôi không thích bị quấy rầy.

Như hôm trước, tôi thuê một chiếc thuyền nhỏ có hai người chèo, suốt đêm nằm trên áo khoác, say sưa nghe âm điệu dịu dàng của những chiếc kèn và đếm những ngôi sao trên bầu trời.

Tôi trở về cũng vào lúc hai giờ sáng và thức dậy lúc bảy giờ. Vì muốn đi thăm những cảnh lạ ở Saint-Peterbourg một lượt sau đó mới bắt tay vào công việc, tôi bảo người phục vụ thuê một chiếc xe ngựa với giá cả như hôm trước và tôi đi thăm những nơi tôi chưa đi xem. Từ tu viện Saint –

Alexandre Nevski với ngôi mộ bằng bạc trên đó có những người đang cầu nguyện, đến Viện hàn lâm khoa học với bộ sưu tập về khoáng sản, quả địa cầu Gottorp vua Đan Mạch Frédéric IV tặng cho Pierre Đệ Nhất, con voi ma mút trong nạn hồng thủy do nhà du hành Michel Adam tìm được trên băng tuyết biển Trắng.

Cuối cùng vào lúc bốn giờ, không chờ hơn được nữa, tôi cho xe đưa lại đại lộ Nevski, dự tính sẽ dạo chơi cho đến năm giờ. Nhưng khi đến con kênh Catherine, người đông quá không đi xe được nữa. Việc tụ tập này rất hiếm xảy ra ở Saint-Peterbourg và ở đây cũng gần đến nơi, tôi bèn trả tiền xe và xuống đi bộ và lẫn vào dòng người. Người ta đang dẫn đến nhà tù một tên ăn cắp vừa bị ông Gorgoli, người đứng đầu trong ngành cảnh sát, bắt được. Vụ trộm cắp gây ra sự tò mò của dân chúng.

Cho dù ông Gorgoli, một trong những người đàn ông đẹp nhất kinh thành và một trong những tướng dũng cảm nhất của quân đội, ông có vẻ uy nghi hiem có, tình cờ lại có một tên vô lại sành sỏi ở Saint-Peterbourg rất giống ông. Tên trộm quyết định khai thác sự giống nhau ấy. Để tăng thêm uy tín, hắn quyết định mặc bộ quân phục thiếu tướng, khoác một chiếc áo khoác màu xám có cổ, thuê một chiếc xe giống xe ông Gorgoli thường dùng, thuê những con ngựa cùng màu lông và một anh lái xe ăn mặc như người đánh xe của ông tướng, dừng lại trước cửa tiệm một nhà buôn lớn trên đường Grande-Millione, vào và bảo chủ tiệm:

- Ông này, ông biết rõ tôi chứ, tôi là tướng Gorgoli, người đứng đầu ngành cảnh sát.
- Vâng, thưa ngài.
- Thế này, lúc này tôi cần một số tiền hai mươi lăm ngàn rúp vì một việc rất quan trọng. Tôi ở quá xa nên không thể lấy tiền tới kịp và chậm trễ sẽ làm hỏng công việc. Ông cho tôi mượn hai mươi lăm ngàn rúp ấy và sáng mai đến nhà tôi lấy lại.
- Thưa ngài – chủ tiệm hân hoan kêu lên – rất vui sướng được phục vụ ngài, ngài có muốn hơn thế không?
- Nếu thế, ông cho vay ba mươi ngàn rúp vậy.
- Thưa quý ngài, có ngay đây.
- Cám ơn. Chín giờ ngày mai đến nhà tôi.

Kẻ mượn tiền lên xe, phóng nước đại về phía công viên Mùa Hè.

Ngày hôm sau, theo giờ hẹn, chủ tiệm đến nhà ông Gorgoli, ông tiếp với lối nhã nhặn thường ngày và vì chậm nghe nói lý do, hỏi nhà buôn đến có việc gì.

Câu hỏi ấy làm chủ hiệu buôn lúng túng, vả lại nhìn gần vị tướng, ông thấy có vài nét khác biệt giữa vị tướng và người đến hỏi vay tiền. Ông ta bỗng kêu lên "Thưa ngài, tôi đã bị tráo lộn!" và kể lại mưu mẹo không thể tưởng tượng được và ông là nạn nhân. Ông Gorgoli lắng nghe không ngắt lời, sau đó ông cho mang áo khoác lại, bảo thắng ngựa vào xe. Sau đó ông bảo kể lại sự việc lần thứ hai thật chi

tiết rồi mời người chủ hiệu buôn chờ ở nhà ông còn ông chạy đi tìm tên cướp.

Ong Gorgoli cho xe đưa tới đường Grande-Millione, đi từ hiệu buôn, theo đường tên cướp đã đi và hỏi người lính gác đường:

- Hôm qua tôi đã đi ngang qua đây lúc ba giờ, anh có thấy không?
- Có, thưa ngài.
- Rồi tôi đi đâu?
- Đi về phía cầu Troiskoï .
- Đúng thế.

Vị tướng đi về phía cầu, đầu cầu ông thấy một người gác khác.

- Tôi đi qua trước mặt anh hôm qua, lúc ba giờ mười phút, anh có trông thấy tôi không?
- Có, thưa ngài.
- Tôi đi theo đường nào?
- Ngài đi qua cầu ạ.
- Tốt.

Vị tướng phóng xe qua cầu, dừng lại trước căn nhà gỗ của Pierre Đệ Nhất, người lính trong chòi canh chạy ra.

- Hôm qua tôi đi ngang qua anh lúc ba giờ rưỡi – vị tướng nói .
- Thưa ngài đúng.
- Nhưng anh thấy tôi đi đâu?
- Vào khu Viborg
- Được.

Ông Gorgoli tiếp tục đi, quyết định sẽ đi đến tận cùng. Ông góc bệnh viện bộ binh, ông lại thấy một người lính gác và lại hỏi. Lần này ông đi về phía những cửa hàng rượu. Từ đó ông qua cầu Voskresenskoï , đi thẳng đến cuối đại lộ, tiếp đến đầu những quán hàng bên nhà băng. Ông Gorgoli hỏi một lần cuối cùng người lính gác:

- Hôm qua tôi đi ngang qua trước mặt anh vào lúc bốn giờ rưỡi?
- Vâng, thưa ngài.
- Tôi đi đâu vậy?
- Đến số nhà 19 ở góc kênh Catherine.
- Tôi có vào đấy không?
- Dạ có.
- Anh có thấy tôi đi ra không?
- Không.
- Tốt lắm. Bảo bạn anh thay thế cho anh và đến trại lính đầu tiên điều cho tôi hai người.

- Vâng thưa ngài.

Người lính gác chạy đi và mười phút sau quay trở lại với hai người nữa.

Vị tướng cùng họ đến số nhà 19, đóng cửa ra vào rồi hỏi người gác cổng. Ông này cho biết tên kia ở tầng thứ ba. Họ lên tầng thứ ba đập cửa ra vào và đối diện với tên mạo danh. Tên này kinh hoàng vì cuộc viếng thăm đột ngột này mà hắn cũng đoán ra mục đích nên vội vã nhận tất cả rồi hoàn trả lại ba mươi ngàn rúp.

Nền văn minh của Saint-Peterbourg, như người ta thấy, không hề lạc hậu so với Paris.

Tôi được chứng kiến cuộc phiêu lưu ở đoạn kết thúc và tôi tranh thủ được hai mươi phút trước khi đến giờ hẹn với Louise. Tôi tới đây, càng tới gần tim tôi càng đập mạnh, và khi hỏi có gặp được cô không thì tôi run đến nỗi phải hỏi đến hai lần người ta mới hiểu.

Louise đang chờ tôi ở phòng khách riêng.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 5

Thấy tôi vào cô gật đầu chào theo cách thân mật duyên dáng chỉ có ở những người phụ nữ Pháp rồi giơ tay cho tôi, cô để tôi ngồi xuống bên cạnh cô như ngày hôm qua.

- Thế đây – cô nói – tôi đang lo liệu công việc của ông.

- Ô - tôi trả lời với một thái độ làm cô bật cười – đừng nói về tôi mà hãy nói về cô.

- Sao? Về tôi à? Phải chăng việc này là của tôi? Phải chăng tôi mong có một chức danh thầy dạy đánh kiếm trong một trung đoàn của Hoàng đế? Về tôi ư? Vậy ông có gì nói về tôi?

- Tôi muốn nói với cô là từ hôm qua cô đã làm tôi trở thành người hạnh phúc nhất trong những người đàn ông, rằng từ hôm qua tôi chỉ nghĩ về cô và chỉ thấy có cô, tôi không ngủ được và tưởng chừng như giờ chúng ta gặp lại nhau không bao giờ đến.

- Những lời ông nói với tôi là lời thô lộ trong khuôn khổ đấy.

- Theo tôi, cô cho là thế nào cũng được – tôi nói – không chỉ điều tôi nghĩ mà còn là điều tôi cảm nhận.

- Một lời nói đùa.

- Không, trên danh dự đấy.

- Ông nói nghiêm túc à?

- Vâng, rất nghiêm túc.

- Thế đấy! Như việc gì cũng có thể và sự thú nhận quá sớm có lẽ không kém thành thực, nhiệm vụ của tôi là không để cho ông đi xa hơn.

- Sao lại thế?

- Ông đồng hương thân mến, giữa chúng ta chỉ có tuyệt đối có thể là tình bạn rất tốt, thẳng thắn và trong sáng.

- Tại sao?

- Vì tôi đã có người yêu và ông đã biết qua em gái tôi, sự trung thành là một lẽ thói gia đình.

- Phải chăng tôi thật bất hạnh!

- Không, ông không bất hạnh. Nếu tôi để cảm tình đối với tôi như ông nói cảm rỗi sâu hơn, thay vì dứt ra khỏi đầu ông trước khi nó đủ thì giờ đi vào con tim thì ông có thể trở thành bất hạnh.

Nhưng ơn Trời... - Louise mỉm cười nói thêm – thật kịp thời và tôi hy vọng đã kịp ngăn chặn trước khi tiến triển nhiều.

- Được rồi, chúng ta đừng nói đến nữa.

- Ngược lại, chúng ta cứ nói vì ông sẽ gặp ở đây người mà tôi yêu, việc ông biết tôi đã yêu đến mức nào rất quan trọng.

- Xin cảm ơn cô đã tin tưởng đến thế.

- Ông tự ái như thế là sai lầm đấy. Nào đưa tay cho tôi như đối với cô bạn tốt.

Tôi nắm lấy tay Louise và về các mặt tôi không có quyền gì oán hận cô. Tôi nói:

- Cô thật trung thực.

- Phải vậy thôi.

- Chắc là ông hoàng nào đấy chứ?

- Không, tôi không đòi hỏi đến thế, chỉ là một bá tước.

- Chà! Rose! Rose! – tôi kêu lên – nếu cô đến Saint-Peterbourg cô sẽ quên ngay ông Auguste.

- Ông kết tội tôi trước khi nghe tôi nói và thế là ông sai. – Louise trả lời tôi – Vì vậy tôi sẽ nói với ông tất cả. Nhưng nếu không phán xét như thế thì ông không phải là người Pháp.

- May mà việc cô ưa chuộng người Nga làm cho tôi nghĩ cô ít nhiều có bất công với người đồng hương của cô.

- Tôi không bất công với bất cứ ai, thưa ông, tôi chỉ so sánh. Mỗi dân tộc có những khiếm khuyết, bản thân họ không nhận thấy nhưng lộ rõ trước mắt những dân tộc khác. Sai sót chính của chúng ta là sự nhẹ dạ. Một người Nga vừa tiếp một người Pháp đến thăm không bao giờ nói với một người Nga khác "Một người Pháp vừa ra khỏi đây". Anh ta sẽ nói "Có một kẻ điên đến chơi". Và kẻ điên ấy không cần nói là từ đâu đến, người ta biết ngay đó là một người Pháp.

- Thế người Nga không có sai sót gì sao?

- Tất nhiên không phải thế. Nhưng không phải người kẻ đến xin trú ngụ nhìn vào đấy.

- Cám ơn về bài học.
- Lạy Chúa! Không phải bài học mà là một lời khuyên. Ông đến đây có ý định ở lại, đúng không? Vậy thì nên kết bạn chứ không nên có kẻ thù.
- Cô bao giờ cũng có lý.
- Cũng đã như ông ,tôi thề không bao giờ để một trong hững ông lớn ấy, rất phục tùng Hoàng đế Nga và rất thô bạo với những người dưới mình, sẽ là người yêu của tôi. Thế nhưng tôi đã sai lời thề, vậy ông đừng làm gì giống như thế nếu không sẽ trái lời thề như tôi.
- Theo tính cách của cô, tuy tôi mới gặp cô hôm qua, tôi nghĩ cuộc đấu tranh đã rất lâu dài.
- Vâng, lâu dài, thậm chí đã suýt nữa thành bi kịch.
- Cô hy vọng ở tôi sự tò mò sẽ lấn át tính ghen tuông?
- Không hy vọng gì cả, tôi chỉ muốn ông biết sự thật, thế thôi.
- Vậy cô nói đi, tôi xin nghe.

Như địa chỉ bức thư của Rose đã cho ông biết , tôi ở nhà bà Xavier, cửa hiệu một thời trang nổi tiếng nhất Saint-Peterbourg. Lúc ấy cả giới quý tộc đều mua sắm ở đây. Nhờ cái người ta gọi là sắc đẹp và tính chất của phụ nữ Pháp, tôi không thiếu những lời khen ngợi và ngỏ lời. Tuy thế, xin thề với ông, tuy những lời ngỏ và ca tụng ấy nhiều lần kèm theo những lời hứa hẹn tốt đẹp nhất, không có trường hợp nào tác động được đến tôi. Mười tám tháng đã trôi qua như vậy.

Gần hai năm trước, một chiếc xe kéo bốn ngựa đã dừng lại trước cửa hiệu, hai cô gái, một sĩ quan trẻ và một người đàn bà khoảng bốn mươi lăm, năm mươi tuổi bước xuống. Chàng trai là trung úy cận vệ, do đó ở lại Saint-Peterbourg nhưng mẹ và hai cô em gái thì ở Moscou. Họ vừa đến nghỉ hè cùng người anh và con trai, việc đầu tiên là đến cửa hiệu bà Xavier, trung tâm lớn về thẩm mỹ, thời trang, một người phụ nữ lịch sự chỉ ra mắt công chúng dưới sự hướng dẫn của cửa hiệu này. Hai cô gái thật đẹp còn chàng trai tôi ít chú ý đến mặc dù trong thời gian ngắn ngủi ấy anh có vẻ quan tâm nhiều đến tôi. Mua bán xong thì bà mẹ cho địa chỉ: bà Bá tước Vaninkoff, trên kênh Fontalka.

Hôm sau chàng trai đến một mình, anh ta muốn biết chúng tôi đã làm đơn đặt hàng của mẹ và em gái anh ta chưa và đề nghị tôi cho thay đổi màu của một chiếc nơ ruy băng.

Buổi tối tôi nhận được một bức thư ký tên là Alexis Vaninkoff, một loại thư tỏ tình. Tuy thế một điều tôi lưu ý như một sự tế nhị, không một sự hứa hẹn gì, người ta mong muốn nhận được trái tim tôi chứ không mua nó.

Có những trường hợp không thể tỏ ra quá cứng rắn mà không kỳ cục. Nếu tôi là một cô gái thời thượng, tôi đã gửi trả lại bá tước Alexis Vaninkoff mà không mở ra đọc, tôi chỉ là một cô gái tầm thường khốn khổ, tôi mở ra đọc rồi đốt đi.

Hôm sau bá tước trở lại. Các cô em và bà mẹ muốn để anh chọn những chiếc mũ không vành cho họ. Khi anh bước vào, tôi tìm có lui vào trong phòng bà Xavier và chỉ bước ra cửa hiệu khi anh đã đi.

Buổi tối tôi nhận được bức thư thứ hai. Người viết nói còn chút hy vọng là tôi không nhận được bức thư đầu. Như lần trước, bức thư này tôi cũng không trả lời.

Ngày hôm sau tôi nhận được bức thư thứ ba. Lời lẽ của bức thư này khác hẳn hai bức thư đầu khiến cho tôi chú ý. Từ dòng đầu đến dòng cuối thấm đượm nỗi buồn của người đã mất hết hy vọng. Anh quyết định nếu tôi không trả lời bức thư này, anh sẽ xin Hoàng đế nghỉ phép bốn tháng, lên Moscou sống với mẹ và các cô em. Tôi im lặng để anh làm như anh đã dự tính. Sáu tuần lễ sau tôi nhận được một bức thư từ Moscou, chỉ có mấy hàng như sau:

"Tôi chuẩn bị một đợt đăng ký diên rồ nguy hiểm đến tính mạng, không chỉ hứa hẹn tương lai mà còn qua những ngày gian truân. Hãy viết cho tôi sau này có lẽ em sẽ yêu tôi để có một luồng hy vọng gắn bó tôi vào với cuộc sống mà tôi đã không gắn bó với ai".

Tôi nghĩ mảnh giấy viết đề đe dọa tôi và như những lần trước, tôi vẫn không trả lời.

Sau bốn tháng, tôi nhận được bức thư này:

"Tôi đến ngay. Ý nghĩ trở về đầu tiên là về với em. Tôi yêu em như và có lẽ hơn lúc tôi ra đi. Bây giờ em không chỉ có cứu sống cuộc đời tôi nữa mà còn có thể làm cho tôi yêu cuộc sống".

Sự quyết tâm lâu dài, bí mật ẩn chứa trong hai bức thư sau, nỗi buồn trong đó xác định tôi phải trả lời thư anh, chắc không phải một bức thư như bá tước mong đợi nhưng ít nhất cũng là mấy lời an ủi, tuy vậy kết thúc tôi đã nói là tôi không yêu anh và sẽ không bao giờ yêu.

- Điều ấy ông thầy có vẻ lạ lùng – Louise ngắt lời – và tôi thấy ông mỉm cười. Đức tính như vậy hơi kỳ cục ở một cô gái khôn khéo. Ông yên tâm, không chỉ là đức tính mà còn là sự giáo dục. Bà mẹ tôi, vợ goá của một sĩ quan, không có một chút tài sản nào, đã nuôi dạy tôi và Rose như thế. Lên mười sáu tuổi chúng tôi mất mẹ, và mất cả khoản trợ cấp nhỏ nuôi sống chúng tôi. Em gái tôi trồng và bán hoa, tôi buôn bán thời trang. Em tôi yêu người bạn của ông, chiều theo người yêu, tôi không thấy là một tội lỗi. Tôi thấy người ta đơn giản cho bản thân mình khi đã cho đi con tim mình. Riêng tôi chưa gặp được người tôi phải yêu và như ông thầy đấy, tôi đã ở như vậy, khôn ngoan tuy không xứng đáng được như vậy lắm.

Trong lúc ấy năm mới đến. Với những người Nga, ông chưa biết nhưng rồi sẽ thấy, ngày đầu năm là một ngày hội lớn. Hôm ấy lãnh chúa và nông dân, bà hoàng và người bán thời trang, vị tướng và quân lính đều trở thành anh em. Hoàng đế Nga tiếp dân chúng: hai mươi lăm nghìn giấy mời có thể nói được tung ra bất kỳ trên đường phố Saint-Peterbourg. Chín giờ tối cung điện Mùa Đông mở cửa và hai mươi lăm nghìn người khách mời ken đầy các phòng khách của hoàng gia suốt năm chỉ mở cho giới quý tộc. Đàn ông hoá trang mặc áo thụng có nón trùm đầu hoặc theo lối quần áo Venise, đàn bà ăn mặc như thường ngày.

Bà Xavier cho chúng tôi giấy mời nên chúng tôi quyết định cùng nhau đi đến cung điện. Cuộc tập hợp người rất đông nhưng đặc biệt không mất trật tự, không thô bạo cướp giật gì tuy không có một

người lính nào canh phòng. Lòng tôn trọng Hoàng đế lan khắp mọi người và người thiếu nữ trong trắng nhất cũng an toàn ở đây như trong phòng ngủ với mẹ.

Chúng tôi đã đến gần nửa tiếng đồng hồ, trong phòng khách chen chúc đến nỗi chúng tôi nghĩ không thể thêm một người nào nữa thì bỗng ban nhạc của các phòng ra hiệu tấu vũ điệu Ba Lan. Cùng lúc đó tiếng hô "Hoàng đế! Hoàng đế!" vang lên. Nhà vua xuất hiện ở cửa ra vào, khởi sự vũ điệu với bà Đại sứ Anh, cả triều thần đi theo, ai nấy dòn lại, đám đông tách ra một khoảng trống khoảng mười bộ, những người khiêu vũ nhảy vào đấy, đi qua như một dòng thác kim cương, lông vũ, gấm vóc, hương thơm. Phía sau đoàn người ai cũng xô đẩy nhau, dòn nén nhau. Bị tách khỏi hai cô bạn, tôi muốn đến với họ nhưng không được, một lúc thấy họ như bị cuồng phong cuốn đi rồi không trông thấy họ đâu nữa. Tôi không xuyên qua được bức tường người ngăn cách họ và rồi một mình tôi lọt giữa hai mươi lăm nghìn người.

Trong lúc hốt hoảng tôi đã sẵn sàng cầu cứu người đàn ông đầu tiên sẽ gặp thì một người đội mũ mặc áo choàng dài rộng đến bên cạnh. Tôi nhận ra Alexis.

- Thế nào, cô có một mình ở đây ư? – anh hỏi.
- Ồ, ông đấy à, bá tước? – tôi kêu lên và bám vào tay anh, rất sợ đơn độc giữa đám người này – Đề nghị ông giúp đưa tôi ra khỏi nơi này và đến gần một chiếc xe để tôi có thể ra về.
- Cô cho phép tôi đưa về, và tôi rất cảm ơn sự tình cờ đã cho tôi nhiều may mắn hơn mọi khoản của tôi.
- Không, xin cảm ơn ông, một chiếc xe thuê...
- Không thể tìm được một chiếc xe thuê vào giờ này, mọi người đang đến và không có ai ra đi. Cô ở lại đây độ một giờ nữa.
- Không, tôi muốn ra về.
- Vậy cô chấp nhận đi chiếc xe ngựa của tôi. Tôi sẽ bảo người đưa cô về vì cô không muốn trông thấy tôi. Thế đấy! Cô sẽ không trông thấy tôi.
- Lạy Chúa! Tôi những muốn...
- Nào, chỉ có một trong hai cách, hoặc ở lại, hoặc đi xe ngựa của tôi. Ti cho rằng cô không nghĩ đến việc đi bộ một mình và giữa cơn rét lạnh này.
- Nếu thế, thưa ông Bá tước, ông đưa tôi lại xe của ông.

Alexis làm theo ngay, tuy vậy vì quá đông người chúng tôi mất gần cả tiếng đồng hồ để ra đến cửa ở quảng trường Amirauté. Bá tước gọi người của mình và lát sau một chiếc xe lịch sự hai chõ ngồi khép kín dừng lại trước cửa. Tôi bước lên và cho địa chỉ của bà Xavier. Bá tước cầm tay tôi hôn, đóng cửa xe, nói mấy câu tiếng Nga căn dặn thêm và xe đi như bay.

Sau một lúc ngựa hình như chạy tăng tốc độ gấp đôi và tôi cảm thấy người đánh xe cố sức cũng không kim giữ được. Tôi muốn kêu lên nhưng tiếng kêu bị tiếng người đánh xe lấn át mất. Muốn mở

cửa xe nhưng sau tấm gương có một tấm ngăn. Cố gắng vô ích. Tôi mệt mỏi ngã người về phía cuối xe, cho rằng những con ngựa có lẽ đã nổi khùng và chúng tôi sẽ tan tành ở một góc phố nào đó.

Thế nhưng sau mười lăm phút, xe dừng lại, cửa mở, tôi hốt hoảng lao ra khỏi xe, nhưng đôi chân tê dại. Trong lúc ấy người ta trùm một tấm màn mỏng vào đầu tôi và sau đó tôi cảm thấy mình được đặt xuống một chiếc đi văng. Tôi thấy mình đang ở trong một căn phòng xa lạ và bá tước Alexis đang ngồi sát đầu gối tôi.

- Ô - tôi kêu lên – ông đã lừa tôi, thật ghê tởm, thưa Bá tước.

- Rất tiếc, xin cô tha lỗi cho – ông nói – dịp này mất đi thì có bao giờ tôi tìm lại được? Ít nhất một lần trong đời tôi có thể trình bày với cô...

- Ông sẽ không được nói một lời, thưa Bá tước, - tôi to tiếng và đứng dậy – ngay lúc này ông ra lệnh cho người ta đưa tôi về hoặc tôi coi ông là một kẻ bắt lương.

- Nhưng chỉ một giờ thôi! Nhân danh Trời Đất! Hãy để tôi nói, để tôi nhìn em! Đã từ lâu tôi không gặp em, không nói được với em!

- Không một lúc, một phút nào, ngay lúc này, ông nghe rõ không, ngay lúc này hãy để tôi ra đi.

- Như vậy cả lòng kính trọng, tình yêu, những lời khẩn cầu của tôi cũng không...

- Không gì hết, thưa Bá tước, không gì hết.

- Nếu vậy, em lắng nghe đây – ông nói – Tôi thấy em không yêu tôi, sẽ không bao giờ yêu. Thư của em đưa lại cho tôi chút hy vọng, bức thư đã lừa dối tôi. Được rồi em kết tội tôi. Tôi chấp nhận.

Tôi chỉ xin em năm phút: trong năm phút nếu em buộc tôi phải để em tự do, em sẽ được như ý.

- Ông thề với tôi sau năm phút tôi được tự do?

- Tôi thề.

- Ông nói đi.

- Tôi giàu có, Louise, tôi quý phái, có một bà mẹ nuông chiều, hai cô em gái thương yêu tôi!

Ngay từ thời còn bé, tôi được nhiều người hầu hạ vây quanh, hồi hả nghe lời tôi. Tuy thế tôi mắc căn bệnh của phần lớn những người đồng hương, cảm thấy già lúc hai mươi tuổi. Tôi chán tất cả, mệt mỏi vì tất cả. Tôi u buồn.

Không vũ hội, mơ ước, ngày lễ, thú vui nào tách ra được tấm màn xám, tẻ nhạt trải rộng giữa mọi người và tôi. Có lẽ chiến tranh với những mê say, nguy hiểm, mệt nhọc của nó có thể tác động gì đó đến tâm trí tôi, nhưng toàn bộ châu Âu ngủ trong một nền hoà bình vững chắc và không còn Napoléon để làm đảo lộn mọi thứ lên.

Tôi đã mệt mỏi với tất cả và đã thử đi du lịch thì gặp em. Lúc đầu tôi thể hiện với em, phải thú nhận là trong một lúc thất thường. Tôi viết thư cho em, nghĩ rằng em sẽ xiêu lòng. Trái với chờ đợi, em không trả lời, tôi khẩn khoản vì tự ái. Tôi nghĩ chỉ là một lúc ngông cuồng thoáng qua nhưng rồi bỗng nhận ra ý ngông cuồng ấy trở thành một tình yêu thật sự và sâu sắc. Tôi không cố giành cho

được vì mọi đấu tranh với bản thân làm cho tôi mệt mỏi và ngã quỵ. Tôi viết cho em tôi sẽ đi và tôi đi ngay.

Đến Moscou tôi gặp những người bạn cũ. Họ thấy tôi u ám, lo lắng, buồn rầu. Họ đáng giá cao tâm hồn. Tôi nghĩ những mơ mộng của tôi là những suy ngẫm về lòng nhân ái. Họ nghiên cứu lâu những lời nói, sự im lặng của tôi, cho rằng thấy được điều gì đó giấu kín trong nỗi buồn, họ ngộ nhận đó là tình yêu tự do và mời tôi vào một âm mưu chống lại Hoàng đế.

- Lạy Chúa! – tôi kêu lên – Tôi hy vọng là ông từ chối!
- Tôi đã viết cho em, quyết định của tôi phụ thuộc vào thử thách cuối cùng này, nếu em yêu tôi, cuộc đời tôi đã thuộc vào em, tôi không có quyền chi phối nó. Nếu em không trả lời thì có nghĩa là em không yêu thì việc gì có thể đến với tôi không đáng kể. Cuộc âm mưu là một cuộc giải trí. Dĩ nhiên sẽ lên máy chém nếu chúng tôi bị lộ, nhưng ý nghĩ tự sát đã hơn một lần đến với tôi, tôi nghĩ máy chém giúp tôi không phải tự giết mình.
- Lạy Chúa! Lạy Chúa! Có thể nào đây là những điều ông đã nghĩ?
- Tôi nói sự thật với em, Louise, và đây là một bằng chứng. Em cầm lấy – anh ấy đứng lại gần một chiếc bàn nhỏ lấy một chiếc hộp niêm phong đưa cho tôi – tôi không đoán được hôm nay sẽ gặp lại em, không hy vọng thấy em nữa. Em hãy đọc đi.
- Bản di chúc của ông ư?
- Làm ở Moscou ngay sau ngày tôi vào hội kín.
- Chúa ơi, ông lại để cho tôi ba mươi nghìn rúp tức!
- Nếu em không yêu tôi trong khi sống, tôi muốn ít nhất em có được một số kỷ niệm tốt về tôi sau khi tôi chết.
- Nhưng những kế hoạch về âm mưu, cái chết ấy, việc tự sát, ông từ bỏ tất cả rồi chứ?
- Louise, em tự do ra đi, năm phút đã trôi qua. Nhưng em là hy vọng cuối cùng của tôi, điều duy nhất gắn tôi vào cuộc sống. Vì một khi đã ra khỏi đây, em sẽ bao giờ quay trở lại nữa, tôi lấy danh dự báo với em khi cánh cửa khép lại, là lúc tôi bắn vào đầu mình.
- Ô! Ông điên rồi!
- Không, tôi đau buồn.
- Ông sẽ không bao giờ làm một việc như thế!
- Em cứ thử xem.
- Ông Bá tước, nhân danh Trời đất!
- Louise, em nghe đây, tôi đã đấu tranh đến cùng, hôm qua tôi đã quyết định kết thúc đi, hôm nay gặp lại em, tôi muốn mạo hiểm lần cuối cùng hy vọng thắng. Tôi đưa mạng sống ra giành lấy hạnh phúc, thất bại thì tôi sẽ trả giá.

Nếu Alexis nói những điều ấy trong cơn mê sảng thì tôi đã không tin, nhưng anh ấy nói với giọng

bình thường, với thái độ bình tĩnh thường có, với giọng điệu vui vẻ hơn là u buồn. Tóm lại người ta cảm thấy trong những gì anh nói với tôi có tính chất chân thật cho nên đến lượt tôi không thể ra đi được nữa. Tôi nhìn chàng trai đẹp đẽ sống đầy đủ và chỉ cần có tôi là sẽ có đầy đủ hạnh phúc. Tôi nhớ lại bà mẹ có vẻ yêu thương anh đến thế, hai cô em gái khuôn mặt tươi vui. Tôi nhìn thấy anh đẫm máu và biến dạng, họ thì rũ rượi than khóc và tự hỏi mình có quyền gì làm tan vỡ cuộc sống vàng son ấy, những niềm hy vọng cao cả ấy. Rồi, có cần nói ra với ông không, một sự đeo đuổi lâu dài như vậy đã bắt đầu đâm chồi nảy lộc. Tôi cũng thế, trong những đêm tĩnh lặng và tâm lòng trống trải, đôi khi tôi cũng nghĩ đến người đàn ông vốn bao giờ cũng nghĩ đến tôi. Trong lúc sắp chia tay vĩnh viễn với anh, tôi nhìn vào trong tâm hồn tôi rõ hơn. Tôi nhận thấy mình đã yêu anh... và tôi ở lại.

Alexis nói với tôi rất thật. Điều thiếu vắng trong cuộc sống của anh là tình yêu. Đã hai năm yêu tôi, anh rất hạnh phúc hoặc tỏ ra thế, từ bỏ âm mưu điên rồ mà anh tham gia vì chán đời. Phiền phức về những cuộc gặp gỡ trong lúc tôi ở nhà bà Xavier, anh lặng lẽ thuê cho tôi cửa hiệu này. Mười tám tháng nay tôi sống một cuộc đời khác, giữa những hiểu biết tôi thiếu hụt thời niên thiếu và anh, người có tiếng tăm, cần có người đàn bà mình yêu. Do đó ông thấy có sự thay đổi trong bản thân tôi so với vị trí của tôi. Như vậy ông hẳn thấy tôi làm đúng khi ngăn ông lại, tôi không thể yêu ông vì tôi đã yêu anh ấy.

- Đúng và tôi cũng hiểu cô dựa vào sự giúp đỡ nào để hy vọng yêu cầu của tôi có thể đạt được.
- Tôi đã nói chuyện với anh ấy về điều đó.
- Rất tốt nhưng tôi xin từ chối.
- Có thể, nhưng tôi là thế.
- Cô có muốn chúng ta rời ren vì nhau và chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau nữa?
- Ồ, như vậy sẽ rất độc ác vì tôi chỉ biết có ông ở đây. Hãy coi tôi như một cô em gái và để tôi làm.
- Cô muốn như thế à?
- Tôi đòi hỏi như thế.

Lúc ấy cửa phòng khách mở ra và Bá tước Alexis xuất hiện ở ngưỡng cửa.

Bá tước Alexis Vaninkoff là một người trẻ đẹp, khoảng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, tóc vàng, dong dỏng cao, nửa Tacta, nửa Thổ, đã là trung úy cận vệ. Đội quân được ưu đãi này từ lâu chịu sự chỉ huy trực tiếp của Hoàng thân Constatin, em của Nga hoàng và thời kỳ ấy là Phó vương Ba Lan. Theo thói quen, người Nga không bao giờ rời bộ quân phục, Alexis mặc quần áo sĩ quan, trước ngực gắn huân chương Saint Vladimir và Alexandre Nevski, ở cổ đeo huy chương Stanislas-Auguste hạng ba. Thấy ông, Louise tươi cười đứng dậy.

- Thưa ngài, - cô nói – xin hoan nghênh, chúng tôi đã nói về ngài, tôi xin giới thiệu ông bạn

đồng hương mà tôi đã nói chuyện với ngài và nhờ ngài bảo trợ.

Tôi nghiêng mình. Bá tước đáp lại với một lời chào duyên dáng, giọng nói trong trẻo hơi kiêu cách.

- Ô Louise thân yêu – anh vừa nói vừa hôn tay cô – việc bảo trợ của tôi chẳng to tát gì nhưng tôi có thể chỉ dẫn với những lời khuyên: tôi đi du lịch, học được cách nhận biết mặt tốt mặt xấu của những người đồng hương với tôi và tôi có thể trao đổi với em bảo trợ. Và lại tôi có thể bắt đầu làm khách hàng của ông bằng cách trao cho ông hai người học trò, một người anh em với tôi và tôi.

- Đã đáng kể rồi, nhưng chưa đủ. Ngài có nói đến chức vụ thầy dạy đánh kiếm trong một trung đoàn nào đó không?

- Có, nhưng hôm qua tôi mới được tin, đã có hai thầy dạy đánh kiếm ở Saint-Peterbourg, một người Pháp và một người Nga. Người đồng hương của ông, thưa ông, - Vanintoff quay lại phía tôi nói thêm – tên là Valville, biết làm hài lòng Hoàng đế, được phong tiểu đoàn trưởng với nhiều huân và huy chương, là thầy dạy toàn đội bảo vệ hoàng gia. Người đồng hương của tôi, một người tốt bụng và xuất sắc, theo chúng tôi chỉ có khiếm khuyết là người Nga, trước người này đã dạy cho Hoàng đế, được phong là đại tá và huân chương Saint-Vladimir hạng ba. Ông không muốn bắt đầu bằng cách trở thành địch thủ của người này hoặc người kia, đúng thế chứ?

- Chắc chắn là không – tôi đáp.

- Vậy thì đừng tỏ ra là cạnh tranh với ai cả. Tổ chức một cuộc đấu, chúng tôi ông biết làm gì, khi thanh danh của ông nổi lên, tôi sẽ giới thiệu rất khiêm tốn với hoàng thân Constatin, ông vừa trở về Strelua hôm kia và tôi hy vọng ngài sẽ chiếu cố kiến nghị ông với Hoàng đế.

- Vậy là công việc tiến triển tốt đẹp – Louise phấn khởi vì lòng tốt của Bá tước đối với tôi, bảo tôi – Ông thấy tôi không nói dối ông chứ?

- Không. Bá tước là người ân cần nhất trong những người bảo trợ cũng như cô là người tuyệt vời nhất trong giới phụ nữ. Tôi sẽ làm theo ý kiến của bá tước, ngay tối nay tôi sẽ dự thảo chương trình.

- Nên như thế - Bá tước nói.

- Bây giờ thưa Bá tước, tôi xin lỗi nhưng tôi cần biết rõ. Tôi không tổ chức cuộc đấu này để kiếm tiền mà để ra mắt. Tôi nên gửi giấy mời như một cuộc dạ hội hay thu tiền như xem một vở diễn?

- Ô! Cứ thu tiền, ông thân mến, nếu không ông chẳng có ai tới dự. Ông làm vé mười rúp, một trăm vé, tôi sẽ phân phối cho.

Khó có thể có ai nhiệt tình hơn nên không còn hận thù gì nữa. Tôi chào và ra về.

Ngày hôm sau tôi đặt thông báo và tám ngày sau tôi tổ chức cuộc đấu, Valville, Siverbruck đều không tham gia mà chỉ có những người không chuyên nghiệp Ba Lan, Nga, Pháp tranh tài.

Tôi không có ý định kể lên đây những ngón tài năng và những đòn đánh hoặc tiếp nhận. Nhưng tôi

phải nói rằng ngay trong buổi đầu, Bá tước De la Ferronnays, đại sứ của nước Pháp, đã mời tôi dạy cho Tử tước Charles, con trai ông. Hôm sau, tôi nhận được những bức thư khích lệ nhất của nhiều người trong đó có quận công Wurtemberg mời tôi làm giáo viên cho các con trai và Bá tước Bobrunski mời làm thầy cho chính mình.

Vì thế, lúc tôi gặp lại Bá tước Vaninkoff, ông bảo:

- Thế đấy! Tất cả đều tuyệt vời! Ông đã có danh tiếng, phải có một chứng chỉ của nhà vua cùng cô nó. Đây là một bức thư của người tùy tùng của Hoàng thân. Ngài đã nghe nói về ông. Hãy táo bạo xin gặp ngài đề nghị có kiến nghị lên Hoàng đế. Tán dương lòng tự hào quân sự của ngài và xin ngài nhận xét giới thiệu cho.

- Nhưng thưa Bá tước – tôi dè dặt hỏi – ngài có nghĩ rằng ông ấy sẽ tiếp đón tôi tử tế không?

- Ông gọi thế nào là đón tiếp tử tế?

- Rốt cuộc có đúng mức không?

- Ông thân mến – bá tước Vaninkoff vừa cười vừa nói – ông quá tôn vinh chúng tôi. Ông xem chúng tôi là những người văn minh trong lúc chúng tôi chỉ là những kẻ hoang dã. Đây là bức thư, tôi mở cửa cho ông nhưng không dám chắc ra sao, mọi việc tùy thuộc vào tính cách vui buồn của hoàng thân. Tùy ông chọn lúc thích hợp. Ông là người Pháp và cũng là người dũng cảm. Đây là một cuộc đấu để đứng vững, một chiến thắng để giành giật.

- Vâng, nhưng là một cuộc đấu ở tiền sảnh, chiến thắng triều thần. xin thú nhận với ngài, tôi thích một cuộc đấu tay đôi thật sự hơn.

- Jean-Bart không quen thuộc những sàn nhà đánh bóng và quần áo triều thần hơn ông. Ông ta làm thế nào mà tranh thủ được khi đến Versailles?

- Bằng những nắm đấm, thưa ngài.

- Thế thì ông cứ làm như ông ta. Nhân tiện tôi được uỷ nhiệm nói với ông thay mặt Nariskine, anh em họ của Hoàng đế và Bá tước Zernitcheff. Đại tá Mouravieff, họ muốn ông dạy cho họ

- Vậy là ngài định chông chất ân huệ cho tôi?

- Không, ông chẳng nợ gì tôi cả. Tôi làm đầy đủ việc nhờ cậy, thế thôi.

- Nhưng hình như việc ấy tiến hành không tồi – Louise nói với tôi.

- Nhờ có cô, tôi xin cảm ơn cô. Được rồi, tôi sẽ làm theo ý kiến của Bá tước, từ ngày mai tôi sẽ mạo hiểm.

- Ông làm đi và chúc may mắn.

Cuối cùng không có gì hơn sự khuyến khích ấy, tôi đến gặp Hoàng thân vì công việc và phải thú nhận tôi những muốn vào tấn công con gấu Ukraine trong hang ổ còn hơn đến xin ân huệ của Hoàng thân Nga, con người tổng hợp những đức tính, những say mê dữ dội, và những phong cách điên rồ.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 6

Đại quận công Constantin, em trai Hoàng đế Alexandre và anh trai Đại quận công Nicolas, không có sự lễ độ đáng mến của ông anh cũng như không có phẩm cách lạnh lùng, bình tĩnh của ông em, có vẻ thừa hưởng hoàn toàn những đức tính và những tính chất lạ lùng của bố, còn hai anh em kia tiếp thu của mẹ là nữ hoàng Catherine, Alexandre về tấm lòng, Nicolas về đầu óc, cả hai thể hiện sự lớn lao vương giả mà tổ mẫu của họ lập nên.

Catherine trông nom cả lớp hậu duệ đẹp đẽ và đông đúc ấy. Từ đầu bà đã chú ý đến hai người anh và theo tên thánh của họ, đặt tên một người là Alexandre, người kia là Constantin, hình như bà đã phân chia thế giới cho họ. Ý nghĩ của bà sâu sắc đến mức bà đã cho vẽ cả ảnh của họ lúc còn rất bé. Một người tàn nhẫn chấm dứt cuộc khủng hoảng tình hình, người kia giờ cao cờ lệnh. Thêm vào đó bà tự đặt kế hoạch dạy dỗ họ nhằm thực hiện những ý tưởng lớn ấy. Do đó Constantin được dành cho vương quốc phương Đông chỉ có những vú nuôi và thầy dạy người Hy Lạp, Alexandre dành cho vương quốc phía Tây, xung quanh mình là người Anh. Thầy giáo chung của hai anh em là một người Thụy sĩ tên là Laharpe, anh em họ của vị tướng dũng cảm Laharpe phục vụ mặt trận Ý theo lệnh của Bonaparte. Nhưng những bài học của ông thầy đáng kính ấy không được hai học trò tiếp thu thoải mái như nhau và tuy việc gieo hạt là một nhưng sản sinh ra hoa quả khác nhau, vì một bên rơi vào mảnh đất chuẩn bị tốt và khoáng đãng, còn bên kia rơi trên mảnh đất hoang dã. Trong khi Alexandre, mười hai tuổi, trả lời Graft, ông thầy dạy môn Lý thực nghiệm rằng ánh sáng là sự toát ra liên tục của mặt trời "Điều ấy không thể được vì mặt trời như thế sẽ càng ngày càng bé đi", thì Constantin trả lời Saken, khi người giám thị riêng mời tập đọc "Tôi không muốn tập đọc vì tôi thấy bao giờ ông cũng đọc nhưng càng ngày ông càng dần độn hơn".

Tính tình và trí óc của hai cậu bé nằm hoàn toàn trong hai câu trả lời ấy.

Bù lại, Constantin càng ghét những môn khoa học lại càng thích những buổi tập quân sự. Làm vũ khí, cưỡi ngựa, tổ chức những buổi hành quân, đối với cậu là những hiểu biết có ích cho một hoàng tử hơn môn vẽ, thực vật học, khí tượng học. Cậu say mê môn quân sự đến mức trong đêm tân hôn cậu dậy lúc năm giờ sáng để bố trí diễn tập một tiểu đội lính gác cho dinh thự của mình.

Việc nước Nga cắt đứt liên hệ với nước Pháp tạo điều kiện cho sở thích của Constantin. Được gợi

sang nước Ý dưới sự chỉ huy của thống chế Sourovov nhằm hoàn chỉnh việc học tập quân sự, cậu tham gia vào những chiến thắng của ông ở Mexio và trận thất bại trong núi Alpes. Một người thầy như vậy, ít nhất cũng nổi tiếng về những kỳ cục cũng như lòng can đảm, đã được chọn sai để cải tạo những đặc tính tự nhiên của Constantin. Kết quả là những đặc tính ấy thay vì mất đi, đã phát triển thêm một cách kỳ lạ và hơn một lần người ta tự hỏi tại sao Đại quân công trẻ giống bố đến nỗi giống như ông, cũng hơi bị điên rồ.

Sau chiến dịch nước Pháp và hiệp ước Vienne, Constantin được phong làm Phó vương Ba Lan. Đứng đầu một dân tộc chinh chiến, sở thích quân sự tăng lên gấp đôi, và không còn những trận đánh thật sự, đẫm máu ông vừa tham gia, thì những cuộc thao diễn quân sự, duyệt binh, những hình thức chiến trận ấy là giải trí duy nhất của ông. Mùa đông cũng như mùa hè, dù ở lâu đài Buhle gần công viên Saxe, hay ở lâu đài Belvédère, ba giờ sáng ông đã dậy, mặc quân phục vào và không một người hầu nào giúp ông tắm rửa bao giờ. Ngồi vào một chiếc bàn đầy những danh mục các trung đoàn và mệnh lệnh quân sự, trong một gian phòng mỗi bức tranh vẽ một bộ quần áo của trung đoàn, ông đọc lại các báo cáo của Đại tá Axamilovski hoặc cảnh sát trưởng Lubovidski đưa tới hôm trước, xác nhận hoặc phản bác, nhưng luôn thêm vào vài lời nhận xét. Công việc ấy kéo dài đến chín giờ sáng. Ông ăn vội bữa sáng như một người lính rồi bước xuống quảng trường Saxe. Ở đây thường có hai trung đoàn bộ binh hoặc một đội kỵ binh chờ ông. Khi ông xuất hiện, quân nhạc tấu chào bằng bài quân hành ca Chúa Trời hãy cứu nhà vua, do Kurpinski sáng tác. Cuộc diễu binh bắt đầu ngay. Các tiểu đội diễu hành khoảng cách đều đặn, chính xác. Họ thường mặc quân phục màu xanh như những người đi săn. Trong khi hoàng tử Nga đội chiếc mũ cắm lông gà, một bên cong xuống cầu vai trái, còn bên kia chĩa lên trời. Dưới vầng trán hẹp có những vết nhăn sâu chứng tỏ ông là người luôn luôn bận bịu, đôi lông mày dài rậm không để lộ cặp mắt xanh. Tầm nhìn đặc biệt nhanh nhẹn với chiếc mũi nhỏ, làn môi dưới nhô ra phác hoạ điều gì đó rất hoang dã, ở đầu trên chiếc cổ rất ngắn, chúi về phía trước như dựa vào đôi cầu vai. Nghe thấy tiếng nhạc, nhìn thấy những người mình đào tạo bước đều đặn, tất cả đều tác động đến ông, như một loại cơn sốt làm ông đỏ bừng mặt. Đôi tay co lại, ép chặt vào người và bàn tay nắm chặt doãng ra trong lúc đôi chân luôn hoạt động đập nhịp và với giọng nói yết hầu nhấn mạnh mệnh lệnh, thỉnh thoảng phát ra những tiếng khàn khàn, đứt quãng, không thuộc về tiếng người những khi tỏ ra thoả mãn nếu mọi việc tiến triển tốt đẹp như ý muốn, hoặc trong lúc giận dữ nếu có gì trái với kỷ luật. Trường hợp sau bao giờ cũng bị trừng phạt ghê gớm. Lỗi nhỏ nhất cũng đưa người lính vào tù và sĩ quan bị mất chức. Thái độ nghiêm khắc ấy không hạn chế đối với người mà mở rộng cho tất cả, thậm chí cho cả động vật nữa. Một hôm ông cho treo cổ một con khỉ trong chuồng vì làm ồn ào, một con ngựa bước sai vì có lúc ông thả dây cương phải nhận đến hàng nghìn gậy và cuối cùng một con chó sủa to làm ông tỉnh dậy trong đêm và bị bắn chết.

Khi vui vẻ ông cũng không kém phần dã man như trong lúc nổi giận. Ông cúi người vui vẻ phá lên cười, xoa tay và hai chân lần lượt dẫm mạnh xuống đất. Trong lúc đó, gặp đứa trẻ nào, ông cũng xoay đi xoay lại nó về các phía, bảo nó ôm hôn mình, véo tai, véo mũi, cuối cùng bỏ vào tay nó một đồng vàng và đuổi đi. Ông cũng có những giờ không vui, không nổi giận mà hoàn toàn là những giờ mệt mỏi và buồn chán. Lúc ấy, yếu đuối như một người đàn bà, ông rên rỉ, nằm còng queo trên đi văng hoặc trên sàn nhà. Chẳng ai dám lại gần ông. Những khi đó, người ta mở cửa sổ và cửa ra vào phòng ông, một người đàn bà tóc vàng, hơi xanh, người thon thả, thường mặc một chiếc áo dài trắng và thắt lưng xanh đi qua như chợt xuất hiện. Thấy bà, Hoàng thân như gặp một tác động ma thuật, tâm trí hưng phấn, khóc nức nở. Con thần kinh qua đi, người đàn bà lại ngồi bên cạnh, ông gối đầu lên đùi bà, thiếp ngủ và tỉnh dậy là khỏi hẳn. Người đàn bà ấy là Jeannette Grudzenska, thần hộ mệnh của Ba Lan.

Một hôm khi còn rất bé, trong lúc cầu nguyện ở nhà thờ chính quốc trước hình ảnh Đức Bà, một vòng hoa những người bắt tử đặt dưới bức tranh rơi xuống đầu bà, người Cô dắc Ukraine già được xem như nhà tiên tri qua sự kiện ấy đã nói với bố bà, vòng hoa thánh ấy rơi từ trời xuống, là điềm báo dành cho bà trên mặt đất. Ông bố và con gái đều đã quên lời tiên đoán hay đúng hơn chỉ nhớ đến như một giấc mộng cho đến lúc Jeannette gặp Constantin.

Con người nửa hoang dã, với những niềm say mê cháy bỏng bỗng trở nên dè dặt như một đứa trẻ. Người mà không gì chống lại được mà chỉ một tiếng nói chi phối mạng sống những người bố và danh dự những đứa con gái, đến rụt rè hỏi xin ông già cho cưới Jeannette, khẩn cầu ông đừng từ chối một điều lành mà không có nó mình không còn hạnh phúc trên đời này. Ông già chợt nhớ lại lời tiên đoán của người Cô dắc, thấy yêu cầu của Constantin là việc thực hiện ý Trời và cho rằng mình không có quyền chống đối. Đại quân công vậy là được sự đồng ý của ông và con gái ông, chỉ còn sự thỏa thuận của Hoàng đế, được mua bằng nhượng địa.

Con người kỳ lạ ấy, con người không ai đoán nổi, giống như thần Jupiter oai nghiêm làm rung động cả một dân tộc khi chau mày, vì con tìm một cô gái trẻ, đã cho ông anh cả phương Đông và phương Tây, nghĩa là một vương quốc bao gồm một phần bảy trái đất với năm mươi ba triệu dân và sáu biển vây quanh.

Đổi lại Jeannette Grudzenska được Alexandre phong cho làm quận chúa Lovicz.

Đây là con người tôi sắp đối mặt. Người ta nói ông vừa ngắm ngàng đến Saint-Peterbourg vì phát hiện ở Varsovie những đường dây một cuộc mưu phản trên toàn nước Nga, nhưng những đường dây ấy tự bề gãy trong tay ông vì sự im lặng ngoan cố của hai thành viên ông đã cho bắt giữ. Hoàn cảnh đó rất ít thuận lợi cho việc đi nêu ra một lời cầu xin phù phiếm như của tôi.

Tôi vẫn quyết định chạy theo cơ may được tiếp kiến mặc dù có vẻ không ít kỳ cục. Sáng hôm sau tôi thuê một chiếc xe ngựa đi Strelna, cầm bức thư gửi tướng Rodna, tùy tùng của Hoàng thân và đơn

thỉnh cầu Hoàng đế. Sau hai giờ đi trên một con đường rất đẹp, bên trái là những ngôi nhà nông thôn, bên phải những cánh đồng trải dài đến vịnh Phần Lan, chúng tôi đến tu viện Saint Serge, đất thánh được tôn kính nhất của Alexandre Nevski và mười phút sau vào tới làng. Đoạn giữa Đường Lớn và gần trạm, chúng tôi quay sang phải, mấy giâu sau thì tôi đứng trước lâu đài. Lính gác ngăn tôi lại, tôi đưa ra bức thư chuyển cho ông De Rodna và người ta để cho tôi đi qua.

Tôi bước lên tam cấp, vào tiền sảnh. Ông De Rodna đang làm việc với Hoàng thân. Người ta bảo tôi chờ ở phòng khách, cửa phòng nhìn ra những khu vườn đẹp có con kênh chạy thẳng ra biển, trong lúc một sĩ quan cầm bức thư của tôi đi, một lát sau viên sĩ quan ấy trở lại và bảo tôi vào.

Hoàng thân đứng tựa vào lò sưởi và tuy mới cuối tháng chín nhưng thời tiết bắt đầu lạnh, ông đang đọc cho xong bức công điện cho ông De Rodna ngồi viết. Tôi không ngờ được đưa vào nhanh thế nên dừng lại ở ngưỡng cửa, ngạc nhiên không ngờ được gặp mặt ông quá nhanh. Cánh cửa vừa khép lại, ông đưa đầu ra phía trước, không một cử động thân hình và đôi mắt xoi mói nhìn vào tôi.

- Người nước nào? – ông hỏi.
- Nước Pháp, thưa điện hạ.
- Anh bao nhiêu tuổi?
- Hai mươi sáu.
- Tên gì?
- G...
- Chính anh muốn nhận được một chứng chỉ thầy dạy đánh kiếm trong một trung đoàn của Hoàng đế anh tôi?
- Đó là mục đích toàn bộ tham vọng của tôi.
- Anh bảo anh là người có sức mạnh hàng đầu?
- Tôi xin Điện hạ thứ lỗi về điều đó, tôi không nói như thế vì không phải tôi nói điều ấy.
- Không, nhưng anh nghĩ thế.
- Điện hạ biết tính tự phụ là tật xấu nổi trội của loài người khốn khổ; vả lại tôi có tổ chức một cuộc đấu. Xin Điện hạ hãy hỏi xem.
- Tôi biết việc gì đã xảy ra, nhưng anh chỉ đấu với kẻ không chuyên với sức lực loại hai.
- Vì thế tôi đã gượng nhẹ đôi với họ.
- A! Anh đã gượng nhẹ, nếu không gượng nhẹ họ thì sẽ ra sao nhỉ?
- Tôi sẽ đâm trúng họ mười lần trong khi họ chỉ đâm nổi tôi hai lần.
- A! A!...Nhu vậy, thí dụ với tôi anh sẽ đâm mười lần chống với hai lần?
- Cái đó cũng còn tùy.
- Thế nào? Cũng tùy?
- Vâng, tùy theo Điện hạ muốn tôi đối xử ra sao. Nếu Điện hạ bắt tôi đối xử với tư cách Hoàng

thân, chính Ngài đâm trúng tôi mười lần và tôi chỉ đâm trúng ngài có hai lần; nếu Điện hạ cho phép tôi đối xử như mọi người, lúc ấy chắc tôi chỉ bị đâm hai lần và ngài sẽ bị mười lần.

- Lubenski – Hoàng thân xoa tay kêu lên – Lubenski, đưa kiếm cho tôi. A! A! Ông khoác lác, chúng ta xem nào!

- Điện hạ cho phép thế nào?

- Điện hạ tôi không cho phép, Điện hạ tôi muốn anh đâm trúng mười lần, anh không lùi bước chứ?

- Khi tôi đến lâu đài Strlna thì là để phục vụ Điện hạ. Xin ngài ra lệnh.

- Thế thì cầm cây kiếm, đeo mặt nạ này, chúng ta thử xem.

- Đây là do Điện hạ buộc tôi.

- Đúng! Trăm lần, nghìn lần, triệu lần đúng!

- Tôi sẵn sàng.

- Phải đâm trúng tôi mười lần, anh nghe rõ chứ? – hoàng thân nói và bắt đầu tấn công tôi – mười lần, không thiếu một. Tôi không nhân nhượng anh một lần nào đâu. Ha! Ha!

Mặc dù Hoàng thân nói thế, tôi chỉ đỡ gạt, thậm chí không đánh lại lần nào.

- Thế nào? – ông nóng nảy kêu lên – tôi nghĩ anh gượng nhẹ đôi với tôi. Coi chừng. Coi chừng. Ha! Ha!

Qua tấm mặt nạ tôi thấy mặt ông đỏ lên, đôi mắt vẫn tia máu.

- Sao? Những mười cú ấy đâu?

- Thừa Điện hạ, việc tôn kính...

- Vứt cái tôn kính ấy đi và cứ đâm, đâm!

Tôi sử dụng ngay sự cho phép, đâm trúng ông ba lần liền.

- Tốt đấy! Tốt! – ông kêu lên – Đến lượt tôi. Đây, Ha! Trúng, trúng...

- Đúng thế, tôi nghĩ Điện hạ không gượng nhẹ tôi và tôi phải thanh toán với ngài.

- Thanh toán đi. Ha! Ha!

Tôi đâm trúng ông bốn lần nữa và trong lúc đánh trả ông cũng đâm trúng tôi.

- Trúng! Trúng! – ông vui mừng kêu lên và nói với ông Rodna – anh thấy tôi đâm trúng anh ta hai lần trên bảy.

- Hai lần trên mười, thưa Điện hạ - tôi nói và tấn công ông – Tám... chín... mười... Thế là chúng ta xong nợ.

- Tốt! Tốt! – Hoàng thân kêu lên – tốt nhưng học đánh kiếm không chưa đủ, anh nghĩ kỹ binh của tôi sử dụng nó làm việc gì? Phải dùng gươm. Anh đánh gươm được chứ?

- Cũng gần như đánh kiếm ạ.

- Thế à? Anh có dùng gươm, đứng dưới đất chống nổi một người cưỡi ngựa sử dụng một ngọn

giáo không?

- Tôi nghĩ được, thưa Điện hạ.
- Anh nghĩ, anh không chắc chắn...A! A! Không chắc chắn?
- Vậy thì thưa Điện hạ, tôi chắc chắn.
- A! Anh chắc chắn tự bảo vệ được?
- Vâng, thưa Điện hạ.
- Anh gạt đỡ được một cú đâm bằng giáo?
- Tôi gạt được.
- Chông lại một người cưỡi ngựa?
- Chông lại một người cưỡi ngựa.
- Lubenski! Lubenski! – Hoàng thân lại gọi

Viên sĩ quan lại có mặt.

- Đem lại cho tôi một con ngựa, một ngọn giáo, anh nghe rõ chứ? Nhanh lên! Nhanh lên!
- Nhưng thưa Điện hạ....
- A! Anh lùi bước! A! A!
- Tôi không lùi, thưa Điện hạ, và chông lại bất kỳ người nào khác ngoại trừ Điện hạ, mọi thử thách chỉ là một trò chơi.
- Thế chông lại tôi thì sao?
- Chông lại Điện hạ tôi sợ cả thắng và bại, tôi sợ nếu tôi thắng, ngài có thể quên chính ngài đã ra lệnh....
- Tôi không quên gì cả, vả lại có Rodna đây, tôi ra lệnh cho anh trước mặt ông ta và ra lệnh cho anh xử sự với tôi cũng như xử sự với ông ấy.
- Cũng xin lưu ý với Điện hạ tôi không được thoải mái lắm vì tôi xử sự với Điện hạ vẫn rất tôn kính.
- Nịnh bợ! Kẻ nịnh bợ tôi. Anh tưởng lấy được lòng tôi là tốt, nhưng không ai gây ảnh hưởng với tôi được, tôi tự phán xét, anh nghe rõ chứ? Anh đã thắng lần đầu, chúng ta sẽ xem anh có kết quả tốt ở lần thứ hai không.

Trong lúc ấy viên sĩ quan xuất hiện trước cửa sổ, dắt một con ngựa, tay cầm một ngọn giáo.

- Tốt! – Constantin tiếp tục nói và lao ra ngoài – Ra đây! Còn anh, Lubenski, đưa cho anh ta một thanh gươm tốt, vừa tay, một thanh gươm kỵ sĩ. A! A! Xem nào! Vào tư thế sẵn sàng đi, ông thầy dạy đánh kiếm. Tôi chỉ gọi anh như thế hoặc tổng đi như những tay bắt tài trong quân đội Rodna đây, là người cuối cùng, đã sống ba ngày với một vết thương xuyên người.

Nói rồi Constantin nhảy lên lưng ngựa, một đứa con hoang dã của đồng cỏ, bồm và đuôi quét đất. Ông quần ngựa, múa giáo với sự thành thạo nổi bật. Trong lúc đó người ta mang lại cho tôi ba bốn

thanh gươm mời chọn. Tôi giơ tay lấy một thanh bất kỳ.

- Được đấy! Anh sẵn sàng chưa? – Hoàng thân kêu lên.

- Rồi, thưa Điện hạ.

Ông bèn phi ngựa nước đại tới đầu kia con đường. Tôi hỏi ông Rodna:

- Chắc là một trò đùa chứ?

- Ngược lại, không có gì nghiêm túc hơn – ông ta trả lời – đây là mạng sống hoặc vị trí của ông.

Ông hãy đề phòng như trong một trận đánh, tôi chỉ có điều ấy để nói với ông.

Sự việc trở thành nghiêm túc hơn tôi nghĩ, nếu chỉ để tự vệ và đánh trả, tôi có thể gặp may, nhưng ở đây khác hẳn. Với cuộc đấu gươm và giáo sắc, trò đùa trở thành nghiêm trọng. Dù sao, tôi đã nhúng tay vào, không lùi được nữa! Tôi dựa vào thành thạo, dũng cảm, đối mặt với vị Hoàng thân ngổ ngược.

Ông đã đến đầu đường và quay ngựa lại. Dù đã nghe lời ông De Rodna nói thế, tôi vẫn hy vọng đây chỉ là một trò chơi thì nghe thấy ông gọi một lần cuối "Anh đã sẵn sàng chưa?" và giơ ngọn giáo ra phía sau, phi ngựa nước đại. Chỉ lúc ấy tôi mới xác định phải bảo vệ mạng sống của mình và thủ thế. Con ngựa lao vút trên đường, Hoàng thân nằm trên lưng ngựa, khuất sau bõm ngựa đang phất phơ theo gió, tôi chỉ thấy đầu ông giữa hai tai con vật. Đến chỗ tôi, ông cố đâm ngọn giáo vào giữa ngực tôi nhưng tôi gạt bằng với ngón đỡ quãng ba và nhảy sang bên cạnh để con ngựa và người kỵ sĩ theo đà chạy, đi qua luôn không làm hại đến tôi. Thấy cú đâm hụt, Hoàng thân dừng ngay ngựa lại một cách khéo léo tuyệt vời.

- Tốt lắm! Tốt lắm! Chúng ta làm lại.

Và không để thì giờ cho tôi nhận xét gì, ông cho quay ngựa lại trên chân sau, vượt tới và vừa hỏi tôi đã sẵn sàng chưa vừa trở lại, quyết liệt hơn lần đầu. Cũng như lần trước, tôi chăm chú nhìn, không bỏ sót một cử động nào của ông. Năm thời cơ, tôi gạt ngọn giáo theo ngón quãng bốn và nhảy một bước sang phải, người và ngựa lại lướt qua bên cạnh tôi không có hiệu quả như lần trước.

Hoàng thân gầm lên một tiếng. Ông xem cuộc đấu sức này như một trận đánh nhau thật, muốn kết thúc với vinh quang cho mình. Vì vậy lúc tôi tưởng đã xong thì tôi thấy ông chuẩn bị cho cuộc tấn công thứ ba. Lần này thấy chuyện đùa đã kéo quá dài, tôi quyết định sẽ là đòn cuối cùng.

Thật vậy, lúc thấy ông sắp đâm, thay vì gạt đi, tôi chém mạnh vào ngọn giáo gãy đôi làm cho Hoàng thân không còn vũ khí và giật dây cương, lần này đến lượt tôi kìm mạnh đến nỗi con ngựa khuyu xuống chân sau, đồng thời tôi đưa lưỡi gươm vào ngực Hoàng thân. Tướng Rodna hét lên một tiếng khùng khiếp, nghĩ tôi sẽ giết chết ông ta. Constantin chắc cũng tưởng thế vì tôi thấy ông ta tái mặt. Nhưng tôi nhảy lùi một bước và cúi mình trước mặt Đại Quận công:

- Thế đấy thưa Điện hạ, tôi có thể chứng tỏ với quân lính của ngài như vậy nếu như ngài thấy tôi xứng đáng là thầy dạy của họ.

- Đúng! Nghìn lần quái quỷ! Anh xứng đáng và anh sẽ có một trung đoàn làm mất tên tuổi tôi...Lubenski! Lubenski! – ông tiếp tục vừa gọi vừa nhảy xuống ngựa – Dẫn ngựa về chuồng. Còn anh, vào đây tôi sẽ nhận xét vào đơn thỉnh cầu của anh.

Tôi theo Đại Quận công vào phòng khách. Tại đây ông lấy bút ghi vào dưới lá đơn của tôi:

"Tôi xin kính cẩn giới thiệu với Hoàng đế người có tên này, vì nghĩ rằng anh ta hoàn toàn xứng đáng được gia ân như lời khẩn cứu".

- Và bây giờ - ông bảo tôi – cầm lá đơn này đưa trực tiếp cho Hoàng đế. Nếu anh trực tiếp trình bày thì cũng rất có thể vào tù đấy; nhưng theo tôi không mạo hiểm thì chẳng có gì. Vĩnh biệt, nếu có lúc nào đến Varsovie thì ghé thăm tôi.

Tôi nghiêng mình, vui sướng vì đã đạt được kết quả như thế và trở lại trên xe về Saint-Peterbourg mang theo lời nhận xét đầy quyền lực.

Buổi tối tôi đến cảm ơn Bá tước Alexis về lời khuyên của ông tuy suýt làm tôi phải trả giá đắt. Tôi kể lại những gì xảy ra làm Louise rất sợ hãi và mười giờ sáng hôm sau tôi đi Tsarskoï Selo, nơi ở của Hoàng đế, định đi dạo chơi trong những khu vườn của ngài cho đến khi gặp Người, và có nguy cơ bị cầm tù, điều mọi người trình bày thỉnh cầu đều có thể trải qua.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 7

Hoàng cung Tsarskoï Selo chỉ cách Saint-Peterbourg ba bốn dặm nhưng đường đi khác hẳn con đường tôi tới Strelna hôm trước. Không còn những biệt thự xinh đẹp và những mảng rộng trồng ra vịnh Phần Lan nữa, đây là những cánh đồng màu mỡ và những đồng cỏ xanh tươi tốt mới cách đây mấy năm còn là những đám dương xỉ to rậm phát triển từ khi khai thiên lập địa.

Sau một giờ đi đường, vượt qua khu kiều dân Đức, tôi đi ngang qua một dãy đồi, và trên đỉnh một ngọn đồi, tôi bắt đầu nhận thấy cây cối, những cột tháp và vòm dát vàng của ngôi nhà nguyện báo hiệu đã đến chỗ ở của nhà vua.

Hoàng cung Starskoï Selo được xây dựng ngay chỗ trước đây là mái nhà tranh của một bà già người Hà Lan tên là Sara, nơi trước đây Pierre Đệ Nhất có thói quen đến uống sữa. Bà nông dân khôn khéo chết và Pierre thích ngôi nhà vì từ cửa sổ trông ra chân trời rất đẹp, ông tặng cho Catherine ngôi nhà và vùng đất bao quanh làm trang trại. Catherine gọi một kiến trúc sư làm thay đổi hoàn toàn khung cảnh, nghĩa là xây ở đó một lâu đài.

Mặc dù chỗ ở đó đã khá xa so với nguồn gốc trước đây thì dưới con mắt của Elisabeth nó vẫn không lớn lao và hài hoà với quyền lực của một Nữ hoàng Nga, bà cho phá huỷ lâu đài của bố và theo hình vẽ của Bá tước Rastreti, xây dựng một lâu đài thật đẹp. Nhà kiến trúc sư quý tộc nghe nói Versailles là một công trình tráng lệ, ông muốn xây dựng một lâu đài vượt trội hơn. Và khi nghe được tin đồn rằng bên trong lâu đài của một nhà vua vĩ đại, mọi thứ phải dát vàng, ông làm quá lên, cho tấm vàng lên nền tảng bên ngoài của Tsarskoï Selo, những đường rãnh, đường viền, tượng, cho đến mái nhà. Công trình hoàn thành, Elisabeth chọn một ngày lành mời triều thần cùng đại sứ những nước lớn đến khánh thành trạm nghỉ chân chói sáng lộn của bà. Thấy công trình đẹp đẽ, dù bố trí kỳ cục, ai cũng ca ngợi, cho nó là kỳ quan thứ tám của thế giới, trừ Hầu tước La Chetardie, đại sứ nước Pháp, không nói một tiếng, chỉ nhìn ngó xung quanh mình. Hơi tự ái về sự lơ đãng ấy, Nữ hoàng hỏi ông tìm kiếm gì.

- Tôi tìm, thưa Bà – vị đại sứ lạnh lùng trả lời – tôi đang tìm chiếc hộp đựng món đồ chơi đẹp đẽ này.

Thời kỳ ấy người ta vào Viện hàn lâm với một bài thơ bốn câu và bắt từ về một lời nói đúng. Vì vậy ông De La Chetardie tồn tại mãi ở Saint-Peterbourg.

Không may, kiến trúc sư xây dựng cho mùa hè mà quên mất mùa đông. Mùa xuân tiếp theo phải sửa chữa những vật dát vàng ấy và do mùa đông nào cũng hư hỏng, mùa xuân nào cũng phải sửa chữa, Catherine II quyết định thay kim loại bằng một loại vec ni màu vàng bình thường, mái nhà được sơn màu xanh dịu theo phong tục của Saint-Peterbourg. Tiếng đồn về sự thay đổi ấy vừa lan ra thì một tay đầu cơ đến gặp Catherine xin trả giá hai trăm bốn mươi nghìn livres cho tất cả những tấm vàng ấy. Catherine trả lời cảm ơn, không bán những vật dụng cũ.

Giữa những chiến thắng, tình yêu, hành trình, Catherine không ngừng chăm sóc dinh cơ ưa thích của mình. Bà xây dựng cho người cháu trưởng lâu đài nhỏ Alexandre cách hoàng cung một trăm bước chân, cho kiến sư Bush vẽ nhiều khu vườn rộng chỉ thiếu nước. Ông Bush cho xây dựng không ít kênh, mương, thác và hồ, và tin chắc khi đã là Catherine vĩ đại, khi muốn có nước là nước sẽ đến. Thật vậy, người kế nhiệm, ông Bauer, phát hiện thấy ông Demindoff gần đây có một cánh đồng rất đẹp, thừa nước mà nhà vua không đủ dùng. Ông trình bày nạn khô hạn của những khu vườn hoàng cung và ông Demindoff, nhân danh thần dân tận tụy, đã chuyển phần nước thừa ngay sang cho Catherine. Ngay lập tức, mặc dù có những trở ngại, người ta thấy nước chảy đến từ các phía, tràn ra khỏi hồ, phun lên thành tia, đổ xuống thành thác. Việc ấy làm cho Nữ Hoàng Elizabeth phải nói:

- Chúng ta làm náo loạn cả châu Âu nhưng đừng gây gỗ với ông Demindoff.

Thật vậy, trong một lúc khó tính, ông có thể làm cho cả triều đình chết khát.

Được nuôi dạy ở Tsarskoï Selo, Alexandre thừa hưởng của bà nội tình cảm đối với tư dinh. Mọi kỷ niệm thời thơ ấu, nghĩa là quá khứ vàng son của cuộc đời ông gắn chặt với tư dinh này. Chính trên

những bãi cỏ của lâu đài, ông đã đi những bước đầu tiên, những con đường ông tập lên ngựa, những chiếc hồ ông học làm thủy thủ. Vì vậy mới bắt đầu thời tiết tốt, ông chạy ngay đến Tsarskoï Selo, và chỉ rời khỏi nơi này khi tuyết bắt đầu rơi.

Chính tại Tsarskoï Selo tôi tới để đi theo ông, tự hứa phải gặp ông cho kỳ được.

Vì vậy sau một bữa sáng đơn sơ ăn vội ở khách sạn Phục Hưng, tôi vào trong công viên, tuy có lính gác nhưng ai cũng có thể vào đây đi dạo. Trời bắt đầu lạnh nên công viên vắng người. Cũng có thể người ta hạn chế vào đây vì tôn trọng không muốn quấy rầy nhà vua. Tôi đã biết đôi khi ông đi dạo cả ngày ở đây, trên những con đường âm u nhất. Vì vậy tôi đi may rủi, bước lên phía trước và gần như tin chắc sau khi dò hỏi, sẽ gặp được ông. Và lại tôi cho rằng dù không may thì tôi cũng không thiếu những thứ để giải trí và thoả trí tò mò.

Thật vậy, chẳng mấy chốc, tôi đụng phải một thị trấn Trung Hoa, một nhóm xinh xắn gồm mười lăm ngôi nhà, mỗi nhà có cửa ra vào, máy ướp lạnh và khu vườn dùng làm chỗ ở cho tùy tùng của Hoàng Đế. Ở giữa thị trấn là một ngôi nhà theo hình ngôi sao dùng làm nơi khiêu vũ và hoà nhạc, một căn phòng đầy cây xanh dùng làm văn phòng, bốn góc căn phòng ấy là bốn bức tượng quan lại to bằng người thật đang hút ống điếu. Một hôm vào ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ năm mươi tám của mình, Catherine dạo chơi trong vườn cùng triều thần, bước vào gian phòng ấy, ngạc nhiên thấy khói từ ống điếu toả ra, bốn viên quan lại duyên dáng quay đầu, liếc mắt nhìn bà. Catherine lại gần hơn để nhìn rõ hiện tượng ấy. Lúc ấy bốn viên quan lại bước xuống khỏi bệ, lại gần và quỳ xuống theo đúng nghi lễ Trung hoa, đọc những vần thơ ca tụng. Bốn quan lại ấy là Hoàng thân Ligne, ông De Ségur, ông De Conbenzl và ông Potemkine.

Tôi đã liên tiếp thăm đài tưởng niệm Grégoire Orloff, ngọn tháp người chiến thắng Schesma và động Pausilipe. Đã bốn tiếng đồng hồ lang thang trong khu vườn có những ao hồ, đồng bằng và rừng cây, tôi bắt đầu thất vọng vì không gặp được người mình đến tìm, thì lúc đi qua một con đường lớn, thì bỗng thấy một viên sĩ quan mặc áo choàng có đuôi chào tôi rồi tiếp tục đi trên một con đường nhánh. Phía sau tôi có một chàng trai làm vườn đang dẫy cỏ; tôi hỏi anh viên sĩ quan nào mà lễ độ như vậy, anh ta trả lời "Hoàng đế đấy".

Tôi vội lao ngay vào một con đường cắt ngang con đường nhà vua đang đi dạo, vừa được tám mươi bước, tôi lại thấy Người và không còn đủ sức để đi thêm nữa.

Nhà vua dừng lại một lúc, thấy tôi vì tôn trọng không đến gần Người, bèn tiếp tục đi về phía tôi. Tôi đứng bên lề đường, tay cầm mũ chờ và trong lúc Người tiến bước, chân hơi khập khiễng vì một vết thương lúc đi du lịch trên sông Đông vừa kịp khép miệng, tôi nhận ra Người đã thay đổi rất nhiều kể từ lần tôi gặp ở Paris cách đây chín năm. Khuôn mặt Người trước kia cởi mở, vui vẻ đến thế, đã u ám vì một nỗi buồn bệnh hoạn, rõ ràng có thể nói một nỗi buồn sâu sắc đang giày vò Nhà vua. Tuy vậy nét mặt vẫn thể hiện sự khoan dung nên gần như tôi vững tâm trở lại và lúc Người đi qua, tôi bước

lên một bước và nói:

- Tàu Bệ hạ.
- Ông đội mũ vào – Người bảo – Trời rất lạnh, không nên để đầu trần.
- Xin Bệ hạ cho phép...
- Đội mũ vào, ông đội mũ vào.

Và như thấy lòng tôn trọng ngăn cản tôi chấp hành lệnh ấy, một tay Người cầm chiếc mũ đội lên đầu tôi, tay kia nắm chắc tay tôi buộc tôi cứ giữ nguyên như thế. Sau khi thấy tôi không cưỡng lại, Người nói với tôi:

- Bây giờ ông cần gì ở ta?
- Tàu Bệ hạ, tôi mong Ngài nhận đơn thỉnh cầu này.

Tôi rút lá đơn trong túi ra, ngay lúc đó nét mặt Hoàng đế sa sầm.

- Ông theo đuổi ta ở đây, ông có biết ta rời Saint-Peterbourg là để tránh những đơn thỉnh cầu không?
- Có, thưa Bệ hạ - tôi trả lời – tôi không che giấu nổi táo tợn trong việc làm này nhưng lá đơn này có lẽ hơn mọi đơn khác sẽ được Bệ hạ bao dung, lá đơn có lời nhận xét đề nghị.
- Do ai? – Hoàng đế ngắt lời ngay.
- Do người em cao cả của Bệ hạ, Đại Quận công Constantin.
- À! – Hoàng đế nói, đưa tay định cầm nhưng liền rút lại.
- Vì thế - tôi nói – tôi hy vọng Bệ hạ châm chước thói quen, chiếu cố nhận lấy lá đơn này.
- Không, tôi không nhận đâu vì ngày mai người ta sẽ đưa tới hàng nghìn và ta buộc phải tránh khu vườn này vì không còn được ở một mình nữa.

Nhưng thấy nét mặt thất vọng của tôi, Người chỉ tay về phía nhà thờ Saint Sophie:

- Ông bỏ lá đơn của ông và hộp thư kia, ngày hôm nay ta sẽ xem và ba ngày sau ông sẽ được trả lời.
- Tàu Bệ hạ, xin đội ơn Bệ hạ.
- Ông có muốn chứng minh điều đó không?
- Ồ, Bệ hạ lại hỏi tôi điều ấy sao?
- Thế thì đừng nói với ai ông đã trình ta một lá đơn thỉnh cầu mà không bị trừng phạt. Chào ông.

Hoàng đế bước đi, để lại tôi sững sốt vì lòng nhân hậu hơi buồn của Người. Tôi theo lời khuyên, bỏ lá đơn vào hộp thư. Ba ngày sau, như Người đã hứa, tôi được trả lời.

Đây là chứng chỉ thầy dạy đánh kiếm của tôi trong đội công binh hoàng gia, với cấp bậc đại úy.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 8

Kể từ thời điểm này, khi đã có vị trí tương đối ổn định, tôi quyết định rời khỏi khách sạn Londres và thuê nhà riêng. Kết quả là tôi chạy khắp thành phố. Trong những chuyến đi thăm dò này, tôi thật sự biết Saint-Peterbourg và dân cư ở đây.

Bá tước Alexis đã giữ lời hứa. Nhờ ông giúp ngay từ đầu tôi đã có được một câu lạc bộ học viên mà nếu không có giới thiệu của ông thì cả một năm quảng cáo tôi cũng không có nổi. Đây là ông Narinski, người anh em họ của Hoàng Đế, ông Paul de Robrinski, cháu thừa nhận của Grégoire Orloff và Đại Nữ Hoàng, ông hoàng Traubetskoï, Đại tá trung đoàn Prébouvjenskoï, ông De Gorgoli, người đứng đầu ngành cảnh sát, nhiều quý tộc khác của các gia đình bậc nhất ở Saint-Peterbourg và cuối cùng là hai ba sĩ quan Ba Lan phục vụ quân đội Hoàng đế.

Một trong những điều làm tôi chú ý là quý tộc Nga lớn tiếp đãi tôi trong gia đình họ rất lễ độ, đức tính đầu tiên của dân tộc còn hiếm hoi tồn tại trong văn hóa của họ. Đúng là Hoàng đế Alexandre, ngài học theo cách của vua Louis XIV tặng cho sáu thầy dạy đánh kiếm lâu năm nhất ở Paris những giấy chứng nhận có giá trị truyền đời, xem việc đánh kiếm là một nghệ thuật chứ không phải là một nghề. Ngài đã chú ý đề cao nghề nghiệp của chúng tôi thông qua việc bổ nhiệm cho chúng tôi những cấp bậc khá cao trong quân đội. Ngoài ra tôi phải thừa nhận không ở nước nào tôi có thể tìm được như ở Saint-Peterbourg tình thân mật quý phái như vậy.

Việc người Nga tiếp đón thân mật làm tăng thêm niềm vui cho những người nước ngoài. Đặc biệt là những ngày sinh nhật và lễ hội trong năm, thêm vào đó là những buổi tiệc tùng vào mỗi dịp đặc biệt trong gia đình. Vì vậy, dù với một số người quen hạn chế, hiếm ngày mà tôi không dự hai ba bữa tiệc hoặc chừng ấy buổi khiêu vũ.

Ở Nga còn có một thuận lợi khác cho các thầy dạy: họ trở thành những người đồng bàn và như một thành viên trong gia đình. Một người thầy sẽ có một vị trí giữa người bạn và người bà con, vị trí này chỉ mất đi nếu phạm phải lỗi lầm.

Đây cũng là tình cảm mà một số học trò muốn đem đến cho tôi, trong số đó có người đứng đầu ngành cảnh sát, ông De Gorgoli. Ông là một trong số người quý phái nhất và có tấm lòng tốt nhất mà tôi được biết. Ông có nguồn gốc Hy Lạp, đẹp, cao lớn, cân đối, thành thạo về mọi thao tác. Chắc chắn cùng với Bá tước Alexis Orloff và ông De Bobrinski, họ là những mẫu người quý tộc thực sự. Trong một thành phố như Saint-Peterbourg, nghĩa là trong Venise của chế độ quân chủ này không một tiếng đồn nào có thể vang xa. Những con kênh của la Moika và Catherine làm cho những cái chết không gây tai tiếng. Lính canh ở mỗi góc đường đôi khi gây kinh hoàng cho người qua lại nhiều hơn là đẹp

đi nỗi lo sợ cho họ. Sĩ quan cao cấp Gorgoli là người thực sự bảo vệ an ninh cho cả thành phố. Thấy ông không ngừng đi lại trên một chiếc xe nhẹ bốn ngựa chạy nhanh như hươu nai và mỗi ngày thay thế bốn lần, qua mười hai khu trong thành phố, các chợ và cửa hàng, người dân nào cũng bình tĩnh đóng cửa về đêm, tin chắc vị cứu tinh ấy của mình vẫn mở mắt trong bóng tối. Tôi chỉ đưa ra một minh chứng cho sự cảnh giác liên tục ấy, đã mười hai năm là người đứng đầu ngành cảnh sát, ông De Gorgoli không rời xa Saint-Peterbourg một ngày nào.

Sau mấy ngày tìm kiếm, tôi tìm được trên bờ kênh Catherine, nghĩa là ở trung tâm thành phố, một căn nhà khá tốt, nội thất đầy đủ, chỉ còn cần bổ sung chăn đệm, một giường nằm cho những ông chủ lớn.

Phần khởi về chỗ ở mới tìm được, tôi đi từ kênh Catherine trở lại Amirauté và bỗng muốn vào tắm hơi, không nghĩ ra đó là ngày chủ nhật. Ở Pháp đã nghe nói nhiều về loại tắm kiểu này nên đi qua một nhà tắm hơi tôi liền ghé vào. Tôi đứng chen chúc trước cửa, phải trả hai rúp rưỡi, tương đương với năm mươi xu của Pháp. Người ta đưa cho tôi một vé vào cửa và dẫn lại phòng đầu tiên để thay quần áo. Phòng này giữ ở nhiệt độ bình thường.

Trong lúc tôi cởi quần áo với khoảng một chục người khác, một cậu con trai đến hỏi tôi có mang theo người hầu không và khi nghe trả lời là không, cậu hỏi tôi muốn người kỳ cọ vào độ tuổi nào, trả giá bao nhiêu, và giới tính nào. Tôi không hiểu những luật lệ ở đây nên yêu cầu cho biết rõ hơn. Chàng trai giải thích đàn ông, trẻ em thuộc cơ sở này lúc nào cũng sẵn sàng phục vụ, còn đàn bà thì phải gọi ở một nhà gần đấy.

Dù người được chọn lựa là ai, cũng phải cởi trần truồng như người tắm, cùng vào trong phòng thứ hai để được đốt nóng. Tôi ngăn người ngạc nhiên một lúc rồi tò mò e thẹn, tôi chọn luôn cậu con trai đã hỏi tôi. Vừa nói xong, cậu ta đi lấy một nắm que treo trên chiếc đỉnh và chỉ trong chốc lát cũng trần truồng như tôi.

Cậu mở ngay một cánh cửa và đẩy tôi vào căn phòng thứ hai.

Hãy tưởng tượng ba trăm con người hoàn toàn trần truồng, đủ mọi lứa tuổi, giới tính, đàn ông, đàn bà, trẻ em, người già. Một nửa quát roi vào người kia, với những tiếng kêu, tiếng cười, những vắn vẹo kỳ lạ, không một ý nghĩ thẹn thùng. Ở nước Nga thời ấy dân chúng bị khinh rẻ đến mức người ta xem thói quen của họ như của loài vật và cảnh sát xem quan hệ tình dục có lợi cho dân số và cho đó là của cải của tầng lớp quý tộc.

Sau mười phút, chịu nóng không nổi, tôi trở lại phòng đầu, mặc lại quần áo và đưa cho cậu bé hai rúp, ra khỏi nhà tắm. Phản ứng như vậy có vẻ rất bình thường nên không ai chú ý đến tôi.

Tôi đi theo con đường Phục Hưng, tâm trí đang băn khoăn về điều vừa chứng kiến thì đụng phải một đám đông chen chúc đi vào sân một ngôi nhà rất đẹp. Tò mò, tôi xếp hàng đi vào theo thì thấy người ta đang chuẩn bị trừng phạt một nô lệ bằng roi da. Tôi chuẩn bị rút lui vì cảm thấy không đủ sức nhìn

một cánh như thế thì một cửa sổ mở ra, hai cô gái đem đặt ở ban công một chiếc ghế phôi toại và một tấm đệm gấm. Phía sau hai cô gái xuất hiện một người đàn bà mà chân tay có vẻ yếu ớt như sợ đụng chạm với đá nhưng đôi mắt thì không sợ trông thấy máu. Tiếng thì thầm lan khắp đám đông "La Gossudarina! La Gossudarina!" khẽ được nhắc đi nhắc lại.

Thật thế, tôi nhận ra giữa đám lông thú đầy mình, người đẹp Machinka của vị bộ trưởng. Một trong những bạn cũ của cô vô lễ và người ta nói cô đòi hỏi một hình phạt để làm gương cho những người khác để họ không mắc lỗi tương tự. Người ta tưởng sự trả thù chỉ có thể, nhưng đã làm. Cô còn muốn xem kẻ phạm tội bị trừng phạt. Tuy Louise đã nói về tính tình độc ác của cô, tôi hy vọng cô chứng kiến để làm duyên hoặc ít nhất làm dịu đi sự hành hạ nên tôi bèn ở lại xem.

La Gossudarina đã nghe tiếng thì thầm khi bước ra nhưng thay vì sợ hãi hay hổ thẹn, cô đưa mắt nhìn đám đông, thái độ kiêu kỳ và láo xược đến mức một bà hoàng cũng không dám làm hơn thế. Ngồi dựa trên chiếc phôi toại, tì cùi chỏ vào tay ghế, cô để đầu lên một bàn tay còn tay kia vuốt ve một con chó săn thỏ con nằm dài trên đùi cô.

Hình như người ta chỉ chờ cô có mặt để bắt đầu cuộc trừng phạt vì người đẹp vừa ra ban công thì một cánh cửa dưới thấp mở, người phạm tội bước giữa hai nông dân mỗi người nắm một dây trói quanh cổ tay. Tiếp theo là hai người thừa hành khác mỗi người cầm một chiếc roi da. Nạn nhân là chàng trai có bộ râu vàng, khuôn mặt vô cảm với những nét kiên nghị. Trong đám đông nổi lên một tiếng xì xào lạ; một số người nói chàng là trưởng nhóm công nhân làm vườn của vị bộ trưởng. Khi còn là nô lệ, Machinka đã yêu anh, sắp cưới nhau thì vị bộ trưởng để mắt tới cô, chọn cô làm nhân tình. Từ lúc ấy với một sự quay ngoắt lạnh lùng, La Gossudarina căm thù chàng trai và đã hơn một lần anh phải chịu hậu quả của sự thay đổi ấy. Hình như cô sợ ông chủ nghi ngờ cô còn giữ một số tình cảm với người tình cũ. Hôm trước cô gặp anh trên đường đi trong khu vườn, nghe anh nói vài tiếng gì đó rồi cô hét lên, và anh đã chửi rủa cô. Khi ông bộ trưởng về đến nhà, cô đòi ông phải trừng phạt kẻ phạm tội.

Những chuẩn bị cho việc hành hạ đã được sắp đặt trước. Một tấm ván đặt thoải thoải với một vòng xích bó cổ nạn nhân, hai cọc dựng hai bên để trói tay, còn chiếc roi da có cán dài khoảng hai bộ, nối với một sợi dây da dài gấp hai lần tay cầm, phần cuối là một vòng sắt gắn một sợi dây da khác dài bằng nửa sợi dây đầu, rộng bằng hai ngón tay ở phần đầu, nhỏ dần và kết thúc nhọn đầu. Người ta nhúng phần này vào trong sữa, phơi khô cho cứng lại, nhọn như mũi dao nhíp. Thường cứ đánh được sáu lần thì người ta thay phần dây da vì da đã bị mềm đi, nhưng trong trường hợp này thì không cần thay. Người bị kết tội phải chịu mười hai roi mà đã có hai người đánh. Những người thực này không ai khác là những người đánh xe của vị bộ trưởng, họ đã thành thạo quất roi, không phải vì không có tình cảm với bạn mà đơn giản chỉ vì họ phải nghe lời chủ, thế thôi. Và lại thường thường những người đánh còn trở thành người bị đánh. Thời gian ở Nga, tôi đã hơn một lần chứng kiến những ông

chủ lớn trong lúc giận dữ người hầu và trong tay không có gì để đánh họ, đã ra lệnh người này nắm tóc đám vào mũi người kia. Lúc đầu họ có dè dặt, ngần ngại làm theo lệnh, nhưng rồi bị đánh đau quá người nào cũng hăng lên, đâm nhau thật lực, còn ông chủ không ngớt kêu lên "Đánh mạnh vào! Đồ vô lại! Đánh mạnh nữa vào!" Cuối cùng khi thấy đã trừng phạt đủ, ông ta chỉ nói "Thôi!" Cuộc đánh đâm chầm dứt như có phù phép, các đối thủ đi rửa mặt đầy máu ở cùng một giếng nước và trở về khoác tay nhau thân mật như không có gì xảy ra giữa họ.

Lần này người bị kết tội không được nương tay, nhưng cung cách hành hạ cũng đủ làm cho tôi xúc động sâu sắc, tự cảm thấy mình bị chôn chân tại chỗ trước sự mê muội của con người; vả lại tôi muốn xem người đàn bà này tàn ác tới đâu.

Hai người hành tội lại gài chàng trai, lột áo đến tận thắt lưng, bắt nằm dài trên tấm ván, khoá cổ vào vòng sắt, trói tay vào hai cột hai bên. Một người làm một vòng tròn tách đám đông ra, dành cho người xem cảnh rùng rợn này một khoảng hình vòng cung để không vướng mắc gì. Người kia lấy đà, nhón chân, quất mạnh xuống, làm sợi dây da quấn hai vòng quanh thân nạn nhân, để lại một vết xanh sẫm. Dù đau đớn mức nào, con người khôn khổ ấy vẫn không kêu một tiếng.

Đến cú đánh thứ hai, làn da ứa máu.

Cú đánh thứ ba, máu tóe ra.

Từ lúc này ngọn roi quất hẳn vào thịt, người đánh phải bóp vào roi da để máu chảy bớt ra.

Sau sáu roi đầu, người đánh khác thay chỗ với một ngọn roi mới. Từ ngọn roi thứ năm cho đến thứ mười hai, người bị đánh chỉ thể hiện cảm nhận qua bàn tay nắm chặt, không một cử động thân thể, người ta có thể nghĩ anh đã chết.

Hành hạ xong, người ta mở trói cho nạn nhân, anh gằn ngất đi, hầu như không đứng vững, thế nhưng anh không kêu rên. Tôi không hiểu vì sao anh vô cảm và can đảm đến như thế được.

Hai người nông dân diu anh, đưa anh trở lại cánh cửa nơi từ đó anh đã đi ra. Lúc vào, anh quay lại nhìn Machinka lẩm bẩm mấy câu tiếng Nga tôi không hiểu được. Chắc đây là lời chửi rủa hoặc đe dọa vì mấy anh bạn đẩy anh vào trong rất nhanh. Đáp lại, La Gossidarina chỉ cười nhạt khinh miệt và rút một chiếc hộp từ trong túi, mở ra lấy mấy chiếc kẹo cho con chó yêu. Gọi các nô lệ đến dựa vào vai họ rời khỏi chỗ ngồi.

Cánh cửa sổ khép lại và đám đông thấy mọi việc đã xong cũng lặng lẽ giải tán. Một số người lắc đầu như muốn nói một hành vi vô nhân đạo như thế ở một người trẻ đẹp sớm muộn sẽ bị Chúa phạt.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 9

Catherine đã nói ở Saint-Peterbourg không có một mùa đông một mùa hè, mà có hai mùa đông, một mùa đông trắng, một mùa đông xanh.

Sắp tới mùa đông trắng và tôi không khỏi tò mò chờ đợi hiện tượng này. Hoàng thân Constantin đã trở lại Varsovie, vì không phát hiện được gì về âm mưu đã khiến ông phải về Saint-Peterbourg, và Hoàng đế Alexandre cảm thấy chung quanh mình có một âm mưu lớn, nên đã chia tay với những rừng cây đẹp ở Tsarskoï Selo, bây giờ lá rụng phủ đầy mặt đất. Những ngày đầy nắng và những đêm trắng mờ đã biến mất, không còn màu xanh da trời, không còn ngọn lam cuộn trôi cùng những làn sóng trên sông Neva, không còn những điệu nhạc thoang thoảng trong gió, những chiếc thuyền chở đầy phụ nữ và hoa. Tôi những muốn thăm lại một lần nữa những hòn đảo đẹp khi mới đến tôi thấy phủ đầy cây lạ, lá dày, hoa nở rộng, nhưng cây đã được đưa vào nhà kính trong tám tháng. Tôi tới tìm những lâu đài, miếu mạo, những công viên tươi đẹp, chỉ thấy những ngôi nhà sương mù bao bọc, chung quanh là những cây sồi đã rụng hết lá và những cây thông giờ những cánh tay mang viền tang tóc, mà cư dân là những loài chim đã nhảy nhót suốt mùa hè đã bay khỏi Saint-Peterbourg đi ẩn náu. Tôi đã làm theo lời khuyên của ông bạn Lyon gặp ở bàn ăn khi vừa đến là cuộn đầy quần áo lông thú mua ở chỗ ông này, chỉ còn chạy từ đầu đến cuối phố dạy những bài học đánh kiếm mà cuối cùng hầu như đều chuyển thành trò chuyện thay vì những bài trình diễn hoặc tấn công. Nhất là ông Gorgoli, sau mười ba năm đứng đầu ngành cảnh sát, đã xin từ chức vì một cuộc tranh cãi với tướng Miladorovitch, thị trưởng thành phố, và trở về đời thường, cảm thấy cần nghỉ ngơi sau một thời gian dài hoạt động. Ông Gorgoli đôi lúc yêu cầu tôi để nhiều giờ liền kể cho ông nghe về nước Pháp và những công việc của tôi như với một người bạn. Sau ông, ông De Bobrinski tỏ ra mến tôi nhất và trong những thứ quà cáp cho tôi, ông đã tặng tôi một thanh gươm Thổ Nhĩ Kỳ rất đẹp. Còn Bá tước Alexis, luôn là người bảo trợ nhiệt tình tuy hiếm khi gặp được ông, do ông luôn bận rộn với những cuộc họp mặt bạn bè ở Saint-Peterbourg và cả ở Moscou. Hai thủ đô này cách nhau hai trăm dặm nhưng ông không ngừng di chuyển trên con đường này vì con người Nga này là một tổng hợp lạ lùng về sự mâu thuẫn và tính tình mềm yếu, dễ lao vào hoạt động sốt sắng vì buồn phiền!

Chỉ thỉnh thoảng tôi mới gặp ông ở nhà Louise. Tôi thấy cô đồng hương có một nỗi buồn sâu sắc trông càng ngày càng trở nên rầu rĩ. Khi gặp một mình cô, tôi hỏi cô nguyên nhân về nỗi buồn ấy, cho rằng vì ghen tuông đàn bà. Khi tôi đề cập đến vấn đề ấy, cô lắc đầu và nói rất tin tưởng ở Bá tước Alexis, làm cho tôi bắt đầu nghĩ đây là do ông tham gia tích cực vào một âm mưu bí mật mà người ta đang nói tới, cũng không biết gồm những ai và chống lại ai. Còn ông, có thể đại diện cho một thái độ đáng tôn vinh của những người Nga mưu phản, tôi nhớ không một lần thấy có sự thay đổi nhỏ nào trong nét mặt, tính tình.

Ngày 9 tháng 11 năm 1824, sương mù dày đặc bao phủ thành phố và đã ba ngày làn gió tây nam lạnh và ẩm ướt thổi mạnh từ vịnh Phần Lan, sông Neva cuộn sóng như mặt biển. Nhiều đám đông tập trung trên bến cảng, mặc gió rét thổi rất mạnh, lo lắng theo dõi con sông lông lộn và tính đếm những vòng chỉ mực nước dâng lên, gấn xen kẽ nhau dọc theo bức tường đá granit. Một số người đứng cầu nguyện dưới chân tượng Đức Bà trước đây suýt làm Pierre Đại Đế từ bỏ ý định xây dựng thành phố hoàng gia, đã tính mức sông lên đến tầng hai các ngôi nhà. Trong thành phố ai cũng sợ hãi khi thấy nước giếng chảy mạnh, các giòng nước xuất hiện cuộn cuộn như bị một sức mạnh lạ dồn ép trong những kênh ngầm. Cuối cùng có một cái gì đó u tối tràn khắp thành phố, chỉ rõ một tai họa lớn sắp đến gần.

Chiều đến những trạm báo hiệu được bố trí gấp đôi ở khắp nơi.

Ban đêm một cơn giông tố dữ dội nổi lên. Người ta ra lệnh nâng hẳn những chiếc cầu để tàu bè vào tránh bão ở trung tâm thành phố. Cả đêm tàu ngược dòng Neva vào thả neo trước pháo đài giống như những con ma trắng.

Tôi ở nhà Louise đến nửa đêm. Cô càng lo sợ vì Bá tước Alexis được lệnh tập trung ở trại kỵ binh cận vệ. Việc phòng thủ bố trí y như khi thành phố ở trong tình trạng chiến tranh. Rời nhà cô, tôi đi một lúc trên bến cảng. Sông Neva bị khuấy động mạnh nhưng nước chưa dâng cao rõ rệt, thỉnh thoảng về phía biên có những tiếng lạ, như tiếng rên rỉ kéo dài.

Tôi trở về nhà. Trong nhà chưa ai ngủ. Một cơn lạch chảy trong sân, từ lâu nước đã tràn vào tầng trệt. Người ta bảo ở những chỗ khác nước toé ra, nâng cả những viên gạch. Thực vậy, đi trên đường tôi cảm thấy như nước đang chảy ngầm giữa những tảng đá nhưng không nghĩ đến nạn lụt vì chưa bao giờ tôi biết đến nó. Tôi lên căn hộ ở tầng ba rất yên ổn. Tuy nhiên ít lâu sau tôi nhận thấy những người khác bị náo động hơn bản thân tôi nên không ngủ được. Nhưng rồi quá mệt mỏi, tôi thiếp đi theo nhịp âm ì của cơn dông bão.

Đến tám giờ sáng thì tôi thức dậy vì một tiếng súng ca nông. Tôi quàng chiếc áo mặc trong phòng và chạy lại cửa sổ. Đường phố xôn xao khác thường. Tôi vội mặc quần áo và chạy xuống.

- Tiếng súng ca nông ấy là thế nào? – tôi hỏi một người đang mang chăn đệm lên tầng hai.
- Nước đang lên, thưa ông.

Ông ta trả lời rồi tiếp tục đi lên. Tôi xuống đến tầng trệt, nước lên đến mắt cá tuy sàn nhà vốn cao hơn mặt đường ba bậc thềm. Tôi chạy ra ngưỡng cửa ra vào, phần giữa con đường bị ngập, xe đi lại làm dồn sóng lên mặt hè đường.

Tôi thấy một chiếc xe ngựa liền gọi lại nhưng người đánh xe từ chối chờ đi vì muốn nhanh chóng trở về trạm. Tôi đưa một tờ giấy bạc hai mươi rúp làm anh ta quyết định chờ tôi đi. Tôi nhảy lên xe, chỉ hướng nhà Louise, đại lộ Nevski. Nước lên đến khoeo chân ngựa và cứ năm phút người ta lại bắn ca nông và bắn từng phát. Những người tôi gặp đều nói "Nước đang lên!"

Tôi đến nhà Louise. Một người lính đi ngựa đang dừng lại trước cửa. Anh được Bá tước Alexis cử phi nước đại đến nói cho cô hãy dọn lên tầng cao nhất của toà nhà để tránh hốt hoảng. Gió vừa trở hướng tây dồn nước vào sông Neva, trông như biển đang tranh chấp với sông. Người lính làm xong nhiệm vụ khi tôi bước vào nhà, anh phi ngựa về trại lính, bụng ép xuống mình ngựa, làm tung toé nước quanh mình. Súng ca nông vẫn bắn.

Tôi đến vừa đúng lúc. Louise đang sợ chết khiếp. Có lẽ sợ cho mình ít hơn cho Bá tước Alexis, vì trại lính trong khu Narva sẽ là nơi bị lụt đầu tiên. Tin tức những lính vừa đưa tới cũng làm cô yên tâm được đôi chút. Chúng tôi cùng nhau lên tầng thượng, nơi cao nhất trong nhà, bao quát được thành phố. Trong những ngày đẹp trời, ở đây nhìn thấy biển, nhưng lúc này sương mù dày đặc, chân trời rất gần và chỉ thấy một đại dương hơi nước.

Ca nông bỗng bắn gấp gấp, ở quảng trường Amirauté chúng tôi thấy những chiếc xe chở thuê tuôn ra trên các đường phố từ mọi hướng. Những người đánh xe thấy nước ngâm tràn ra khắp nơi thì nghĩ đây là một dịp đầu cơ tốt, tập trung ở những bến đỗ thường ngày. Họ kêu lên "Nước lên! Nước lên!" thúc giục mọi người chạy lụt. Và như thế, phía sau những chiếc xe như để đuổi theo, một đợt sóng cao nhô lên nước xanh lên quá bến cảng, đập vào góc cầu Isaac, tung bọt đến tận chân tượng đài Pierre Đại Đế.

Người ta nghe một tiếng kêu sợ hãi như cả thành phố đều trông thấy làn sóng ấy. Nước sông Neva tràn bờ.

Qua tiếng kêu, tầng thượng cung điện Mùa Đông tràn đầy quân phục. Hoàng đế, Ban tham mưu lên để chỉ huy vì tai nạn mỗi ngày một cấp bách. Người ta thấy nước đã lên quá nửa tượng đài liền nghĩ ngay đến những người tù khổ sở bị giam trong các hầm song sắt trước mặt bờ sông. Chủ một chiếc thuyền được lệnh nhân danh Hoàng đế đến báo với quản trị trưởng đưa họ ra khỏi nhà tù, đến nơi an toàn hơn. Chiếc thuyền đến quá chậm, trong lúc lộn xộn người ta đã bỏ quên họ. Họ bị chết hết.

Trong lúc đó chúng tôi thấy phía trên cung điện Mùa Đông chiếc du thuyền Hoàng gia tiến lại gần để nếu cần có thể chở Hoàng đế và gia đình. Nước lúc ấy phải ngang mức lan can bến cảng. Chúng tôi thấy một người đánh xe vùng vẫy với con ngựa kéo, và hiểu rằng trên đường phố không đi lại được nữa. Người đánh xe nhảy xuống bơi lại phía một cửa sổ và được kéo lên ban công tầng hai.

Mãi chứng kiến cảnh ấy, chúng tôi không nhìn về phía sông Neva. Lúc quay lại, chúng tôi thấy hai chiếc thuyền lớn trên quảng trường Amirauté. Nước lên cao đến mức thuyền đi qua những dây lan can, Hoàng đế cho thuyền đến cứu những người sắp chết đuối. Ba chiếc khác cùng đi đến tiếp theo. Chúng tôi máy móc nhìn lại chỗ chiếc xe và con ngựa. Mái xe còn nổi nhưng con ngựa đã chìm. Vậy là mực nước trên đường phố phải cao đến sáu bộ. Súng ca nông đã ngừng bắn được một lúc, chúng tỏ lụt đã lên tới tường thành.

Lúc ấy người ta bắt đầu thấy bập bênh những mảng nhà do sóng đưa từ ngoại ô tới. Đây là những

ngôi nhà gỗ khốn khổ của khu Narva, không trụ vững được trước cơn cuồng phong, bị bốc đi cùng với những người ở trong đó.

Một chiếc thuyền đi qua Đại lộ vớt được một người đàn ông, nhưng đã chết. Khó nói được cảm xúc của chúng tôi trước nạn nhân đầu tiên ấy.

Nước tiếp tục dâng nhanh một cách đáng sợ, ba con kênh bao quanh thành phố đổ ra đường những chiếc thuyền chở đá, cỏ khô và gỗ. Thịnh thoảng thấy có người cố bám vào những hòn đảo nổi ấy, trèo lên chồm ra hiệu cho thuyền đến cứu. một việc làm thật khó khăn vì sóng nước trên đường phố hoặc trong kênh đang lũng lộn dữ dội, đến nỗi trước khi thuyền cấp cứu đến nơi thì nạn nhân đã bị một làn nước cuốn đi hoặc trông thấy những người xem là cứu tinh cũng bị nhấn chìm.

Chúng tôi cảm thấy ngôi nhà mình đứng đang rung lên dưới những đợt sóng đã mấp mé tầng hai, tôi nghĩ ngôi nhà sẽ rạn nứt và những tầng trên đổ sụp xuống bất cứ lúc nào. Thế nhưng giữa cảnh ồn ào ấy Louise chỉ có một câu nói đầu miệng "Alexis! Ô! Lạy Chúa! Alexis!"

Hoàng đế tỏ vẻ thất vọng, Bá tước Miladonovitch, thị trưởng Saint-Peterbourg, ở bên cạnh Người, nhận và truyền đạt mệnh lệnh, tuy nguy hiểm đến mấy cũng được thực hiện tận tụy đến thần kỳ. Thế nhưng tin tức đưa lại mỗi lúc một thảm hại. Trong một trại lính của thành phố, cả một trung đoàn lên tránh lụt trên mái nhưng ngôi nhà sụp đổ và tất cả những người khốn khổ ấy đều biến mất. Trong lúc người ta báo cáo việc ấy với Hoàng đế, một người lính bị làn sóng kéo ra khỏi trạm gác, thấy Hoàng đế trên tầng thượng, anh đứng ngay dậy, bồng súng chào. Khi ấy một đợt sóng lật nhào, cuốn anh đi. Hoàng đế hét lên, ra lệnh thuyền đến cứu. May mắn, anh lính biết bơi, trụ được một lúc dưới nước, chiếc thuyền đến kịp đưa anh vào lâu đài.

Tất cả cuối cùng là một cảnh hỗn độn. Những chiếc thuyền đụng vào nhau vỡ toác ra, các mảnh vụn trôi giữa những mảng nhà, đồ đạc bồng bênh, và xác người, xác súc vật. Những chiếc quan tài bị bốc lên từ các phần mộ bung ra cả những bộ xương người, một chiếc thập tự từ nghĩa trang bị cuốn qua một cửa sổ hoàng cung và được tìm thấy như một dự báo tang tóc trong phòng Nhà vua!

Nước biển dâng lên như thế trong mười hai tiếng đồng hồ. Khắp các nhà, tầng hai bị ngập và trong một khu phố nước lên đến tầng ba, nghĩa là phía trên tượng Đức Bà sáu bộ. rồi nước bắt đầu xuống vì nhờ Chúa, gió chuyển từ tây bắc sang hướng bắc và sông Neva có thể tiếp tục chảy ra biển, chỉ thêm mười hai tiếng nữa thôi thì Saint-Peterbourg và cư dân sẽ bị biến khỏi mặt đất như những thành phố cổ xưa trong ngày Đại hồng thủy.

Suốt thời gian ấy, Hoàng đế, Đại Quận công Nicolas, Đại Quận công Michel và thị trưởng thành phố, bá tước Milarodovitch, không hề rời khỏi tầng thượng cung điện Mùa Đông, còn Hoàng hậu thì đứng ở cửa sổ phòng mình, ném tiền vàng cho những người chèo thuyền đi cứu người.

Đến chiều, một chiếc thuyền bơi tới tầng ba nhà chúng tôi. Trước đó Louise trao đổi tín hiệu vui với người lính trên thuyền mà cô nhận ra từ bộ quân phục. Thật vậy, anh mang tin của Bá tước Alexis tới

và hỏi tin tức chúng tôi. Louise viết mấy hàng bằng bút chì để Bá tước yên tâm, tôi cũng thêm vào đấy một lời nhận xét và hứa sẽ không rời cô.

Nước biển tiếp tục xuống, gió ổn định từ phương bắc. Chúng tôi từ tầng thượng xuống tầng ba và qua đêm ở đây vì không có khả năng vào tầng hai, nước đã rút đi nhưng mọi thứ đều vấy bẩn và mát mát. Những cánh cửa bị gãy, sàn nhà đầy rác rưởi.

Đây là lần thứ ba từ một thế kỷ nay Saint-Peterbourg với những lâu đài bằng gạch và những cột thạch cao bị nước đe dọa, tương xứng lạ lùng với Naples ở đầu bên kia thế giới, khi châu Âu bị hoả hoạn đe dọa.

Sáng hôm sau trên đường phố mức nước chỉ còn hai, ba bộ. Nhìn những mảnh vụn và xác người đầy rẫy, người ta có thể đánh giá được thảm hoạ. Xác những chiếc tàu được tấp lên cao bằng chiều cao nhà thờ Kazan và ở Kronstad, một chiếc thuyền với hàng trăm súng ca nông bị đẩy lên giữa quảng trường, và trước khi đến đó đã làm lật nhào hai ngôi nhà như va vào đá tảng.

Giữa cơn thù hận của Chúa, con người cũng có một sự báo thù ghê gớm.

Vào mười một giờ đêm vị bộ trưởng được Hoàng đế gọi, để cô tình nhân ở nhà, dặn khi có dấu hiệu nguy hiểm thì lên những tầng nhà trên, nước không tới được. Việc dễ dàng thôi vì nhà của bộ trưởng là một trong những ngôi nhà đẹp nhất trên đường Phục Hưng, có bốn tầng lầu.

La Gossudarina vậy là ở nhà một mình với những người nô lệ. Vị bộ trưởng tới cung điện Mùa Đông bên cạnh Hoàng đế cho đến hôm sau, nghĩa là suốt thời gian ngập lụt. Được tự do, ông trở về nhà ngay, thấy các cửa bị phá vỡ, nước lên cao mười bảy bộ, nhà hoàn toàn bỏ vắng.

Lo ngại cho cô tình nhân đẹp, bộ trưởng vào ngay phòng ngủ của cô. Cửa ra vào đóng kín, cánh cửa duy nhất trụ vững được với sóng nước, hầu hết những cửa khác đều bị bật và cuốn đi. Trước hoàn cảnh lạ lùng ấy, ông đập cửa và gọi, tất cả đều vắng lặng, càng lo sợ hơn và sau những cố gắng lạ thường, ông phá được cánh cửa.

Xác La Gossudarina nằm ngay giữa phòng, nhưng cảnh tượng ghê gớm không chỉ do lụt, bằng chứng là thân không còn đầu.

Bộ trưởng suýt điên lên vì đau đớn, chạy ra kêu cứu ngay ở ban công mà trước đây Machnka ngồi xem hành hạ người yêu cũ của mình. Mấy người chạy đến thì thấy ông quỳ gối gần cái thân cụt đầu. Người ta tìm trong phòng, thấy chiếc đầu bị sóng cuốn lên trên giường, gần đầu là đôi kéo to người ta dùng cắt rào vườn và dĩ nhiên là dụng cụ giết người.

Tất cả nô lệ của bộ trưởng trông thấy cảnh nguy hiểm, đều đã bỏ chạy mỗi người một phía, và đều trở về lại ngay tối hôm ấy hoặc ngày hôm sau.

Chỉ có người làm vườn không quay trở lại.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 10

Gió chuyển từ phía tây bắc về báo hiệu mùa đông đã đến. Người ta vừa tu sửa lại những thiệt hại gây ra do trận lụt vừa rút lui, lại phải đối mặt với kẻ thù đang tiến đến. Phải hối hả gấp rút hơn thời gian ngập lụt ngày 10 tháng mười một. Những chiếc tàu thoát nạn cuồng phong vội vã trở ra biển khơi để tiếp tục những nhiệm vụ của mình. Cầu tàu đã được dỡ đi và người ta chờ đợi giá lạnh đầu mùa một cách bình tĩnh hơn. Ngày 3 tháng chạp sương đông cứng lại, ngày 4 tuyết rơi và tuyết mới năm, sáu độ dưới băng giá, người ta đã tổ chức vận chuyển bằng xe trượt tuyết. Một bất hạnh lớn, mọi dự trữ thực phẩm cho mùa đông bị hư hỏng vì lụt, việc vận chuyển này là để đề phòng nạn đói.

Thực tế, vận chuyển bằng xe trượt tuyết có tốc độ gần như bằng xe ngựa. Người ta đem đến thủ đô thú vật săn bắt được khắp nơi trong vương quốc, đôi khi từ một nghìn, nghìn hai dặm cách xa thủ đô. Gà gô đen, đà đà, chim trĩ, vịt trời, xếp từng lớp với tuyết trong các thùng lớn ở chợ bán rẻ như đem cho. Bên cạnh, cá hiếm Biển Đen hoặc cá sông Volga xếp trải dài trên các bàn hoặc chất thành đống. Còn thú được bày bán đứng trên bốn chân như còn sống và người ta cắt xẻ tại chỗ.

Những ngày đầu tiên Saint-Peterbourg phủ lớp áo trắng mùa đông đối với tôi là những ngày cảnh vật trông thật kỳ lạ và tất cả đều mới mẻ. Tôi đi xe trượt không biết mệt vì có một khoái cảm cao độ khi được kéo trên mặt đất nhẵn như gương, do những con ngựa vì trọng lượng chở nhẹ nhàng, hình như bay thay vì chạy. Những ngày đầu này càng thú vị vì thời tiết lạnh mùa đông đến từng tí một và nhờ áo lông thú cho nên tôi đi trong băng giá hai mươi độ mà gần như không thấy lạnh, ở mười hai độ sông Neva bắt đầu đóng băng chặt cứng.

Tôi bắt ngựa chạy nhiều đến nỗi một buổi sáng người đánh xe tuyên bố nếu tôi không để chúng nghỉ ít nhất bốn mươi tám giờ, chúng sẽ hoàn toàn không thể sử dụng được nữa. Thấy đẹp trời, tuyết lạnh hơn tôi cảm nhận, tôi quyết định đi dạo, trang bị từ đầu đến chân chống lại cái lạnh giá, bọc người với một chiếc áo dài, nhả chiếc mũ lông quá tai, quấn khăn quàng cổ, tôi đi trên đường phố, chỉ hở mỗi cái mũi ra ngoài.

Lúc đầu mọi việc suôn sẻ, thậm chí tôi ngạc nhiên vì ít có cảm giác lạnh, cười vì những câu chuyện tôi đã nghe và phần khởi vì tình cờ đã cho tôi làm quen với thời tiết. Hơn nữa, hai người học trò tôi đến nhà, ông De Bobrinski và ông De Nariskine đều đi vắng, tôi bắt đầu cho là sự tình cờ đã làm được nhiều điều, bỗng nhận thấy những người gặp tôi ngoài đường có vẻ băn khoăn nhưng không nói gì. Rồi một ông đi qua, có vẻ lăm lờ hơn, bảo tôi "Noss!" Do chẳng biết một tiếng Nga nào tôi

nghĩ không cần dừng lại vì một tiếng nói và tiếp tục đi. Ở góc đường, tôi gặp một người đánh xe trượt tuyết, đi nhanh như chớp nhưng thấy cần phải bảo tôi nên kêu lên "Noss! Noss!" Cuối cùng đến quảng trường Amirauté tôi đối diện với một người nông dân, người này không nói gì nhưng bốc một nắm tuyết và lao vào người tôi, trước khi tôi kịp gỡ ra, anh ta đã bôi tuyết khắp mặt tôi, đặc biệt xát mạnh vào mũi. Tôi thấy trò đùa khá kỳ cục, nhất là vào thời tiết như thế này, nên rút một tay trong túi áo ra và đấm mạnh một cái làm anh ta lăn ra cả mười bước. Không may hay còn gọi là may mắn cho tôi, có hai người nông dân đi qua lúc đó nhìn tôi một lúc rồi lao vào giữ chặt cánh tay tôi còn người điên khùng kia lại nhặt một nắm tuyết khác, lại lao vào. Lần này, nhân lúc tôi không thể tự vệ được, lại xát tuyết vào mặt, mũi tôi. Đôi tay bị giữ chặt nhưng miệng còn hét được, tôi dồn dập kêu cứu. Một viên sĩ quan chạy tới, nói tiếng Pháp hỏi tôi có chuyện gì.

- Thế nào? – tôi nói to và dùng chút sức lực cuối cùng vùng ra khỏi ba người bình tĩnh nhất trần đời đang tiếp tục đi con đường của họ - Thưa ông, ông không thấy những người lạ lùng kia đã làm gì tôi ư?

- Họ làm gì ông vậy?

- Họ lấy tuyết xát vào mặt tôi. Ông có thấy như vậy là một trò đùa hay không, nhất là vào thời tiết như thế này?

- Nhưng, thưa ông, họ giúp ông một việc vô cùng lớn đấy.

- Thế là sao?

- Chắc chắn lỗ mũi của ông đã bị đóng băng.

- Trời ơi! – tôi kêu lên và đưa tay lên sờ chỗ bị đe dọa.

- Thưa ông – một người qua đường nói với viên sĩ quan – lỗ mũi của ông sắp bị đóng băng đấy!

- Cám ơn – viên sĩ quan nói như được báo trước một điều tự nhiên nhất. Anh ta cúi xuống bốc một nắm tuyết và tự làm công việc mà người nông dân đã giúp tôi và bị tôi trả ơn một cách tàn nhẫn.

- Có nghĩa là, thưa ông, nếu không có người ấy...

- Ông sẽ không còn mũi – viên sĩ quan nói tiếp vừa xem xét mũi của mình.

- Thế thì, ông cho phép...

Và tôi chạy theo người nông dân, anh ta nghĩ tôi đuổi đánh nên cũng bắt đầu chạy. Dĩ nhiên sợ hãi nhanh nhẹn hơn biết ơn, tôi chắc sẽ không đuổi kịp anh ta nếu không có mấy người tưởng anh ta là kẻ cản chận đường lại. Khi tôi tới nơi, tôi thấy anh đang hăng hái giải thích mình chỉ phạm tội vì quá thương người, tôi tặng anh mười rúp để anh hiểu sự biết ơn của tôi. Người nông dân hôn tay tôi, một trong những người chứng kiến nói được tiếng Pháp bảo tôi từ nay chú ý hơn để bảo vệ mũi. Lời đề nghị ấy thật ra là thừa vì suốt quãng đường còn lại, tôi không quên nó.

Tôi tới phòng tập của ông Siverbruk, gặp ông Gorgoli như đã hẹn và kể với ông cuộc phiêu lưu vừa qua như một việc rất khác thường. Ông hỏi không có ai bảo gì trước khi người nông dân làm việc ấy

sao. Tôi trả lời có hai người đi qua đường nhìn tôi và kêu "Noss! Noss!" Ông liền bảo "Thế là người ta bảo ông giữ gìn mũi. Đây là cách nói bình thường, lần sau nhớ đề phòng".

Ông De Gorgoli nói đúng và không phải chỉ ở Saint-Peterbourg là đáng sợ nhất cho mũi và đôi tai. Nếu mình không cảm thấy chúng bắt đầu đóng băng thì người qua đường đầu tiên sẽ trông thấy và hầu như bao giờ cũng báo với mình đúng lúc để tránh bị hại. Nhưng khi không may bị lạnh ở phần nào đó trong người dưới lớp quần áo, người ta không báo trước được, mình chỉ cảm thấy tê cóng ở phần bị hại và lúc ấy đã là quá chậm. Mùa đông năm trước, một người Pháp tên là Pierson, thư ký một nhà băng của Paris, là nạn nhân của sự cố này do thiếu đề phòng.

Ông Pierson đi từ Pháp áp tải đến Saint-Peterbourg một khoản tiền lớn cho chính phủ Nga vay theo thoả thuận. Từ Pháp ra đi thời tiết đẹp nên không phòng bị chống lạnh. Đến Riga ông ấy thấy vẫn còn chịu đựng tốt nên không mua áo choàng, khăn quàng lông thú, ủng lót len, vv. Đi quá Revel ba dặm, bông tuyết bắt đầu rơi dày đặc, người đánh xe mất phương hướng, làm lọt xe xuống một hồ sông nước. Hai người không nâng nổi xe lên, phải chạy đi tìm người giúp. Người đánh xe cởi tháo một con ngựa, phóng nhanh vào thành phố gần nhất. Ông Pierson thấy đêm xuống sợ mất trộm, không dám rời khoản tiền mà ông phải áp tải. Tối đến tuyết ngừng rơi, gió chuyển hướng bắc, giá lạnh xuống đến hai mươi độ. Ông biết là nguy hiểm bắt đầu bước đi chung quanh chiếc xe, cố chống lại gió rét. Sau ba giờ chờ đợi, người đánh xe trở lại với người, ngựa, nâng chiếc xe lên, và nhờ có thêm ngựa, ông Pierson đi nhanh đến thành phố đầu tiên và dừng lại. Người trưởng trạm chỗ lấy thêm ngựa lo lắng chờ đợi vì biết trong lúc người đánh xe lấy ngựa đi vào thành phố, ông Pierson ở trong hoàn cảnh như thế nào. Khi ông này xuống xe, câu hỏi đầu tiên là ông có bị băng giá không. Ông Pierson trả lời có lẽ không vì ông đã không ngừng đi lại, hy vọng cử động chống được giá lạnh. Ông cởi khăn trùm mặt, giơ tay ra, không hề hấn gì.

Tuy vậy ông cảm thấy rất mệt mỏi và sợ rằng nếu tiếp tục đi trong đêm có thể xảy ra sự cố như vừa rồi cho nên ông bảo sửa soạn giường nằm, uống một ly vang nóng và ngủ thiếp đi.

Hôm sau tỉnh giấc, ông muốn đứng dậy nhưng hình như bị đóng chặt vào giường. Khó khăn giơ một cánh tay kéo chuông gọi người tới, nói rõ tình trạng của mình như bị bại liệt hoàn toàn. Thầy thuốc đến bỏ chăn ra thấy chân người bệnh tái ngắt và điểm chấm đen: bệnh hoại thư đã bắt đầu. Thầy thuốc thông báo ngay với người bệnh là cần phải cắt cụt chân.

Dù phương pháp ấy thật ghê rợn, ông Pierson cũng phải chấp nhận. Thầy thuốc cho đi lấy dụng cụ cần thiết nhưng trong lúc đang chuẩn bị, người bệnh bỗng nhiên phàn nàn đôi mắt nhìn yếu đi, không còn trông rõ mọi vật chung quanh nữa. Người thầy thuốc lo sợ căn bệnh có thể nặng hơn ông tưởng nên tiến hành một cuộc chẩn đoán mới và nhận thấy thịt ở sống lưng đã bắt đầu bị huỷ hoại. Thay vì thông báo cho ông Pierson sự phát hiện ghê gớm mới, ông trấn an, cho ông này biết tình trạng không đáng ngại như lúc đầu, chứng cứ là ông rất cần được ngủ. Người bệnh trả lời quả thực ông muốn ngủ

thiếp đi. Mười phút sau ông ngủ và mười lăm phút sau nữa ông tắt thở.

Nếu người ta nhận biết ngay lúc đó là trong người ông có những chỗ bị băng giá, và ngay lúc đó lấy tuyết chà xát như người nông dân Nga xát tuyết vào mũi tôi, ông Pierson hôm sau đã có thể lên đường được như không có chuyện gì xảy ra.

Đây là một bài học cho tôi và để tránh cho những người qua đường bất ngờ phải giúp tôi, mỗi khi đi ra ngoài tôi mang theo một chiếc gương nhỏ trong túi, mỗi mười phút tôi lấy ra soi xem mũi mình một lần.

Cuối cùng không đầy tám ngày, Saint-Peterbourg đã khoác chiếc áo mùa đông. Sông Neva đóng băng, người ta đi qua lại các phía, đi bộ hoặc đi xe. Khắp nơi đầy những xe trượt tuyết, Đại lộ trở thành một loại cánh đồng, nhà thờ đốt lò sưởi vào buổi tối, trước các rạp hát, các đồng lửa lớn cháy lên trong những vòng tường bao xây làm nơi cho những người hầu ngồi đợi chủ. Còn những người đánh xe thường được các ông lớn thương hại cho họ về nhà, hẹn giờ trở lại đón. Khốn khổ hơn cả là binh lính và những người đứng gác, không có đêm nào người ta không nhật được vài người chết cóng.

Tuy vậy rét lạnh càng tăng lên và đến một mức nào đó người ta thấy những đàn sói vào quanh vùng Saint-Peterbourg. Một buổi sáng người ta thấy một con đi qua lại như một con chó thường ở khu La Fonderie. Con vật khốn khổ không có vẻ đe dọa lắm và cho tôi cảm giác nó đến xin ăn hơn là có ý định dùng sức mạnh, người ta dùng gậy đánh chết nó.

Buổi tối khi tôi kể chuyện này có mặt Bá tước Alexis, ông nói với tôi hôm sau nữa sẽ có một cuộc săn gấu lớn trong rừng cách Moscou mười hoặc mười hai dặm. Cuộc đi săn do ông Nariskine, một người học trò của tôi, chỉ huy. Bá tước nói sẽ chuyển nguyện vọng muốn tham gia cuộc đi săn của tôi với cả đoàn. Hôm sau tôi nhận được một giấy mời với một tờ chương trình, không phải của một buổi lễ mà của trang phục, một bộ quần áo lông thú phía bên trong và một loại mũ da trùm xuống đến vai, người đi săn tay phải trang bị một bao da, cầm một dao găm. Với con dao này, anh ta dùng tấn công con gấu khi giấp lá cạ và hầu như bao giờ anh cũng giết nó bằng nhát đầu tiên.

Chi tiết về cuộc đi săn làm tôi thấy giảm hứng hái đi một phần, nhưng đã tiến rồi, tôi không lùi lại được nữa và phải chuẩn bị đủ thứ đồ: mua quần áo, mũ, dao găm để còn thử ngay tối hôm ấy và đỡ lúng túng trong trang bị rườm rà.

Tối tôi đến chơi nhà Louise khá muộn, quá nửa đêm mới về nhà và bắt tay vào tập dượt với bộ quần áo. Tôi đặt chiếc gối dài lên một chiếc ghế, nhảy tới đâm vào chỗ đã đánh dấu tương ứng với xương sườn thứ sáu của con gấu. Bỗng một tiếng động lớn ở lò sưởi làm tôi ngắt quãng việc đang làm. Tôi chạy lại phía ấy, nhìn qua cửa đã đóng (ở Saint-Peterbourg ban đêm cửa lò sưởi cũng đóng như hầm lò), thấy một vật không trông rõ hình thù, sau khi xuống ngang tầm bản lò sưởi lại lên ngay. Tôi nghi ngờ đây là tên trộm theo ống khói vào nhà, trông thấy tôi chưa đi ngủ nên rút lui. Sau nhiều lần hỏi

"Ai đấy?" không có người trả lời, tôi càng tin như vậy. Kết quả sau khi đứng đề phòng gần nửa giờ không nghe tiếng gì khác nữa, tôi cẩn thận chặn cửa lò sưởi, đi nằm và ngủ thiếp đi.

Mới nằm khoảng mười lăm phút, giữa giấc ngủ, hình như tôi nghe có tiếng bước chân ngoài hành lang. Đang khó hiểu về câu chuyện lò sưởi, tôi giật mình tỉnh dậy và lắng nghe. Không nghi ngờ gì nữa, có ai đi qua đi lại trước cửa phòng tôi gây tiếng động trên sàn tuy hình như đã cố gắng giữ thật êm nhẹ. Chẳng mấy chốc những bước chân ấy dừng lại trước cửa phòng tôi rụt rè, chắc để đoán chừng tôi đã ngủ chưa. Tôi với tay tới chiếc ghế để các đồ trang bị vừa cởi bỏ, lấy mũ đội vào đầu và tay cầm con dao găm chờ.

Một lúc sau nghe có tiếng cho tay vào vặn khóa, cánh cửa mở ra và qua ánh sáng chiếc đèn xách tay để ngoài hành lang, tôi trông thấy một sinh vật kỳ lạ tiến vào trong bóng tối, có lẽ đeo mặt nạ. Tôi nghĩ ngay phải cảnh báo hấn thay vì chờ đợi nên trong lúc hấn táo bạo bước lại lò sưởi chúng tỏ đã quen chỗ, tôi nhảy ngay xuống giường, nắm cổ họng, giơ dao vào ngực hỏi hấn là ai và muốn gì. Nhưng rất ngạc nhiên, chính đối thủ của tôi kêu lên và hình như gọi người đến cứu. Muốn biết rõ người này thế nào, tôi chạy ra hành lang cầm chiếc đèn vào soi cho rõ, tuy rất nhanh nhưng cũng đủ để tay trộm của tôi biến mất như có phép lạ, tôi nghe có tiếng sột soạt phía trong lò sưởi, chạy lại đấy thì thấy người kia đi rất nhanh, chứng tỏ đã quen đi lại đường ấy. Tôi đứng ngăn người.

Trong lúc ấy một người ở bên cạnh nghe tiếng động ghê gớm tôi gây ra đã bước vào phòng tôi vì nghĩ có người ám sát tôi, thấy tôi đang đứng, mặc áo ngủ, một tay cầm đèn, tay kia cầm dao găm, đầu đội mũ lông. Câu đầu tiên hỏi là tôi điên rồi chăng?

Để chứng minh mình rất tinh táo và thậm chí gọi lên sự dũng cảm của mình, tôi kể câu chuyện vừa xảy ra. Người hàng xóm phá lên cười, tôi đã chiến thắng một người thợ cạo ống khói! Tôi còn muốn không tin nhưng đôi tay, áo ngủ và cả mặt tôi nữa dính đầy bồ hóng đã chứng minh ông nói thật. Người hàng xóm giải thích làm tôi không còn nghi ngờ gì nữa.

Thật vậy, người nạo ống khói ở Saint-Peterbourg, một nhân vật tối cần thiết, ít nhất cứ mười lăm ngày một lần, anh đi kiểm tra từng nhà. Có điều công việc phải làm vào ban đêm, vì nếu ban ngày người ta mở những đường ống vào hầm lò, hoặc dập tắt lửa ở lò sưởi, rét lạnh sẽ vào trong nhà. Vậy là buổi sáng người ta đóng cửa các hầm lò ngay sau khi đốt lửa và đóng ống khói vào buổi chiều ngay sau khi tắt lửa. Những người nạo ống khói được chủ nhà thuê, trèo lên mái, thậm chí không cần thông báo với chủ nhà, thòng xuống ống khói một bó que gai, giữa là một hòn đá to, nạo vét ống với loại chổi ấy đến hai phần ba chiều cao của ống. Phần trên xong rồi, họ làm đến phần dưới ống. Những người đã quen hoặc được báo trước không hề bận tâm đến công việc này. Không may người ta quên không cho tôi biết và người thợ nạo ống khói lần đầu tiên vào nhà tôi làm việc suýt nữa trở thành nạn nhân.

Hôm sau có chứng cứ người hàng xóm nói thật. Bà chủ nhà vào bảo tôi có người ở dưới nhà đòi tôi

trả lại chiếc đèn.

Ba giờ chiều Bá tước đến đón tôi cùng đi xe trượt tuyết. Đó hoàn toàn là một chiếc thùng với hai chỗ ngồi rất đẹp trên bàn trượt và chúng tôi lướt nhanh đến nơi hẹn. Đó là một ngôi nhà nông thôn của ông Nariskine, cách Saint-Peterbourg mười, mười hai dặm, ở giữa rừng. Chúng tôi đến vào lúc năm giờ, thấy hầu hết những người đi săn đều đã có mặt. Một lúc sau tập hợp đầy đủ và người ta thông báo bữa ăn tối đã được chuẩn bị xong. Phải thấy một bữa ăn thịnh soạn ở nhà một ông chủ lớn ở Nga mới có khái niệm sự sang trọng của các bữa ăn có thể lên đến mức nào. Chúng tôi đang ở giữa tháng chạp và điều đầu tiên đập vào mắt tôi giữa những gì phủ đầy bàn là một cây anh đào rất đẹp đầy trái như ở Pháp vào cuối tháng Năm. Chung quanh cây này, cam, dứa, và nho chất theo hình chóp, có đầy đủ thức ăn tráng miệng thường tìm được ở Paris trong tháng Chín. Tôi chắc chắn chỉ riêng bữa tráng miệng cũng đã trị giá hơn ba nghìn rúp.

Chúng tôi ngồi vào bàn. Ở thời kỳ ấy ở Saint-Peterbourg có phong tục rất tốt là người hầu bàn cắt, chặt thức ăn và thực khách tự rót nước uống. Kết quả, những người Nga vốn uống nhiều nhất thế giới, giữa những khách ăn khá rộng chỗ có năm chai rượu vang khác nhau, những thổ sản đặc biệt, còn thịt là loại bê Archangel, bò Ukraine, còn thú rừng các loại được đưa từ khắp nơi tới.

Sau đợt phục vụ đầu, người đầu bếp trưởng bước vào, tay bung chiếc khay bạc trên là hai con cá sống. Tất cả khách đều kêu lên thán phục; đây là những con cá tầm, loại cá chỉ bắt được ở sông Volga, mà đoạn sông gần Saint-Peterbourg nhất cũng khoảng ba trăm năm mươi dặm. Phải đục thùng băng ở trên sông, câu cá dưới lớp nước sâu, rồi mất năm ngày năm đêm đi đường, rồi phải cho chúng vào một chiếc xe đóng kín, giữ nhiệt độ không cho nước đóng băng.

Vì vậy mỗi con cá trị giá tám trăm franc, hai con là hết một nghìn sáu trăm francs. Potemkine trí óc tuyệt diệu cũng không thể làm hơn được!

Mười phút sau chúng xuất hiện lại trên bàn ăn nhưng lần này được nấu ngon đến mức tất cả những lời khen dành cho người chủ tiệc đặt câu cá và người đầu bếp đã chế biến.

Tiếp đó là rau trồng sớm, đậu Hà Lan, măng tây, đậu đũa, tất cả theo hình thức muốn trình bày nhưng mùi vị tổng hợp và có nước đã chống lại hình thức.

Người ta chỉ rời phòng ăn để sang phòng khách đã sắp đặt các bàn chơi đánh bài. Tôi không đến nổi nghèo, cũng không quá giàu để ham mê cách giải trí ấy nên chỉ nhìn người khác chơi. Đến nửa đêm, nghĩa là vào giờ tôi đi ngủ, bên này và bên kia đã mất đến ba trăm nghìn rúp.

Hôm sau, vừa mờ sáng, người ta đã đánh thức tôi dậy. Đám thợ săn đã phát hiện được năm con gấu đang loanh quanh trong rừng chu vi khoảng một dặm. Tôi nghe được tin ấy và hơi run, tuy người ta tưởng tôi rất hăm hở. Dù dũng cảm đến mấy, bao giờ cũng hơi lo ngại khi lần đầu tiếp xúc với một địch thủ không quen biết.

Tôi không kém hăng hái mặc bộ quần áo săn vào. Như cùng tham gia vào ngày hội, mặt trời lên đẹp

và nhiệt độ dịu đi. Vào giờ buổi sáng này nhiệt độ có thể là mười lăm độ, đến trưa có khi chỉ còn bảy, tám độ.

Tôi xuống nhà và thấy những người đi săn đã sẵn sàng và trong bộ đồng phục, thật khó nhận ra nhau. Xe trượt tuyết đang chờ, chúng tôi lên xe và mười lăm phút sau đã đến điểm hẹn.

Đây là một ngôi nhà của nông dân Nga khá vững chãi, tất cả đều làm bằng gỗ đẽo bằng rìu, và mỗi người chúng tôi cung kính chào ông chủ khi vào nhà theo phong tục. Bữa ăn sáng bổ dưỡng đang chờ, tất cả chúng tôi đều tham gia nhưng ngược lại với thói quen, không ai uống rượu. Người ta không được say trước một trận đấu và buổi săn hôm nay của chúng tôi là một cuộc đấu tay đôi thật sự. Cuối bữa ăn, người thợ săn xuất hiện trước cửa, muốn nói là đã đến lúc lên đường. Ra đến cửa, người ta đưa cho chúng tôi mỗi người một khẩu cạc bin đã lắp đạn phải đeo vào người nhưng chỉ được sử dụng khi gặp nguy hiểm. Ngoài ra mỗi người nhận năm sáu mảnh sắt tây sẽ vút cho gấu, tiếng vang và màu sáng chói sẽ kích thích con vật.

Đi được một trăm bước chúng tôi đến bờ rào, có đội nhạc của ông De Nariskine bao quanh, cũng như ban nhạc tôi đã nghe trên sông Neva vào mùa hè. Mỗi người cầm trên tay chiếc kèn và sẵn sàng bấm nốt. Cả vùng rào bị bao quanh như thể để những con gấu xuất hiện ở bất kỳ phía nào cũng đều bị đẩy lùi vì tiếng nhạc. Xen giữa mỗi nhạc công có một người thợ săn, người hầu hoặc một người nông dân cầm súng chỉ nạp thuốc súng, phòng hờ bắn trúng vào chúng tôi; tiếng súng bắn tiếp với tiếng nhạc nếu gấu muốn tấn công. Chúng tôi vượt qua hàng người ấy vào trong hàng rào.

Ngay lúc ấy cảnh vật khu rừng hài hoà tác động đến chúng tôi như nhạc quân hành tác động đến quân lính lúc ra trận, làm bản thân tôi cũng tràn đầy hăng hái mặc dù trước đó năm phút tôi không nghĩ mình sẽ được như thế.

Tôi được xếp ở giữa người thợ săn của ông De Nariskine – người sẽ tham gia tấn công – và Bá tước Alexis vì tôi còn thiếu kinh nghiệm. Tôi đã hứa với Louise sẽ trông chừng Bá tước nhưng ngược lại ông đã trông chừng giúp đỡ tôi. Bên trái ông là Hoàng thân Nikita Mouravieff luôn hợp tác chặt chẽ với ông và bên kia Hoàng thân tôi còn nhận ra ông De Nariskine. Xa hơn nữa thì tôi không trông thấy gì.

Chúng tôi đi được chừng mười phút thì những tiếng kêu "medvede, medvede" vang lên, kèm theo vài tiếng súng. Một con gấu nghe tiếng kèn chắc đã xuất hiện ở bìa rừng và bị thợ săn đuổi theo. Hai người bên cạnh giơ tay ra hiệu cho tôi dừng lại và mỗi chúng tôi đều vào thế phòng thủ. Một lúc sau nghe trước mặt có tiếng sột soạt trong bụi cây và một tiếng gầm. Tôi thú nhận tiếng ấy có vẻ như lại gần tôi, cảm thấy mồ hôi toát ra trên trán mặc dù trời rất lạnh. Nhìn quanh thấy hai người bên cạnh tỏ ra vững vàng nên tôi cũng định thần lại được. Trong lúc này con gấu lộ ra, đầu và nửa người vượt quá một bụi cây gai giữa tôi và Bá tước Alexis.

Động tác đầu tiên của tôi là thả con dao găm và nắm lấy khẩu súng. Con gấu ngạc nhiên, lần lượt

nhìn chúng tôi và có vẻ chưa biết nên tiến lại phía người nào, nhưng Bá tước không để cho nó có thì giờ chọn lựa. Cho rằng tôi có thể vung về, ông kéo con thú về phía mình, ông bước lên thêm mấy bước tới một chỗ trống để dễ hoạt động, ném vào mũi con gấu một mảnh sắt tây. Con gấu nhảy ngay đến, rất nhanh, nhưng không ngờ lại vò phải mảnh sắt, nó bẻ cong lại, miệng gầm gừ. Bá tước bước lên thêm một bước gần nó và ném ra mảnh sắt thứ hai. Con gấu chụp lấy như một chó đớp khúc cây người ta quăng cho nó, và nhai ngấu nghiến. Để làm cho nó thêm tức giận, Bá tước ném mảnh sắt thứ ba. Lần này như cảm thấy điên tiết vì vò phải vật vô tri, nó để mảnh sắt rơi xuống bên cạnh, ngoảnh lại phía Bá tước và gầm lên một tiếng ghê gớm, nhảy tới phía trước mấy bước. Người và thú cách nhau chỉ chừng một chục bộ. Bá tước rít lên một tiếng còi lạnh lạnh; nghe tiếng còi con gấu đứng lên ngay trên đôi chân sau. Đây chính là lúc Bá tước chờ đợi. Ông lao vào con thú đang giơ hai chân trước chồm lên, nhưng ngay trước khi nó có thì giờ ôm chặt vào người, nó kêu lên một tiếng đau đớn, lùi ba bước, lao đảo như người say và ngã xuống chết. Lưỡi dao đâm thấu tim nó.

Tôi chạy đến chỗ Bá tước hỏi xem ông có bị thương tích gì không, ông bình tĩnh, lạnh lùng như vừa cắt đuôi một con sóc. Tôi không hiểu gì về sự can đảm ấy; chỉ chứng kiến cuộc đấu ấy mà đã run cả người.

- Ông hãy xem xét nên làm thế nào để săn một con gấu – Bá tước bảo tôi – Cũng chẳng khó khăn gì lắm. Hãy giúp tôi lật con thú, tôi để lưỡi dao ở chỗ đâm nó để dạy cho ông một bài học. Con gấu đã chết hẳn. Chúng tôi vẫn nó thật nặng nề vì nó cũng đến bốn trăm ký lô, và là loại gấu đen to lớn. Lưỡi dao găm đâm vào ngực đến tận cán. Bá tước rút ra, nhúng lưỡi vào tuyết hai ba lần để rửa sạch. Trong lúc ấy chúng tôi lại nghe tiếng kêu, thấy qua cành lá người săn bên trái ông De Nariskine đang quần nhau với một con gấu. Cuộc đấu hơi lâu nhưng cuối cùng con thú cũng ngã xuống như con thú nhất.

Chiến thắng đồng thời ấy làm tôi phấn khích, máu nóng trong người xua tan mọi sợ hãi. Tôi cảm thấy mạnh như Hercule và mong muốn được thử thách.

Cơ hội không phải chờ lâu. Chúng tôi vừa đi qua chỗ xác hai con gấu vài trăm bước chân, tôi nghi trông thấy phần trên một con gấu chưa ra khỏi hang giữa hai tảng đá. Để xác định chính xác, tôi mạnh dạn ném một mảnh sắt. Bằng chứng đã rõ ràng; con gấu nhe hai hàm răng trắng như tuyết, gầm lên một tiếng. Nghe tiếng gầm, người bên phải bên trái tôi dừng lại, nắm sẵn súng cạc bin phòng giúp tôi khi cần thiết vì họ thấy con gấu này dành cho tôi.

Thấy họ nắm súng, tôi nghĩ nên sử dụng súng của mình, và lại tôi tin tưởng vào khẩu súng hơn lưỡi dao. Tôi dặt dao vào thắt lưng, cầm súng, lấy hết can đảm nhắm vào con thú. Nó cũng không động đậy và đến khi đầu nòng súng chĩa đúng vào con gấu, tôi bóp cò, viên đạn bay đi.

Cùng lúc ấy vang lên một tiếng gầm lớn, con gấu đứng lên, vung vẩy một chân trước còn chân kia gẫy từ vai, lòng thông theo thân hình. Đồng thời tôi nghe hai người bên cạnh hô lớn "Cẩn thận!" Con

gấu như tỉnh lại sau phút kinh hoàng ban đầu, lao thẳng vào tôi nhanh đến nỗi tôi chỉ kịp rút dao găm ra. Con vật hung dữ chồm vào trước mặt tôi, miệng đầy máu. Tôi dùng hết sức đâm một phát ghê gớm nhưng gặp phải xương sườn, con dao chệch đi, cảm thấy chân nó như một quả núi đặt lên vai, tôi nắm chặt hai tay vào cổ nó theo bản năng và ra sức đẩy mặt nó ra xa khỏi mình. Hai phát súng vang lên. Tôi nghe đạn rít và một tiếng đập mạnh. Con gấu kêu thét lên đau đớn và đổ sập vào người tôi. Tôi dồn sức đỡ và nhảy sang một bên, thoát nạn. Tôi đứng ngay dậy, tư thế tự vệ nhưng vô ích, con gấu đã chết, bị một viên đạn của Bá tước Alexis sau tai và một viên đạn khác của người thợ săn vào vai. Còn tôi người dính đầy máu nhưng không có một vết thương nào.

Mọi người chạy tới vì biết tôi đối mặt với một con gấu, ai cũng sợ tôi gặp điều chẳng lành. Thấy tôi đứng vững bên cạnh kẻ thù đã chết, ai cũng mừng.

Chiến thắng của tôi tuy có phần chia xẻ nhưng không ít vinh dự vì không đến nỗi quá kém đối với một người mới tham dự lần đầu. Con gấu bị gãy vai vì viên đạn của tôi và ngọn dao tuy có chệch đường nhưng cũng đã đâm lên đến họng của nó; vậy là tay tôi dù ở xa hay gần đều không run.

Hai con gấu khác được nhận thấy trong vùng rào đã vượt qua những người thợ săn và nhạc công đứng chặn, cuộc săn thế là kết thúc. Người ta kéo xác gấu ra tận đường, lột da rồi cắt bốn chân được xem là phần ngon nhất sử dụng trong bữa ăn tối.

Chúng tôi trở về lâu đài trong chiến tích. Mỗi người trở về phòng mình tắm nước thơm và suốt nửa ngày nằm trong chăn đệm ấm không phải làm một việc gì. Rồi chuông báo giờ xuống phòng ăn.

Bữa tối thịnh soạn không kém gì hôm qua, món cá tầm được thay thế bằng chân gấu. Chính những người thợ săn chuẩn bị không có bàn tay của người đầu bếp, nướng trong lò than hồng đào dưới đất và không gia giảm gì. Khi nhìn thấy loại than biến dạng, đen thui ấy, tôi cảm thấy không thích lắm món thức ăn này. Người ta vẫn chuyển một chân gấu cho tôi như những người khác, quyết định theo gương đến cùng, tôi dùng đầu nhọn con dao ăn gỡ lớp vỏ cháy bên ngoài, bên trong là một lớp thịt hoàn toàn chín. Đây là một trong những loại thức ăn ngon ngọt nhất.

Trở lại chiếc xe trượt tuyết của mình, tôi thấy tấm da con gấu của tôi mà ông De Nariskine lịch sự cho mang tới.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 11

Chúng tôi trở lại Saint-Peterbourg vào lúc đang chuẩn bị đón ngày lễ lớn: ngày đầu năm cho toàn dân và ngày chúc phúc nước uống, hoàn toàn của tôn giáo.

Ngày đầu năm theo phong tục người Nga gọi Hoàng đế là "cha", Hoàng hậu là "mẹ". Hai mươi lăm nghìn vé phân phối như bất kỳ trên đường phố Saint-Peterbourg và hai mươi lăm nghìn khách mời ngay tối hôm ấy được vào cung điện Mùa Đông.

Một số lời đồn thổi ghê gớm lan ra. Người ta nói năm sẽ bỏ lệ tiếp dân vì có tin về những vụ mưu sát tuy cảnh sát Nga không nói gì. Vẫn là âm mưu trước đây tuy có thời gian lui vào bóng tối. Nhưng rồi những tò mò lo sợ tan biến. Hoàng đế đã nói với ông đứng đầu ngành cảnh sát rằng Người vẫn muốn tổ chức như thường lệ, tuy rằng việc hóa trang sẽ giúp dễ dàng cho kế hoạch hành thích. Theo lệ cũ trong buổi dạ hội này đàn ông đều phủ kín người. Có điều đáng để ý ở Nga là ngoài những âm mưu trong gia đình, nhà vua chỉ sợ những ông lớn, vừa là giáo chủ vừa là Hoàng đế thừa kế từ dòng dõi Cesar, là những người kế vị ở phương Đông rất linh thiêng đối với dân chúng.

Vì vậy người ta nói Alexandre có thể tìm ra thích khách trong giới quý tộc từ trong hoàng cung cho đến đội cận vệ. Người ta biết điều đó, ít ra là người ta đã nói thế nhưng trong những bàn tay đưa ra với Hoàng đế, không ai phân biệt được tay bạn hay tay thù. Chỉ có chờ đợi và tự uỷ thác cho Chúa; Alexandre đã làm như vậy.

Ngày đầu năm đến. Vé vào được phân phối như thường lệ. Tôi một mình có đến mười vé vì các học trò sốt sắng muốn cho tôi xem lễ hội dân tộc này, rất thú vị đối với một người nước ngoài. Đến bảy giờ tối, các cửa của cung điện Mùa Đông rộng mở.

Sau các lời đồn, tôi nghĩ các đại lộ quanh cung điện chắc dày đặc quân lính, tôi quá ngạc nhiên khi thấy không một lưỡi lê nào được tăng cường, chỉ những lính gác như bình thường vào vị trí, bên trong cung điện thì không có bảo vệ

Người ta đoán đây sẽ là hoạt động ồ ạt của một đám đông ồ ạt vào cung điện rộng lớn như Les Tuileries, vậy mà ở Saint-Peterbourg, lòng tôn kính Hoàng đế đã ngăn được sự lộn xộn ồn ào. Thay vì ai kêu to được thì kêu, mỗi người như thấm nhuần sự thấp kém của mình và ân huệ người trên ban cho, nói với người bên cạnh "Đừng làm ồn, đừng làm ồn".

Trong lúc dân chúng vào cung điện, Hoàng đế ngồi trong gian phòng Saint-Georges, gần Hoàng hậu, chung quanh là các ông bà Đại Quận công, và tiếp đoàn ngoại giao. Rồi các gian phòng khách đầy những ông lớn và nông dân, những bà hoàng và thôn nữ. Cửa phòng Saint-Georges mở ra, nhạc tấu vang. Hoàng đế đưa tay với nước Pháp, nước Áo, hay nước Tây Ban Nha qua đại diện là các bà đại sứ rồi đi ra cửa. Mọi người lùi lại, dồn chân, đám đông tách ra và Nga hoàng đi qua.

Người ta bảo đây là lúc chọn thời điểm mưu sát, phải thú nhận là cũng dễ thực hiện.

Những lời đồn khiến tôi tò mò nhìn Hoàng đế, nghĩ rằng mình sẽ gặp một khuôn mặt buồn tôi đã trông thấy ở Tsarskoï Selo. Tôi rất ngạc nhiên thấy ngược lại; có lẽ chưa bao giờ Người cởi mở và

tươi cười như thế. Thực ra đây là phản ứng chống lại mối nguy hiểm lớn mà Hoàng đế Alexandre đã biết sự thanh thân giá tạo ấy đã được thể hiện ở buổi khiêu vũ tại Đại sứ quán Pháp, chỗ ông De Caulaincourt và lần kia trong một lễ hội ở Zakret, gần Vilna.

Ông De Caulaincourt tổ chức một cuộc khiêu vũ mừng Hoàng đế. Đến nửa đêm, nghĩa là khách nhảy đến đông đủ nhất, người ta đến báo là ngôi nhà bắt lửa. Nhớ lại buổi khiêu vũ của Hoàng thân Schwartzberg bị ngắt quãng vì sự cố tương tự, gây ra bao hậu quả tai hại vì nỗi sợ hãi hơn là tai nạn, Quận công De Vicence muốn tự mình xem xét, đặt ở mỗi cửa một tùy tùng, ra lệnh không để người nào ra ngoài, và đến gần Hoàng đế nói nhỏ:

- Tâu Bệ hạ, lửa cháy trong nhà, tự tôi phải đi xem sao, không nên để ai biết trước khi biết rõ tính chất và sự nguy hiểm. Tùy tùng của tôi đã được lệnh chỉ để Bệ Hạ, các Điện hạ, các ông bà Đại Quận công đi ra. Nếu Bệ hạ muốn rút lui cũng được nhưng xin lưu ý với Bệ hạ rằng không nên tin có lửa khi chưa trông thấy những phòng khách bốc cháy.

- Tốt đấy – Hoàng đế nói – ông đi đi, tôi ở lại.

Ông De Caulaincourt chạy lại chỗ người ta vừa báo đã bị cháy. Như ông đã dự kiến, mối nguy hiểm không lớn như người ta sợ lúc đầu, lửa được những người hầu hợp sức lại dập tắt. Viên đại sứ trở lại ngay phòng khách, thấy Hoàng đế đang nhảy một điệu polonaise! Ông và nhà vua chỉ đành nhìn nhau.

- Thế nào? – Hoàng đế hỏi khi điệu vũ tạm nghỉ.

- Tâu Bệ hạ, ngọn lửa đã được dập tắt -ông De Caulaincourt chỉ nói có thế.

Chỉ qua ngày hôm sau nữa những người khách trong buổi vũ hội huy hoàng ấy mới biết mình đã nhảy trên núi lửa trong một tiếng đồng hồ.

Ở Zakret lại là một sự việc khác hoàn toàn, vì Hoàng đế không chỉ có nguy cơ về mạng sống mà còn mất cả vương quốc của mình. Giữa buổi lễ người ta đến báo cáo tiền quân Pháp vừa đi qua Niémen và Hoàng đế Napoléon, người khách ở Erfurt mà người ta quên mời, có thể bắt chợt đến phòng nhảy cùng với sáu trăm ngàn vũ công. Alexandre ra mệnh lệnh vừa có vẻ như nói các việc khác với đoàn tùy tùng, tiếp tục đi thăm các phòng, tự hào về các nguồn chiếu sáng, cho là chỗ ánh trăng vừa lên là phòng đẹp nhất. Người chỉ rút lui vào nửa đêm lúc phục vụ bữa ăn khuya mọi khách được mời vào ngồi ở những chiếc bàn nhỏ, lúc Người dễ vắng mặt. Trong suốt buổi tối không ai thấy trên trán Người một dấu vết lo âu nên đến khi người Pháp đến người ta mới biết.

Như ta thấy, Hoàng đế đau khổ và buồn phiền đến tận lúc chúng tôi tới, nghĩa là ngày mùng 1 tháng giêng năm 1825, Hoàng đế lấy lại nghị lực của mình, đi khắp các phòng như thường lệ, sau lưng có triều thần. Tôi để đám đông lôi kéo theo, rồi trở lại chỗ ban đầu sau chín giờ khi đã làm một vòng trong cung điện.

Đến mười giờ việc chiếu sáng ở Ermitage kết thúc, những người có vé xem sân khấu đặc biệt được

mời đến xem.

Nằm trong số những người được đặc ân, tôi ra khỏi đám đông. Mười hai người nô lệ, thật khó khăn, bận quần áo rực rỡ theo lối phương Đông, đứng ở cửa ra vào sân khấu để giữ trật tự và kiểm tra giấy mời.

Vào nhà hát Ermitage, phía đầu là một hành lang đối diện gian phòng lớn bày biện bữa ăn tối của triều thần, tôi tưởng như vào lâu đài trên thiên đàng. Hãy hình dung một phòng rộng mênh mông, tường trần là những ống thủy tinh lớn bằng ống xi đồng mà trẻ con dùng thổi những viên mát tíc bắn chim. Những ống kính ấy thẳng, cong, uốn vòng phù hợp theo chỗ đặt, nối với nhau bằng những giây bạc khó nhận thấy và gắn tám đến mười nghìn ngọn đèn phản chiếu và nhân đôi ánh sáng. Những ngọn đèn màu này chiếu sáng những phong cảnh, khu vườn, hoa và cây từ đó ngân vang một điệu nhạc bay bổng, vô hình. Những thác nước và hồ, giống như nhấp nhô nhiều ngàn viên kim cương, qua màn ánh sáng ấy toả ra những âm điệu của một bài thơ và một sự hư ảo tuyệt vời.

Riêng việc sắp đặt chiếu sáng ấy phải mất đến mười hai ngàn rúp và kéo dài hai tháng.

Đến mười một giờ dàn nhạc tấu lên thông báo Hoàng đế tới. Người đi giữa gia đình mình, có triều thần theo sau. Các Đại Quận công, đại sứ, sĩ quan hoàng gia, thị nữ, ngồi ngay vào bàn giữa, khách mời còn lại gồm sáu trăm người, tất cả đều là các quý tộc hàng đầu ngồi vào hai bàn kia. Chỉ một mình Hoàng đế đứng, đi giữa các bàn và lần lượt hỏi chuyện từng người khách, theo luật lệ tước hiệu, trả lời nhà vua mà không cần đứng dậy.

Tôi không thể nói cái nhìn ma thuật của Hoàng đế tác động ra sao đến những vị Đại Quận công, những ông bà lớn ấy người đầy vàng và thêu ren, kẻ đeo kim cương ánh lên như nước suối chảy, giữa một lâu đài thủy tinh, nhưng về phần tôi, từ trước đến nay và từ lúc đó tôi chưa bao giờ có một cảm giác lớn lao như vậy. Sau này tôi có tham gia một số lễ hội hoàng gia của nước Pháp, tôi phải thú nhận buổi lễ này hơn hẳn.

Tiệc xong, triều thần rời Ermitage trở lại phòng Saint-Georges. Đến một giờ ban nhạc ra hiệu điệu vũ polonaise thứ hai, như lần trước, do Hoàng đế dẫn đầu. Đây là lời từ biệt của Người với buổi lễ vì khi điệu vũ kết thúc, Người rút lui.

Tôi vui vẻ nhận được tin Nhà vua đã ra về. Suốt buổi tối tôi vẫn pháp phủng lo sợ một buổi lễ tráng lệ như thế có thể trong một lúc nào đó trở thành đẫm máu.

Hoàng đế đi rồi, đám đông vui dần. Trong lâu đài nhiệt độ là hai mươi lăm độ, và bên ngoài lạnh âm hai mươi độ, cách nhau bốn mươi lăm độ. Nếu là ở Pháp thì tám ngày sau chúng ta sẽ biết có bao nhiêu người chết vì sự chuyển tiếp đột ngột và dữ dội ấy. Người ta sẽ tìm cách đổ lỗi cho nhà vua, các bộ trưởng hoặc ngành cảnh sát, tạo điều kiện cho các nhà từ tâm của báo chí có một cuộc tranh cãi tuyệt vời. Ở Saint-Peterbourg người ta không biết gì và nhờ sự im lặng, lễ hội vui vẻ không có những ngày mai buồn nản.

Còn tôi, nhờ một người hầu, điều thông minh là đã ở lại chờ tôi với áo lông ba lớp và chiếc xe đóng kín, trở lại kênh Catherine không gặp trở ngại gì.

Buổi lễ thứ hai là lễ chúc phúc nước uống. Năm nay còn trang trọng hơn vì thảm họa ghê gớm vừa qua, đó là nạn lụt trên sông Neva. Đã gần mười lăm ngày nay những chuẩn bị huy hoàng được tiến hành sôi nổi chen lấn với nỗi lo sợ về tôn giáo, mà những dân tộc khác không tin ngưỡng hoàn toàn không biết. Trên sông Neva người ta dựng lên một ngôi nhà lớn hình tròn, mở tám cửa, trang trí bốn bức họa lớn, gắn một cây thập tự. Người ta đi ra ngôi nhà ấy trên một con đập được xây dựng trước mặt Ermitage và giữa nền băng của ngôi nhà, vào sáng buổi lễ, đào một lỗ hồng lớn để giáo sĩ có thể xuống đến nước.

Ngày làm dịu cơn giận của con sông đã đến. Mặc dù trời lạnh, lúc chín giờ sáng xuống đến âm vài chục độ, những bến cảng đầy người xem và con sông hoàn toàn biến mất dưới đám người tò mò đông vô kể. Tôi không dám đứng trong số họ, sợ tuy rất vững và dày, băng có thể vỡ nứt dưới một trọng lượng như vậy. Luôn lách theo dòng người và sau bốn mươi lăm phút vất vả mà hai lần người ta báo với tôi mũi tôi bị đóng băng, tôi đến được dải bao lơn bằng đá granit xây chắn bến cảng.

Chung quanh ngôi nhà có một khoảng rộng vòng tròn.

Đến mười một giờ rưỡi Hoàng hậu và các bà Đại Quận công ngồi trên một ban công được che kín của lầu đài, thông báo với dân chúng bài Thánh ca tạ ơn Chúa đã kết thúc. Từ quảng trường Mars đổ ra cả đoàn bảo vệ hoàng gia, có nghĩa là khoảng bốn mươi nghìn người theo tiếng quân nhạc đến bố trí hàng ngũ chiến đấu trên sông, trải dài thành ba hàng, từ Đại sứ quán Pháp đến tận pháo đài. Cùng lúc ấy cửa lầu đài mở. Băng cờ, ảnh các Thánh và những người hát đồng ca của nhà nguyện xuất hiện, đi trước lớp tu sĩ do giám mục dẫn đầu, rồi các thị đồng và các hạ sĩ vác những lá cờ của các trung đoàn khác nhau của đội quân cận vệ, cuối cùng là Hoàng đế, bên phải là Đại quận công Nicolas, bên trái có Đại quận công Michel, theo sau là các sĩ quan cao cấp của nhà vua, tùy tùng và các tướng.

Khi Hoàng đế đến cửa ngôi nhà hầu như tràn ngập tu sĩ và những người cầm cờ, giáo chủ ra hiệu và ngay lúc đó các bài thánh ca do hơn một trăm giọng hát của người lớn và trẻ em không nhạc đệm ngân vang hài hòa tuyệt diệu. Suốt thời gian cầu nguyện ấy, có nghĩa là khoảng hai mươi phút, Hoàng đế, không mặc quần áo lông thú, chỉ là bộ đồng phục, đứng thẳng, bất động, đầu trần, chống chọi với thời tiết mạnh hơn tất cả các vị vua trên thế giới, đối mặt với thực tế nguy hiểm còn lớn hơn cả đứng trước một trăm họng súng ở trận địa. Việc bất cần vì tôn giáo này càng đáng sợ đối với những người xem đang được bọc kín áo choàng, đội mũ lông, thấy Hoàng đế tuy còn trẻ nhưng đã bị hói đầu.

Khi bài Thánh ca tạ ơn Chúa kết thúc, giáo chủ lấy chiếc thánh giá bằng bạc trên tay một trẻ đồng ca và giữa đám đông quỳ gối, lớn tiếng chúc phúc cho con sông, nhúng thánh giá xuống lỗ hồng được

đào trong băng đưa nước lên tận chỗ ông. Ông lấy một chiếc bình mức nước Thánh ấy dâng lên Hoàng đế. Sau lễ ấy đến lượt những lá cờ.

Trong lúc những lá cờ nghiêng xuống nhận chúc phúc, một làn pháo bắn từ ngôi nhà toả khói lên không trung. Một loạt tiếng nổ ghê gớm vang lên, cả đội pháo của pháo đài đến lượt mình hát bài Thánh ca bằng giọng đồng.

Đạn được bắn ba loạt trong buổi lễ. Đến lượt thứ ba, Hoàng đế đội mũ vào, trở về lâu đài. Trong lúc đi, Người chỉ bước cách tôi mấy bước chân, lần này Người buồn hơn bao giờ hết. Đã biết giữa buổi lễ tôn giáo chẳng có chút nguy hiểm nào, Người trở lại là chính mình.

Khi Nhà vua đi khỏi, dân chúng đến lượt đổ xô vào ngôi nhà, những người này nhúng tay vào lỗ hồng và làm dấu thánh bằng nước vừa được chúc phúc, những người khác mức đầy bình mang về, một số thậm chí còn nhúng con vào trong nước, tin chắc ngày ấy tiếp xúc với nước sông chẳng còn gì nguy hiểm.

Cùng ngày, lễ hội ấy cũng được tổ chức ở Constantinople, ở đây mùa đông không giá rét và biển không đóng băng, giáo chủ đi trên một con thuyền ném xuống làn nước trong xanh cây thánh giá để mọi người lặn xuống bắt lấy trước khi bị chìm xuống đáy sâu.

Hầu như ngay sau những buổi lễ thánh là các cuộc vui chơi ngoại đạo mà lớp vỏ mùa đông của con sông trở thành sân khấu. Tuy vậy còn tùy thuộc vào tính khí thất thường của thời tiết. Thường thường trong khi những căn lều đã được dựng lên, việc chuẩn bị đã được hoàn tất, trường đua chỉ còn chờ mấy con ngựa và các ngọn núi Nga chờ người trượt tuyết, thì chong chóng gió bỗng chuyển về hướng tây, mang theo làn gió ẩm của vịnh Phần lan thổi tới, băng bắt đầu tan và cảnh sát phải can thiệp ngay, trước những nỗi thất vọng của dân Saint-Peterbourg, những ngôi lều phải bị phá bỏ và chở về quầng trường Mars. Nhưng bao giờ cũng thế, dân chúng vẫn tìm được thú vui mặc dù không có ngày hội hoá trang. Người Nga đối với sông Neva cũng giống như người Naples đối với Vésuve của mình, thích nó sắp chết còn hơn là chết hẳn.

May thay trong mùa đông vinh quang 1825, nhờ Chúa không lúc nào người ta phải sợ băng tan. Vì vậy trong lúc vài vũ hội quý tộc mở màn cho những cuộc vui của dân chúng, vô số căn lều được dựng lên trước mặt toà Đại sứ Pháp, kéo dài hầu như từ bến cảng này đến bến cảng khác, nghĩa là trên một chiều rộng hai ngàn bộ. Những ngọn núi Nga cũng không chậm trễ, xem ra kém lịch sự hơn những nơi bất chước Paris: chỉ là một đoạn dốc xuống, cao hơn một trăm bộ (mỗi bộ khoảng 0,324m), dài khoảng bốn trăm bộ được tạo từ những tấm ván trên đó người ta lần lượt đổ nước, tuyết cho đến khi tạo thành một lớp vỏ băng dày vào khoảng sáu phút (một phút bằng 27mm). Còn xe trượt chỉ là một tấm ván cong một đầu. Những người điều khiển xe trượt kẹp tấm ván dưới cánh tay đi giữa đám đông tìm người chơi không chuyên. Khi đã tìm được người tập, họ cùng leo lên đỉnh theo bậc thang được làm ở sườn núi phía bên đường trượt. Người chơi ngồi ở phía trước, chân dựa

vào bờ ván, người điều khiển ngồi xôm ở phía sau, hướng xe trượt rất thành thạo; việc này rất cần thiết vì hai bên núi không có tấm chắn, có thể ngã lộn xuống nếu xe chệch đường. Mỗi chuyến giá một kopek (một phần trăm đồng rúp).

Những trò giải trí khác rất giống những lễ hội vui chơi của dân chúng ở quảng trường Champs-Élysées tuy có những trò đùa đặc thù riêng của từng dân tộc. Một trong những trò đùa khá thành công là cảnh người ta bố trí cho một ông bố phúc hậu của một gia đình nóng lòng gặp đứa con út mới sinh ngay trong ngày ông ta trở về làng. Bà vú nuôi xuất hiện, bế đứa bé được bọc kín, chỉ thấy đầu một mồm đen. Ông bố phần khởi nghe con mình gầm gừ, cho rằng đây là toàn bộ chân dung của mình và tính tình dễ thương của bà mẹ. Nghe thấy thế, bà mẹ bước lên nhận lời khen, lời khen dẫn đến một cuộc tranh cãi, tranh cãi dẫn đến ẩu đả, đứa bé bị co kéo bởi hai bên tuột hết cả tã lót, một con gấu con xuất hiện trước những tràng vỗ tay của đám đông và ông bố phát hiện thấy người ta đã đổi đứa con của mình trong lúc cho nó bú.

Trong tuần lễ cuối của hội hóa trang, những hoạt động ban đêm được tổ chức khắp đường phố Saint-Peterbourg kích thích sự tò mò của dân chúng như ở các thị xã của Pháp. Một trong những kiểu hoá trang được áp dụng nhiều nhất là kiểu Paris. Một chiếc áo bó người, tà dài, cổ sơ mi hồ bột cao quá cả vạt khoảng ba, bốn phút, mái tóc giả uốn vòng, mảng trang trí trước ngực và đội chiếc mũ rom nhỏ. Hình vẽ trào phúng được hoàn chỉnh bởi rất nhiều vật trang sức, dây đeo lòng thòng quanh cổ và thắt lưng. Không may khi mặt nạ bị nhận ra, tự do chấm dứt, tước hiệu bị lấy lại, và con người kỳ cục trở thành Đức Ông. Nhưng trò chơi cũng để lại vài điều thú vị.

Còn dân chúng, như để đền bù lại những kham khổ của mùa chay, vội vã ngốn hết thức ăn thức uống, nhưng khi đồng hồ điểm nửa đêm ngày chủ nhật sang thứ hai, người ta chuyển từ ăn uống quá mức sang nhịn đói với ý thức ngừng ăn ngay từ lúc đồng hồ điểm tiếng đầu, và những gì còn lại của bữa ăn được đồ hết khi đồng hồ điểm tiếng cuối. Lúc ấy tất cả đã thay đổi. Những cử chỉ khoái cảm chuyển thành dấu thánh và sự ồn ào biến thành kinh cầu nguyện. Người ta thấp nển trước ảnh thánh trong nhà và những nhà thờ trở nên quá chật hẹp.

Tuy vậy những ngày lễ ấy nay tuy vẫn còn huy hoàng đã thoái hóa nhiều so với xưa kia. Ví dụ năm 1740, Hoàng hậu Anne Ivanova có một quyết định vượt hẳn những gì người ta đã làm cho đến nay về loại ấy, muốn cho tổ chức một buổi lễ chỉ có Hoàng hậu nước Nga mới làm được. Để đạt yêu cầu, bà định những hôn lễ anh em của bà được tổ chức vào những ngày cuối của lễ hội hoá trang và ra lệnh mỗi thủ hiến cử đến tham dự một đôi vợ chồng theo từng sắc tộc trong vùng, mặc quần áo dân tộc, mang theo đồ trang bị thích hợp với nó. Mệnh lệnh của Hoàng hậu được chấp hành triệt để và tới ngày đã định, bà hoàng uy quyền thấy kéo đến đoàn đại biểu của một trăm dân tộc khác nhau mà một số trong đó bà còn không biết tên. Đây là những người Kamchatdales và Lapons đi trên xe trượt do chó hoặc tuần lộc kéo. Đây là người Kalmouk cỡi bò, người Buchar cưỡi lạc đà, người Indien cỡi voi

và người Ostiak đi giày trượt băng. Lần đầu tiên từ các địa đầu của vương quốc, các sắc tộc đến giáp mặt nhau, người Finnois tóc hung, người Circassiens tóc đen, Ukrainien khổng lồ, Samouyiede thấp lùn, cuối cùng người Bachkir mà người láng giềng Kirghiz gọi là Istaki nghĩa là bản, và người dân đẹp đẽ của Georgie và Iaroslavl. Có các cô gái làm vinh dự cho các khuê phòng ở Constantinople và Tunis.

Trong lúc họ đến, đại biểu của từng dân tộc được sắp xếp theo nước của mình ở dưới một trong bốn lá cờ xuân, hạ, thu đông. Và khi đã tập trung đầy đủ, buổi sáng họ được tổ chức thành một đoàn người lạ lùng diễu hành trên đường phố Saint-Peterbourg. Trong tám ngày, mỗi ngày đoàn người đều đi diễu hành mà vẫn chưa thoả mãn được sự tò mò của dân chúng.

Cuối cùng ngày hôn lễ được tổ chức. Vợ chồng mới cưới sau khi làm lễ ở nhà nguyện của lâu đài, cùng đoàn hộ tống nồng cuồng đến lâu đài của Hoàng hậu đã cho chuẩn bị, xứng đáng về phần kỳ cục với phần còn lại của buổi lễ. Đây là một lâu đài đeo gót trong băng, dài năm mươi hai bộ, rộng hai mươi bộ, được trang trí trong ngoài, bàn ghế, đèn, đĩa, tượng, giường tân hôn trong suốt. Những đường trên mái, tầng tường trên cửa ra vào, sơn hoàn toàn giống cẩm thạch xanh và được bảo vệ bằng sáu khẩu ca nông băng tuyết, mỗi khẩu được nạp khoảng một livre thuốc súng và một viên đạn bắn chào khi họ đến, viên đạn đâm thủng tấm gỗ dày hai phút cách đây bảy mươi bước. Phần lạ nhất của toà lâu đài mùa đông này là tượng một con voi khổng lồ do một người Perse cưới được trang bị đủ thứ và do hai nô lệ dắt, ban ngày từ vòi phun ra nước, ban đêm phun ra lửa, rồi thỉnh thoảng rống lên những tiếng kinh khủng vang khắp Saint-Peterbourg nhờ tám hoặc mười người chui vào thân hình rỗng của nó.

Không may những buổi lễ như vậy, dù ở Nga, cũng chỉ thoáng qua. Mùa chay đưa một trăm dân tộc trở về quê nhà và băng tan làm toà lâu đài sụp đổ. Từ đó người ta không bao giờ được thấy lại nữa và mỗi năm mới, lễ hội hoá trang lại càng buồn.

Ngày lễ năm 1825 còn kém vui hơn bình thường, giống như chỉ là bóng ma của những ngày vui nhộn trước đây. Nỗi buồn của Hoàng đế Alexandre ngày càng tăng, lan ra trong triều thần. Sợ làm Người không hài lòng, dân chúng tuy không thân quen họ, cũng chia xẻ nỗi lo lắng với họ.

Như một số người nói thì nỗi buồn ấy là do hối hận.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 12

Khi Catherine chết, Paul Đệ Nhất lên ngôi vua, mà nếu Alexandre, con trai ông, nghe theo chủ định người ta đã dành cho mình, thì ông đã bị đi đày vĩnh viễn. Bị triều đình bắt đi đày, luôn phải sống cách biệt với các con, chúng đã được bà nội là Catherine nuôi dạy. Hoàng đế mới giải quyết những công việc đã từ lâu được thiên tài của Catherine và sự tận tụy của Potemkine chi phối, với một tính tình đa nghi, dữ tợn và lạnh lùng. Chỉ trong một thời gian ngắn trị vì, ông đã tạo nên một cảnh tượng gần như không hiểu nổi đối với dân chúng, các nước láng giềng và các vua anh em.

Tiếng kêu thê thảm của Catherine II sau ba mươi bảy giờ hấp hối đã tuyên bố trong hoàng cung Paul Đệ nhất là nhà vua nước Nga. Nghe tiếng kêu ấy, hoàng hậu Marie và các con quỳ xuống trước chồng và bà là người đầu tiên hoan nghênh Nga hoàng. Paul nâng vợ con dậy, trấn an họ với lòng tốt của vua tôi và cha con.

Ngay lúc đó, triều đình, các chỉ huy quân đội, những đại lãnh chúa và triều thần, lần lượt đến trước mặt ông, quỳ gối theo thứ tự. Mỗi người theo hàng ngũ và thâm niên, phía sau họ là một phân đội được đưa về lâu đài bảo vệ và đưa đến gần Gatchina, chỗ ở cũ của Paul. Họ đã thề trung thành với Nhà vua mặc dù hôm trước họ còn canh giữ ông như là người tù hơn là người được thừa kế. Ngay lúc ấy những tiếng hô hiệu lệnh, tiếng binh khí, tiếng sột soạt của ủng, grom vang lên khắp ngôi nhà khi nữ hoàng Catherine vừa đi vào giấc ngủ vĩnh viễn. Paul Đệ nhất được tôn vinh Hoàng đế và con trai ông, Alexandre, là thái tử, được chỉ định là người thừa kế ngôi vua.

Paul lên ngôi sau ba mươi lăm năm bị tước bỏ, trục xuất, khinh bỉ, và ở vào tuổi bốn mươi ba, ông là chủ một vương quốc mà trước đó ông chỉ là một tù nhân. Trong ba mươi lăm năm ấy ông đã đau khổ nhiều do đó cũng học hỏi được nhiều. Vì vậy ông xuất hiện trên ngôi vua trong túi đầy những luật lệ được thảo ra trong cảnh tù đày, những luật lệ ông hối hả thực hiện liên tiếp nhau và đôi khi tất cả cùng một lúc.

Trước hết ông hành động trái ngược hẳn với Catherine, với nỗi căm hờn cay đắng, biến thành hận thù xuyên sâu vào mỗi hành động. Ông bao bọc những đứa con trong một gia đình đẹp đẽ và giàu có nhất trong những gia đình nhà vua trên thế giới và tạo dựng cho Đại quân công Alexandre thống lĩnh quân sự ở Saint-Peterbourg. Về Hoàng hậu Marie cho đến nay rất đáng thương hại vì phải xa chồng, bà rất ngạc nhiên và sợ hãi khi thấy ông trở về và vẫn tốt và mến thương bà. Những lợi lộc bà có được gấp đôi nhưng bà vẫn nghi ngờ rồi thái độ âu yếm kèm theo ân huệ làm bà tin tưởng vì bà có một tâm hồn thánh thiện của một bà mẹ, và tấm lòng cao thượng của đàn bà.

Với cách đối nghịch quen thuộc và thể hiện lúc bất ngờ nhất, sắc lệnh đầu tiên của Paul là ngừng tuyển lính mới theo lệnh của Catherine, bớt đi trong vương quốc một trăm nông nô. Biện pháp này vượt quá lòng nhân đạo, là vấn đề chính trị vì đưa lại cho nhà vua mới lòng biết ơn của giới quý tộc vì đã giúp họ bớt đi khoản thuế quân sự và đỡ phải cung cấp người.

Zoubov, người thân cận cuối cùng của Catherine, tưởng đã mất hết khi mất bà hoàng và sợ hãi

không chỉ vì sự tự do mà còn về mạng sống. Paul Đệ nhất gọi ông đến, xác nhận nhiệm vụ của ông, trao cho ông gậy chỉ huy của người phụ trách cận vệ mà ông vừa đuổi đi và nói "Ông tiếp tục làm nhiệm vụ trong đoàn cận vệ của mẹ tôi; hy vọng ông phục ta cũng trung thành như khi phục vụ bà vậy"

Kosciuszko bị cầm tù, giam cố trong nhà cô Bá tước Anhalt được giao cho một thiếu tá canh giữ, người này không bao giờ rời ông và ăn cùng với ông. Paul đích thân đi giải thoát ông, tuyên bố cho ông được tự do. Trong buổi đầu rất bàng hoàng và ngạc nhiên, viên tướng Ba Lan để Hoàng đế ra về không tỏ lời cảm ơn, sau đó ông đã tự đến hoàng cung, đầu còn băng bó vì còn yếu và đau đớn vì những vết thương. Được đưa vào gặp Hoàng đế và Hoàng hậu. Paul tặng ông một vùng đất và nông dân trong vương quốc mình. Kosciuszko từ chối, đòi lại chỉ xin một số tiền để sinh sống và chết ở nơi mình muốn. Paul đã cho ông một trăm ngàn rúp và Kosciuszko ra đi, sau này ông chết ở Thụy sĩ. Giữa những mệnh lệnh, quyết định ấy, đánh lừa nỗi sợ hãi của mọi người, báo trước một triều đại cao cả, đến lúc tổ chức tang lễ trọng thể cho nữ hoàng Catherine, Paul quyết định thực hiện một nghĩa vụ kếp với bố mẹ. Đã ba mươi lăm năm tên của Pierre III chỉ được nhắc nhỏ giọng ở Saint-Peterbourg. Paul Đệ Nhất đến tu viện Saint Alexandre Nevski, nơi chôn cất vị Hoàng đế khốn khổ, bảo một viên tu sĩ già chỉ cho ông ngôi mộ không biết đến của bố, cho mở quan tài, quỳ gối trước di hài của nhà vua trong đó, rút chiếc găng tay của bộ xương và hôn nhiều lần. Sau khi cầu nguyện rất lâu và thành kính, ông cho đưa quan tài lên giữa nhà thờ và ra lệnh làm lễ đối với di hài của Pierre cũng như đối với thân thể của Catherine đặt nằm trên chiếc giường được trang hoàng lộng lẫy của bà, trong một gian phòng ở cung điện. Cuối cùng phát hiện ra Hầu tước Ungern Henrberg, người phục vụ cũ của bố mình sống thất sủng đã được một phần ba thế kỷ, Paul cho gọi ông vào căn phòng có treo chân dung Pierre III và bảo "Ta cho gọi ông để tuy không có phụ hoàng, bức chân dung này chứng kiến lòng biết ơn của ta đối với những người bạn trung thành của Người". Và dẫn ông đến trước bức ảnh như thể đôi mắt trong bức ảnh có thể thấy việc đã xảy ra: Paul ôm hôn người cựu chiến binh, phong cho làm tướng tổng tư lệnh, quàng huân chương Saint Alexandre Nevski vào cổ ông và giao trách nhiệm phục vụ bên người bố với bộ quân phục đã mặc như lúc làm sĩ quan tùy tùng của Pierre III

Ngày lễ tang đến, Pierre III chưa bao giờ được phong tước hiệu, với lý do ấy ông được chôn cất như một lãnh chúa Nga bình thường trong nhà thờ Saint Alexandre Nevski. Paul Đệ nhất tôn vinh quan tài ông, cho đưa vào cung điện và để bên cạnh thi hài của Catherine. Từ đây hai di hài được đưa ra kính thành đặt trên cùng một bệ, và trong tám ngày, triều thần vì hèn hạ, và dân chúng vì lòng thương, đến hôn bàn tay trắng bệch của Nữ hoàng và quan tài của Hoàng đế.

Dưới chân chiếc mộ đôi ông đến cũng như những người khác, lúc này Paul Đệ Nhất có vẻ đã quên lòng hiếu thảo và sự khôn ngoan. Lẻ loi trong lâu đài Gatchina của mình với một hai đội bảo vệ, ông

trở lại những thói quen chi tiết về quân sự, đôi khi để nhiều giờ liền chải những chiếc khuy quân phục, cũng cẩn thận, chuyên cần như Potemkine lau những vết rạn trên kim cương của mình. Vì thế ngay từ buổi sáng đăng quang tất cả mọi thứ trong cung điện thể hiện một bộ mặt mới, nhà vua mới trước khi lo việc quốc gia, cho thực hiện tất cả những thay đổi nhỏ mà ông dự định đưa vào trong diễn tập cũng như cách ăn mặc của quân lính. Đến ba giờ chiều ngày hôm ấy, ông ra sân cho diễn binh theo cách của mình, chỉ cách diễn tập theo ý thích. Việc duyệt quân ấy ngày nào cũng được làm và trở thành không chỉ một thể chế quan trọng nhất của chính phủ mà còn là điểm trung tâm của mọi việc quản lý vương quốc. Chính trong cuộc thao diễn quân sự này, ông nghe các báo cáo, ra chỉ thị, ký sắc lệnh, và để các sĩ quan đứng nghiêm chào. Chính tại đây, giữa hai Đại quân công Alexandre và Constantin, hàng ngày trong ba tiếng đồng hồ, dù lạnh như thế nào, không khăn mũ lông, đầu trần và hói, mũi phơi ra gió, một tay để sau lưng, tay kia giơ lên giơ xuống chiếc can và hô "Một, hai! Một hai!" Người ta trông thấy ông dẫm chân cho nóng người, đưa tính tự ái ra chống chọi với rét lạnh dưới hai mươi độ.

Chẳng bao lâu những chi tiết quân sự trở thành công việc của nhà nước, trước hết ông thay đổi màu phù hiệu cờ quốc gia Nga, màu trắng thay thế bằng màu đen viền vàng. Điều này tốt vì như Hoàng đế nói, màu này có thể nhìn thấy rõ từ xa, sẽ trở thành trung tâm điểm nhắm bắn, còn màu đen lẫn vào màu mũ, cùng đồng màu nên quân địch khó ngắm. Nhưng việc cải cách không chỉ dừng lại ở đây mà còn tiến lên màu chòm lông cài mũ, chiều cao đôi ủng và những chiếc khuy của đôi ghệt. Đến mức những bằng chứng về sự sẵn sàng thay đổi được những điều ông đưa ra hôm trước thể hiện bằng sự diễu hành hôm sau thì mọi người sẽ được thưởng huy chương và thăng cấp bậc.

Dù ưa chuộng quân lính mà Paul Đệ Nhất thay đổi quần áo của họ không ngừng như một đứa trẻ làm đối với búp bê, thỉnh thoảng việc cải cách của ông cũng lây lan đến tầng lớp tư sản. Cách mạng Pháp đưa đến những chiếc mũ tròn làm thành một làm ông ghê tởm loại mũ này. Một buổi sáng có chỉ thị cấm đội mũ tròn đi ra trên đường phố Saint-Peterbourg. Hoặc vì không biết hoặc do chống đối, luật lệ này không được áp dụng nhanh như Hoàng đế mong muốn. Ông bèn cho bố trí ở mỗi góc phố lính cô dắc và cảnh sát, họ được lệnh lấy bỏ mũ của những kẻ ngoan cố, bản thân ông đi xe trượt khắp đường phố để xem lệnh thay đổi được thực hiện ra sao. Ông sắp trở về hoàng cung sau một đợt kiểm tra khá thoả mãn thì nhận thấy một người Anh vốn thấy sắc lệnh về những chiếc mũ là một vi phạm tự do cá nhân nên vẫn đội chiếc mũ tròn. Hoàng đế dừng lại ngay, ra lệnh cho một sĩ quan đến lột mũ con người ngoan cố dám tới thách thức ông ngay tại quảng trường Amirauté. Kỵ sĩ phóng ngựa nhanh đến chỗ người phạm tội, thấy ông này nghiêm chỉnh đội chiếc mũ ba cạnh, liền thất vọng quay về báo cáo. Hoàng đế tưởng mắt mình nhìn lầm, rút ống dòm chĩa về phía người Anh đang nghiêm trang tiếp tục đi. Ngài nhận định viên sĩ quan đã nhầm: người Anh đội mũ tròn! Viên sĩ quan bị bắt giữ và một viên tùy tùng được cử đi thay thế, thúc ngựa phi bụng sát đất theo người Anh nọ. Hoàng

để nhằm rồi, ông này đội mũ ba cạnh. Viên tùy tùng ngỡ ngác, quay trở về báo cáo như viên sĩ quan. Hoàng đế lại đưa ống dòm lên nhìn và viên tùy tùng lại bị bắt giữ: người Anh vẫn đội chiếc mũ tròn. Một viên tướng bèn xin đi làm nhiệm vụ, phóng ngựa đến chỗ người Anh, không lúc nào rời mắt khỏi ông ta. Ông thấy ông đến càng gần, chiếc mũ thay hình đổi dạng, chuyển từ tròn sang ba cạnh. Sợ bị bắt lỗi như hai người trước, ông đưa người Anh đến trước mặt Hoàng đế và tất cả được giải thích rõ. Con người dễ lòng tự hào quốc gia điều hoà với tính khí thất thường của nhà vua, đã làm cho một chiếc mũ, nhờ chiếc lò xo nhỏ giấu bên trong nó, chuyển ngay từ hình dạng bị cấm sang hình dạng hợp pháp. Hoàng đế thấy ý tưởng hay, tha cho viên tùy tùng và sĩ quan, cho phép người Anh từ nay muốn đội mũ gì thì tùy ý.

Chỉ thị về xe cộ tiếp theo chỉ thị về mũ. Một buổi sáng ở Saint-Peterbourg có thông cáo cấm buộc ngựa theo kiểu Nga, nghĩa là người đánh xe lên ngựa từ bên phải và nắm dây cương bên trái. Cho phép mười lăm ngày để chủ các loại xe tạo ra những bộ cương theo kiểu Đức, sau đó đến cơ quan cảnh sát cắt bỏ những phần có thể làm ngược lại. Việc cải cách không chỉ ở xe cộ mà cả ở người đánh xe, họ được lệnh mặc quần áo theo lối Đức, họ rất thất vọng phải cắt bỏ bộ râu dài, may vào cổ áo một dải đuôi luôn ở tại chỗ khi đầu ngoảnh sang phải hoặc trái. Một sĩ quan chưa có thì giờ nghiên cứu chỉ dụ mới đành đi bộ đến cuộc diễu hành làm Hoàng đế nổi giận còn hơn đi xe một chiếc xe bị cấm. Bọc người với một chiếc áo lông dài, anh đưa thanh kiếm cho một người lính cầm, Paul bắt gặp việc vi phạm kỷ luật, viên sĩ quan bị giáng xuống làm lính và người lính được thăng lên làm sĩ quan.

Trong tất cả những luật lệ ấy, tước vị không bị bỏ quên. Theo một điều luật cũ, khi đi đường gặp Hoàng đế, Hoàng hậu hoặc Hoàng tử, người ta phải dừng xe ngựa lại, xuống quỳ bên đất bụi, bùn hay tuyết. Việc tôn vinh ấy khó thực hiện trong một thủ đô mà trên mỗi đường phố, trong mỗi giờ có nhiều xe cộ nên đã bị bãi bỏ dưới triều đại Catherine. Vừa lên ngôi, Paul khôi phục lại điều luật ấy và còn phát huy hết mức. Một sĩ quan cấp tướng mà người ta không nhận ra trong đội quân của Hoàng đế, bị tước vũ khí và bắt giữ, hình phạt kết thúc người ta muốn trả lại thanh kiếm, nhưng ông không nhận và nói đây là thanh kiếm danh dự do Catherine trao tặng, được đặc ân không bị tước đi. Paul quan sát thanh kiếm thấy nó làm bằng vàng và được trang trí nhiều kim cương, liền cho gọi viên tướng đến trao lại tận tay vừa nói không có một giận hờn gì đối với ông này, nhưng ra lệnh bổ sung ông vào quân đội ngay trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Không may sự việc không phải bao giờ cũng suôn sẻ. Một hôm, một trong những Lữ đoàn trưởng dũng cảm nhất của Hoàng đế, ông De Likarov bị bệnh ở nông thôn, bà vợ chỉ tin vào mình trong một việc quan trọng như thế, đến Saint-Peterbourg để tìm một thầy thuốc. Tai họa làm bà gặp phải chiếc xe của Hoàng đế. Do bà và người trong nhà vắng mặt ở thủ đô đã ba tháng nay, không ai biết chỉ dụ mới nên chiếc xe của bà đi qua không dừng lại trước Paul đang đi ngựa dạo chơi quanh đây. một vi

phạm như vậy làm tổn thương Hoàng đế, ông sai tùy tùng đến ngay chỗ đoàn người chống đối, bắt ngay bốn người đẩy tó vào lính và đưa bà chủ vào tù. Mệnh lệnh được thực thi, người đàn bà hoá điên và ông chồng bị chết.

Việc tôn trọng tước vị trong lâu đài nghiêm khắc không kém ngoài đường phố, mọi triều thần được hôn tay phải thành tiếng ở miệng và quỳ gối trên sàn nhà. Hoàng thân Georges Galitzine bị bắt giữ vì không nghiêng mình đủ thấp và hôn tay hời hợt.

Những hành vi quá thể ấy chúng tôi tình cờ biết được trong cuộc đời của Paul Đệ nhất. Bốn năm trị vì là một thời gian dài như không thể dài hơn, vì càng ngày lý trí ít ỏi còn lại của Hoàng đế biến dần, nhường chỗ cho sự điên rồ mới, và những điên rồ của một ông vua đầy quyền lực, thì chỉ một dấu hiệu nhỏ cũng trở thành một mệnh lệnh phải thi hành ngay. Đây là điều thực sự nguy hiểm. Vì vậy Paul bản năng luôn cảm thấy một nguy cơ không biết rõ, nhưng có thực bao phủ quanh mình và những lo sợ ấy còn tạo cho ông những hoạt động thất thường, hầu như ông hoàn toàn ẩn náu trong lâu đài Saint Michel được xây dựng trên vị trí cũ của lâu đài Mùa Hè. Lâu đài ấy được sơn màu đỏ để làm hài lòng sở thích một trong những tình nhân của ông do một hôm đi vào triều với đôi găng màu ấy, là một công trình đồ sộ, kiến trúc khá xấu, lờm chờm những pháo đài, chỉ trong đó Hoàng đế mới nghĩ mình được an toàn.

Giữa những hành quyết, tù đầy, thất sủng, có hai người thân cận như bám rễ vào vị trí của họ. Một là Koutouzov, nô lệ người Thổ cũ, ở vào hàng những người ở lâu đời bên Paul, không hề xứng đáng được ân hưởng, đột ngột trở thành một trong những nhân vật chính của vương quốc. Người kia là Bá tước Pahlen, nhà quý tộc, thiếu tướng dưới thời Catherine II và nhờ tình bạn của Zoubov, người thân cận cuối cùng của Nữ hoàng, được đưa lên vị trí Thủ hiến dân sự ở Riga. Có lần Hoàng đế Paul, ít lâu trước khi lên ngôi, đi qua thành phố này. Đây là thời kỳ hầu như ông bị phát vãng và triều thần không dám nói chuyện với ông. Pahlen tiếp đón ông với vai trò của Thái tử. Paul không quen một sự đối xử như thế, ghi nhớ trong lòng, và khi lên ngôi vua, nhớ đến sự đón tiếp của Pahlen, liền gọi ông này về Saint-Peterbourg và tặng huân chương hạng nhất, bổ nhiệm ông này làm chỉ huy trưởng đội cận vệ, và thị trưởng thành phố, thay thế Đại Quận công Alexandre, con trai ông, người mà lòng tôn kính và tình yêu thương không thể xoá nỗi sự nghi ngờ.

Pahlen, nhờ vị trí cao hơn bên cạnh Paul, và chỉ trong bốn năm đã hơn ai hết nhận ra sự không ổn định của vận mệnh con người. Ông đã thấy biết bao nhiêu người lên, xuống, biết bao nhiêu người mất mạng, nên cũng không hiểu vì sao mình chưa bị sụp đổ, và dự đoán số phận mình sẽ gắn liền với sự sụp đổ của Hoàng đế. Zoubov, người bảo trợ cũ của ông, người lúc đầu được Hoàng đế cử làm trưởng đoàn tùy tùng hoàng cung và uỷ nhiệm bảo vệ thi hài của bà mẹ, người bảo trợ cũ của Pahlen, đột nhiên bị thất sủng. Một buổi sáng ông thấy dấu niêm phong tư dinh của mình, hai thư ký chính Altesti và Gribovski bị đuổi đi, tất cả sĩ quan tham mưu và tùy tùng của ông buộc phải trở về ngay

đơn vị hoặc bị bắt từ chức. Đổi lại những việc ấy, Hoàng đế tặng ông một lâu đài, nhưng sự thất sủng cũng không kém phần rõ ràng vì ngày hôm sau mọi quyền chỉ huy của ông bị rút bỏ, ngày hôm sau nữa người ta bảo ông phải từ bỏ hai mươi hoặc ba mươi chức vụ ông đang phụ trách. Chưa hết một tuần lễ ông được phép, đúng hơn là nhận được lệnh phải rời khỏi nước Nga, Zoubov rút lui sang Đức. Ở đây với sự giàu có, trẻ đẹp, đầy huân chương và trí tuệ, ông tôn vinh cho sở thích của Catherine, chứng minh bà là lớn lao ngay cả trong những điểm yếu kém.

Chính ở đây một ý kiến của Pahlen đã gợi ý cho ông. Chắc Zoubov đã phàn nàn với người bảo trợ của mình trước đây về việc trục xuất, tuy đã được giải thích không kém phần khó hiểu và Pahlen trả lời thư của ông. Bức thư có khuyên ông giả vờ có ý định cưới con gái của cận thần của Paul, Koutouzov, chắc chắn Hoàng đế sẽ cho phép kẻ bị trục xuất được trở về Saint-Peterbourg, sau khi về đây rồi sẽ liệu.

Kế hoạch nêu ra được làm theo. Một buổi sáng Koutouzov nhận được một bức thư cầu hôn của Zoubov. Con người gặp vận, đầy tự hào, chạy đến lâu đài Saint Michel, quỳ xuống chân Hoàng đế, tay cầm thư của Zoubov, khẩn cầu nhà vua gia ân cho ông và con gái bằng cách tán thành đám cưới này và cho phép kẻ bị trục xuất được trở về. Paul xem qua lá thư Koutouzov đưa lên rồi trả lại "Đây là ý nghĩ hợp lý đầu tiên trong đầu kẻ điên này, để cho anh ta trở về". Mười lăm ngày sau Zoubov có mặt ở Saint-Peterbourg và với sự đồng ý của Paul, bắt đầu ve vãn con gái của người cận thần. Che giấu dưới tấm màn ấy, vụ âm mưu được hình thành và lớn dần, mỗi ngày lại kết nạp thêm những người bất bình mới. Lúc đầu những kẻ mưu phản chỉ nói về một sự thoái vị đơn giản, một sự thay thế người, thế thôi. Paul sẽ được đưa đi, canh phòng cẩn thận ở một tỉnh nào đó xa trong vương quốc, và Đại quân công Alexandre, người ta sắp đặt mà không có sự thoả thuận của ông, sẽ lên ngôi. Một số người chỉ biết rút dao ra và cho vào vỏ khi đã đẫm máu. Những người ấy biết rõ Alexandre sẽ không chấp nhận sự nhiếp chính nên quyết định bắt ông phải nổi nghiệp.

Thế nhưng Pahlen, tuy lúc ấy là trưởng cuộc âm mưu, nhất thiết phải tránh không có một chứng cứ nào về mình nên tùy theo vào tình hình ông có thể phụ theo các bạn hay cứu Paul. Tính chất dự phòng ấy của ông đưa lại sự lạnh nhạt một phần trong các cuộc bàn luận và công việc có thể kéo dài thêm một năm nữa nếu ông không thúc đẩy bằng một kế sách lạ lùng nhưng biết tính tình của Paul, ông nghĩ phải thành công. Ông viết cho Hoàng đế một bức thư nặc danh báo tin về nguy cơ đang bị đe dọa. Kèm theo thư là danh sách của những người mưu phản.

Phản ứng đầu tiên của Paul sau khi nhận được bức thư là cho tăng đôi các trạm gác lâu đài Saint Michel và gọi Pahlen tới.

Pahlen đang chờ triệu tập liền đến ngay. Ông gặp Paul Đệ Nhất trong phòng ngủ ở tầng hai. Đây là một gian phòng lớn hình vuông, cửa ra vào đối diện với lò sưởi, hai cửa sổ nhìn ra sân, một chiếc giường trước hai cửa sổ và dưới chân giường có một cánh cửa bí mật đi sang phòng Hoàng hậu.

Ngoài ra còn có một chiếc bẫy sập chỉ có một mình Hoàng đế biết, nằm trên sàn nhà. Muốn mở bẫy sập ấy chỉ cần dận gót giày, người sẽ rơi xuống theo một cầu thang, từ cầu thang ra hành lang và có thể trốn ra ngoài lâu đài.

Paul đang sải bước dài, có vẻ bức bối thì cửa mở, Bá tước xuất hiện. Hoàng đế quay lại, vòng tay đứng thẳng, đôi mắt nhìn chăm chú vào Pahlen.

- Bá tước – ông nói sau một lúc im lặng – Ông có biết việc gì đang xảy ra không?
- Tôi biết – Pahlen trả lời – Nhà vua tôn kính của tôi cho gọi và tôi vội đến để phục vụ theo mệnh lệnh.
- Nhưng ông có biết vì sao tôi cho gọi ông? – Paul nói lớn sau một cử chỉ nóng lòng.
- Tôi kính cẩn chờ Bệ hạ nói cho tôi biết.
- Tôi cho gọi, thưa ông, vì đang có một âm mưu chống lại tôi.
- Tôi biết việc ấy, thưa Bệ hạ.
- Thế nào? Ông biết à?
- Tất nhiên. Tôi là một trong những đồng loã.
- Thế đấy. Tôi vừa nhận được bản danh sách. Nó đây.
- Còn tôi, thưa Bệ hạ, tôi có bản sao. Nó đây.
- Đúng rồi! – Paul sợ hãi lẩm bẫm – Còn chưa biết phải tin nó như thế nào.
- Thưa Bệ hạ - Bá tước nói – Bệ hạ có thể so sánh hai bản danh sách này, nếu người tố giác đúng thì chúng sẽ giống nhau.
- Vậy ông xem đi – Paul nói.
- Vâng, chúng giống như nhau – Pahlen lạnh lùng nói – chỉ bỏ quên ba người.
- Những người nào? – Hoàng đế hỏi nhanh.
- Thưa Bệ hạ, sự khôn ngoan ngăn cản tôi nêu tên, nhưng theo chứng cứ thì tôi có những thông tin đúng, hy vọng Bệ hạ chiếu cố tin tưởng hoàn toàn vào tôi và dựa vào tôi để có thể đảm bảo an toàn cho Bệ hạ.
- Không được lạc hướng! – Paul ngắt lời một cách dữ dội – chúng là ai? Ngay bây giờ tôi muốn biết chúng là ai?
- Thưa Bệ hạ, - Pahlen cúi đầu trả lời – lòng kính trọng ngăn cản tôi nói ra những cái tên tôn nghiêm.
- Tôi hiểu – Paul lại nói nhỏ giọng và liếc nhìn cánh cửa đi sang phòng vợ ông. – Ông muốn nói là Hoàng hậu phải không? Là Hoàng tử Alexandre và Đại quận công Constantin?
- Nếu luật pháp chỉ được biết đến những người có thể trừng trị...
- Luật pháp dùng cho tất cả mọi người, thưa ông, và tội ác càng lớn lại càng phải nghiêm trị. Pahlen, ngay bây giờ ông cho bắt hai Đại Quận công, ngày mai đưa chúng đi Schlüsselbourg. Còn

Hoàng hậu, để ta tự giải quyết. Những kẻ mưu phản khác là công việc của ông.

- Thưa Bệ hạ - Pahlen nói – Người cho tôi chỉ dụ viết và dù cho cái đầu có cao đến đâu, những người lớn lao đến mấy, mà người cần đánh, tôi sẽ vâng lời.

- Pahlen thật tốt! – Hoàng đế kêu lên – ông là người đầy tớ duy nhất còn trung thành với ta. Hãy bảo vệ ta, Pahlen, vì ta đã thấy rõ tất cả bọn chúng đều muốn giết ta và ta chỉ còn lại có một mình ông thôi.

Nói rồi Hoàng đế ký lệnh bắt hai Đại quân công đưa cho Pahlen.

Kẻ mưu phản ranh mãnh chỉ muốn có thế. Cầm những mệnh lệnh khác nhau ấy, Pahlen chạy đến nhà Platon Zoubov, chỗ ông biết những người âm mưu đang họp bàn.

- Tất cả bị lộ rồi – ông nói – đây là lệnh bắt các ông. Vậy không để mất thì giờ chút nào, đêm nay tôi còn là thị trưởng Saint-Peterbourg, ngày mai tôi có thể vào tù. Các ông biết phải làm gì chứ? Không ngập ngừng gì được nữa vì sẽ là lên máy chém hoặc ít ra cũng là lưu đày Sibérie. Những người mưu phản hẹn gặp nhau ngay đêm ấy tại nhà Bá tước Talitzine, Đại tá trung đoàn Préobrajenski. Do không đông lắm, họ quyết định tăng cường bằng tất cả những người bất bình gặp trong ngày. Cũng đúng dịp vì trong buổi sáng hôm ấy, khoảng ba chục sĩ quan con cái của những gia đình khá giả ở Saint-Peterbourg bị cách chức, bị kết tội và tù đày vì những tội chỉ đáng khiển trách nhẹ. Bá tước cho hơn một chục chiếc xe chờ sẵn ở cửa các nhà tù đang giam những người muốn hợp tác, rồi thấy những người đồng lõã đã quyết tâm, ông đến chỗ Hoàng thái tử Alexandre.

Ông này vừa gặp cha mình trong một hành lang của cung điện, theo thói quen đi thẳng đến phụ hoàng nhưng Paul giơ tay ra hiệu cho rút lui, ông đành trở về nhà, chờ lệnh mới. Hoàng thái tử thấy ông như thế thì đang băn khoăn không biết nguyên nhân của sự giận dữ thể hiện trong đôi mắt của Hoàng đế, vừa trông thấy Pahlen, ông hỏi ngay có phải đến để chuyển mệnh lệnh của cha mình không.

- Than ôi, thưa Điện hạ! – Pahlen trả lời – tôi được giao một mệnh lệnh ghê gớm.

- Mệnh lệnh gì vậy? – Alexandre hỏi.

- Đến an ủi Điện hạ và xin Người thanh kiếm.

- Thanh kiếm của tôi! – Alexandre kêu lên – Vì sao?

- Vì kể từ giờ phút này Điện hạ bị cầm tù!

- Tôi bị cầm tù! Thế tôi bị kết tội gì?

- Điện hạ cũng biết ở đây, đôi khi không may, người ta bị trừng phạt mà không phạm tội chống đối gì.

- Hoàng đế là người hai lần làm chủ số phận tôi – Alexandre trả lời – vì là vua và cũng là cha tôi. Ông đưa mệnh lệnh xem, dù là lệnh gì tôi cũng phục tùng.

Bá tước đưa tờ lệnh, Alexandre mở ra, hôn chữ ký của cha rồi bắt đầu đọc. Khi đến đoạn nói về

Constantin, ông kêu lên "Cả em tôi nữa! Tôi đã hy vọng mệnh lệnh chỉ dành riêng cho tôi!" nhưng đến chỗ nói về Hoàng hậu "Ồ! Mẹ tôi! người mẹ đạo đức của tôi! Là vị thánh trên Trời xuống với chúng tôi! Quá lắm, này ông Pahlen, việc này quá lắm!"

Đưa hai tay lên che mặt, ông để rơi tờ lệnh. Pahlen nghĩ thời cơ thuận lợi đã đến.

- Thừa Điện hạ - ông nói và quỳ xuống chân Alexandre – Điện hạ hãy nghe lời tôi, phải thấy trước những tai họa lớn, phải chấm dứt những lệch lạc của người cha tôn kính của Điện hạ. Hôm nay Hoàng đế muốn giam giữ sự tự do của Điện hạ, có lẽ ngày mai Hoàng đế muốn...

- Pahlen!

- Thừa Điện hạ, xin Người hãy nhớ lại Alexis Pétrovich.

- Pahlen, ông vu khống cha tôi!

- Không, thưa Điện hạ, vì tôi không kết tội tấm lòng của ông mà là lý trí của ông ta. Biết bao mâu thuẫn lạ lùng, những mệnh lệnh không thể thực hiện được, những trừng phạt vô ích chỉ có thể giải thích bằng một chứng bệnh ghê gớm. Tất cả những người chung quanh Hoàng đế nói như thế và tất cả những người ở xa đều lập đi lập lại như thế. Thừa Điện hạ, người cha khốn khổ của Ngài bị bệnh điên.

- Lạy Chúa!

- Thế thì, thưa Điện hạ, ngài phải cứu lấy ông ấy. Không phải mình tôi đến khuyên ngài như vậy, giới quý tộc, Nghị viện, vương quốc, tất cả, tôi chỉ là người chuyển lời. Hoàng đế phải thoái vị và nhường ngôi cho ngài.

- Pahlen! – Alexandre lùi một bước và kêu lên – ông nói cái gì với tôi thế? Tôi phải kế vị cha tôi khi ông ấy vẫn còn sống ư? Tôi phải giật lấy vương miện trên đầu, quốc ấn trong tay cha tôi ư? Chính ông điên, Pahlen, không bao giờ! Không bao giờ!

- Nhưng thưa Điện hạ, ngài không thấy mệnh lệnh sao? Ngài nghĩ đó là một việc cầm tù bình thường ư? Không, hãy tin tôi, mạng sống của ngài đang bị đe dọa.

- Hãy cứu lấy em tôi! Hãy cứu lấy Hoàng hậu! Đây là tất cả những gì tôi đề nghị với ông – Alexandre kêu lên.

- Nhưng tôi có phải là chủ đâu? – Pahlen nói – Mệnh lệnh đối với họ cũng như đối với ngài. Một khi đã bị bắt, bị cầm tù, ai dám quả quyết với ngài các triều thần không quá vội vã, nghĩ rằng cần phải tận tụy với Hoàng đế, không đi trước ý muốn của nhà vua? Ngài hãy nhìn nước Anh, thưa Điện hạ, cũng đã xảy ra như thế, tuy quyền lực hạn chế nên mối nguy hiểm không to lớn bằng. Hoàng tử xứ Galles sẵn sàng điều hành triều chính mặc dù nhà vua Georges là một người điên nhẹ nhàng và vô hại. Và lại, thưa Điện hạ, nếu ngài nhận lấy việc tôi đề nghị với ngài, ngài không chỉ cứu sống Hoàng hậu, Đại quận công em ngài, mà còn đức vua, cha của ngài nữa.

- Ông có ý nói gì?

- Tôi nói việc trị vì của Paul quá nặng nề nên giới quý tộc và nghị viện quyết định cần phải chấm dứt nó đi bằng mọi cách. Ngài từ chối một sự thoái vị ư? Có lẽ ngày mai ngài buộc phải tha thứ cho một vụ ám hại.

- Pahlen! – Alexandre kêu lên – Vậy tôi có thể gặp cha tôi được không?

- Không thể, thưa Điện hạ, mọi người đã dứt khoát cấm không để Điện hạ vào gặp Hoàng đế.

- Ông bảo mạng sống của cha tôi bị đe dọa?

- Nước Nga chỉ hy vọng vào ngài, thưa Điện hạ, và chúng tôi phải chọn giữa một phán xét làm hại cho chúng tôi và một án mạng cứu sống chúng tôi. Thưa Điện hạ, chúng tôi sẽ chọn án mạng.

Pahlen chuân bị quay ra.

- Pahlen! – Alexandre kêu lên, giơ một tay ngăn lại, còn tay kia đưa lên ngực rút cây thánh giá bằng vàng đeo ở cổ ra. – Pahlen, hãy thề trước Đức Chúa mạng sống của cha tôi sẽ không gặp nguy hiểm gì và nếu cần ông phải hy sinh để bảo vệ ông ấy. Ông thề đi hoặc tôi sẽ không để cho ông ra đi.

- Thưa Điện hạ - Pahlen trả lời – tôi đã nói với ngài điều tôi cần phải nói. Ngài hãy suy nghĩ lời đề nghị của tôi, còn tôi sẽ suy nghĩ về lời thề mà ngài đòi hỏi.

Nói rồi ông nghiêng mình kính cẩn cúi chào đi ra, để quân bảo vệ ở trước cửa, rồi vào chỗ Đại quân công Constantin và Hoàng hậu, truyền chỉ dụ của Hoàng đế nhưng không cần trọng bằng đối với Alexandre.

Đã tám giờ tối, Pahlen chạy đến nhà ông Talitzine, thấy những người mưu phản đang vào bàn ăn, họ nêu lên cả ngàn câu hỏi khác nhau. "Tôi không có thì giờ trả lời với các ông – ông nói – công việc tiến triển tốt và trong nửa giờ nữa tôi sẽ đưa lực lượng bổ sung đến cho các ông". Bữa ăn bị gián đoạn một lúc rồi lại tiếp tục.

Pahlen đi đến nhà tù.

Là thị trưởng Saint-Peterbourg ông vào đâu cũng được. Những người thấy ông vào ngục tối có quân bảo vệ đi theo và mắt nhìn rất nghiêm khắc, nghĩ là đã đến giờ bị đi đày ở Sibérie hoặc chuyển sang một nhà tù khác khác nghiệt hơn. Cách ông ta ra lệnh sẵn sàng lên xe càng làm cho họ tin chắc vào điều ấy. Những chàng trai khốn khổ tuân theo. Ở cửa ra vào, một đại đội lính bảo vệ đang chờ họ, những người tù bước lên xe không chống cự, vừa lên xong thì họ cảm thấy xe phóng nước đại.

Trái với chờ đợi, chưa đầy mười phút sau xe dừng lại trong sân một ngôi nhà thật đẹp. Tù nhân vâng lời bước xuống xe, cửa đóng lại sau lưng họ, quân lính đứng bên ngoài, chỉ có Pahlen với họ.

- Đi theo tôi – Bá tước bảo và bước đi trước.

Chẳng hiểu điều gì đã xảy ra, những người tù làm những gì người ta bảo họ làm. Đi đến một gian phòng phía trước phòng những người mưu phản đang tập hợp, Pahlen bỏ chiếc áo choàng phủ trên bàn ra để lộ một bó kiếm.

- Các anh trang bị vũ khí đi – Pahlen bảo.

Những người tù kinh ngạc, tuân lệnh giắt kiếm vào mình, ở chỗ đao phủ vừa tước guom của họ ngay sáng nay và bắt đầu ngờ sẽ có việc gì lạ lùng đối với họ. Trong lúc đó Pahlen cho mở cửa, họ thấy những người bạn mười phút trước đây tưởng phải xa cách mãi mãi đang ngồi ở bàn, tay nâng ly chào họ vừa những tiếng hô "Alexandre muôn năm!" Họ chạy ngay vào phòng tiệc. Người ta giải thích điều gì sẽ xảy ra. Họ còn đầy xấu hổ và căm giận về sự đối xử trong ngày, kêu lên vui mừng với lời đề nghị giết Hoàng đế và không một người nào từ chối vai trò người ta dành cho họ trong bi kịch ghê gớm này.

Đến mười một giờ, những kẻ mưu phản gồm gần sáu mươi người đi ra khỏi nhà Talitzine, bọc người trong áo choàng đi về phía lâu đài Saint Michel. Những nhân vật chính là Beningsen, Platon Zoubov, cận thần cũ của Catherine, Pahlen, thị trưởng Saint-Peterbourg, Depreradovitch, Đại tá trung đoàn Semenovki, Arkamanov, tuý tùng của Hoàng đế, Hoàng thân Tatetsvill, Thiếu tướng pháo binh, Talitzine, Đại tá trung đoàn bảo vệ Préobrajenski, Gardanov, thượng sĩ đội bảo vệ kỵ binh, Sartarinov, Hoàng thân Vareinski và Sériatine.

Những người mưu phản vào qua một cửa vườn của lâu đài Saint Michel, nhưng lúc đi dưới những cây to đã trụi lá, cành nhánh cong queo trong bóng tối, một đàn quạ bị tiếng động đánh thức, vừa bay lên vừa kêu những tiếng bi thảm, báo hiệu điềm xấu, làm đoàn người ngần ngại không muốn đi xa hơn nữa, Zoubov và Pahlen khuyến khích họ can đảm lên và đoàn người tiếp tục đi. Vào trong sân họ chia làm hai toán: một do Pahlen hướng dẫn, theo cánh cửa đặc biệt Bá tước thường vào gặp Hoàng đế mà không ai thấy, toán kia theo lệnh của Zoubov và Béningsen, do Arkamanov hướng dẫn, tiến lên bậc thang lớn không trở ngại gì. Pahlen đã thay thế các sĩ quan mưu phản vào các trạm lính gác của lâu đài. Chỉ một người bị quên thay thế như những người khác, kêu lên khi trông thấy họ "Ai đó? Đứng lại!" Béningsen bèn tiến lại, mở áo choàng cho thấy huân, huy chương của ông:

- Im lặng! – Ông bảo – Anh không thấy chúng tôi đi đâu à?
- Xin mời đi, đoàn tuần tra – người gác trả lời, ra hiệu tế nhị và những kẻ mưu sát đi qua. Tới hành lang phía trước tiền sảnh, họ thấy một sĩ quan hóa trang lính gác.
- Thế nào? Hoàng đế đâu? – Platon Zoubov hỏi.
- Đã về một tiếng rưỡi đồng hồ rồi – viên sĩ quan trả lời – Chắc bây giờ đã đi nằm.
- Tốt – Zoubov nói và đoàn mưu sát tiếp tục đi.

Thực thế, Paul có thói quen sang với bà hoàng Gagarine. Thấy ông vào, trông xanh xao và u tối hơn bình thường, bà chạy tới, khẩn khoản hỏi xem có việc gì.

- Việc gì ư? – Hoàng đế trả lời – đây là lúc ta đánh một đòn mạnh và ít ngày nữa sẽ thấy đầu những người rất thân yêu của ta rơi xuống!

Sợ hãi vì lời đe dọa ấy, bà hoàng Gagarine vốn biết lòng nghi ngờ của Paul đối với gia đình, tìm cách ra khỏi phòng khách viết vài dòng cho Đại quân công Alexandre nói mạng sống của ông gặp nguy

hiêm và cho đem tới lầu đài Saint Michel. Sĩ quan bảo vệ được lệnh không để Hoàng thái tử ra ngoài nên đã để cho người mang thư đi vào. Alexandre nhận được mảnh giấy, biết bà hoàng Gagarine nắm được mọi bí mật của Hoàng đế nên càng lo lắng bội phần.

Đến khoảng mười một giờ như người gác đã nói, Hoàng đế trở về lầu đài, vào trong phòng riêng, đi ngủ, vì ông đặt lòng tin vào Pahlen.

Trong lúc đó những người mưu phản đến cửa tiền sảnh trước phòng ông và Arkamanov gõ cửa.

- Ai đấy? – người hầu phòng hỏi.
- Tôi, Arkamanov, tùy tùng của Hoàng đế.
- Ông muốn gì?
- Tôi đến để báo cáo.
- Ngài nói đùa, đã gần nửa đêm rồi.
- Nào, chính ông nhầm, sáu giờ sáng. Mở cửa mau, sợ Hoàng đế nổi nóng với tôi đấy.
- Tôi không biết có phải...
- Tôi đang làm nhiệm vụ và ra lệnh cho ông.

Người hầu phòng tuân lệnh. Những người mưu phản, kiếm cầm tay ủa vào tiền sảnh. Người hầu phòng sợ hãi trốn vào một góc, nhưng một người lính kỵ binh người Ba lan đang canh gác nhảy vào trước cửa phòng Hoàng Đế, đoán được ý đồ của những người khách đã ra lệnh cho họ đi ra. Zoubov muốn lấy tay đẩy anh ta ra. Một phát súng lục nổ nhưng ngay lúc ấy người bảo vệ duy nhất của kẻ một giờ trước đây chỉ huy năm mươi ba triệu người, bị tước khí giới.

Nghe tiếng súng, Paul giật mình tỉnh giấc, nhảy xuống giường, chạy lại phía cửa bí mật thông sang phòng Hoàng hậu, cố mở, nhưng ba ngày trước, trong một lúc nghi ngờ, ông đã cho chèn chặt cửa nên không thể mở ra được. Ông nghĩ đến chiếc bẫy sập, liền chạy nhanh lại đó nhưng chân trần nhấn lò xo không bật, bẫy cũng không mở được. Ngay lúc ấy cửa tiền sảnh đổ vào trong và Hoàng đế chỉ kịp lao về phía sau lò sưởi.

Béningsen và Zoubov nhảy vào. Zoubov bước thẳng tới giường nhưng không trông thấy ai.

- Hông rồi! – ông kêu lên – Ông ta trốn thoát rồi!
- Không – Béningsen nói – ông ta ở kia.
- Pahlen! – Hoàng đế thấy bị lộ kêu lên – Cứu ta, Pahlen!
- Thưa Bệ hạ, - Béningsen tiến tới giơ kiếm lên chào Paul – Người gọi vô ích. Pahlen là người của chúng tôi. Vả lại ngài không có nguy hiểm gì về tính mạng, chỉ là tù nhân của nhân danh Hoàng đế Alexandre.
- Các ông là ai? – Hoàng đế bối rối không nhận ra những người đang nói với mình dưới ánh sáng mờ của ngọn đèn đêm.
- Chúng tôi là ai? – Zoubov trả lời và đưa ra chiếu thoái vị - chúng tôi là những người được

Nghị viện cử đến. Ông hãy đọc tờ giấy này, đọc và tự công bố về số phận của ông.

Zoubov một tay đưa tờ giấy, tay kia chuyển chiếc đèn bàn đến góc lò sưởi để Hoàng đế đọc. Paul cầm tờ chiếu, đọc được một phần ba thì ngừng lại ngẩng đầu nhìn những người mưu phản:

- Nhưng tôi đã làm gì các ông? Lạy Chúa! Để các ông đối xử với tôi như thế này?
- Đã bốn năm nay ông đã bạo ngược đối với chúng tôi – một giọng nói vang lên.

Và Hoàng đế tiếp tục đọc.

Nhưng càng đọc, những lời than phiền càng chồng chất, những câu nói xúc phạm càng làm ông bị tổn thương, sự giận dữ đã thay thế tư cách. Ông quên mình đang đơn độc, trần trụi không vũ khí, chung quanh là những người đội mũ, cầm kiếm, ông vò mạnh tờ chiếu thoát vị vút xuống chân:

- Không bao giờ! – ông nói – Ta thà chết!

Nói rồi ông bước lại để nắm thanh kiếm của ông để trên chiếc ghế cách đây mấy bước.

Trong lúc đó toán thứ hai tiến vào, phần lớn là quý tộc trẻ bị giáng cấp hoặc thải hồi, một trong những người chủ chốt là Hoàng thân Tatetsvill, đã thề trả thù về việc ông bị thóa mạ. Vì vậy, vừa bước vào, ông lao đến ôm ngang người Hoàng đế vật lộn, cùng ngã xuống kéo theo chiếc đèn và tấm chăn. Hoàng đế hét lên một tiếng vì lúc ngã ông đụng đầu vào góc lò sưởi và bị thương. Sợ tiếng kêu có người nghe được, Sartarinov, Hoàng thân Vereinskoï và Sériatine lao vào người ông, Paul đứng dậy một lát rồi lại ngã ngay xuống. Những việc ấy xảy ra trong đêm tối giữa những tiếng kêu rên lúc to lúc nhỏ. Cuối cùng Hoàng đế gỡ bàn tay bịt miệng mình, kêu lên bằng tiếng Pháp "Các ông, các ông tha cho, hãy để tôi có thì giờ cầu Chúa..." Tiếng nói cuối cùng bị bóp nghẹt, một người cởi khăn quàng của mình thắt vào sườn nạn nhân, không dám thắt vào cổ vì sợ để lại dấu vết cái chết phải được xem là một cái chết tự nhiên. Tiếng rên rỉ biến thành tiếng khò khè rồi tắt hẳn, khi Béningsen vào với ngọn đèn sáng hơn thì Hoàng đế đã chết. Không ai nghi ngờ vì trông Hoàng đế bị xuất huyết não bất ngờ do khi ngã xuống đụng phải một vật cứng và bị thương.

Trong im lặng, người ta nhìn thi thể bất động dưới ánh đèn, có tiếng động ở cánh cửa thông phòng, Hoàng hậu đã nghe tiếng ú ớ, những giọng nói thì thầm và đe dọa bèn chạy tới. Lúc đầu những kẻ mưu phản sợ hãi nhưng khi nghe giọng nói của bà thì bình tâm lại, và lại cửa bị chèn kín, họ tiếp tục thi hành công việc đang làm.

Beningsen nâng đầu Hoàng đế lên thấy bất động, cho mang ông lên giường. Lúc đó Pahlen tay cầm kiếm bước vào, vì trung thành với vai trò hai mặt của mình, ông đợi công việc xong xuôi mới đứng về phía những người mưu phản. Thấy nhà vua được Beningsen che một tấm khăn trải giường lên mặt, ông dừng lại trước cửa, tái mặt dựa vào tường, thanh kiếm thông xuống bên mình.

- Nào các ông, đã đến lúc chúng ta đi tôn vinh Hoàng đế mới – Beningsen, một trong những người cuối cùng bị lôi kéo vào âm mưu và là người duy nhất trong buổi tối bi đát này giữ được can đảm, lên tiếng hô hào.

- Đúng, đúng – những giọng nói lộn xộn của tất cả những người ấy vang lên, họ đã ùa vào phòng bây giờ lại vội vàng bỏ đi – Đúng, đúng, chúng ta đi tôn vinh Hoàng đế Alexandre muôn năm! Trong lúc đó Hoàng Hậu Marie thấy không vào được bằng cửa thông và vẫn nghe tiếng ồn ào phía trong, đi vòng quanh căn nhà nhưng trong một phòng khách trung gian, bà gặp Pettaroskoï, trung úy bảo vệ, cùng ba mươi người lính dưới lệnh. Chấp hành theo chỉ thị, ông ngăn Hoàng hậu lại.

- Xin lỗi, thưa bà – ông nghiêng mình nói – bà không thể đi xa hơn nữa.

- Ông không nhận ra ta ư? – Hoàng hậu hỏi.

- Không phải thế, thưa bà, tôi biết mình đang được vinh dự nói với Hoàng hậu, nhưng nhất là Hoàng hậu thì lại càng không thể đi qua được.

- Ai cho ông chỉ thị ấy?

- Đại tá của tôi.

- Chà – Hoàng hậu nói – ông dám thực hiện như thế à?

Và bà tiến về phía trước nhưng quân lính giơ kiếm giao chéo nhau chặn đường.

Cùng lúc, những người mưu phản ồn ào ra khỏi phòng Paul và hô "Alexandre muôn năm!",

Béningsen đi đầu. Hoàng hậu nhận ra ông, bèn gọi tên, khẩn khoản xin để cho bà đi.

- Thưa bà – ông nói – mọi việc bây giờ xong rồi. Bà làm hỏng cuộc sống của bà một cách vô ích, Paul đã chết rồi.

Nghe thấy thế Hoàng hậu thét lên một tiếng, để rơi mình xuống một chiếc ghế. Hai nữ Đại quận công Marie và Christine nghe tiếng kêu tinh dậy, chạy tới mỗi người quỳ một bên bà. Cảm thấy khó thở, Hoàng hậu xin nước uống. Một người lính mang ly tới, nữ Đại quận công ngần ngại không dám đưa cho mẹ uống vì sợ bị đầu độc. Người lính đoán thế, uống một nửa ly, đưa phần còn lại cho bà Đại quận công.

- Cô thấy đấy – anh nói – Hoàng hậu có thể uống mà chẳng sợ gì.

Béningsen để Hoàng hậu cho các nữ Đại quận công chăm sóc, đi tới chỗ Hoàng thái tử. Căn phòng ông này ở dưới phòng của Paul. Ông đã nghe thấy hết. Tiếng súng, những tiếng kêu, ngã xuống, rên rỉ và khò khè, muốn lên cứu cha nhưng người gác Pahlen bố trí ở cửa đẩy ông vào phòng, người ta đã phòng bị cẩn thận, ông bị giam giữ và không cách gì ngăn cản được.

Béningsen đi vào, những người mưu phản đi theo sau. Những tiếng hô "Hoàng đế Alexandre muôn năm!" cho ông biết mọi việc đã xong. Chuyện ông lên ngôi không còn là một việc nghi ngờ gì đối với ông nữa. Thấy Pahlen vào sau cùng, ông kêu lên:

- A, Pahlen, câu chuyện của tôi bắt đầu như thế nào đây?

- Thưa Bệ hạ - Pahlen trả lời – mọi việc sẽ ổn thoả cả thôi.

- Nhưng – Alexandre nói lớn – ông không hiểu người ta sẽ cho tôi là người mưu sát cha tôi hay sao?

- Thừa Bệ hạ, trong lúc này ngài chỉ nghĩ đến một điều: vào giờ này...
- Ông muốn tôi nghĩ gì? Lạy Chúa! Ngoài việc nghĩ đến cha tôi?
- Nghĩ đến việc làm cho quân đội chấp nhận Ngài.
- Còn mẹ tôi, Hoàng hậu? Bà thế nào rồi?
- Hoàng hậu an toàn, thừa Bệ hạ. Nhưng nhân danh Chúa, chúng ta đừng để mất giây phút nào.
- Tôi phải làm gì? – Alexandre cảm thấy bất lực, không quyết định gì được.
- Thừa Bệ hạ, Ngài phải đi theo tôi ngay vì để chậm một chút có thể đưa tới những tai hoạ lớn.
- Được rồi, ông muốn làm gì thì tôi sẽ làm.

Pahlen kéo Hoàng đế để ra xe mà người ta đưa lại để đem Paul ra pháo đài. Hoàng đế vừa lên xe vừa khóc, cửa đóng lại. Pahlen và Zoubov lên phía sau, chỗ những người hầu và chiếc xe mang những vận mệnh mới của nước Nga, phóng nhanh về cung điện Mùa Đông, hai tiểu đoàn bảo vệ đi hộ tống. Béningsen ở lại bên Hoàng hậu vì một trong những dặn dò cuối cùng của Alexandre là về bà mẹ. Trên quảng trường Amirauté, Alexandre thấy những trung đoàn bảo vệ chủ yếu. "Hoàng đế! Hoàng đế!" Pahlen và Zoubov hét lên, chỉ vào Alexandre. "Hoàng đế! Hoàng đế!" hai tiểu đoàn hộ tống cũng hét lên. Tất cả trung đoàn trả lời cùng một giọng "Hoàng đế muôn năm!"

Người ta ủa đến cửa xe. Alexandre tái mặt và xộc xệch vì đi đường, người ta lôi, nâng ông lên thềm trung thành với nhiệt tình sôi nổi, chứng tỏ cho ông thấy những người mưu phản phạm tội ác chỉ là hoàn thành nguyện vọng của quần chúng. Dù muốn trả thù cha đến mấy ông cũng phải từ bỏ ý định trừng phạt những kẻ giết người.

Những người này rút về nhà riêng, không biết Hoàng đế sẽ giải quyết như thế nào đối với họ.

Ngày hôm sau đến lượt Hoàng hậu thềm trung thành với con trai mình, theo hiến pháp của Vương quốc, chính bà phải kế vị chồng nhưng thấy tình hình cấp bách, bà là người đầu tiên từ bỏ quyền lợi của bà.

Nhà phẫu thuật Vette và bác sĩ Stoffi chịu trách nhiệm mổ thi thể, tuyên bố

Hoàng đế Paul chết vì xuất huyết não đột ngột, vết thương ở bên má do bị ngã khi gặp nạn.

Thi thể được ướp và trưng bày mười lăm ngày trên một chiếc giường được trang trí, Alexandre đến tưởng niệm nhiều lần nhưng không một lần thấy Người đổi sắc mặt hoặc rơi nước mắt. Dần dần những người mưu phản được đưa ra khỏi triều đình, những người này đi nhận nhiệm vụ, những người khác sung vào biên chế các trung đoàn đóng ở Sibérie. Chỉ còn lại Pahlen vẫn giữ chức chỉ huy quân sự ở Saint-Peterbourg và việc gặp nhau trở thành một nỗi ân hận cho nhà vua mới, vì vậy Người tranh thủ cơ hội để đẩy ông đi xa. Việc ấy xảy đến như sau.

Mấy ngày sau cái chết của Paul, một linh mục treo một bức ảnh thánh nói rằng được một thánh thân mang tới, phía dưới viết hàng chữ "Chúa Trời sẽ trừng phạt tất cả những kẻ đã giết Paul Đệ nhất".

Được tin, dân chúng kéo đến rất đông ở nhà nguyện có treo bức ảnh thánh trên và cho rằng như thế

có thể có ảnh hưởng không tốt đến tâm trí Hoàng đế, Pahlen xin phép cho chấm dứt mưu mô của vị linh mục và được Alexandre chấp nhận. Linh mục bị đánh đòn và giữa lúc bị hành hạ, ông tuyên bố đã làm theo lệnh của Hoàng hậu, đưa ra bằng chứng rằng trong nhà nguyện của bà cũng có một bức ảnh giống như thế. Pahlen cho mở cửa nhà nguyện của Hoàng hậu, thấy có bức ảnh bèn lấy đem đi. Hoàng hậu có lý do cho việc ấy là một sự thoả mạ bà, liền kêu đến con trai. Alexandre chỉ tìm một cái cớ để đẩy Pahlen đi xa, không để lỡ dịp này. Ngay lúc ấy ông De Becklekov được giao chuyên cho Bá tước Pahlen, nhân danh Hoàng đế, lệnh phải lui về vườn.

- Tôi đã chờ đợi điều này – Pahlen mỉm cười nói – hành lý của tôi đã được chuẩn bị trước rồi. Một giờ sau Bá tước Pahlen gửi đơn lên Hoàng đế xin từ bỏ mọi chức vụ và ngay chiều hôm ấy ông lên đường đi Riga.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 13

Hoàng đế Alexandre lên ngôi khi chưa đầy hai mươi bốn tuổi. Người được nuôi dạy với sự giám sát của bà nội, Catherine, theo một chương trình tự bà đặt ra mà một trong những phần chủ yếu như sau: không dạy cho các Đại quận công trẻ thơ nhạc vì phải dành nhiều thì giờ mới có hiệu quả. Alexandre tiếp nhận một nền giáo dục chắc chắn và nghiêm khắc trong đó nghệ thuật hầu như bị loại trừ. Người thầy, ông La Harpe, do chính Catherine lựa chọn, trong triều người ta bảo ông thuộc cộng hoà cực đoan vì không chỉ là người Thụy sĩ mà còn là em của một vị tướng dũng cảm. La Harpe đã từng phục vụ trong quân đội Pháp, ông đúng là người đã in dấu cho học trò những đức tính độ lượng và thẳng thắn, đức tính rất quan trọng để trong cuộc đời còn lại, Hoàng đế đấu tranh được với những kỷ niệm thời ấu thơ. Việc lựa chọn của Catherine rất đáng chú ý nhất là trong một thời kỳ mà những ngai vàng đang lung lay vì núi lửa cuộc Cách mạng, Léopold chết, người ta nói bị đầu độc, Gustave bị ám sát và Louis XVI mang đầu lên máy chém.

Một trong những lời dặn chính của Catherine là tránh tạo cho những Đại quận công trẻ mọi ý nghĩ liên quan đến sự khác biệt giới tính và tiếp cận với tình yêu. Ông Pallas nổi tiếng giảng cho họ một ít về thực vật học trong các khu vườn hoàng gia, hệ thống Linné về giới tính của loài hoa, cách thụ phấn, gây cho những học trò tôn kính của ông một mớ câu hỏi khó trả lời. Protasov, người giám thị các Hoàng tử thấy cần báo cáo với Catherine, bà liền cho gọi Pallas đến, chỉ thị phải khéo tránh né những chi tiết về nhị đực, nhị cái. Chỉ thị ấy làm cho bài giảng thực vật học gần như không thể thực

hiện được và sự im lặng của thầy giáo càng làm cho học trò hồi nhiều hơn, lớp học bị gián đoạn. Tuy vậy một kế hoạch giáo dục như vậy không thể tiếp tục lâu dài và tuy Alexandre còn ít tuổi, hoàng gia cũng phải nghĩ đến việc cưới vợ cho Đại quận công.

Ba công chúa trẻ người Đức được đưa tới triều đình nước Nga để người bà tuyền chọn cho cháu.

Catherine nghe tin họ đến Saint-Peterbourg, vội muốn gặp họ, bà cho mời họ vào hoàng cung, tư lự đứng ở cửa sổ để xem họ xuống xe. Một lúc sau xe đưa họ tới, cửa mở và một trong ba công chúa nhảy xuống trước, không bước theo bậc lên xuống.

- Không phải cô này – bà già Catherine lắc đầu nói – sẽ là Hoàng hậu của nước Nga thì hơi vội vã.

Công chúa thứ hai bước xuống, chân vướng vào áo dài suýt ngã.

- Cô này cũng không được, rất vụng về.

Cô thứ ba cuối cùng bước xuống, đẹp, oai vệ và nghiêm trang.

- Đây là hoàng hậu nước Nga – Catherine nói.

Đây là Louise de Bade.

Catherine cho đưa các cháu tới trong lúc các công chúa còn ở đấy, nói bà quen biết mẹ của họ, nữ quận công De Bade-Durlach, nguyên là công chúa De Darustadt và do người Pháp chiếm nước họ, nên bà cho đưa họ đến Saint-Peterbourg để nuôi dạy. Một lúc sau hai Đại quận công được đưa về, trên đường họ nói chuyện nhiều về ba cô gái. Alexandre bảo cô chị cả đẹp, Constantin nói "Em thì không, em chẳng thấy cô nào đẹp cả. Phải đưa họ tới Riga cho các Hoàng tử Courlande, thích hợp với họ đấy".

Ngày hôm ấy Catherine biết ý kiến của cháu là thích cô gái mà bà dự tính, bà xem tình cảm non trẻ ấy phù hợp với ý định của bà là một ân huệ của Thượng đế. Thực vậy, Đại quận công Constantin đã nhìn không chuẩn vì công chúa cả ngoài dáng vẻ tươi mát, có mái tóc vàng xám rất đẹp và dài phấp phới trên đôi vai tuyệt trần, thân hình mềm mại uyển chuyển của một bài tiên vùng sông Rhine và đôi mắt to xanh của Marguerite, nhân vật của thi hào Goethe.

Ngày hôm sau Nữ hoàng đến thăm họ ở trong một lâu đài của Potemkine. Bà mang cho họ vài vốc, đồ trang sức và cuối cùng dây huân chương Sainte-Catherine. Sau một lúc nói chuyện, bà xem tủ quần áo của họ, sờ từng tấm áo. Quan sát xong bà hôn vào trán họ, mỉm cười nói "Các bạn, tôi không được giàu như các bạn khi đến Saint-Peterbourg".

Thật vậy, Catherine đến nước Nga trong tình trạng nghèo, nhưng không phải không có hồi môn, bà để lại một tài sản thừa kế: nước Ba lan và Tauride.

Cuối cùng công chúa Louise đã cảm nhận được tình cảm của Alexandre đối với mình. Sau này Napoléon phải gọi Alexandre là người đẹp nhất và tinh tế nhất trong những người Hy Lạp, chàng trai đầy duyên dáng và ngây thơ, tính tình hoàn hảo, rất hiền, độ lượng đến độ người ta có thể cho là hơi

dè dặt. Vì vậy với tấm lòng trong trắng, cô gái Đức không che giấu thiện cảm đối với Hoàng thái tử. Catherine tranh thủ sự hoà hợp ấy và chẳng bao lâu thông báo với hai người rằng số phận của họ sẽ dành cho nhau. Alexandre nhảy lên vui sướng và Louise khóc vì hạnh phúc.

Thế là người ta chuẩn bị cho đám cưới. Người vợ chưa cưới sẵn sàng làm tốt nhất những gì người ta đòi hỏi. Cô học tiếng Nga, thâm nhập tôn giáo Hy Lạp, công khai lòng tin mới của mình, nhận xưng dầu thánh lên đôi vai trần và đôi chân đẹp, được phong tước nữ Đại quận công với tên là Elizabeth Alkeseïevna, trước đây chính là tên của Nữ hoàng Catherine Alexis thời chuyển giới.

Mặc dù những dự kiến tốt đẹp của Catherine, đám cưới cuối cùng trở nên nổi bất hạnh cho cả hai người.

Nỗi đau đớn sâu sắc của ông vua mới đối với cái chết của người cha lây sang người vợ. Tuy không biết Paul, người vợ này đã khóc thương như là con gái của ông.

Lịch sử kể lại những trận đánh Austerlitz và Friedland, Tilstt và Erfurt, những năm 1812 và 1814.

Trong mười năm Alexandre được ánh sáng của Napoléon soi rọi.

Trong mười năm ấy, ông vua vị thành niên trở thành người lớn. Những say mê hăng hái buổi đầu không có gì giảm sút. Nhưng tuy duyên dáng, tươi cười với phụ nữ, lễ độ, thân mến với nam giới, thỉnh thoảng trên vầng trán ông như phảng phất những đám mây u buồn: đây là những kỷ niệm lặng im nhưng ghê gớm của đêm đổ máu mà ông đã nghe thấy tiếng hấp hối của người cha vùng vẫy. Dần dần càng lớn lên, những kỷ niệm ấy càng ám ảnh ông thường xuyên hơn, rồi trở thành một nỗi buồn không dứt. Người ta thấy ông cố gạt bỏ nó đi bằng những suy nghĩ và hành động. Ông mơ ước những cái cách và làm những chuyện điên rồ.

Alexandre được ông em của tướng La Harpe giáo dục, có một thiên hướng không tưởng, những cuộc du lịch sang Pháp, Hà Lan, Anh càng làm tăng thêm thiên hướng này. Những ý tưởng tự do thoát thai trong thời kỳ bị chiếm đóng và thay vì phải đàn áp chúng, Hoàng đế đã khuyến khích chúng. Cuối cùng việc bà De Krüdener tới tạo điều kiện cho triết lý bí ẩn giao lưu với thánh thần: Hoàng đế bị ảnh hưởng của hai luồng tư tưởng ấy vào thời gian tới đến Saint-Peterbourg.

Về những chuyến đi, thì có cái gì đó thần kỳ đối với những người dân Paris. Người ta tính Hoàng đế đã đi cả trong nước và ngoài nước khoảng năm mươi nghìn dặm. Và kỳ lạ là trong những chuyến đi ấy, ngày đến được ấn định ngay hôm đi. Năm trước cuộc hành trình của tôi, Hoàng đế đi Ukraine ngày 26 tháng tám, thông báo sẽ trở về ngày 2 tháng mười một và thứ tự sử dụng những ngày đi được định trước một cách chặt chẽ, không thay đổi đến mức sau khi vượt khoảng cách một nghìn tám trăm bảy mươi hai dặm, Alexandre trở về Saint-Peterbourg vào ngày đã định và hầu như đúng giờ đã định.

Hoàng đế đi những chuyến du lịch dài ấy không những chẳng có bảo vệ, hộ tống và thậm chí gần như đi một mình, và như người ta nghĩ chẳng có ai đi như thế mà không có những cuộc gặp gỡ hoặc

những tai nạn bất thường. Trong một chuyến đi Phần Lan cùng Hoàng thân Pierre Volkouski, người đồng hành duy nhất, ngay lúc ông đang ngủ, chiếc xe của nhà vua leo lên một quả núi cao và đầy đất cát, xe đi lùi trở xuống vì quá nặng. Alexandre không đánh thức ông bạn đường, nhảy ngay xuống vịn bánh xe cùng với người đánh xe và gia nhân. Trong lúc đó người đang ngủ giật mình vì hành động thay đổi đột ngột, thức dậy thấy chỉ có một mình mình trong xe, ngạc nhiên nhìn quanh và thấy Hoàng đế đang lau mồ hôi trán: xe đã lên đến đỉnh núi.

Trong một chuyến đi khác lên thăm các tỉnh phía bắc, Hoàng đế đi qua một hồ rộng gặp một con bão dữ dội. "Anh bạn" – Hoàng đế nói với người chèo thuyền – "trong một trường hợp như thế này cách đây gần một ngàn tám trăm năm, một đại tướng người La mã cổ đại đã nói với người lái: "Anh đừng sợ vì anh đang chở César và vận mệnh của Người". Ta ít đáng tin hơn César, ta chỉ nói với anh: Anh bạn, hãy quên ta là Hoàng đế, chỉ xem ta là một người như anh và cố cứu lấy cả hai". Người lái thuyền đã bắt đầu mất bình tĩnh vì trách nhiệm nặng nề đè nặng lên vai mình, lấy lại can đảm ngay và con thuyền do một bàn tay vững vàng điều khiển, cập bến an toàn.

Alexandre không phải bao giờ cũng may mắn như vậy và trong những lúc gặp nguy hiểm ít hơn, đôi khi lại bị tai nạn nghiêm trọng hơn. Trong chuyến đi cuối cùng trong các tỉnh vùng sông Đông, xe bị lật đổ mạnh và ông bị thương ở chân. Theo kỷ luật tự đề ra cho mình, Người muốn đảm bảo đến nơi vào ngày đã định, nhưng sự mệt mỏi và thiếu đề phòng làm tổn hại đến vết thương. Từ đây chứng nhiễm trùng nhiều lần tái phát ở chân buộc Hoàng đế phải nằm nhiều tuần lễ và đi cà nhắc nhiều tháng. Chính trong thời gian ốm đau ấy, nỗi buồn càng gia tăng, thời gian ấy ông đối mặt với Hoàng hậu và trên khuôn mặt bà nét buồn bã và tái xanh được thay cho nụ cười, hầu như đã biến mất. Người cảm thấy một nỗi oán trách rõ rệt vì nỗi buồn và nét xanh xao ấy do Người tạo ra.

Cơn đau cuối cùng vào mùa đông năm 1824, thời kỳ hôn lễ của Đại quận công Michel và là lúc Constantin cho biết có một âm mưu đang tồn tại, người ta có thể đoán biết nhưng lại không biết rõ, gây ra những lo lắng nặng nề. Chính ở Tsarskoïe Selo, lâu đài ưa thích và càng thân thiết hơn khi Hoàng đế càng đắm mình vào nỗi buồn không vượt qua được. Sau khi dạo bộ một mình theo thói quen, Người trở về lâu đài bị nhuộm lạnh và cho mang bữa ăn tối lên phòng mình. Cũng đêm ấy chứng nhiễm trùng tái phát mạnh hơn những lần trước, kèm theo những cơn sốt và hôn mê. Ngay đêm ấy người ta chở Hoàng đế trong một chiếc xe đóng kín về Saint-Peterbourg. Một hội đồng bác sĩ khám nghiệm, quyết định cắt chân Hoàng đế để đề phòng bệnh hoại thư, chỉ bác sĩ Wyllie, phẫu thuật riêng của Hoàng đế là phản đối, lấy đầu của mình bảo đảm cho bệnh nhân. Thật thế, nhờ sự chăm sóc của ông, Hoàng đế khoẻ trở lại nhưng nỗi buồn càng tăng trong thời gian bị bệnh và do đó những buổi lễ hoá trang sau này đều rất buồn.

Vừa hồi phục, Người trở lại ngay Tsarskoïe Selo, tìm đến cuộc sống quen thuộc. Mùa xuân Hoàng đế ở đây một mình, không triều thần, không tướng tá, tiếp các bộ trưởng trong những ngày đã định

trong tuần, cuộc sống như của một tu sĩ khóc than vì lỗi lầm thay vì của một Hoàng đế đầy quyền lực đem lại hạnh phúc cho dân chúng. Mùa đông vào lúc sáu giờ, mùa hè năm giờ, Alexandre thức dậy, tắm rửa, vào văn phòng, không chịu được sự lộn xộn ở đây, luôn có một chiếc khăn vải mỏng gấp nếp và một hộp ngòi bút mới gọt. Hoàng đế bắt đầu làm việc, hôm sau không bao giờ sử dụng ngòi bút hôm trước dù chỉ mới dùng để ký tên. Xem xong công văn, ký xong, Người xuống công viên và mặc dù có tiếng đồn âm mưu phản loạn đã hai năm, Người vẫn đi dạo một mình, không có vệ sĩ đi kèm, ngoài lính gác lâu đài Alexandre. Đến năm giờ chiều Người trở về, ăn tối một mình và đi ngủ theo tiếng nhạc quân bảo vệ chơi dưới cửa sổ, những bản nhạc luôn được Người chọn lọc trong số những âm điệu buồn nhất, ru Người ngủ trong khung cảnh giống ban ngày đã qua.

Về phần mình, Hoàng hậu sống trong cô đơn sâu lắng, trông chừng Hoàng đế như một thiên thần vô hình, tuổi tác không dập tắt được tình yêu sâu sắc của bà đối với chồng, nó vẫn luôn giữ trong trắng, vĩnh cửu mặc dù có nhiều sự không trung thành của chồng. Thời kỳ ấy bà đã bốn mươi lăm tuổi, nhưng thân hình còn mảnh mai dễ coi, trên khuôn mặt còn vết tích một sắc đẹp lộng lẫy bắt đầu phai tàn qua mười năm đau khổ. Tóm lại bà trinh bạch như một vị thánh, không bao giờ người ta có thể bôi nhọ được bà, đến nỗi gặp bà ai cũng nghiêng mình, trước một tấm lòng phúc hậu cao cả hơn là quyền lực, trước một thiên thần bị đày xuống hạ giới hơn là trước một người đàn bà trị vì trên mặt đất.

Mùa hè tới, các bác sĩ đồng thanh quyết định cần có một cuộc đi du lịch để hoàn toàn khôi phục sức khoẻ cho Hoàng đế, tự xác định Crimée là nơi có khí hậu tốt để an dưỡng. Alexandre tiếp nhận phương pháp điều trị của các thầy thuốc một cách thờ ơ hoàn toàn. Cuối cùng vừa quyết định ra đi thì Hoàng hậu đề nghị và được phép đi cùng chồng. Chuyến đi đưa lại một đợt làm việc quá sức cho Hoàng đế vì ai cũng vội vã giải quyết công việc với Người cho xong, như thể rồi không gặp lại Người nữa vậy. Vì vậy trong nửa tháng Người phải dậy sớm, ngủ muộn nhưng sức khoẻ của Hoàng đế xem ra không bị suy nhược, trong tháng sau, sau một bữa tiệc chúc phúc cho chuyến đi cả gia đình hoàng gia tham dự. Người rời Saint-Peterbourg, có Hoàng hậu cùng đi, người đánh xe Ivan trung thành điều khiển xe, một số sĩ quan cận vệ đi theo dưới sự chỉ huy của tướng Diebitch.

Alexandre Dumas

Người thầy dậy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 14

Hoàng đế đến Tagnarog vào cuối tháng tám năm 1825, sau khi đi qua Varsovie dừng lại mấy ngày để dự lễ sinh nhật Đại quân công Constantin. Đây là chuyến đi thứ hai của Hoàng đế tới thành phố mà ông thích và thường nói có ý định rút lui về đây. Chuyến du lịch rất tốt cho Người và cho cả Hoàng hậu, người ta tổ chức thật tốt việc nghỉ ngơi của họ để thuận lợi cho việc chữa bệnh. Nói cho cùng việc yêu thích của Hoàng đế tới Taganrog chỉ được xác minh qua các cảnh vật sẽ được làm đẹp trong tương lai theo Người dự tính. Vì như lúc đó, thành phố nhỏ này trên bờ Azov có không đến một nghìn ngôi nhà bình thường chỉ một phần sáu bằng gạch ngói, còn lại là những căn nhà gỗ phủ rạ trát bùn. Đường phố rộng nhưng không được lát đá hay gạch, vừa mưa nước ngập đến đầu gối, ngược lại khi mặt trời và gió làm khô những nơi ẩm ướt, súc vật và ngựa chở sản vật đi qua, hất lên từng cuộn bụi mà gió tung lên thành những lớp sóng dày, ban ngày cách nhau vài bước người ta không phân biệt được người hay ngựa. Bụi bay khắp nơi, trong nhà qua những khe hở hoặc những tấm chắn gió đóng kín, vào cả quần áo và nước uống.

Hoàng đế ở nhà Tỉnh trưởng trước pháo đài Azov nhưng hầu như không bao giờ có mặt ở đây. Người ra đi từ sáng sớm và chỉ trở về vào bữa ăn, nghĩa là lúc hai giờ chiều. Cả thời gian Người đi bộ trong bùn hoặc bụi đường, lơ là những phòng bị mà ngay người dân địa phương cũng phải giữ gìn chống lại những bệnh sốt mùa thu mà năm ấy rất phổ biến. Mỗi quan tâm chính của Người là bản thiết kế và xây dựng một công viên lớn, việc do mg người Anh được gọi từ Saint-Peterbourg đến đang chỉ đạo. Ban đêm, Người ngủ trên một chiếc giường gỗ, gối đầu trên chiếc gối đá. Một số người nói rằng những bận tâm bên ngoài chỉ nhằm che giấu một kế hoạch mật và Hoàng đế tới vùng địa đầu vương quốc này là để suy nghĩ cho một quyết định lớn. Những người này hy vọng đến một lúc nào đó từ nơi này sẽ ban hành một thể chế cho toàn nước Nga.

Tuy thế Taganrog chỉ là điểm trú ngụ của Alexandre, Elizabeth ở đây một mình vì bà không chịu nổi những chuyến đi của Hoàng đế trong các tỉnh vùng sông Don, khi đến Scherkask, khi đến Donets. Ở đây trở về, Người sắp đi Astrakhan thì Bá tước Voronzoff, người đã chiếm đóng nước Pháp đến năm 1818 và là tỉnh trưởng Odessa, đến đột ngột làm đảo lộn kế hoạch. Voronzoff đến báo cáo với Hoàng đế có những âm mưu lớn sắp nổ ra ở Crimée, chỉ có mặt Người mới lắng dịu được. Phải đi ba trăm dặm nhưng có nghĩa gì khi có những con ngựa lông bờm bù xù, có thể vượt đồng cỏ và rừng với tốc độ như mơ. Alexandre hứa với Hoàng hậu sẽ trở về trước ba tuần lễ và cho lệnh ra đi ngay sau khi người mang công văn đi Alupka quay trở lại.

Nhân viên bưu vụ trở về, mang theo những chi tiết về cuộc âm mưu. Người ta phát hiện không chỉ muốn lật đổ chính phủ mà còn muốn cả mạng sống của Hoàng đế. Nghe tin ấy Alexandre đưa hai tay ôm đầu, rên rỉ kêu lên "Ôi, cha ơi, cha ơi!"

Đang nửa đêm Hoàng đế cho đánh thức tướng Diébitch ở trong nhà bên cạnh đây. Trong lúc chờ đợi Người tỏ ra rất lo lắng, sải bước trong phòng và thỉnh thoảng lại giường nằm rồi ngồi nhòm dây.

Viên tướng vào, suốt hai giờ họ thảo luận và viết rồi sau đó có hai người mang chỉ dụ đi, một cho Phó vương Ba lan, một cho Đại quận công Nicolas.

Hôm sau Hoàng đế đã lấy lại được vẻ bình tĩnh thường ngày, không ai thấy được những dấu vết xáo trộn trong đêm. Tuy vậy, Voronzoff khi đến xin chỉ thị thấy Người trong tình trạng nôn nóng, khác hoàn toàn với tính tình dịu dàng quen thuộc. Người vẫn ra lệnh lên đường vào sáng ngày hôm sau. Cuộc hành trình chỉ làm tăng thêm cơn đau tinh thần, từng lúc, điều chưa bao giờ có. Hoàng đế than phiền ngựa đi chậm và đường sá xấu. Nỗi buồn chán càng tăng nhất là khi bác sĩ Wyllie khuyên Người đề phòng gió lạnh mùa thu. Người vứt bỏ áo choàng, khăn cổ, như muốn tìm những nguy hiểm người ta khẩn nài phải tránh. Sự bất cẩn ấy mang lại hậu quả: một buổi tối Hoàng đế ho thường xuyên và sáng hôm sau đến Oriel thì bị một cơn sốt ngắt quãng, với thái độ ương bướng của người bệnh, chuyển sang cơn sốt thuyên giảm từng hồi mà chẳng mấy chốc bác sĩ Wyllie nhận ra là căn bệnh suốt mùa thu mang từ Taganrog đến Sébastopol.

Cuộc hành trình bị gián đoạn.

Alexandre như cảm thấy bệnh trầm trọng hơn, muốn gặp Hoàng hậu trước khi chết nên đòi quay trở lại Taganrog ngay lúc đó. Vẫn làm trái ý với những khẩn nài của Wyllie, Người đi ngựa một phần đường, nhưng không lâu chẳng thể ngồi lưng ngựa được nữa, lại phải lên xe tiếp tục đi. Cuối cùng, ngày 3 tháng mười một Người trở về đến Taganrog, vừa vào đến lâu đài Tỉnh trưởng thì ngất đi. Hoàng hậu, bản thân gần như chết dở vì bệnh tim, lúc ấy quên hết những cơn đau của mình, để săn sóc chồng. Cơn sốt nguy hại, tuy môi trường đã thay đổi, ngày càng có vẻ nặng hơn, đến ngày 8 triệu chứng đã trở nên trầm trọng nên ngài James Wyllie đòi phải có bác sĩ Stophiegen, bác sĩ riêng của Hoàng hậu phụ với mình. Ngày 13 hai bác sĩ hợp lực chống bệnh viêm não đang đe dọa làm phức tạp thêm căn bệnh, họ đề nghị Hoàng đế cho trích máu, Hoàng đế luôn luôn phản đối, chỉ đòi uống nước lạnh và khi người ta từ chối thì Người từ bỏ hết tất cả các việc khác. Đến bốn giờ chiều Hoàng đế bảo lấy giấy mực, viết một bức thư, đóng dấu, thấy ngọn nến đang cháy, Người bảo với anh hầu: "Anh bạn, tắt nến đi không người ta nghĩ là bạch lập và tưởng ta đã chết".

Hôm sau, ngày 14, hai bác sĩ trở lại chăm sóc theo yêu cầu của Hoàng hậu nhưng vẫn vô ích vì Hoàng đế giận dữ đuổi họ đi. Tuy vậy gần như sau đó hối hận vì hành động thiếu kiên trì của mình, Người cho gọi cả hai người lại "Này – Người nói với Stophiegen – ta rất vui gặp ông và ông James Wyllie, nhưng ta báo trước ta từ bỏ niềm vui ấy nếu các ông làm ta vỡ đầu vì thuốc thang". Thế nhưng vào giữa trưa Hoàng đế đồng ý dùng một liều thuốc giảm đau.

Đến bốn giờ chiều, bệnh tiến triển đáng sợ đến mức phải gọi gấp một linh mục. Ngài James Wyllie theo yêu cầu của Hoàng hậu, vào phòng người hấp hối, lại gần giường Hoàng đế vừa khóc vừa khuyên nếu vẫn tiếp tục từ chối sự chăm sóc thuốc men, ít nhất cũng không nên từ chối những việc làm về tôn giáo. Hoàng đế trả lời Người chấp nhận những gì người ta muốn.

Ngày 15, lúc năm giờ sáng, linh mục nghe xung tội được đưa vào. Vừa thấy ông, Hoàng đế giơ tay, bảo "Thưa cha, hãy xử sự với tôi như một con người chứ không phải như với một ông vua". Linh mục lại gần giường, tiếp nhận những lời xung tội và ban phép thánh cho Hoàng đế.

Ông đã biết Alexandre từ chối dùng thuốc, tấn công điểm này về tôn giáo đối với người hấp hối, nói rằng nếu Người tiếp tục từ chối như thế sợ rằng Chúa trời sẽ xem cái chết là một việc tự sát. Ý nghĩ này tác động đến Alexandre một cách sâu sắc đến mức Người gọi Wyllie, bảo phó thác mình cho ông này muốn làm gì thì làm.

Wyllie cho áp dụng ngay hai mươi con đĩa hút máu trên đầu nhưng đã quá chậm. Người bệnh bị một cơn sốt hành hạ đến nỗi từ lúc này người ta bắt đầu mất hết hy vọng và gian phòng đầy người rên khóc, Elizabeth chỉ rời đầu giường người bệnh để nhường chỗ cho linh mục rửa tội và khi ông này đi ra, bà lại vào ngồi ngay ở chỗ quen thuộc.

Lúc hai giờ Hoàng đế có vẻ đau đớn gấp bội. Người ra hiệu cho người ta đến gần như để trao đổi một điều bí mật. Nhưng rồi lại đổi ý, Người kêu lên "Các ông vua đau khổ hơn những người khác". Rồi đột ngột ngừng lại, Người ngã ra trên chiếc gối dài, miệng lẩm bảm "Chúng đã phạm một hành động ô nhục". Người muốn nói đến ai? Chẳng ai biết nhưng một số người nghĩ đấy là lời oán trách cuối cùng đối với những kẻ đã giết Hoàng đế Paul.

Trong đêm Hoàng đế mất hết cảm giác.

Hai giờ sáng tướng Diébitch nói đến ông già Alexandrovitch đã cứu được nhiều người Tatares về căn bệnh sốt rét mà Hoàng đế mắc phải. ngài James Wyllie đề nghị cho đi tìm người ấy và Hoàng hậu bám vào tia hy vọng ấy nên ra lệnh đến nhà ông già đưa ông đến ngay.

Trong thời gian này Hoàng hậu ngồi đầu giường người hấp hối, mắt nhìn mắt, lo lắng thấy cuộc sống đang lụi dần.

Chín giờ sáng ông già bước vào. Khó khăn lắm ông mới chịu đi, gần như phải dùng sức mạnh. Nhìn người bệnh, ông lắc đầu, khi người ta hỏi ông trả lời "Chậm quá rồi, và lại những người tôi chữa khỏi không phải mắc bệnh này".

Lời nói ấy làm tan hy vọng cuối cùng của Elizabeth.

Thật vậy, đến hai giờ năm phút sáng, Hoàng đế tắt thở. Đây là ngày mùng 1 tháng chạp theo lịch Nga.

Ngay từ ngày 18, lúc Hoàng đế trở về Taganrov, một công văn gởi cho Đại quận công Nicolas thông báo về tình trạng sức khoẻ kém của Hoàng đế. Tiếp đó ngày 21, 24, 27 và 28 tháng mười một, những chuyến thư thông báo mỗi nguy hiểm càng tăng làm gia đình hoàng gia rất buồn rồi một bức thư ngày 29 đưa tới một vài hy vọng.

Tuy hy vọng từ một bức thư như vậy rất mơ hồ, nhưng Hoàng thái hậu và Đại quận công Nicolas, Michel ra lệnh tổ chức một buổi "Lễ tạ ơn Chúa" vào ngày 10 tháng chạp ở nhà thờ chính Kazan.

Dân chúng biết buổi lễ để mừng sức khoẻ khá hơn của Hoàng đế nên vui mừng đến dự chật cả khu vườn dành riêng cho họ.

Cuối buổi lễ Tạ ơn, giữa tiếng thánh ca ngân vang, người ta đến nói nhỏ với Đại quận công rằng một người đưa thư đến từ Taganrov muốn đưa tận tay Đại quận công bức thư cuối cùng. Đại quận công đứng dậy, theo sau viên tùy tùng, ra khỏi nhà thờ. Chỉ Hoàng thái hậu nhận thấy việc này và buổi lễ vẫn được tiếp tục.

Đại quận công chỉ nhìn bức thư đã biết tin tức thê thảm đến mức nào. Bức thư đóng dấu viên đen, có chữ viết của Elizabeth, chỉ có mấy hàng:

"Thiên thần của chúng ta đã về trời, tôi còn lay lắt trên mặt đất nhưng hy vọng chẳng bao lâu lên sum họp với Người".

Đại quận công cho gọi giáo chủ, đưa bức thư và nói uỷ nhiệm cho ông này báo tin cho Hoàng thái hậu rồi trở lại gần bà và tiếp tục cầu nguyện.

Một lúc sau, ông già vào giữa ban đồng ca, ra hiệu cho mọi giọng ca ngừng lại và sự im lặng của chết chóc bao trùm. Giữa sự chú ý và ngạc nhiên của mọi người, ông chậm rãi, rất nghiêm trang, bước tới bàn thờ, cầm chiếc thánh giá bằng bạc khối, trên đó một tấm vải đen phủ lên biểu tượng mọi đau khổ trên mặt đất và mọi hy vọng, lại gần Hoàng thái hậu đưa bà hôn chiếc thánh giá mang tang đen.

Hoàng thái hậu thét lên một tiếng, ngã đập mặt xuống nền nhà, bà hiểu người con trưởng của mình đã chết.

Còn Hoàng hậu Elizabeth, hy vọng đáng buồn bà ghi trong bức thư ngắn và cảm động chẳng bao lâu cũng được thực hiện. Khoảng bốn tháng sau khi Alexandre chết, bà rời Taganrov đi Kalauga, ở đây người ta vừa mua cho bà một ngôi nhà rất đẹp. Đi được một phần ba đường, bà cảm thấy yếu mệt, nên dừng lại ở Relovo, một thành phố nhỏ của tỉnh Kourks, tám ngày sau bà theo gót "thiên thần của bà lên trời".

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 15

Chúng tôi biết được tin này và cách báo tin cho Hoàng thái hậu qua bức thư của Bá tước Alexis, với tư cách trung úy đội cận vệ đã tham dự buổi lễ Tạ ơn Chúa. Chúng tôi, tôi và Louise, nhận thấy Bá tước lộ ra một vẻ băn khoăn không bình thường mặc dù người Nga nói chung biết kiềm chế cảm xúc của mình. Chúng tôi trao đổi với nhau những cảm nghĩ ấy ngay sau lúc Bá tước chia tay chúng tôi vào sáu giờ tối để đến nhà Hoàng thân Troubetskoï.

Cô bạn đồng hương khốn khổ của tôi rất buồn về những suy nghĩ ấy, dĩ nhiên là về vụ âm mưu Bá tước Alexis để lộ lúc mới bắt đầu quan hệ với cô ấy.

Đúng là từ đó, mỗi khi Louise muốn hướng câu chuyện về việc này, Bá tước cố làm cô yên tâm, khẳng định cuộc âm mưu vừa mới chớm thì đã bị tan rã. Nhưng một số biểu hiện không thoát khỏi con mắt người đàn bà đang yêu, cô biết Bá tước đang giấu mình.

Ngày hôm sau Saint-Peterbourg thức dậy trong tang lễ. Hoàng đế Alexandre còn được đang tôn sùng và còn chưa biết việc từ bỏ của Constantin, người ta không khỏi không so sánh tính tình hiền dịu và lòng tốt của người này với sự khắc nghiệt cứng rắn của người kia. Chẳng ai nghĩ đến Đại quận công Nicolas.

Thật thế, tuy ông này đã biết văn kiện thoái vị Constantin ký thời hôn lễ, vẫn xem ông anh đương nhiên sẽ làm vua, thề trung thành với anh và gởi thư mời anh về làm lễ đăng quang. Nhưng cùng lúc với người đưa thư đi từ Saint-Peterbourg đến Varsovie, Đại quận công Michel được Hoàng tử cử từ Varsovie về lại Saint-Peterbourg mang theo bức thư như sau:

"Em rất thân mến của tôi,

Chiều hôm qua, với lòng buồn sâu sắc tôi được tin cái chết của nhà vua đáng tôn sùng của chúng ta, người ân nhân của tôi, Hoàng đế Alexandre. Để chứng tỏ những tình cảm mà tai hoạ đau thương đem đến, tôi có bổn phận thông báo gởi Mẫu hậu, người mẹ tôn kính của chúng ta một bức thư, trong đó tôi tuyên bố theo chỉ dụ của Hoàng đế quá cố mà tôi nhận được vào ngày 2 tháng 2 năm 1822, xác nhận việc tôi từ chối ngôi vàng là quyết định không lay chuyển. Ngày nay tôi nhường lại cho em mọi quyền kế vị về ngôi Hoàng đế toàn nước Nga. Đồng thời tôi đề nghị Mẹ của chúng ta và những người liên quan công bố nguyện vọng không thay đổi của tôi về mặt này để thực hiện được trọn vẹn. Sau lời tuyên bố này, tôi xem có bổn phận thiêng liêng là khẩn cầu Hoàng đế trước hết là tiếp nhận lời thề trung thành và quy phục của tôi, và cho phép tôi tuyên bố không mong một tư cách, chức vụ nào mới, chỉ duy nhất và đơn giản giữ tước vị Hoàng tử Đại quận công mà cha tôn kính đã cho tôi vì những công việc tôi đã phục vụ. Hạnh phúc duy nhất của tôi là từ nay sẽ được Hoàng đế tiếp nhận những tình cảm kính trọng sâu sắc và sự tận tụy vô bờ của tôi. Tôi có thể lấy chứng cứ là đã ba mươi năm phục vụ các Hoàng đế cha và anh của tôi một cách trung thành, nhiệt tình. Cũng những tình cảm ấy, cho đến hơi thở cuối cùng tôi không ngừng phục vụ Hoàng đế và những người kế vị trong chức vụ hiện tại và trong tình hình hiện tại.

Với lòng kính trọng sâu sắc
Constantin".

Hai người đưa thư gặp nhau. Người được cử đến gặp Hoàng thân Constantin, nhận nhiệm vụ của Đại quận công Nicolas, thiết tha khẩn cầu Hoàng thân đồng ý nhận giữ vương miện, nhưng ông cương quyết từ chối, nói rằng ý ông không đổi từ ngày khước từ ngôi vua và không có gì làm ông đồng ý nắm giữ lại ngai vàng.

Lúc ấy vợ ông, bà hoàng Loviez quỳ xuống trước mặt ông nói, vì để trở thành chồng bà mà ông từ chối lên ngôi Hoàng đế, bà muốn xóa bỏ cuộc hôn nhân, và cảm thấy sung sướng vì điều này có thể đền đáp lại điều ông đã làm vì bà. Constantin nâng bà đứng dậy, không muốn để bà năn nỉ thêm và nói quyết định của ông là bất di bất dịch.

Về phần mình, Đại quận công Michel đến Saint-Peterbourg, chuyển bức thư của Hoàng thân. Đại quận công Nicolas không muốn chấp nhận là Hoàng thân đã từ chối hẳn, ông hy vọng những khẩn nài của phái viên sẽ có kết quả. Nhưng phái viên trở về, mang lại sự từ chối dứt khoát, sợ để công việc trong tình trạng tạm bợ sẽ nguy hiểm nên ông buộc phải nhận điều ông anh đã từ chối.

Cuối cùng hôm sau ngày phái viên được cử đi gặp Hoàng thân, Hội đồng nhà nước thông báo có một văn bản được giữ lại từ ngày 15 tháng 10 năm 1823, đóng dấu của Hoàng đế Alexandre cùng với một bức thư chính tay Hoàng đế viết, dặn giữ hộp thư đến lệnh mới trong trường hợp Hoàng đế chết, hộp hội nghị bất thường mới được mở ra.

Hội đồng nhà nước theo lệnh ấy và thấy có bức thư khước từ của Đại quận công Constantin như sau:
"Thư của Điện hạ Hoàng tử Đại quận công Constantin kính gửi Hoàng đế Alexandre,
Thưa Bệ hạ.

Vì lòng tốt của Hoàng đế đối với tôi, tôi xin một lần nữa dám tuyên bố và cầu xin Bệ hạ. Không nghĩ mình có đủ năng lực, trí tuệ và sức mạnh cần thiết nên đến lúc nào đó tôi được mang phẩm tước cao cả do thứ bậc lúc sinh ra, tôi thiết tha khẩn cầu Bệ hạ chuyển quyền cho người sinh kế tiếp tôi và đảm bảo Vương quốc luôn vững bền. Về phần tôi, với sự khước từ này, tôi đưa ra một đảm bảo mới, một sức lực mới cho người đàn bà tôi đã lựa chọn và trịnh trọng chấp nhận trong thời gian tôi ly dị với người vợ đầu. Tất cả những hoàn cảnh hiện nay càng ngày càng cho tôi chứng tỏ với Vương quốc và toàn thế giới lòng thành thật của tôi.

Kính mong Bệ hạ chấp nhận nguyện vọng của tôi thật độ lượng. Mong Người xác nhận với người mẹ tôn kính của chúng ta cũng chấp nhận và chuẩn y! Trong cuộc sống riêng, tôi cố gắng luôn làm mẫu mực cho những bầy tôi trung thành của Bệ hạ và cho tất cả những người nhiệt tình yêu Tổ quốc thân yêu của chúng ta.

Với lòng kính trọng sâu sắc,
Saint-Peterbourg, ngày 14 tháng giêng năm 1822

Constantin"

Alexandre đã viết trả lời bức thư ấy như sau:

"Em yêu quý,

Ta vừa đọc bức thư của em, hết sức chú ý đến tầm vóc của nó, ta không thấy ngạc nhiên vì luôn xác nhận những tình cảm cao đẹp của lòng em. Bức thư cung cấp cho ta một chứng cứ mới về sự gắn bó chân thành của em với Nhà nước và lo gìn giữ sự yên bình.

Theo nguyện vọng của em, ta đã trao đổi bức thư của em với người mẹ vô cùng yêu quý của chúng ta, bà đã đọc, thông cảm với những tình cảm như ta và nhận rõ những mục đích cao cả đã chi phối em.

Theo những mục đích em đã nêu ra, hai chúng ta chỉ còn có thể để em hoàn toàn tự do làm theo những quyết định không lay chuyển được của mình, và cầu nguyện Thượng Đế làm cho những tình cảm trong sáng như vậy đưa lại những hiệu quả tốt nhất.

Luôn luôn là người anh thân yêu của em

Alexandre"

Việc từ chối lần thứ hai của Constantin nhắc lại cũng những điều như vậy gần ba năm cách nhau làm Đại quận công Nicolas có một quyết định vững vàng. Dựa vào những bức thư trên, ngày 25 tháng 12 ông ra một bản tuyên bố tiếp nhận ngôi vua do anh của ông khước từ, ấn định ngày hôm sau, ngày 26 tháng 12, tổ chức lễ tuyên thệ của ông và con trai trưởng, Đại quận công Alexandre. Với thông báo chính thức của vị Hoàng đế tương lai, Saint-Peterbourg thở ra yên bình hơn. Tính tình của Hoàng tử Constantin thể hiện những điểm rất giống nhau với Paul Đệ nhất, gây ra những nỗi lo sợ căng thẳng. Ngược lại tính tình của Đại Quận công Nicolas có những đảm bảo nghiêm túc. Vậy là mỗi người nhìn vào ngày mai như ngày hội, bỗng trong đêm ấy những tiếng đồn lạ lan trong thành phố. Người ta nói lời khước từ sáng nay nhân danh Hoàng tử Constantin là những điều bịa đặt và ngược lại. Phó vương Ba Lan đang tiến về Saint-Peterbourg cùng với quân lính để đòi quyền lợi. Người ta còn nói thêm là nhiều sĩ quan của các trung đoàn trong đó có trung đoàn Moscou tuyên bố không trung thành với Nicolas, cho rằng chỉ Hoàng tử Constantin là Hoàng đế hợp pháp duy nhất. Tôi nghe những tiếng đồn thổi ấy ở mấy ngôi nhà tôi đến thăm buổi tối. Khi về đến nhà tôi nhận được một bức thư của Louise yêu cầu đến gặp bất cứ vào giờ nào. Tôi đến nhà và thấy cô rất lo lắng, như thường lệ, Bá tước về đây nhưng cố gắng cách mấy cũng không giấu nổi vẻ băn khoăn. Louise gặng hỏi, tuy ông không thú nhận gì, nhưng đã trả lời với tình yêu thương sâu sắc, lần này ông có thể hiện tình cảm đau khổ nên đã làm cô khẳng định sự nghi ngờ: có vấn đề gì đó chuẩn bị cho ngày mai, và dù là việc gì, Bá tước có nhúng tay vào.

Louise muốn tôi đến nhà ông, hy vọng có tôi ông sẽ vững tâm hơn và trong trường hợp ông có tâm sự với tôi điều gì đó về cuộc âm mưu, Louise hy vọng tôi làm hết sức để ngăn trở ông đừng tiến xa

hơn. Tôi dễ dàng làm việc này, và lại từ lâu tôi cũng có những lo sợ như cô, việc hiểu biết của tôi cũng thấy gần rõ như tình yêu của cô.

Bá tước không có ở nhà nhưng người ta đã quen thấy tôi đến đây luôn, nên khi tôi nói muốn chờ ông, người ta đưa tôi vào không có khó khăn gì. Tôi vào phòng ngủ của ông, thấy nó đã được chuẩn bị sẵn sàng, chứng tỏ ông không có ý định ngủ bên ngoài tối nay.

Người đầy tớ đi ra để tôi lại một mình. Tôi bèn nhìn chung quanh xem có gì khả nghi, tôi thấy một cặp súng ngắn trên bàn. Cho chiếc đũa vào nòng: súng đã lắp đạn. Hoàn cảnh này khác với những dịp khác đã xác định những lo sợ của tôi.

Tôi buông mình xuống một chiếc ghế, quyết tâm không rời gian phòng nếu ông không về. Nửa đêm, rồi một giờ, hai giờ nối tiếp nhau, những lo ngại nhường chỗ cho mệt mỏi, tôi ngủ thiếp đi.

Đến bốn giờ tôi bừng tỉnh dậy, trước mặt tôi là Bá tước đang ngồi viết bên bàn, những khẩu súng ngắn bên cạnh, trông ông rất xanh xao.

Nghe tiếng cử động đầu tiên của tôi, ông quay lại:

- Ông đang ngủ, tôi không muốn đánh thức ông, ông đến đây chắc có điều gì đó muốn nói với tôi. Nay, nếu tối mai tôi không trở về, nhờ ông đưa bức thư này cho Louise. Tôi định bảo sáng mai người hầu đưa tới cho ông nhưng tự tay tôi đưa cho ông thì hơn.

- Thế là chúng tôi lo sợ không sai, đang có một cuộc âm mưu nào đó, đúng không? Và ông có tham gia.

- Im lặng! – Bá tước nói, bóp chặt tay tôi và nhìn chung quanh – Im lặng, ở Saint-Peterbourg chỉ cần một tiếng nói bất cẩn cũng đủ chết người.

- Ô - tôi nói khê với ông – Thật điên rồ!

- Nay! Ông nghĩ tôi không biết như ông việc tôi đang làm là điên rồ hay sao? Ông tưởng tôi có chút hy vọng thành công ư? Không. Tôi đi thẳng xuống vực, phép lạ cũng không cứu được tôi khỏi rơi vào đấy, điều tôi có thể làm là nhắm mắt để không trông thấy chiều sâu.

- Nhưng tại sao đã lường được nguy hiểm như vậy mà ông vẫn can đảm lao đầu vào?

- Vì đã quá chậm để lui lại phía sau, vì người ta sẽ nói tôi sợ, vì tôi đã hứa với các bạn, tôi phải theo... dù có lên máy chém.

- Nhưng tại sao ông, ông là một gia đình quý tộc?

- Ông muốn sao, người ta đều điên. Ở bên Pháp những người mang tóc giả đánh nhau để trở thành những lãnh chúa lớn, ở đây chúng tôi đánh nhau để trở thành những người mang tóc giả...

- Sao? Như vậy là thế nào?

- Xây dựng một nền cộng hoà không hơn không kém, và cắt bộ râu của những người nô lệ cho đến khi nào họ cắt đầu chúng tôi. Lời nói danh dự đấy, bản thân tôi cũng nhún vai thương hại. Và chúng tôi đã chọn ai để lãnh đạo cải cách chính trị lớn? Một Hoàng thân!

- Sao? Một hoàng thân à?
- Ồ, chúng tôi có rất nhiều hoàng thân. Chúng tôi không thiếu, chỉ thiếu những con người.
- Nhưng các ông đã sẵn sàng một hiến pháp?
- Một hiến pháp! – Bá tước Alexis cười chua chát lập lại – một hiến pháp! Ồ, có có! Chúng tôi có một bộ luật Nga do Pestel dự thảo và Troubetskoï đưa xem lại ở Londres và Paris. Chúng tôi còn có một cuốn sách giáo lý lời văn bóng bẩy chứa đựng châm ngôn, ví dụ như những câu này "Chỉ nên tin vào các bạn và vũ khí của anh! Các bạn sẽ giúp đỡ anh, con dao găm sẽ bảo vệ anh... Anh là người Slave và trên quê hương anh, trên các bờ biển bao quanh anh sẽ xây dựng bốn bến cảng: các cảng Đen, Trắng, Dalmatie, Glacial và ở giữa, anh sẽ đưa lên ngôi nữ thần ánh sáng".
- Nhưng ngài nói với tôi bằng loại ngôn ngữ riêng biệt nào vậy?
- A, ông không hiểu, đúng không? – Bá tước nói, mỗi lúc một thêm giễu cợt, thích thú tự dằn vò mình – vì ông được biết những thông tin mật nhưng ông có thể kể những gương hy sinh, nói rằng phải đánh bại chế độ độc tài, hiến sinh César, trừng phạt Néon, ông sẽ nói...
- Tôi sẽ không nói gì về tất cả những cái đó, xin thề với ông như vậy. Ngược lại tôi sẽ im lặng rút lui và sẽ không đặt chân vào những câu lạc bộ ấy, nhại lại một cách thô thiển những tu sĩ Ki tô và những người Jacobins của chúng tôi.
- Thế còn lời thề? Lời thề? Ông nghĩ rằng chúng tôi sẽ quên nó sao? Có một cuộc âm mưu nào không có lời thề? Của chúng tôi là như thế này "Nếu tôi phản bội, tôi sẽ bị trừng phạt vì hối hận và vì vũ khí tôi đã thề trên đấy, nó sẽ đâm vào tim tôi và tiêu diệt hết những người thân yêu của tôi. Từ lúc ấy cuộc đời của tôi chỉ là một chuỗi những đau khổ không tưởng tượng được". Hơi lâm ly, đúng không? Ở Saint-Peterbourg chúng tôi còn lạc hậu và tôi thật sự được hoan nghênh nhiệt liệt khi nói lên câu đó.
- Nhưng lạy Chúa! – tôi kêu lên – Làm sao đã thấy rõ khía cạnh kỳ cục của công việc ấy mà ông vẫn tham gia?
- Vì sao thế? Ông nghĩ gì? Vì tôi buồn chán, xem cuộc sống của tôi chỉ đáng giá một đồng kopek, vào đấy như một con chuột chui vào bẫy. Tôi vừa vào thì nhận được một bức thư của Louise, tôi muốn rút lui. Người ta bảo xong rồi, hội đã giải tán. Cách đây một năm người ta đến bảo tôi tổ quốc rất cần đến tôi. Tôi muốn tống khứ tất cả vì bây giờ tôi rất hạnh phúc nhưng một nỗi xấu hổ giữ tôi lại nên tôi lại sẵn sàng đâm chém những kẻ chuyên chế, vứt bỏ rác rưởi của họ. Rất thơ mộng, đúng không? Nhưng không phải thế vì những kẻ chuyên chế sẽ treo cổ chúng tôi và chúng tôi không làm gì họ được.
- Nhưng thưa ngài, - tôi nắm hai bàn tay Bá tước và nhìn thẳng vào mặt ông nói – Ông có nghĩ đến một điều: sự kiện ông vừa nói ấy sẽ là cái chết của Louise khôn khổ?
Ông ứa nước mắt:

- Louise sẽ sống.
 - Ồ, ông không hiểu rõ cô ấy rồi!
 - Vì tôi hiểu rõ nên tôi nói với ông như thế. Louise không có quyền chết, cô ấy phải sống vì đứa con của mình.
 - Người đàn bà tội nghiệp! Tôi đã không biết cô ấy đau khổ đến thế!
 - Ông nghe đây ,vì không biết sự việc sẽ xảy ra như thế nào, đây là một bức thư cho cô ấy. Tôi hy vọng mọi điều sẽ tốt hơn hai chúng ta nghĩ và tiếng đồn sẽ tan thành mây khói. Nếu thế ông xé nó đi và xem như là chưa viết. Ngược lại thì ông sẽ đưa cho cô ấy. Thư có lời giới thiệu với mẹ tôi xem cô như con gái, tôi để lại cho cô những gì tôi có, nhưng xin ông hiểu rằng nếu bị bắt và kết án, việc đầu tiên là người ta sẽ tịch thu tài sản của tôi, do đó việc di tặng cũng vô ích. Về tiền mặt, nhà nước cộng hoà tương lai đã vay của tôi đến đồng rúp cuối cùng, tôi không phải lo lắng gì. Ông hứa sẽ làm theo lời đề nghị của tôi chứ?
 - Tôi xin thề với ông.
 - Cám ơn, bây giờ thì xin vĩnh biệt. Ông chú ý để người ta không trông thấy ông ra khỏi nhà tôi vào giờ này, có thể sẽ nguy hại cho ông đấy.
 - Thật ra tôi không biết có nên chia tay với ông không.
 - Ông phải thế, bạn thân mến. Hãy nghĩ nếu gặp tai hoạ, ít nhất còn lại một người anh để lo cho Louise, điều này sẽ quan trọng đến mức nào. Ông đã bị ảnh hưởng vì đã quan hệ với tôi, với Mouravieff và Troubetskoï. Hãy thận trọng, nếu không vì ông thì cũng vì tôi.
 - Vì cô ấy, ông buộc tôi làm những gì ông muốn.
 - Bây giờ thì vĩnh biệt. Tôi mệt mỏi, cần nghỉ ngơi mấy tiếng đồng hồ vì sáng ra sẽ có nhiều chuyện.
 - Vĩnh biệt vậy, vì ông muốn thế.
 - Tôi xin đòi hỏi như vậy.
 - Hãy cẩn thận!
 - Đây bạn thân mến, điều đó không phụ thuộc vào tôi không đi mà người ta dắt tôi. Vĩnh biệt! Nhân tiện không cần nói với ông, chỉ một lời khuyên khôn ngoan sẽ làm tổn thất cho tất cả chúng ta...
 - Ồ!...
 - Nào, chúng ta hãy hôn nhau đi.
- Tôi lao vào đôi tay ông ta.
- Một lần nữa xin vĩnh biệt.
- Tôi đi ra mà không thể nói thêm được một lời, tôi đóng cửa lại, nhưng trước khi tôi đến được đầu hành lang, cánh cửa lại mở ra và một lời nói đuổi theo tôi:

- Tôi uỷ thác Louise cho ông.

Thật vậy, ngay đêm ấy những người mưu phản tụ tập ở nhà Hoàng thân Obolinski và đã sẵn sàng thu xếp vài việc bố trí điên rồ cho một cuộc nổi dậy bất lực. Trong cuộc họp ấy có những người chỉ huy chủ yếu tham dự, phổ biến kế hoạch chung và chọn ngày hành động vào ngày mai. Người ta quyết định bố trí cho quân lính nổi dậy, giải thích cho họ những nghi ngờ về lời khước từ ngôi vua của Hoàng tử Constantin, người vốn đặc biệt phụ trách quân đội và được họ rất mến phục. Từ trung đoàn này đến trung đoàn khác, cho đến khi họ tập hợp được một lực lượng khá đông đảo tiến về quảng trường Nghị viện, vừa đi vừa đánh trống thu thập quần chúng. Đến đây những người mưu phản hy vọng chỉ một cuộc biểu tình đơn giản đủ buộc Hoàng đế Nicolas, vốn ghê sợ dùng sức mạnh, sẽ điều đình với những người mưu loạn và từ bỏ những quyền lợi đế chế. Người ta sẽ đặt những điều kiện như sau:

1. Những đại biểu tất cả các chính quyền vùng được triệu tập ngay lúc ấy
2. Nghị viện ra một bản tuyên bố trong đó nói các đại biểu sẽ bỏ phiếu cho những luật lệ mới cho vương quốc.
3. Trong lúc chờ đợi, thiết lập một chính phủ lâm thời trong đó có các đại biểu của vương quốc Ba lan nhằm áp dụng những biện pháp cần thiết đảm bảo thống nhất Nhà nước.

Trong trường hợp trước khi chấp nhận những điều kiện này Hoàng đế đề nghị thương thuyết với Hoàng tử, sẽ được phép với điều kiện dành cho những người mưu phản và những trung đoàn nổi dậy một khu đồn trú bên ngoài thành phố để cắm trại trong mùa đông và chờ Hoàng tử đến. Hoàng tử sẽ gặp hội đồng các vùng để nghe trình bày hiến pháp do ông Mouravieff soạn thảo và thề trung thành nếu ông chấp nhận và trút phế nếu ông không chấp nhận. Nếu Đại quận công Constantin không tán thành cuộc nổi dậy này, là điều những người mưu phản không chắc chắn, người ta sẽ tự nỗ lực thực hiện. Trong trường hợp Hoàng đế từ chối mọi cuộc dàn xếp, người ta phải bắt giữ ông cùng cả gia đình hoàng gia và tùy theo hoàn cảnh mà quyết định hành động.

Nếu thất bại người ta sẽ di tản thành phố, làm lan rộng cuộc nổi dậy.

Bá tước Alexis không tham gia cuộc thảo luận lâu và ồn ào này nhưng mặc dù ông phản đối và im lặng, những đề nghị trên được đa số thông qua và một khi được áp dụng ông nghĩ mình phải chạy theo may rủi và danh dự.

Tóm lại, tất cả những người khác có vẻ hoàn toàn yên tâm sẽ thành công và đầy tin tưởng vào Hoàng thân Troubetskoï, đến mức một người mưu phản, Boulatoff, phấn khởi khi bước ra ngoài và kêu lên với Bá tước:

- Chúng ta đã chọn được một chỉ huy tuyệt vời, đúng không?
- Đúng – Bá tước trả lời – ông ấy có một thân hình rất đẹp.

Trong tâm trạng ấy ông ra về và thấy tôi đang ngủ ở nhà ông.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 16

Nghĩ rằng những điều mình nói cũng chẳng làm Louise yên tâm và lại vẫn hy vọng có trường hợp bất ngờ nào đấy làm hồng cuộc âm mưu, tôi về nhà cố nghỉ ngơi một ít. Nhưng vì quá lo lắng nên mờ sáng tôi đã dậy, mặc quần áo ngay và chạy ra quảng trường Nghị viện. Tất cả đều yên tĩnh. Tuy vậy những người mưu phản đã không để mất thì giờ trong đêm. Với những quyết định đã thống nhất, mỗi người làm theo vị trí của mình do Ryleyeff, chỉ huy quân sự bố trí, cũng như Hoàng thân Troubetskoï là thủ lĩnh chính trị. Trung úy Arbouzoff phải lôi kéo những lính thủy bảo vệ, hai anh em Rodisco và thiếu úy Goudimoff, trung đoàn bảo vệ Izmailovski, Hoàng thân Stchepine Rostovski, phó đại úy Michel Bestoujev, em ông Alexandre và hai sĩ quan khác trong trung đoàn là Brock và Volkoff chịu trách nhiệm trung đoàn Moscou. Cuối cùng trung úy Sutoff được giao cho trung đoàn thứ nhất là lính ném lựu đạn. Còn Bá tước, ông từ chối tất cả mọi vai trò ngoài việc tham gia bình thường, sẽ làm như mọi người khác, biết ông là người giữ lời hứa, và lại ông không đòi hỏi một vị trí nào trong chính phủ tương lai nên người ta không ép buộc.

Tôi ở lại đến mười một giờ, không phải trên quảng trường lạnh mà trong nhà một người bán đường và rượu, ở đầu Đại lộ, gần nhà của nhân viên ngân hàng Cerclet. Đây là một vị trí rất tốt để thu thập tin tức, trước hết vì nhìn ra quảng trường Amirauté, sau đó là vì gần cửa hàng mà người ở các khu phố xa cũng đến liên tục. Cho đến lúc này mọi quan hệ liên lạc hoàn hảo. Vị tướng đội bảo vệ và ban tham mưu vừa đến hoàng cung thông báo nhiều trung đoàn đã tuyên thệ Chưa có tin tức một số trung đoàn khác nhưng chắc là vì ở xa thủ đô.

Tôi chuẩn bị về nhà, hy vọng ngày này qua đi như thế, những người mưu phản nhận ra kế hoạch của họ gặp nguy hiểm sẽ không làm gì. Bỗng thấy một viên tùy tùng phóng ngựa nước đại vút qua và ai cũng hiểu có điều gì đó bất ngờ xảy ra. Mọi người chạy ngay tới quảng trường vì có không khí lo lắng mơ hồ trước những sự kiện lớn. Thật vậy cuộc nổi dậy vừa bắt đầu nổ ra, dữ dội đến nỗi không thể biết đến đâu sẽ ngừng lại.

Hoàng thân Stchepine Rostovski và hai anh em Bestoujev đã giữ lời. Từ chín giờ sáng họ đến các trại lính trung đoàn Moscou và nói chuyện với những đại đội tận tụy nhất với Đại quân công Constantin, Hoàng thân Stchepine khẳng định với quân lính người ta đã lừa dối họ khi buộc họ phải tuyên thệ. Ông nói thêm không những không từ bỏ vương miện, Đại quân công còn bị bắt giữ vì

không nhường ngôi cho em. Alexandre Bestoujev tiếp lời, thông báo ông từ Varsovie tới, được chính Hoàng tử cử đến để chống lại lễ tuyên thệ. Thấy những tin tức ấy tác động mạnh đến đoàn quân, Hoàng thân Stchepine ra lệnh cho binh lính nạp đạn vào súng. Lúc ấy viên tuý tủng Verighine, đi sau là Thiếu tướng Fredricks, chỉ huy đội ném lựu đạn, tay cầm cờ đến mời các sĩ quan tập trung ở chỗ Đại tá trung đoàn, Stchepine nghĩ đã đến lúc hành động, ra lệnh cho binh lính dùng báng súng đẩy lùi lính ném lựu đạn và tước cờ, đồng thời ông lao vào thiếu tướng Fredricks, Bestoujev đang giơ súng ngăn dọa, chém ông này một nhát kiếm vào đầu ngã lăn ra và quay lại Thiếu tướng Chenchine chỉ huy phân đội đang chạy lại cứu, đâm một nhát làm ông này đổ nhào xuống. Áo tới giữa những người lính ném lựu đạn, ông ta liền tiếp làm bị thương Đại tá Khvoschinski, Hạ sĩ Mouseieff và lính ném lựu đạn Krasovksi, cuối cùng chiếm được lá cờ giơ lên cao và hô to "Hourra!" Nghe tiếng hô, thấy máu chảy hơn một nửa trung đoàn trả lời với những tiếng "Constantin muôn năm! Đả đảo Nicolas!" Lợi dụng lòng nhiệt tình ấy Stchepine đã lôi kéo gần bốn trăm người theo mình, trống đánh rầm rộ cùng đến quảng trường Amirauté.

Ở công cung điện Mùa Đông, viên tuý tủng đến đưa tin đặng phải một sĩ quan khác từ trại lính ném lựu đạn tới. Những tin tức người này đưa lại không kém đáng lo ngại hơn tin tức của người tuý tủng. Trong lúc trung đoàn đi ra làm lễ tuyên thệ, Thiếu tướng Kojenikoff lao đến toán đi đầu tiên kêu lên "Không phải tuyên thệ vì Đại quân công Nicolas mà với Hoàng đế Constantin" Nghe người ta nói Hoàng tử đã nhường ngôi, ông ta quát "Không đúng! Rất sai. Hoàng tử đang tiến về Saint-Peterbourg để trừng phạt những ai quên phận sự và khen thưởng những người trung thành".

Tuy vậy mặc dù ông kêu gào, trung đoàn vẫn tiếp tục đi, tuyên thệ và trở về trại, không một dấu hiệu phản ứng. Giữa bữa ăn trung úy Suthoff đã tuyên thệ như những người khác vào, nói với đại đội của mình:

- Các bạn, chúng ta vâng lệnh là sai lầm, những trung đoàn khác đã nổi dậy, từ chối tuyên thệ và vào giờ này đang ở quảng trường Nghị viện. Mặc quần áo vào, trang bị vũ khí và theo tôi tiến lên. Tôi đã có lương của các bạn trong túi, sẽ phân phát cho các bạn không cần chờ lệnh.
- Nhưng ông nói đúng không đây? – Nhiều tiếng hỏi.
- Đây, các bạn anh, trung úy Panoff, các anh cứ hỏi đi.
- Thưa các bạn – Panoff nói không chờ phải hỏi – các bạn biết rằng Constantin là Hoàng đế duy nhất và hợp pháp của các bạn đã bị người ta truất phế. Constantin muôn năm!
- Constantin muôn năm! – Binh lính hô lên.
- Nicolas muôn năm! – Đại tá Sturler chỉ huy trung đoàn lao vào phòng hô to – người ta làm các bạn sai lạc rồi, Hoàng tử đã khước từ, các bạn chỉ có Hoàng đế là Đại quân công Nicolas, Nicolas Đệ nhất muôn năm!
- Constantin muôn năm! – binh lính đáp lại.

- Các bạn nhầm rồi, anh em binh lính, người ta làm các bạn nhầm đường rồi! – Sturler lại hét lên.
- Đừng rời tôi, hãy đi với tôi! – Panoff hô lớn – Chúng ta tập hợp nhau lại, những người bảo vệ Constantin. Constantin muôn năm!
- Constantin muôn năm! – hơn ba phần tư binh lính hô lên.
- Đến quảng trường Amirauté! Đến Amirauté! – Panoff rút kiếm ra nói – Binh lính đi theo tôi! Và ông ta lao đi, gần hai trăm người theo sát sau vừa đi vừa hô "Hourah!" như trung đoàn Moscou nhưng theo một con đường khác đến quảng trường Amirauté.

Trong khi hai nguồn tin tức ấy được đưa lên Hoàng đế, chỉ huy quân sự của Saint-Peterbourg, Bá tước Miladorovitch chạy đến hoàng cung. Ông đã biết việc nổi dậy của trung đoàn Moscou và những đội lính ném lựu đạn, đã ra lệnh cho những toán quân đáng tin cậy nhất đến cung điện Mùa Đông, đấy là tiểu đoàn 1 trung đoàn Préobrajenski, ba trung đoàn bảo vệ Pavlovski và tiểu đoàn công binh bảo vệ.

Hoàng đế thấy tình hình nghiêm trọng hơn mình nghĩ lúc đầu. Người ra lệnh cho Thiếu tướng Neidhart đưa mệnh lệnh tới cho các trung đoàn bảo vệ Semenovski đi dẹp ngay những kẻ nổi loạn, cho đoàn kỵ sĩ bảo vệ sẵn sàng chờ lệnh. Tiếp đó Người xuống ngay đoàn bảo vệ chính của cung điện Mùa Đông mà trung đoàn bảo vệ Phần Lan đang trực, ra lệnh nạp đạn và chiếm giữ những con đường lớn của cung điện. Lúc ấy có tiếng ồn ào náo động, đại đội 3 và 6 của trung đoàn Moscou, do Hoàng thân Stchepine và hai anh em Bestoujev dẫn đầu, cờ giơ cao, trống ở hàng trước, đi đến nơi và hô lớn "Đả đảo Nicolas! Constantin muôn năm!" Đoàn quân tràn vào quảng trường Amirauté nhưng đến đây, hoặc nghĩ không đủ mạnh, hoặc lùi bước trước uy nghi hoàng gia, thay vì đi thẳng vào cung điện Mùa Đông, đến dựa lưng vào Nghị viện. Họ vừa đến đấy thì toán lính ném lựu đạn tiếp nổi. Khoảng năm mươi người đồng phục áo dài, một số cầm súng ngắn trong tay, sáp nhập vào đám lính nổi loạn.

Lúc này tôi thấy Hoàng đế xuất hiện dưới một vòm lâu đài. Người tiến gần song cửa sắt, nhìn qua những người làm phân, mặt tái hơn bình thường nhưng hoàn toàn bình tĩnh. Người ta cho rằng Người đã xưng tội, vĩnh biệt gia đình để sẵn sàng chết với tư cách Hoàng đế và người ngoan đạo. Đang chăm chú nhìn Người, tôi nghe tiếng phi ngựa của một đội kỵ binh phía sau lưng, bên lâu đài đá hoa cương, đội kỵ binh bảo vệ do Bá tước Orloff, một trong những người dũng cảm và trung thành nhất với Hoàng đế, chỉ huy. Cánh cửa sắt mở ra, ông xuống ngựa và trung đoàn dàn hàng ngang trước cung điện. Hầu như đồng thời, nghe tiếng trống của những tiểu đoàn phóng lựu đạn của trung đoàn Préobrajenski đến nơi. Họ vào sân lâu đài, ở đấy Hoàng đế, Hoàng hậu, và Đại quân công tử Alexandre, phía sau họ xuất hiện đoàn kỵ binh cận vệ, giữa họ tôi thấy Bá tước Alexis Vaninkoff, họ tự bố trí thành hình cạnh góc với lính thiết giáp, cách nhau một quãng dành chỗ cho trọng pháo.

Các trung đoàn nổi loạn để họ bố trí như vậy một cách có vẻ vô tư, chỉ phản đối bằng những tiếng hô "Constantin muôn năm! Đả đảo Nicolas!". Rõ ràng họ đang chờ lực lượng bổ sung.

Tuy vậy những người đưa tin của Đại quân công Michel nối tiếp nhau vào lâu đài. Trong lúc Hoàng đế tổ chức chống cự tại đây, Đại quân công chạy đến các trại lính và việc ông có mặt đã dẹp được cuộc làm phản. Một số cố gắng đưa lại những kết quả tốt đẹp, trong lúc phần trung đoàn Moscou còn lại sắp theo hai đại đội nổi loạn, Bá tước De Liéven, Đại úy đại đội 5 đã đến kịp ngăn chặn tiểu đoàn đi ra và cho đóng cửa lại. Ông rút kiếm đứng trước binh lính thề sẽ đâm xuyên kẻ đầu tiên đi một bước. Một thiếu úy trẻ, giơ súng ngắn đe dọa bắn vỡ sọ Liéven. Bá tước dùng chuôi kiếm đánh bật khẩu súng. Thiếu úy nhặt lên và lại chĩa vào Bá tước. Ông khoanh tay bước thẳng đến trước mặt chàng trai trong lúc trung đoàn câm lặng đứng im chứng kiến cuộc đấu tay đôi kỳ lạ này. Viên thiếu úy lùi mấy bước, Liéven đi theo giơ ngực như thách thức, cuối cùng chàng trai dừng lại nỏ súng. Như có phép lạ, thuốc nổ cháy nhưng viên đạn không phóng ra. Trong lúc ấy có tiếng đập cửa. Một số người lên tiếng:

- Ai đấy?
- Điện hạ quân công Michel – bên ngoài trả lời.

Một thoáng kinh hoàng tiếp theo đó, Bá tước Liéven đi ra mở cửa, không ai cố ngăn ông lại.

Đại quân công đi ngựa vào, theo sau là một số sĩ quan cận vệ. Ông kêu lên:

- Trong lúc nguy hiểm mà không hành động gì cả là thế nào? Ta đang ở giữa kẻ phản bội hay binh lính trung thực đây?
- Người đang ở giữa trung đoàn trung thành nhất, - Bá tước Liéven trả lời – Điện hạ có bằng chứng đây.

Ông giơ cao thanh kiếm và hô to:

- Hoàng đế Nicolas muôn năm!
- Hoàng đế Nicolas muôn năm! – binh lính đồng thanh.

Chàng thiếu úy muốn nói nhưng Bá tước nắm cánh tay ngăn lại:

- Im lặng. Tôi sẽ không nói một tiếng về việc đã xảy ra, anh đừng làm tự hại mình.
- Liéven – Đại quân công nói – tôi giao cho ông chỉ huy trung đoàn.
- Tôi lấy đầu mình ra đảm bảo với Điện hạ - Bá tước trả lời.

Đại quân công tiếp tục đi kiểm tra, thấy khắp nơi nếu không hào hứng thì ít nhất cũng phục tùng. Tin tức như vậy là tốt lành. Thật vậy lực lượng bổ sung đến từ bốn phía, lính công binh dàn trận trước cung điện Ermitage, phần còn lại của trung đoàn Moscou do Bá tước Liéven chỉ huy từ Đại lộ Nevski đi tới. Thấy những đội quân này, những kẻ nổi loạn hét lên, nghĩ rằng quân cứu viện đã tới nhưng họ biết ngay mình bị lừa. Những đội quân mới tới dàn ra trước Tòa án đối diện với cung điện, cùng lính thiết giáp, trọng pháo, kỵ binh cận vệ, họ bao vây những kẻ nổi loạn trong một vòng tròn

sắt.

Một lúc sau nghe có tiếng hát của linh mục Giáo chủ, cả giới tu sĩ theo sau, từ nhà thờ Kazan đi ra, đi trước là dãy cờ Thánh, nhân danh Chúa đến ra lệnh cho quân nổi loạn giải tán, trở về với bổn phận của mình. Nhưng có lẽ là lần đầu tiên trong đường lối chính trị không tôn giáo, những người lính coi thường những hình ảnh họ đã quen tôn sùng, yêu cầu các linh mục đừng xen vào những việc trên mặt đất và chỉ nên lo vào những việc trên trời. Giáo chủ cố gắng nhưng nhận được lệnh của Hoàng đế bảo lui về. Nicolas muốn tự mình ra sức lần cuối để thu phục những kẻ nổi loạn.

Những người vây quanh Hoàng đế muốn cản ngăn nhưng Người bảo đây là vai trò của mình. Người phải đưa mạng sống ra đổi mặt. Người ra lệnh mở hàng rào sắt, người ta vừa tuân lệnh thì Đại quân công tước tốc về tới, ghé tai Hoàng đế nói nhỏ rằng một bộ phận của trung đoàn Préobrajenski đang bao vây cùng tham gia với quân nổi loạn và Hoàng thân Troubetskoï mà Hoàng đế ngạc nhiên thấy vắng mặt, đã chỉ huy cuộc âm mưu. Việc ấy rất có thể vì hai mươi bốn năm trước đây chính trung đoàn này đã chiếm giữ những đại lộ của lâu đài Đỏ, còn Đại tá trung đoàn, Hoàng thân Talitzine giết chết Hoàng đế Paul.

Tình hình đáng ghê sợ nhưng Hoàng đế không thay đổi sắc mặt, rõ ràng Người đã có một quyết định rất lớn. Một lúc sau Người ngoảnh lại bảo một trong các vị tướng:

- Đưa Đại quân công tước trẻ lại đây cho ta.

Viên tướng trở lại cùng Hoàng tử. Hoàng đế nhắc đứa trẻ lên, tiến về phía những người lính ném lựu đạn nói:

- Quân lính, nếu ta bị giết thì đây là Hoàng đế của các anh, giải tán đi, ta uỷ thác con ta cho sự trung thành của các người.

Một tiếng "Hourrah!" kéo dài, tiếng kêu vui vẻ xuất phát từ đáy lòng vang lên. Những kẻ phạm tội là những người đầu tiên bỏ vũ khí xuống và mở rộng cánh tay. Đứa trẻ được chuyển vào giữa trung đoàn và được bảo vệ như lá cờ. Hoàng đế lên ngựa đi ra. Ở cổng ra vào, các tướng khấn nài Người đừng đi xa hơn nữa, quân nổi loạn hét sẽ giết Hoàng đế và súng đã được nạp đạn. Hoàng đế giơ tay ra hiệu để Người được tự do, cấm không cho ai đi theo và phi thẳng ngựa đến chỗ quân nổi loạn:

- Quân lính! – Người kêu lớn – người ta bảo các anh muốn giết ta, nếu đúng thế thì ta đây!

Có một lúc im lặng, Hoàng đế đứng giữa hai toán quân, như một bức tượng cưỡi ngựa. Hai lần trong đám quân nổi loạn có tiếng hô "Bắn!" nhưng lệnh ấy không được thi hành, lần thứ ba, mấy tiếng súng nổ. Đạn rít lên chung quanh Hoàng đế nhưng không có viên nào trúng. Một trăm bước phía sau, Đại tá Velho và nhiều lính bị thương vì loạt đạn ấy.

Cùng lúc đó Milarodovitch và Đại quân công Michel lao tới bên cạnh Hoàng đế, trung đoàn thiết giáp và trung đoàn bảo vệ chuyển động một bước, các pháo thủ đưa ngòi gần vào lửa.

- Dừng lại! – Hoàng đế kêu lên – Mọi người phải tuân lệnh. Đại tướng – Người ngoảnh mặt về

phía Bá tước Milarodovitch nói thêm – ông đến đây và cố gắng quy phục họ.

Bá tước và Đại quân công lao tới nhưng những kẻ nổi loạn tiếp họ với một loạt đạn khác và hô lớn "Constantin muôn năm!"

- Quân lính! – Bá tước Milarodovitch kêu to và giơ lên trên đầu một thanh kiếm rất đẹp gắn nhiều đá quý và tiến đến sát hàng ngũ quân nổi loạn – đây là thanh kiếm Điện hạ Hoàng tử đích thân trao cho tôi, tôi đã lấy danh dự thề trên thanh kiếm này là người ta đã đánh lừa các anh, lợi dụng các anh. Hoàng tử đã khước từ vương miện, và vị vua độc nhất và hợp pháp là Hoàng đế Nicolas Đệ nhất.

Những tiếng hô "hourrah!" và "Constantin muôn năm!" đáp lại lời diễn giải ấy, rồi giữa tiếng kêu ấy nghe có một tiếng súng ngắn, và người ta thấy Bá tước lao đảo, một súng ngắn khác giơ lên nhắm vào Đại quân công Michel nhưng lính thủy quân tụy trong hàng ngũ nổi loạn, đã chặn tay kẻ mưu sát lại.

Trong một giây Bá tước Orloff và lính thiết giáp của ông, mặc dù những kẻ nổi loạn liên tiếp nhả đạn, xiết chặt hàng ngũ bao bọc Bá tước Milarodovitch, Đại quân công Michel và Hoàng đế Nicolas, dùng sức mạnh đưa họ quay về cung điện. Milarodovitch khó khăn ngồi vững trên lưng ngựa, về đến nơi ngã ngay vào cánh tay những người vây chung quanh.

Hoàng đế muốn thử một lần cuối thu phục những kẻ nổi loạn nhưng trong lúc Người đang ra lệnh, Đại quân công Michel nhảy xuống ngựa, xen lẫn giữa pháo thủ, giật que mìn ở tay một người, châm mìn vào lửa:

- Bắn! –ông hét lên – Bắn vào kẻ giết người!

Bốn quả đạn pháo bay đi cùng lúc tiêu diệt những kẻ nổi loạn vì cái chết họ đã gây ra, rồi không nghe được tiếng lệnh của Hoàng đế nữa, loạt đạn thứ hai tiếp theo loạt trước.

Tác dụng của hai loạt đạn thật đáng sợ. Hơn sáu mươi người, lính ném lựu đạn và lính trung đoàn Moscou, thủy thủ phòng vệ, nằm lại tại chỗ. Số còn lại chạy tán loạn trên đường phố, bến cảng, cầu và qua sông Neva đóng băng. Kỵ binh cận vệ thúc ngựa đuổi theo quân nổi loạn, trừ một người để cho trung đoàn đi xa, xuống ngựa để cho con vật muốn đi đâu thì đi, tiến lại gần Bá tước Orloff. Đến trước ông này, người đó cởi thanh gươm của mình trao cho ông. Viên tướng ngạc nhiên hỏi:

- Bá tước làm gì vậy? Vì sao ông nộp kiếm cho tôi thay vì dùng nó đuổi theo quân nổi loạn?

- Vì tôi đã tham gia vào cuộc âm mưu, thưa ngài. Sớm muộn gì tôi cũng sẽ bị tố cáo chi bằng tôi tự tố cáo mình thì hơn.

- Các anh hãy giữ lấy Bá tước Alexis Vaninkoff – viên tướng nói với hai người lính thiết giáp – dẫn ông ta về pháo đài.

Mệnh lệnh được thi hành ngay. Tôi thấy người ta dẫn Bá tước đi qua cầu Moïke và mất hút sau góc toà Đại sứ Pháp.

Tôi nghĩ đến Louise mà bây giờ chỉ có tôi là người bạn duy nhất, tôi bèn trở lại Đại lộ đến nhà cô bạn đồng hương với vẻ mặt xanh và buồn đến nỗi cô nghi ngờ tôi mang tin về tai hoạ nào đó. Vừa thấy tôi, cô tiến lại, đôi tay chấp vào nhau:

- Có việc gì vậy? Nhân danh Chúa! Có việc gì vậy? – Cô hỏi dồn.
- Có việc – tôi trả lời – cô chỉ còn hy vọng vào một phép lạ của Chúa hoặc lòng khoan dung của Hoàng đế.

Tôi kể lại những việc mình chứng kiến và đưa bức thư của Alexis cho cô. Như tôi đã nghi ngại, đây là bức thư vĩnh biệt.

Ngay tối hôm ấy Bá tước Milarodovitch chết vì vết thương. Trước khi chết, ông buộc nhà phẫu thuật lấy viên đạn ra, ông cầm mẩu chì trong tay, thấy không có cỡ đạn, bèn nói:

- Tôi hài lòng. Không phải viên đạn của một người lính.

Năm phút sau ông tắt thở.

Hôm sau vào chín giờ sáng, nghĩa là lúc cuộc sống bắt đầu nhộn nhịp trong thành phố và khi mọi người chưa biết cuộc nổi loạn đã bị dẹp hoặc còn tiếp tục, Hoàng đế đi xuống không có tùy tùng, không bảo vệ, đưa tay cho Hoàng hậu rồi cùng bà lên một chiếc xe đò sẵn trước cung điện Mùa Đông, chạy khắp các đường phố Saint-Peterbourg, đi qua tất cả các trại lính, giờ mình ra cho những phát súng của những kẻ giết người nếu còn. Khắp nơi Người chỉ nghe thấy tiếng reo vui khi họ thấy lông cắm trên mũ của Người từ đằng xa. Để trở về cung điện sau chuyến đi táo bạo rất thành công ấy, Người phải đi qua Đại lộ, thấy một người đàn bà cầm tờ giấy trong tay quỳ trên đường đi làm Người phải cho xe quay tránh khỏi phải cán trúng. Cách người đàn bà này ba bước, người đánh xe khéo léo cho xe dừng lại. Người đàn bà khóc lóc và không nhìn lên, chỉ đủ sức vẫy tờ giấy cầm trong tay. Có lẽ Hoàng đế sẽ tiếp tục đi nhưng Hoàng hậu nhìn Người với một nụ cười thánh thiện nên Người cầm lấy tờ giấy, chỉ có vài dòng viết vội và thấm ướt:

" Thưa Bệ hạ,

Xin Người hãy gia ân cho Bá tước Vaninkoff, nhân danh Bệ hạ...xin gia ân...xin gia ân!"

Hoàng đế không thấy chữ ký, quay sang người đàn bà lạ mặt hỏi:

- Bà là em gái của ông ta à?

Người cầu xin buồn bã lắc đầu.

- Thế có phải vợ ông ta không?

Người cầu xin ra hiệu không phải.

- Nhưng cuối cùng bà là gì đối với ông ta? – Hoàng đế hỏi ra về sót ruột.

- Than ôi! Than ôi! – Louise lấy lại được giọng nói kêu lên – Thưa Bệ hạ, bảy tháng nữa tôi sẽ là mẹ của con ông ấy.

- Cô bé khốn khổ! – Hoàng đế nói và ra hiệu cho người đánh xe phóng đi, mang theo lá đơn

nhưng không để lại cho người đàn bà cầu xin một tia hy vọng nào ngoài hai tiếng thương hại được buông ra từ đôi môi của Người.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 17

Những ngày sau đó người ta làm biến mất đến dấu vết cuối cùng của cuộc nổi loạn ghê gớm mà những bức tường bị bắn còn giữ lại những vết đẫm máu. Ngay chiều hoặc đêm hôm ấy, những kẻ mưu phản chính bị bắt giữ: Hoàng thân Troubtskoï, nhà báo Ryleyeff, Hoàng thân Oblinski, Đại úy Jacoubovitch, Trung úy Kakovski, Đại úy Stchepine Rotovski và Bestoujev, một Bestoujev khác, tùy tùng của Quận công Alexandre de Wurtemberg, sau cùng sáu mươi hoặc tám mươi người khác ít nhiều có tội vì hành động hoặc trong suy nghĩ. Vaninkoff đã tự đầu thú và Đại tá Boulatoff đã theo gương ông.

Với sự trùng hợp kỳ lạ, Pestel, theo lệnh từ Taganrog, bị bắt ở vùng trung nước Nga ngay trong ngày cuộc nổi loạn nổ ra ở Saint-Peterbourg.

Còn Serge và Apostol Mouravieff chạy trốn và động viên được sáu đại đội của trung đoàn Tchermigoff chống lại, bị tướng Roth đuổi kịp gần làng Poulogoff, huyện Vasilkoff. Sau một cuộc kháng cự vô vọng, một người tự bắn vào đầu không chết, người kia bị bắt sau khi bị thương nặng vì đạn bắn trúng sườn và vết gươm chém vào đầu.

Tất cả tù binh dù bị bắt ở bất cứ góc nào của vương quốc đều được chuyển về Saint-Peterbourg. Một hội đồng điều tra gồm bộ trưởng chiến tranh tướng Tatischeff, Đại quận công Michel, Hoàng thân Galitzine, cố vấn riêng, De Golenitcheff-Koutosoff, kế nhiệm Bá tước Milarodovitch trong việc chỉ huy lực lượng quân sự ở Saint-Peterbourg, De Tchernycheff, De Benkendroff, De Levacheff và De Potapoff bốn tùy tùng chung được Hoàng đế chỉ định và việc thẩm cứu bắt đầu được tiến hành.

Nhưng như thường lệ ở Saint-Peterbourg, mọi việc được diễn ra trong im lặng và bóng tối, không có gì lọt ra ngoài. Hơn nữa điều lạ là sau ngày có báo cáo chính thức trong quân đội tất cả những kẻ phản bội đã bị bắt hết, không còn vấn đề gì về họ nữa, như thể họ bị đơn độc, không có gia đình trên đời này, không một nhà nào đóng cửa sổ tỏ ra góa bụa, không một nét mặt ai buồn bã mang tang. Tất cả tiếp tục như không có gì xảy ra. Chỉ một mình Louise đi cầu xin và trước đó chưa có trường hợp nào như thế. Tuy ai cũng như tôi cảm thấy trong lòng một buổi sáng nào đó sẽ có một tin ghê gớm vì cuộc mưu phản bị bắt quả tang, có ý giết người, và tuy người nào cũng biết lòng tốt của Hoàng đế,

người ta biết Người không thể tha thứ cho tất cả: máu phải trả bằng máu.

Thình thoảng một tia hy vọng đâm thủng đêm tối như một luồng ánh sáng mờ và cho thấy một bằng chứng mới về lòng độ lượng của Hoàng đế. Trong danh sách những kẻ mưu phản đưa lên, Người nhận thấy một tên họ được nước Nga quý mến: Souvorov. Thật vậy cháu nội của người vinh quang chiến thắng Trétéia là một trong những kẻ mưu phản. Nicolas đọc đến tên họ này thì dừng lại, và sau một lúc im lặng, như tự nói với mình "Không nên để một tên họ đẹp đẽ như thế này bị vấy bẩn", rồi Người ngoảnh lại nhìn người đứng đầu ngành cảnh sát đến trình bản danh sách. "Đề ta – Người nói – tự thăm vấn Trung úy Souvorov".

Ngày hôm sau chàng trai được dẫn tới trước mặt Hoàng đế, nghĩ rằng Người giận dữ, dọa nạt, thì lại thấy vàng trán điềm tĩnh và hiền dịu. Không phải chỉ có thế. Với những lời nói đầu tiên của Nga hoàng, kẻ phạm tội dễ dàng thấy người ta đưa anh đến đây với mục đích gì. Tất cả những câu hỏi của Hoàng đế, với lòng ân cần cha con, được nêu ra một cách nhằm tạo cho người bị kết tội được hưởng khoan hồng. Thật thế, qua mỗi câu hỏi của Hoàng đế, anh chỉ còn cần trả lời có hoặc không. Nga hoàng ngoảnh lại nhìn những người được triệu tập đến để thăm vấn và nói "Các ông thấy rõ, nghe rõ đấy, tôi đã nói đúng, một tên họ Souvorov không thể là một kẻ nổi loạn", và Souvorov được thả ngay ra khỏi nhà tù, trả về trung đoàn và sau mấy ngày nhận được cấp bậc Đại úy.

Nhưng tất cả những người còn lại không mang họ Souvorov và dù tôi hết sức cố gắng để gọi ra cho cô đồng hương tội nghiệp một tia hy vọng mà bản thân tôi cũng không có, sự đau đớn của Louise thật sự đáng sợ. Từ ngày Vaninkoff bị bắt giữ, cô từ bỏ hoàn toàn việc tự chăm sóc mình, vào trong phòng khách nhỏ phía sau cửa hàng, đầu gục xuống đôi bàn tay, lặng lẽ để rơi lệ và chỉ mở miệng để hỏi những người, như tôi, khi được đưa vào chỗ nấu ăn: "Ông nghĩ họ có giết anh ấy không?" Rồi không cần nghe câu trả lời, cô than vãn "Chà, nếu tôi không mang thai!".

Thời gian cứ trôi qua như thế, không biết được gì về số phận những tội phạm. Hội đồng điều tra làm việc trong bóng tối, người ta cảm thấy sắp sửa đi đến một kết thúc bi kịch đẫm máu nhưng không ai nói được kết thúc ra sao và vào ngày nào.

Tuy vậy, ông De Gorgoli vốn rất tốt đối với tôi, thường trấn an tôi, nói rằng việc xét xử sẽ được biết trước mấy ngày và vẫn có thì giờ cầu xin Hoàng đế nếu Vaninkoff khôn khéo kia bị kết án tử hình.

Thật vậy, ngày 14 tháng bảy, tờ báo Saint-Peterbourg có đăng bản báo cáo của Toà án tối cao trình lên Hoàng đế. Bản báo cáo chia các mức độ tham gia âm mưu thành ba loại tội danh mà mục đích là "làm lung lay vương quốc, lật đổ những luật lệ của Nhà nước và phá hoại trật tự xã hội".

Ba mươi sáu tội phạm bị kết án tử hình, còn lại phải vào các khu mỏ và đi đày. Nhưng tiếp theo luật pháp là sự khoan hồng: án tử hình của ba mươi một người được hạ xuống thành bị đày vĩnh viễn, Vaninkoff ở trong số lãnh án tử hình được giảm án .

Năm trong số tội phạm bị tử hình: Ruleyeff, Bestoujef, Michel Serge, Mouravieff và Pestel.

Tôi lao ra khỏi nhà, chạy như một người điên, tờ báo cầm trên tay, muốn ngăn từng người một gặp trên đường để chia sẻ niềm vui và hót hải chạy đến nhà Louise không kịp thở. Tôi thấy cô cũng cầm tờ báo ấy, vừa trông thấy tôi đã lao vào cánh tay tôi, vừa khóc vừa chỉ có thể nói một câu "Anh ấy thoát rồi! Chúa ban phúc cho Hoàng đế!".

Trong lúc ích kỷ, chúng tôi quên mất những kẻ khốn khổ sắp chết cũng có một gia đình, những người yêu và bạn bè. Cử chỉ đầu tiên của Louise là nghĩ đến bà mẹ và các cô em gái mà cô biết trong lúc họ du lịch đến Saint-Peterbourg. Gia đình ấy chưa biết con trai mình sẽ không chết. Louise dự tính tờ báo chứa đựng những tin vui chỉ được chuyển đi theo chuyến bưu vụ buổi chiều nghỉ là đến Moscou chậm mất mười hai giờ. Cô hỏi tôi có biết có người nào có thể đi ngay lúc này để đưa tờ báo cho bà mẹ Vaninkoff. Tôi có một người hầu phòng thông minh và chắc chắn, tôi nhờ đi và anh chấp nhận. Chỉ còn phải có hộ chiếu. Trong nửa giờ, với sự giúp đỡ tích cực và độ lượng của ông De Gorgoli, tôi nhận được giấy tờ và Grégoire ra đi, mang theo nguồn tin hạnh phúc với một nghìn rúp làm lộ phí. Anh ta đến trước bưu vụ mười bốn tiếng đồng hồ. Bà mẹ và hai cô em gái biết được con trai mình, người anh mình đã sống sót sớm hơn mười bốn tiếng.

Grégoire trở về với một bức thư trong đó bà Bá tước già gọi Louise là con gái và hai cô em gọi là chị mình. Họ đề nghị làm ơn cho biết ngày thi hành án, ngày những tội phạm đi đày thì cô hãy gửi thư cho họ. Tôi lại bảo Grégoire chuẩn bị sẵn để lại ra đi vào một lúc nào đó. Những chuyến đi như vậy có lợi cho anh nên anh không hề từ chối.

Bà mẹ Vaninkoff cho anh một nghìn rúp cho nên qua chuyến đi đầu anh còn lại một tài sản nhỏ và mong nhân đôi lên qua chuyến thứ hai.

Chúng tôi chờ đợi ngày hành hình, không được định trước nên không ai biết và mỗi buổi sáng thành phố thức dậy mọi người nghĩ năm tội phạm đã lên máy chém rồi. Ý nghĩ chém đầu càng gây tác động mạnh vì đã sáu mươi năm nay Saint-Peterbourg không có ai bị hành hình.

Nhiều ngày trôi qua, người ta ngạc nhiên về khoảng cách giữa xét xử và thi hành án. Phải có thời gian để gọi hai đao phủ từ Đức tới.

Cuối cùng, chiều ngày 23 tháng bảy, một người Pháp trẻ đến nhà tôi, anh là học trò cũ của tôi, là tùy viên ở đại sứ quán của thống chế Marmont, tôi vẫn nhờ báo tin vì ở phía ngoại giao người ta biết công việc sớm hơn tôi. Anh đến cho biết thống chế và tùy tùng vừa được mời bốn giờ sáng hôm sau đến toà đại sứ Pháp mà cửa sổ trông ra pháo đài. Chắc chắn họ sẽ tham dự buổi hành hình.

Tôi chạy đến nhà Louise thông báo tin này và cô lại lo sợ. Họ tên Vaninkoff ở trong danh sách những người đi đày thay vì trong danh sách tử hình có sai lầm gì không? Việc giảm án phải chăng là một tin giả để việc hành hình bớt gây náo động trong dân chúng thành phố và hôm sau liệu cô có vỡ lẽ ra trước ba mươi sáu thi thể thay vì chỉ có năm? Tôi trấn an cô. Tôi có nhiều nguồn cho biết tất cả đúng như trong tờ báo đã đăng, người ta còn nói thêm lời cầu xin Hoàng đế và Hoàng hậu của Louise

hôm quỳ trên Đại lộ cũng có lợi cho việc giảm án của tội phạm.

Tôi rời Louise một lúc, hứa sẽ trở lại ngay, để đi một vòng quanh pháo đài xem việc chuẩn bị. Tôi chỉ thấy những người của toà án vừa ở trong pháo đài đi ra, nhưng thế là đủ. Các lực sự vừa đến thông báo bản án cho tội phạm. Chắc chắn việc thi hành án bắt đầu vào ngày hôm sau.

Chúng tôi cử ngay Grégoire đi Moscou đưa lá thư mới của Louise cho bà mẹ Vaninkoff. Như vậy chúng tôi biết tin trước hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Nửa đêm Louise đề nghị tôi đi với cô đến chỗ pháo đài. Không trông thấy Vaninkoff, cô muốn ít nhất lúc xa cách nhau, nhìn lại những bức tường giam giữ anh.

Chúng tôi thấy cầu Trinité có lính gác, không có người đi qua. Một băng chúng mới không có gì thay đổi về bản án. Đứng bên này sông Neva, chúng tôi nhìn về phía pháo đài. Một lúc sau thấy có ánh đèn trên nền đất rộng rồi những bóng người đi qua mang những vật cồng kềnh: người ta đang dựng giàn treo cổ.

Chỉ có chúng tôi đứng lại bên bến cảng, không ai ngờ hoặc tỏ ra ngờ có chuyện gì đang được chuẩn bị. Những chiếc xe muôn màng chạy qua rất nhanh, đèn ánh lên như đôi mắt rùng. Vài con thuyền lướt trên sông Neva rồi dần dần biến mất hoặc đi vào những con kênh hay những nhánh sông, im lặng hoặc ồn ào. Chỉ có một chiếc đậu lại như thả neo, không có tiếng gì ở đấy bay ra, vui hay buồn. Có lẽ trong đó cũng có bà mẹ, chị em, hoặc người vợ nào đó, chờ đợi như chúng tôi.

Đến hai giờ sáng, một đội tuần tra buộc chúng tôi phải ra về.

Chúng tôi về nhà Louise. Không phải chờ lâu vì cuộc hành quyết sẽ bắt đầu lúc bốn giờ. Tôi ngồi lại với cô một tiếng rưỡi nữa rồi lại ra đi.

Đường phố Saint-Peterbourg hoàn toàn vắng vẻ ngoại trừ vài nông dân có vẻ không biết sẽ xảy ra chuyện gì. Chỉ một ánh sáng mờ xuất hiện và làn sương mù nhẹ từ sông bốc lên, vờn qua như một tấm kếp mỏng màu trắng giữa hai bờ sông Neva. Đến góc phố, chỗ đại sứ quán Pháp, tôi thấy thống chế Marmont bước vào trong đấy với một phái đoàn khác thường, một lúc sau họ có mặt trên ban công.

Có mấy người dừng lại như tôi trên bến cảng không phải vì đã biết việc gì sẽ xảy ra mà do cầu Trinité bị quân đội canh gác, họ không sao sang được các hòn đảo. Họ ngần ngại lo lắng, nói nhỏ với nhau không biết ở lại đây có nguy hiểm gì không. Riêng tôi, tôi quyết định sẽ đứng ở đây cho đến khi người ta đuổi tôi đi.

Mấy phút sau bốn giờ, một đám lửa bùng lên làm tôi chú ý đến một điếm của pháo đài. Cùng lúc ấy sương mù bắt đầu tan, nổi lên trên nền trời năm cái giá treo cổ. Năm cái giá treo cổ ấy được dựng trên một chiếc máy mà sàn dưới mở ra được như một cái bẫy sập dưới chân nạn nhân.

Đúng bốn giờ, những người bị đi đày lên nền rộng của tường thành, xếp hàng chung quanh giàn treo cổ. Họ mặc quân phục ngày lễ với cầu vai, huy chương, huân chương, binh lính cầm gươm. Tôi nhìn

kỹ để nhận ra Vaninkoff giữa đám người khốn khổ ấy nhưng vì khoảng cách quá xa tôi không cách gì nhận ra được.

Bốn giờ hơn, năm người bị tử hình bước lên máy treo cổ, họ mặc áo khoác xám và trên đầu đội mũ trắng. Chắc họ từ những ngục tối khác nhau đi tới vì khi họp lại với nhau người ta cho phép họ ôm hôn nhau.

Lúc ấy có một người đến nói chuyện với họ. Hầu như ngay lúc ấy có tiếng "hourrah!" vang lên. Lúc đầu chúng tôi không biết vì sao, sau này nghe người ta nói, không biết có đúng không, người ấy khuyên họ xin gia ân để được sống nhưng họ trả lời bằng những tiếng hô "Nước Nga muôn năm!" "Tự do muôn năm!" Những tiếng hô bị át đi bởi tiếng "Hourrah!" của những người chứng kiến. Người kia lui ra và đao phủ tiến lại gần. Những người bị kết án bước lên mấy bước, người ta quàng dây quanh cổ và hạ chiếc mũ trắng xuống che mắt họ.

Đồng hồ điểm đúng bốn giờ mười lăm phút.

Chuông còn ngân thì sàn gỗ đã hụt hẳn dưới chân nạn nhân. Cùng lúc có tiếng ồn ào, binh lính chạy tới giàn treo cổ. Một tiếng rên rỉ như phát ra từ không trung, vài tiếng kêu không rõ vang đến tận chỗ chúng tôi đứng. Tôi tưởng là có nỗi loạn.

Hai chiếc dây đứt, hai nạn nhân bị rơi xuống đáy sàn gỗ, một người gãy đùi, một người gãy tay. Do đó có sự ồn ào và xúc động. Còn những người kia vẫn chết.

Người ta bắc thang xuống đáy sàn, đưa những nạn nhân lên để nằm xuống vì họ không đứng được. Một người ngoảnh lại nói với người kia:

- Anh thấy không, một dân tộc nô lệ thì còn làm được việc gì. Thậm chí treo cổ một người cũng không biết làm.

Trong lúc đưa họ lên người ta đã chuẩn bị dây mới nên họ không phải chờ lâu. Đao phủ bước đến bên họ, và tự mình cố gắng, họ bước đến trước giá treo cổ. Khi người ta sắp quàng dây vào cổ họ, họ hô lên lần cuối thật to "Nước Nga muôn năm! Tự do muôn năm! Những người trả thù cho chúng tôi hãy sẵn sàng!" Tiếng kêu ghê rợn lặng chìm không có tiếng vang. Những người hô lên tiếng kêu ấy đã đánh giá sai thời đại, họ lầm lẫn mất một thế kỷ.

Khi người ta báo với Hoàng đế sự cố ấy, Người bực bội giẫm chân kêu lên:

- Tại sao không đến nói với ta việc đó? Bây giờ ta có vẻ nghiêm khắc hơn cả Chúa trời.

Nhưng chẳng ai lúc đó dám hoãn việc hành hình và năm phút sau tiếng hô, hai nạn nhân chết theo ba người bạn kia của họ.

Rồi đến những người bị đi đày, người ta đọc to bản án tước đi của họ mọi thứ trên đời này: hàng ngũ, khen thưởng, tài sản, gia đình, rồi những người thừa hành lại gần lần lượt lột đi những cầu vai, huân chương, huy chương, vút vào trong lửa miệng kêu lên "Đấy! những cầu vai của một tên phản bội! Những huân chương, huy chương của một tên phản bội!"

Xong việc ấy họ lấy bất kỳ trong đồng áo choàng vải xám như của dân chúng trùm vào những người bị đi đày sau khi lột hết quần phục của họ rồi đưa họ xuống một bậc thang đưa từng người về ngục tối của họ.

Nền đất rộng lại trở nên vắng vẻ, chỉ còn một người lính gác, năm giá treo cổ và năm xác người bị hành quyết treo ở đây.

Tôi trở về nhà Louise, thấy cô đang khóc, quỳ gối cầu nguyện.

- Thế nào rồi? – cô hỏi.
- Thế này – tôi trả lời – Những người phải chết đã chết, những người phải sống sẽ sống.

Louise cầu nguyện cho xong, mắt ngược lên trời với vẻ biết ơn vô hạn.

Khi cầu nguyện xong cô hỏi tôi:

- Từ đây đến Tobolsk bao xa?
- Khoảng gần tám trăm dặm – tôi trả lời.
- Ít hơn tôi tưởng. Xin cảm ơn.

Tôi im lặng đứng nhìn cô một lúc rồi hiểu ý cô:

- Tại sao cô hỏi tôi điều ấy? – tôi hỏi.
- Thế nào? Ông không đoán được sao?
- Nhưng trong lúc này, cô không thể, Louise, cô nên nghĩ cô đang trong tình trạng như thế nào.
- Ông bạn, ông yên tâm, tôi biết người mẹ phải đối với đứa con ra sao cũng như đối với người cha như thế nào, tôi sẽ chờ.

Tôi nghiêng mình trước người đàn bà này, hôn tay cô cung kính như hôn tay một bà hoàng.

Trong đêm những người đi đày ra đi và máy treo cổ biến mất đến nỗi khi trời sáng không còn dấu tích gì về việc đã xảy ra và những người thờ ơ có thể nghĩ mình đã qua một giấc mộng.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 18

Không phải không có lý do mà bà mẹ và hai cô em gái muốn biết trước ngày thi hành án. Những người bị đi đày từ Saint-Peterbourg đến Tobolsk phải đi qua Iaroslavl, cách Moscou khoảng sáu mươi dặm vì vậy bà mẹ và hai cô em hy vọng gặp con trai, anh trai mình ở đó.

Lần này cũng như lần trước, ba người phụ nữ niềm nở tiếp Grégoire, họ đã sẵn sàng mười lăm ngày nay, đã có giấy thông hành, chỉ kịp cảm ơn người đưa tin rồi lên ngay một chiếc xe đi Iaroslavl.

Ở Nga, những chuyến đi thường chóng vánh, buổi sáng còn ở Moscou, bà mẹ và hai cô em đến Iaroslavl vào buổi tối, họ rất mừng khi biết những chiếc xe chở tù chưa đi qua đây. Sợ ở trong thành phố dễ bị nghi ngờ và những người gác càn nguyên tắc, họ đi ngược lên trên Mologa, dừng chân ở một ngôi làng nhỏ. Cách đây khoảng ba nghìn mét có một ngôi nhà tranh, những người bị lưu đày phải NGHỈ để lấy sức đi tiếp. Binh lính áp giải được lệnh không được nghỉ trong thành phố hay trong làng. Mẹ con họ đã sắp đặt đầy tớ ở mỗi chặng để thông báo cho họ khi những chiếc xe tù đến gần.

Sau hai ngày, một trong những người đầy tớ chạy về báo cho bà Bá tước già biết toán đầu của những người lưu đày gồm năm xe vừa đến chỗ ngôi nhà tranh và người đội trưởng vừa cử hai người trong đội của mình vào làng để tìm ngựa thay thế.

Bà Bá tước lên xe, ngựa phóng nhanh đến chỗ ngôi nhà, dừng lại và bà chăm chú nhìn không thấy Vaninkoff trong toán này.

Sau mười lăm phút, ngựa được đưa đến và những người đi đày tiếp tục lên xe đi.

Nửa giờ nữa toán thứ hai cũng tới, cũng dừng lại trước ngôi nhà, hai người đi vào làng tìm ngựa và cũng như lần trước, thay ngựa xong, những người tù lại lên xe đi rất nhanh, tất cả khoảng nửa giờ chờ đợi. Vaninkoff cũng không có trong toán này. Dù rất muốn gặp, bà Bá tước vẫn mong con mình ở trong toán đến chậm nhất, hy vọng ngựa bị những toán đầu lấy đi sẽ thiếu, người ta phải vào thành phố để đổi, sự nghỉ ngơi vì thế sẽ kéo dài hơn tạo thuận lợi cho kế hoạch của bà mẹ. Tất cả phù hợp với mong muốn ấy: ba toán đầu đi qua không có Vaninkoff, toán sau đó dừng lại bốn mươi lăm phút vì ở Iaroslavl cũng khó tìm được ngựa.

Những toán trước vừa đi thì toán thứ sáu đến: bà mẹ và hai cô em tự nhiên nắm lấy tay nhau, hình như trong không khí có cái gì đó báo trước người con, người anh của họ đang tới.

Đoàn xe xuất hiện trong bóng tối. Một sự run rẩy ngoài ý muốn xâm chiếm lấy những người phụ nữ, họ ôm lấy nhau khóc.

Vaninkoff từ chiếc xe thứ ba bước xuống. Mặc dù trời tối, tuy mặc bộ quần áo bản thiu, bà Bá tước và hai cô em gái vẫn nhận ra người thân của mình. Ông đi đến ngôi nhà, một cô em buột miệng gọi nhưng bà mẹ bịt miệng cô lại. Vaninkoff cùng các bạn bước vào trong nhà.

Những người tù lần lượt xuống xe cùng vào trong đó. Người chỉ huy toán áp tải ra lệnh ngay cho hai người lính đi tìm ngựa, người ta bảo tại các trạm đều thiếu ngựa nên rút cuộc ông phân tán người của mình đi khắp chung quanh, nhân danh Hoàng đế, chiếm lấy những con ngựa tìm được. Những người lính tuân lệnh, một mình ông ở lại với những người lưu đày.

Hoàn cảnh đơn độc này, ở những nơi khác sẽ là thiếu khôn ngoan, nhưng ở Nga thì không hề gì. Ở trong vương quốc bao la của Nga hoàng, những kẻ đã bị kết tội không chạy trốn đi đâu được, chạy không quá một trăm cây số họ đã bị bắt, chạy chưa đến biên giới họ đã chết đói.

Chỉ huy đoàn xe, đội trưởng Ivan ở lại một mình, ông đi lại trước cửa ngôi nhà, chiếc roi cầm tay đập đập vào chiếc quần da, thỉnh thoảng dừng lại nhìn chiếc xe đã tháo ngựa trên con đường lớn.

Một lát sau cửa xe mở ra, ba người đàn bà bước xuống như ba cái bóng tiến lại gần ông. Người đội trưởng dừng lại, không hiểu họ muốn gì.

Bà Bá tước chấp tay bước tới, hai cô con gái lùi lại đằng sau một chút.

- Thưa ông Đội trưởng – bà Bá tước nói – ông có chút tình thương hại nào không?
- Bà Bá tước muốn gì? – ông Đội trưởng hỏi, ông nhận ra bà qua cách nói và ăn mặc của người nói chuyện với mình.
- Tôi muốn hơn cả cuộc sống của tôi, thưa ông, tôi muốn gặp đứa con trai ông đang dẫn đi Sibérie.
- Điều ấy không thể được, thưa bà. Tôi được lệnh rất nghiêm khắc không để cho tù nhân tiếp xúc với ai cả, nếu vi phạm tôi sẽ bị tội rất nặng.
- Nhưng có ai biết ông vi phạm, thưa ông? – bà mẹ kêu lên còn hai cô con gái đứng im như tượng phía sau lưng bà cùng chấp tay một cách máy móc để khẩn cầu người Đội trưởng.
- Không được, thưa bà. Không được! – ông này nói.
- Mẹ ơi! – Alexis mở cửa ngôi nhà kêu lên – Đúng là mẹ rồi! Con nhận ra giọng nói của mẹ! – và ông lao vào tay bà mẹ.

Ông Đội trưởng định ngăn Bá tước lại nhưng hai cô em gái chạy tới, một người quỳ xuống ôm đầu gối ông, người kia ôm ngang lưng, hất đầu chỉ hai mẹ con đang ôm hôn nhau.

- Ò! Ông thấy đấy! Ông thấy đấy!

Đội trưởng Ivan là người độ lượng. Ông thở ra một hơi dài và hai cô gái hiểu là ông đã nhượng bước.

Bà Bá tước gỡ tay con trai ra, đưa cho ông Đội trưởng một túi vàng:

- Ông bạn, ông cầm lấy, nếu ông vì chúng tôi mà bị phạt thì ông được khen thưởng.

Ông Đội trưởng nhìn túi vàng bà Bá tước đưa ra, lắc đầu, thậm chí không đụng đến sợ bị quá ham muốn:

- Không, thưa bà Bá tước, không – ông nói – nếu tôi không làm đúng nhiệm vụ thì đây là lời bào chữa – và ông chỉ vào hai cô gái đang đầm đìa nước mắt – tôi sẽ trình bày với người xét xử tôi. Nếu người xét xử không chấp nhận, tôi sẽ trình bày với Chúa và Chúa sẽ chấp nhận.

Bà Bá tước nắm tay người đàn ông ấy hôn. Hai cô gái chạy lại với anh.

- Xin nghe đây – ông Đội trưởng nói – Chúng ta còn hơn nửa giờ chờ ngựa thay thế. Các bà và ông không thể vào trong nhà vì còn có những người khác, cũng không thể đứng mãi trên đường, cả bốn người cứ lên xe bỏ màn xuống, sẽ không ai thấy và ít nhất cũng có cơ may người ta không biết việc đại dột tôi đã làm.
- Xin cảm ơn ông Đội trưởng – Alexis đến lượt chảy nước mắt nói – Nhưng ông cầm lấy túi

vàng...

- Ông giữ lấy, Trung úy – Ivan trả lời nhỏ giọng, đã quen gọi thoe cấp bậc mà Vaninkoff đã bị tước đi – ông giữ lấy, đến đây ông cần hơn tôi ở đây.

- Nhưng đến nơi người ta sẽ lục soát tôi.

- Lúc ấy tôi sẽ cầm và trả lại ông sau.

- Ông bạn của tôi...

- Suyt! Suyt! Có tiếng ngựa phi! Tất cả lên xe, quý quá thật! Nhanh lên! Chắc có người lính nào trở lại bảo không tìm được ngựa, tôi sẽ cử anh ta đến một chỗ khác. Vào chỗ ngồi đi.

Người Đội trưởng đẩy Vaninkoff vào xe, bà mẹ và hai cô em gái vào theo, rồi ông đóng tấm ngăn lại.

Họ ở với nhau một giờ như vậy, lẫn lộn vui mừng và đau đớn, cười và khóc, giờ thiêng liêng như trước cái chết, vì họ nghĩ sẽ chia tay và không gặp lại. Bà mẹ và hai cô em kể lại vì sao họ biết việc giam giữ trước mười hai tiếng đồng hồ và ngày xuất phát trước hai mươi bốn tiếng, do vậy họ phải gặp lại Louise. Vaninkoff nhìn lên trời lẩm bẩm tên cô như một vị thánh.

Một giờ trôi qua nhanh như một giây, ông Đội trưởng tới mở cửa xe:

- Ngựa các nơi đã về tới, bốn người phải chia tay nhau thôi.

- Ồ! Để cho một lúc nữa – những người đàn bà đồng thanh đề nghị còn Alexis quá tự kiêu không muốn xin xỏ cấp dưới, ngồi im lặng.

- Không một giây nào nữa hoặc các người làm hại tôi – Ivan nói.

- Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! – Lẫn lộn những tiếng nói và những cái hôn.

- Này – ông đội trưởng cảm động nói – bốn người có muốn gặp lại nhau một lần nữa không?

- Ồ! Có! Có!

- Ba người đi trước đi, đến chờ ở trạm thay ngựa tiếp sau, trời tối chẳng ai trông thấy, các người còn gặp nhau được một giờ nữa. Hai lần tôi cũng không bị trừng phạt nặng hơn một lần.

- Ồ! Ông sẽ không bị trừng phạt đâu! – Ba người đàn bà kêu lên – Ngược lại Chúa sẽ ban thưởng cho ông.

- Hừm! Hừm! – Ông đội trưởng nghi ngờ trả lời, kéo người tù trong xe đang có phần muốn nán lại. Nhưng rồi tự mình nghe tiếng ngựa phi, Alexis vội vàng chia tay mẹ, lại ngồi trên một tảng đá ngoài cửa ngôi nhà để các bạn đường nghĩ ông ngồi đây suốt thời gian vắng mặt.

Chiếc xe của bà Bá tước, ngựa đã được nghỉ, phóng đi như chớp, chỉ dừng lại ở Iaroslavl và Kostroma, gần một mái nhà lẻ loi như ngôi nhà trước đó và họ thấy toán xe đi trước toán của Bá tước Alexis vừa ra đi. Họ cho tháo ngựa, cho người đánh xe đi mua ngựa, dặn mua bằng bất cứ giá nào. Còn họ hy vọng gặp lại người con trai, người anh một lần nữa, họ đứng cô độc trên con đường lớn và chờ đợi.

Việc chờ đợi thật tàn nhẫn. Sốt ruột, bà Bá tước nghĩ cần thúc ngựa chạy nhanh để đến gần con nên đến trước toán xe kia gần một tiếng đồng hồ. Giờ đây thời gian như gần một thế kỷ, hàng nghìn ý nghĩ khác nhau, hàng nghìn nỗi lo sợ mơ hồ, lần lượt kéo đến làm những con người khốn khổ ấy khắc khoải. Cuối cùng họ bắt đầu thấy tiếng xe lăn và tiếng roi quất của những người đánh xe. Họ nhìn ra thấy rõ toán xe tiến lại trong bóng tối. Con tim họ như bị thắt trong kim sắt, giã hẳn ra. Sự việc diễn ra ở trạm thay ngựa lần này tràn đầy hạnh phúc như lần trước. Như có phép lạ, những người tưởng chỉ gặp lại nhau trên đời lại có thêm bốn mươi lăm phút bên nhau. Trong bốn mươi lăm phút ấy người mẹ tội nghiệp viết vội một bức thư rồi để kỷ niệm lần cuối gặp con, bà cho đưa con trai chiếc nhẫn rút ở ngón tay ra. Anh em, mẹ con ôm hôn con lần cuối vì đã quá khuya, ông đội trưởng không cho phép họ cố gặp nhau lần thứ ba nữa. Alexis lên lại chiếc xe đưa ông tới đầu địa cầu, đi qua dãy núi Ourals, phía hồ Tchany, cả toán xe âm u lướt gần chiếc xe trong đó người mẹ và hai cô gái đang khóc rồi lao vào trong bóng tối.

Bà Bá tước trở về Moscou gặp lại Grégoire bà đã bảo chờ ở đấy. Bà đưa cho anh một mảnh giấy chuyên cho Louise mà Vaninkoff trong lúc dừng lại ở trạm thứ hai viết bằng bút chì, gồm mấy dòng: "Anh đã không nhầm: em là một thiên thần. Anh không thể làm gì cho em được nữa ngoài việc yêu em như một người vợ và tôn sùng em như một vị thánh. Anh giao phó con của chúng ta cho em.

Vĩnh biệt,

Alexis"

Mảnh giấy kèm theo bức thư của bà mẹ Vaninkoff mời Louise lên với bà ở Moscou, bà chờ cô như một người mẹ chờ con gái.

Louise hôn mảnh giấy của Alexis rồi lắc đầu khi đọc xong bức thư của bà mẹ:

- Không – cô nói với nụ cười buồn của cô – tôi sẽ không đi Moscou, chỗ của tôi ở nơi khác.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 19

Thật vậy, từ lúc ấy Louise kiên trì theo đuổi dự định đến với Alexis ở Tobolsk.

Cô mang thai, không đầy hai tháng nữa thì sinh, do muốn đi ngay sau khi sinh, cô không để mất một phút chuẩn bị.

Những chuẩn bị ấy nhằm đổi sang tiền những gì cô sở hữu, cửa tiệm, đồ đạc, vật trang sức. Người ta biết đang lúc cô cần, việc mua bán chỉ bằng một phần ba giá trị, nhờ việc mua bán của cái ấy cô gom

được một số tiền gần ba mươi ngàn rúp, rời bỏ ngôi nhà ở Đại lộ rút về sống ở một ngôi nhà trên bờ kênh Moïka.

Còn tôi, tôi nhờ ông De Gorgoli, người giúp đỡ tôi và ông hứa, đến lúc cần sẽ xin Hoàng đế cho phép Louise đến với Alexis.

Tiếng đồn về dự định ấy lan ra trong thành phố Saint-Peterbourg và ai cũng khen sự tận tụy của người đàn bà Pháp trẻ nhưng họ cũng nói đến lúc đi rồi cô sẽ cảm thấy thiếu quyết tâm. Chỉ có tôi, hiểu rõ Louise, biết là cô sẽ không như thế.

Cuối cùng tôi là người bạn duy nhất của cô, đúng hơn là hơn thế, tôi là người anh của cô. Những lúc rảnh rỗi tôi đến với cô và suốt thời gian chúng tôi ở bên nhau, chúng tôi chỉ nói về Alexis.

Đôi khi tôi muốn cô từ bỏ ý định ấy mà tôi cho là điên rồ. Cô bèn nắm tay tôi, nhìn với một nụ cười buồn "Ông biết đấy – cô nói – khi không ra đi vì tình yêu thì tôi phải ra đi vì bổn phận. Không phải vì chán đời, vì tôi không trả lời thư mà anh ấy tham gia vào cuộc âm mưu đó sao? Nếu tôi nói yêu anh sáu tháng sớm hơn, anh ấy sẽ phấn khởi trong cuộc sống hơn và ngày nay không bị lưu đày. Ông thấy tôi cũng có tội như anh ấy, do đó vì lẽ công bằng tôi phải chịu hình phạt như anh ấy". Lúc ấy tôi thấy nếu ở vị trí của cô ấy tôi cũng sẽ hành động như cô. Tôi trả lời "Vậy cô cứ đi, mong rằng ý muốn của Chúa được thực hiện!"

Vào những ngày đầu tháng chín, Louise sinh một đứa con trai.

Tôi muốn cô viết thư cho Bá tước Vaninkoff báo tin ấy nhưng cô trả lời:

- Dưới con mắt của xã hội, con tôi không có họ, do đó không có gia đình. Nếu bà mẹ Vaninkoff đòi hỏi tôi sẽ trao cho bà vì không muốn đưa con đi trong một hành trình như thế, vào một lúc như thế. Nhưng nếu bà từ chối chắc chắn tôi sẽ không giao lại con tôi.

Cô gọi người vú nuôi đưa con lại cho cô hôn và chỉ cho tôi thấy đứa bé giống bố nó đến mức nào. Nhưng bà mẹ Vaninkoff được tin Louise sinh con liền viết thư bảo khi nào vừa bình phục cô đến ngay với bà cùng đứa bé. Bức thư ấy làm tan mọi ngần ngại về số phận của đứa con làm cô lo lắng. Từ đó cô yên tâm và không có gì phải chờ đợi.

Tuy vậy dù Louise muốn đi càng sớm càng tốt, những xúc động trong lúc mang thai có ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe nên cô hồi phục chậm hơn. Từ lâu cô làm ra vẻ đã khỏe nhưng thầy thuốc bảo còn quá yếu chưa thể lên đường. Điều ấy không ngăn cản cô nếu được tự do rời bỏ Saint-Peterbourg nhưng giấy phép do tôi xoay sở nên cô phải tùy theo ý tôi.

Một buổi sáng có tiếng gõ cửa ở phòng tôi. Louise mặt mày rạng rỡ lao vào cánh tay tôi:

- Anh ấy thoát rồi! – cô bảo.
- Thoát? Ai vậy?
- Anh ấy! Anh ấy! Alexis!
- Thế nào? Thoát ư? Không thể được.

- Đây, ông xem.

Cô đưa cho tôi một bức thư chữ viết của Bá tước và thấy tôi ngạc nhiên, cô giục:

- Ông đọc đi! Ông đọc đi!

Và một mối vui mừng, cô buông mình xuống một chiếc ghế. Tôi đọc:

"Louise thân yêu của anh,

Em hãy tin vào người đưa thư này như tin vào chính anh vì đây còn hơn là một người bạn, là một cứu tinh.

Anh lâm bệnh vì đi đường mệt mỏi, dừng lại ở Perm và may mắn gặp được người em của cai tù, một đầy tớ cũ của gia đình. Nhờ anh ấy xin xỏ, thầy thuốc tuyên bố anh quá yếu không tiếp tục đi được và quyết định trong mùa đông anh phải ở lại Perm. Anh viết thư cho em ở đây.

Tất cả đã chuẩn bị để cho anh trốn thoát, cai tù và người em cùng trốn với anh. Anh phải chi phí cho họ những gì họ đã làm cho anh và những hiểm nguy họ đi theo anh. Em hãy đưa cho người đưa thư không chỉ tất cả tiền mặt em có mà cả những vật trang sức của em nữa.

Anh biết em yêu anh và hy vọng em sẽ không mặc cả về cuộc sống của anh. Khi đã được tự do, anh sẽ viết thư ngay để em đến với anh.

Bá tước Vaninkoff"

- Thế nào? – tôi hỏi sau khi đọc bức thư lần thứ hai.

- Sao? Ông không thấy sao?

- Có chứ, một kế hoạch bỏ trốn.

-Ồ! Anh ấy sẽ thành công.

- Và cô đã làm gì?

- Ông còn hỏi ư?

- Sao? Cô đã đưa cho một người lạ?

- Tất cả những gì tôi có. Alexis chẳng nói hãy tin vào người này như tin vào chính anh ấy?

- Nhưng – tôi nhìn thẳng vào cô chậm rãi từng lời – cô có chắc thư này là của Alexis không?

Đến lượt cô nhìn thẳng vào tôi:

- Vậy thì của ai? Kẻ khôn nạn nào đã hèn hạ lợi dụng nỗi đau của tôi?

- Nếu người ấy là?...- tôi không dám nói ra điều ấy, tôi có một linh tính, tôi run.

- Ông nói đi – Louise cũng tái mặt bảo.

- Nếu người ấy là một tên lừa đảo đã giả dạng chữ viết của Bá tước?

Louise kêu lên một tiếng, giật lấy bức thư ở tay tôi.

-Ồ! Không! Không! – cô nói to như thế để tự trấn an mình – Không! Tôi biết rõ chữ viết của anh ấy và không lầm đâu!

Thế nhưng lúc đọc lại bức thư, cô tái xanh mặt.

- Cô có bức thư nào khác của Bá tước ở đây không?
- Đây – cô nói với tôi – mảnh giấy anh ấy viết bằng bút chì. Chữ viết đúng thể nhưng hơi run tỏ rõ sự ngần ngại.
- Cô tưởng – tôi bèn bảo cô – Bá tước viết cho cô chăng?
- Sao lại không cho tôi? Chẳng phải tôi là người anh ấy yêu nhất trên đời ư?
- Vâng, đúng thế, để đòi hỏi tình yêu, đề nghị một tận tụy nào đó, Bá tước sẽ viết cho cô, nhưng về tiền, ông sẽ viết cho mẹ.
- Nhưng những gì tôi có không phải của anh ấy sao? Không do anh ấy mà có sao? – Louise trả lời giọng mỗi lúc càng chán ngán.
- Chắc chắn thế, tất cả những cái đó là do ông ấy tạo dựng, nhưng hoặc tôi không biết rõ Bá tước Vaninkoff hoặc, tôi nhắc lại, bức thư ấy không phải do ông ấy viết.
- Ô! Ba mươi ngàn rúp ấy là tài sản duy nhất của tôi! Nguồn sống, hy vọng duy nhất của tôi!
- Thường trong các bức thư gửi cho cô, ông ấy ký tên như thế nào? – tôi hỏi.
- Luôn là Alexis và chỉ đơn giản có thế.
- Bức thư này, cô thấy đấy, ký là Bá tước Vaninkoff.
- Đúng vậy – Louise sợ hãi xác nhận.
- Cô có biết người kia bây giờ ở đâu không?
- Anh ta nói vừa đến Saint-Peterbourg tối hôm qua và sẽ trở lại Perm ngay.
- Phải viết đơn tố cáo với cảnh sát! Chà! Nếu ông De Gorgoli còn là người đứng đầu ở đây!
- Nhưng nếu chúng ta làm? – Louise bảo tôi – nếu người kia không phải là một kẻ lừa đảo mà thực sự muốn cứu Alexis? Thế là do nghi ngờ, sợ mất mấy chục ngàn rúp, tôi ngăn cản việc anh ấy trốn thoát, lần thứ hai là nguyên nhân sự lưu đày vĩnh viễn của anh ấy? Thôi, cứ để mặc may rủi. Còn tôi, tôi sẽ làm theo điều kiện của mình, ông đừng lo cho tôi. Tôi chỉ muốn biết anh ấy có thực sự ở Perm không.
- Đây, tôi nghe nói lính áp giải những người tù đã trở về mấy ngày rồi. Tôi có quen một trung úy hiến binh, tôi sẽ đi tìm anh ta hỏi xem. Cô chờ tôi ở đây.
- Không, không, tôi đi theo ông.
- Cô phải giữ mình cẩn thận. Trước hết cô chưa thật khoẻ để có thể đi ra ngoài, vừa rồi lại là một việc thiếu khôn ngoan trầm trọng. Và lại có cô tôi không hỏi thêm được các chi tiết.
- Thế thì ông cứ đi và trở về thật nhanh. Ông hãy nghĩ tôi đang chờ và vì sao tôi chờ. Tôi sang phòng khác vội thay quần áo, xuống đã có xe đang chờ và hai mươi phút sau tôi có mặt ở nhà Trung úy hiến binh Soloviev, một trong những học trò của tôi. Đúng là đoàn áp giải đã trở về được ba ngày nay nhưng viên trung úy chỉ huy có thông tin chính xác thì đang đi nghỉ phép sáu tuần về gia đình ở Moscou. Thấy tôi thất vọng, Soloviev tỏ ra sốt sắng giúp

đỡ tôi dù là việc gì, tôi bèn thú nhận nguyện vọng biết được tin tức của Bá tước Vaninkoff. Ông bảo viên đội chỉ huy toán đi lưu đày có Vaninkoff thuộc về đại đội ông và cho đi gọi Đội trưởng Ivan tới gặp.

Mười phút sau viên đội bước vào, một trong những gương mặt lính nửa nghiêm khắc nửa vui vẻ, không bao giờ cười thoải mái nhưng không ngớt mỉm cười. tuy không biết ông ta đã làm gì cho bà Bá tước và các cô con gái, nhưng nhìn qua tôi đoán ông đã giúp đỡ bà. Tôi đến hỏi khi ông vừa vào:

- Ông là viên đội Ivan?
- Sẵn sàng phục vụ ngài – ông trả lời.
- Chính ông chỉ huy toán xe lưu đày thứ sáu?
- Chính tôi.
- Bá tước Vaninkoff thuộc về toán ấy, đúng không?
- Hừm! hừm! – ông đội trưởng trả lời âm ừ, không biết câu hỏi này sẽ đi đến đâu.

Tôi thấy ông bối rối bèn nói:

- Ông đừng ngại gì, tôi là một người bạn có thể hy sinh mạng sống cho ông ấy. Thiết tha đề nghị ông cho tôi biết sự thật.
 - Ông muốn biết điều gì? – ông ta vẫn có thái độ đề phòng.
 - Bá tước dọc đường đi có đau ốm gì không?
 - Không lúc nào.
 - Ông ấy có dừng lại ở Perm không?
 - Thậm chí cũng không dừng lại để thay ngựa.
 - Vậy là vẫn tiếp tục cuộc hành trình à?
 - Cho đến Koslovo, tôi hy vọng vào giờ này ở đây ông ấy vẫn mạnh khoẻ như ông và tôi.
 - Koslovo là chỗ nào?
 - Một ngôi làng nhỏ xinh xắn trên bờ sông Irtych, đi quá Tobolsk gần hai mươi dặm.
 - Ông chắc chắn thế chứ?
 - Tất nhiên! Tôi nghĩ thế, người phụ trách đã biên nhận mà hôm kia khi trở về tôi đã nộp lên ngài cảnh sát trưởng.
 - Vậy là việc đau ốm, dừng lại ở Perm chỉ là chuyện bịa?
 - Đúng vậy.
 - Xin cảm ơn, ông bạn.
- Bây giờ đã biết chắc, tôi đến gặp ông De Gorgoli kể lại chuyện đã xảy ra. Ông hỏi:
- Ông nói cô gái ấy quyết định đến với người yêu ở Sibérie?
 - Ô lạy Chúa! Vâng, thưa ngài.
 - Dù không còn tiền nữa?

- Dù không còn tiền.
 - Thế thì ông chuyển lời tôi, cô ấy sẽ được đi.
- Tôi về nhà, Louise đang ở trong phòng, thấy tôi cô liền hỏi ngay:
- Thế nào?
 - Thế này – tôi trả lời – có cái tốt và có cái xấu trong điều tôi kể lại với cô. Ba mươi nghìn rúp của cô đã bị mất. Bá tước không ốm đau gì, đang ở Koslovo, không có cơ may bỏ trốn được. Nhưng cô được phép đến với ông ấy.
 - Đây là tất cả những gì tôi mong muốn, có điều ông xin giấy phép cho tôi càng sớm càng tốt. Tôi hứa và cô ra về an tâm một phần do nghị lực rất lớn và quyết định rất dứt khoát. Khỏi phải nói khi cô ra về tôi đã đưa cho cô những gì mình có, nghĩa là hai, ba nghìn rúp vì cách đây một tháng không biết sẽ cần tiền nên tôi đã gửi về Pháp số tiền để dành được từ khi đến Saint-Peterbourg.
- Buổi chiều lúc tôi còn ở nhà Louise, người ta bảo có một viên tùy tùng của Hoàng đế, đến đưa một bức thư cho phép tiếp kiến vào mười một giờ sáng hôm sau, ở cung điện Mùa Đông. Vậy là ông De Gorgoli đã thực hiện vượt xa cả lời hứa.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 20

Tuy thư cho tiếp kiến là một điềm báo trước tốt đẹp, Louise vẫn trải qua một đêm đầy lo lắng sợ hãi. Tôi ở lại với cô đến một giờ sáng, cố làm cho cô yên lòng, kể về lòng tốt của Hoàng đế Nicolas mà tôi được biết, sau đó tôi chia tay cô, hứa sáng hôm sau trở lại đưa cô đến hoàng cung. Tôi đến nhà cô lúc chín giờ.

Cô đã chuẩn bị sẵn sàng mặc quần áo phù hợp với một người đi cầu xin ân huệ; mặc màu đen u buồn vì người yêu bị đi lưu đày, không có một vật trang sức nào. Cô gái khốn khổ đã bán hết, đến cả trang sức vàng bạc.

Đến giờ chúng tôi ra đi. Tôi ở trong xe, cô xuống trình thư tiếp kiến, không những người ta để cô vào mà một sĩ quan được lệnh ra đưa cô đi. Đến phòng Hoàng đế, anh để cô lại một mình bảo chờ.

Mười phút trôi qua, Louise sau đó kể lại với tôi rằng cô suýt choáng váng hai, ba lần; cuối cùng có tiếng chân bước ở phòng bên rồi cửa mở, Hoàng đế xuất hiện.

Thấy Người, Louise không biết nên tiến hay lùi, nói hay im lặng, cô bèn quỳ xuống chấp hai tay lại.

Hoàng đế đến bên cô và nói:

- Đây là lần thứ hai ta gặp cô và mỗi lần đều thấy cô quý. Cô hãy đứng dậy đi.
- Ồ thưa Bệ hạ, vì mỗi lần tôi đều đến xin Bệ hạ gia ân. Lần đầu là mạng sống của anh ấy, và lần này là mạng sống của tôi.
- Thế đấy – Hoàng đế mỉm cười nói – kết quả của lần đầu làm cô táo bạo trong lần thứ hai.

Người ta báo cáo rằng cô muốn đến chỗ anh ta và cô đến xin ta cho phép?

- Vâng thưa Bệ hạ, xin Người gia ân cho điều đó.
- Thế nhưng cô chẳng phải em gái hay vợ của anh ta?
- Tôi là... bạn gái của anh ấy, thưa Bệ hạ, và anh ấy cần có một người bạn.
- Cô biết anh ta bị lưu đày suốt đời chứ?
- Vâng, thưa Bệ hạ.
- Ở quá Tobolsk?
- Vâng, thưa Bệ hạ.
- Nghĩ là ở một xứ sở có mặt trời và cây xanh không đầy bốn tháng, còn lại trong năm là băng và tuyết.
- Tôi biết, thưa Bệ hạ.
- Cô biết anh ta không còn cấp bậc, tài sản, địa vị để chia xẻ với cô và bây giờ anh ta nghèo hơn một người hành khất.
- Tôi biết thế, thưa Bệ hạ.
- Nhưng cô, chắc cô có một ít tiền, tài sản, hy vọng?
- Than ôi, thưa Bệ hạ, tôi chẳng còn gì cả. Hôm qua tôi có ba mươi nghìn rúp, tiền bán tất cả những gì tôi có; người ta biết số tài sản nhỏ ấy, không nghĩ gì đến hy vọng tôi đặt vào đó, đã trấn lột của tôi, thưa Bệ hạ.
- Với một bức thư giả của anh ta, ta biết việc đó. Còn quá hơn là một vụ trộm, là một tội ác xúc phạm đến thần linh. Nếu luật pháp tóm được, ta sẽ xử hấn rất nặng, ta hứa với cô như thế. Nhưng còn một cách rất dễ dàng thay thế số tiền ấy.
- Cách nào, thưa Bệ hạ?
- Cô trình bày với gia đình anh ta, họ sẽ giúp đỡ cô.
- Tôi xin Bệ hạ thứ lỗi cho, tôi không mong có một sự giúp đỡ nào khác ngoài sự giúp đỡ của Chúa.
- Thế cô định cứ như vậy mà đi à?
- Nếu tôi được Bệ hạ cho phép.
- Nhưng với nguồn nào?
- Bán hết những gì còn lại tôi cũng được mấy trăm rúp.

- Cô không có người bạn nào có thể giúp đỡ cô sao?
 - Có đấy, thưa Bệ hạ, nhưng tôi không muốn mượn một số tiền mà tôi không thể trả được.
 - Thế nhưng với hai, ba trăm rúp, cô không đi được quá một phần tư đường bằng xe. Cô biết từ đây đến Tobolsk cách xa bao nhiêu không?
 - Có, thưa Bệ hạ, khoảng ba nghìn bốn trăm vestes, gần tám trăm dặm Pháp.
 - Cô gái khốn khổ! – Hoàng đế thương cảm nói – Cô có nghĩ đến những khó khăn vật chất trong một cuộc hành trình như thế không? Cho dù là những người giàu có? Cô định đi theo con đường nào?
 - Đi qua Moscou, thưa Bệ hạ.
 - Và sau đó?
 - Sau đó...tôi không biết nữa... tôi sẽ hỏi thăm. Tôi chỉ biết Tobolsk ở về phía đông...
 - Nhưng không thể như thế, cô thật điên rồ!
 - Không thể thế nếu Bệ hạ muốn vì không ai có thể không tuân lệnh của Hoàng đế.
 - Không, trở ngại không do ta, trở ngại sẽ đến từ cô, từ lý trí của cô, từ chính những khó khăn cô đưa vào kế hoạch của mình.
 - Nếu vậy, thưa Bệ hạ, ngày mai tôi sẽ đi. Nếu tôi quy sức, anh ấy vẫn không biết tôi chết trong khi đến với anh và nghĩ rằng tôi không yêu anh, nếu tôi ngã quy, anh ấy sẽ mất một người tình, nghĩa là một người đàn bà mà xã hội không cho quyền lợi gì, thế thôi. Nếu tôi đến được với anh ấy, ngược lại, thưa Bệ hạ, tôi là tất cả của anh ấy. Tôi sẽ quá là một người vợ, là một thiên thần từ trên trời rơi xuống, chúng tôi sẽ cùng nhau chịu đựng và mỗi người chỉ bị lưu đày một nửa. Ngài thấy đấy, tôi phải đến với anh ấy và càng sớm càng tốt.
 - Đúng, cô nói có lý – Hoàng đế vừa nói vừa nhìn cô – ta không phản đối chuyến đi của cô nữa. Có điều ta muốn trông chừng cô lúc đi đường, có được không?
 - Ồ, thưa Bệ hạ, tôi quỳ gồi tạ ơn Người.
- Hoàng đế bấm chuông. Một tùy tùng xuất hiện.
- Đã ra lệnh cho viên đội Ivan đến đây chưa? – Hoàng đế hỏi.
 - Ông ta chờ lệnh Hoàng đế đã được một giờ rồi.
 - Đưa ông ta vào.
- Viên tùy tùng cúi người đi ra. Năm phút sau cửa mở, đội trưởng Ivan bước vào phòng, đứng lại im lặng, tay trái bỏ sát nẹp quần, tay phải cầm chiếc mũ lính.
- Lại gần đây – Hoàng đế nói giọng nghiêm khắc.
- Viên đội im lặng tiến lên bốn bước rồi đứng lại với tư thế cũ.
- Trong phân đội anh có Bá tước Alexis Vaninkoff trong số tù nhân, đúng không? – Hoàng đế hỏi.

Viên đội tái mặt, gật đầu.

- Thế mà, tuy có lệnh cấm, anh vẫn để cho anh ta gặp mẹ và các em gái, lần đầu giữa Mologa và Iaroslavl, lần thứ hai giữa Iaroslavl và Kostroma.

Louise có vẻ muốn tới xin cho ông đội khôn khổ nhưng Hoàng đế giơ tay ngăn lại, còn Ivan phải dựa người vào bàn. Nhà vua im lặng một lúc rồi tiếp tục:

- Không tuân theo lệnh, anh biết sẽ bị hình phạt rồi chứ?

Ông đội không thể trả lời, Louise quá thương hại, mạo muội có thể làm Hoàng đế không hài lòng, chắp tay nói:

- Nhân danh Chúa! Xin Bệ hạ gia ân cho ông ấy!

- Vâng, vâng, thưa Bệ hạ - con người khôn khổ lắm lắm – Xin gia ân! Xin gia ân!

- Thế này, ta gia ân cho anh theo lời cầu xin của bà này – Hoàng đế nói và chỉ vào Louise – với một điều kiện. Anh đã đưa Bá tước Vaninkoff đến chỗ nào?

- Ở Koslovo.

- Anh sẽ đi lại con đường ấy, đưa bà này đến chỗ ấy.

- Ồ, thưa Bệ hạ! – Louise bắt đầu hiểu do đâu mà Hoàng đế vờ nghiêm khắc như vậy.

- Anh phải nghe lời bà về mọi mặt trừ việc phải bảo đảm an ninh cho bà ấy.

- Xin vâng, thưa Bệ hạ.

- Đây là lệnh – Hoàng đế tiếp tục vừa ký vào một tờ giấy đã đóng dấu sẵn vừa nói – Lệnh này cung cấp cho anh người, ngựa và xe. Anh lấy đầu mình đảm bảo cho bà ấy.

- Tôi xin bảo đảm, thưa Bệ hạ.

- Và khi trở về, anh đưa cho ta một bức thư của bà nói đã đến nơi không có sự cố gì và bà hài lòng về anh, anh sẽ được thăng cấp hạ sĩ quan hiến binh.

Ivan quỳ xuống và lại quên kỷ luật nhà binh để lại nói ngôn ngữ bình dân:

- Xin cảm ơn bố!

Hoàng đế vốn đã có thói quen đối với người nông dân, đưa tay cho ông hôn.

Louise chuẩn bị quỳ xuống để hôn bên tay kia, Hoàng đế ngăn lại.

- Tốt! – Người nói – Cô là một người đàn bà thánh thiện và đáng kính. Ta làm cho cô trong chừng mực có thể. Bây giờ Chúa sẽ bảo vệ cho cô.

- Ồ thưa Bệ hạ! – Louise kêu lên – Người đối với tôi thật sự là Đấng Sáng tạo! Xin cảm ơn! Xin cảm ơn! Nhưng tôi có thể làm gì đây?

- Khi nào cô cầu nguyện cho con mình – Hoàng đế nói – cô hãy đồng thời cầu nguyện cho những đứa con của ta.

Và Người vẫy tay với cô rồi đi ra.

Trở về nhà, Louise nhận được một chiếc hộp nhỏ do Hoàng hậu cho mang tới.

Trong hộp đựng ba mươi nghìn rúp.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 21

Louise quyết định ngày hôm sau sẽ đi Moscou, để con ở lại đó cho bà Bá tước Vaninkoff và các cô gái. Tôi đi tiễn Louise cho đến thủ đô thứ hai này của nước Nga nơi mà tôi đã muốn đến thăm từ lâu.

Louise giao cho Ivan tìm một chiếc xe vào tám giờ sáng mai.

Xe đã sẵn sàng vào giờ đã định. Ivan đã dựa vào lệnh của Hoàng đế để tìm được một chiếc xe thật tốt trong đoàn hộ tống của nhà vua.

Louise rạng rỡ hẳn lên. Hôm trước cô đã quyết định ra đi không có tiền nong, nếu cần thì đi bộ, hôm nay cô thực hiện kế hoạch ấy với mọi sự dễ dàng sang trọng và được Hoàng đế bảo trợ. Chiếc xe đầy khăn áo lông thú vì tuyết chưa rơi nhưng đã bắt đầu lạnh, nhất là ban đêm. Louise và tôi lên ngồi trong xe, Ivan ngồi với người đánh xe và chúng tôi đi như gió.

Chưa đi đường dài ở Nga người ta không thể có một khái niệm nào về tốc độ. Từ Saint-Peterbourg đến Moscou khoảng một trăm chín mươi dặm Pháp, đi mất khoảng bốn mươi tiếng đồng hồ, nếu trả công người đánh xe hậu hĩ.

Giá công ngựa là năm centime một dặm, khoảng bảy, tám xu Pháp một trạm cho chủ ngựa. Về điểm này chúng tôi không phải bận tâm vì chúng tôi đi theo chi phí của Hoàng đế.

Còn người đánh xe, do hảo tâm của hành khách lót tay qua mỗi trạm, hai mươi lăm đến ba mươi cây số, nghĩa là đi khoảng sáu bảy dặm, thường được tám mươi kopek, đối với anh ta là một món tiền lớn rồi nên đến trạm thay ngựa anh thường kêu lên từ xa "Báo động! Báo động! Tôi đưa những đại bàng tới!" ý muốn nói xe chạy theo tốc độ của con chim mà anh mượn tên để chỉ người hành khách tuyệt vời. Ngược lại nếu anh không bằng lòng, nếu những người hành khách đưa cho anh ít hoặc không cho gì, anh sẽ để ngựa đi thong thả đến trước trạm, nhả mặt biểu đạt ý nghĩa, ý là chỉ đưa đến những con quạ mà thôi.

Được xếp vào hàng những chim đại bàng cùng với sự chu đáo của Ivan, xe của chúng tôi chạy suốt cuộc hành trình không có sự cố gì và ngay chiều tối hôm ấy chúng tôi đến Novgorod, thành phố cổ đã đi vào câu phương châm Nga "Không ai có thể chống đỡ nổi với thánh thần và Novgorod lớn lao".

Novgorod trước kia là chiếc nôi phong kiến Nga, có tới sáu mươi nhà thờ mà vẫn không đủ cho dân cư đông đúc ở đây, ngày nay thành phố với những tường thành lở lói, đổ nát như một thủ đô chết giữa Saint-Peterbourg và Moscou là hai thủ đô hiện đại.

Chúng tôi chỉ dừng ở Novgorod để ăn khuya rồi lại lên đường đi ngay. Thịnh thoảng trên đường đi chúng tôi gặp những đồng lửa, chung quanh là mười, mười hai người đàn ông râu dài và một đoàn xe bốn bánh nép bên đường. Những người ấy là công nhân vận tải, do không có làng quán nên cắm trại ngay bên đường, nằm ngủ đắp áo choàng và ngày hôm sau lại lên đường, vẫn thoải mái, vui vẻ như đã qua đêm trên chiếc giường tốt nhất thế giới. Trong lúc họ ngủ, ngựa được thả ra gặm cỏ trong rừng, hoặc trên cánh đồng. Sáng ra những người vận tải huýt gọi và những con ngựa tự đứng xếp vào vị trí của mình.

Ngày hôm sau chúng tôi thức dậy giữa vùng được mệnh danh là Thụy sĩ Nga. Đây là một thị trấn rất đẹp, xen lẫn ao hồ, thung lũng và đồi núi giữa những cánh đồng cỏ vĩnh cửu hoặc những rừng thông âm u và bao la. Valdaï, cách xa Saint-Peterbourg gần chín mươi dặm, là trung tâm và thủ đô của vùng Thụy Sĩ phương Bắc này. Xe chúng tôi vừa dừng lại thì vô số người bán bóng chày vây quanh làm tôi nghĩ đến những người bán đồ chơi ở Paris.

Sau Valdaï đến Torchok, nổi tiếng về việc buôn bán da dê thuộc, làm ủng đi buổi sáng rất lịch sự và dép đi trong nhà của phụ nữ thật điệu. Rồi Tver, tỉnh lỵ có một chiếc cầu thật dài gần sáu trăm bộ bắc ngang qua sông Volga. Con sông này dòng chảy rộng, bắt nguồn từ hồ Seigneur và chảy ra biển Caspienne, sau khi chảy qua suốt chiều rộng của nước Nga, nghĩa là một không gian gần bảy trăm dặm. Cách thành phố này khoảng hai mươi cây số, chúng tôi gặp trời tối, sáng ra đã thấy những mái vòm lóng lánh và những gác chuông tấmvàng của Moscou.

Cảnh vật trông thấy gây cho tôi một cảm giác sâu sắc. Trước mắt tôi là một ngôi mộ lớn mà nước Pháp đến chôn số phận mình. Tôi bất giác rùng mình, hình như bóng dáng Napoléon hiện ra, kể lại với tôi trận thất bại với nước mắt đầm máu.

Vào trong thành phố, tôi tìm khắp nơi những dấu vết người Pháp qua đây năm 1812 đã để lại và nhận ra được một số. Thịnh thoảng có những cảnh đổ nát, chứng tích buồn về sự hy sinh dã man của Rostopchine, bị đốt cháy đen ngòm. Tôi muốn dừng xe, trước hết tìm đến Kremlin, để nhìn lâu đài âm u, nơi mà một buổi sáng người Nga đốt cháy thành một vòng lửa cùng với toàn thành phố. Vì tôi không đi một mình nên đành gác lại sau và để cho Ivan dẫn đi; qua một phần thành phố, dừng lại trước cửa một khách sạn do một người Pháp quản lý, gần cầu Maréchaux. Tình cờ chúng tôi nghỉ lại gần nhà bà Bá tước Vaninkoff.

Louise rất mệt mỏi vì chuyến đi luôn bế con trên tay nhưng dù tôi nài ép phải nghỉ ngơi đã, cô vẫn viết thư cho bà Bá tước báo tin mình đã đến Moscou và xin phép đến nhà.

Mười phút sau, tôi vừa vào phòng mình thì một chiếc xe dừng trước cửa. Bà Bá tước và các cô con

gái không muốn chờ Louise đến tìm mình. Họ biết sự hy sinh của tấm lòng cao cả này, và không muốn trong thời gian ngắn ở Moscou, người mà họ coi như con, như chị ở chỗ nào khác ngoài nhà họ.

Louise kéo màn chỉ đưa con đang ngủ trên giường và ngay trước khi cô nói ý định để đưa con lại cho họ, hai cô em gái đã bế lấy đứa bé đem lại cho bà mẹ hôn.

Đến lượt tôi. Người ta biết tôi đưa Louise đi và là người thầy dậy đánh kiếm của Alexis Vaninkoff nên ba người phụ nữ muốn gặp tôi. Louise đã báo trước cho tôi.

Bao nhiêu câu hỏi dồn dập. Vì tôi thân với Bá tước khá lâu, nên có thể thoả mãn những điều họ muốn biết và vì tôi cũng yêu mến ông ta nên nói về ông ta không mệt mỏi. Ba người phụ nữ phần khích quá muốn mời tôi về nhà họ cùng với Louise nhưng tôi từ chối. Vả lại ngoài sự tế nhị, tôi ở khách sạn được tự do hơn, và không định ở lại Moscou sau khi Louise ra đi, tôi nhân cơ hội đi tham thú thành phố thánh này trong thời gian ngắn ở lại đây.

Louise kể lại cuộc tiếp kiến Hoàng đế và những gì Người đã làm cho cô, bà Bá tước khóc vì vui mừng và biết ơn, và bà hy vọng Hoàng đế không độ lượng nữa chừng. Có thể Người sẽ chuyển việc lưu đày vĩnh viễn sang thành lưu đày có thời hạn như đã giảm án tử hình xuống lưu đày.

Tôi không nhận lời, bà Bá tước muốn ít nhất cũng mời được Ivan đến ở nhà bà nhưng tôi đòi ông ở lại với ý định nhờ ông làm hướng dẫn viên đi thăm viếng thành phố này. Ivan tham gia vào mặt trận năm 1812, ông vừa đánh vừa lùi từ Niémen đến Vladimir. Và đuổi theo quân Pháp từ Vladimir đến Bérésina. Điều này rất quý giá cho tôi nên tôi không tách ông ra được. Louise và con lên xe với bà Bá tước Vaninkoff và các cô gái; tôi ở lại khách sạn cùng với Ivan sau khi hứa sẽ đến ăn tối ở nhà bà Bá tước.

Alexandre Dumas

Người thầy dậy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 22

Louise càng gần tới ngày đi tôi càng bồn chồn. Hối thăm ở Moscou đường tới Tobolsk trong mùa này, ai cũng nói không những khó khăn mà còn nguy hiểm nữa. Tôi suy nghĩ không thể bỏ mặc một cô gái khốn khổ vì hy sinh, không gia đình, bà con, không bạn bè nào khác ngoài tôi. Trong gần mười tám tháng ở Saint-Peterbourg, tôi đã chia sẻ với cô những vui, buồn. Bá tước Alexis đã uỷ thác cho tôi bảo vệ cô, việc giúp đỡ tôi để có được vị trí Hoàng đế đã ban cho, hơn tất cả mọi cái là tiếng nói bên trong nhắc nhở bổn phận một người đàn ông trong hoàn cảnh cuộc sống mà lợi ích đấu tranh

với lương tâm, tất cả đều bảo tôi phải đi với Louise đến cuối cuộc hành trình và giao cô lại cho Alexis. Chia tay với cô ở Moscou, nếu dọc đường có tai nạn gì xảy ra với cô thì đối với tôi không chỉ đau đớn mà còn rất ân hận. Vậy là tôi tìm mọi cách để Louise chậm cuộc hành trình lại cho đến mùa xuân và nếu cô cứ quyết tâm đi, tôi sẽ đi cùng cô

Nhân dịp một buổi tối chúng tôi ngồi uống trà có bà Bá tước và các cô con gái, Louise và tôi, bà Bá tước nắm lấy bàn tay cô kể những mối nguy hiểm mà người ta có thể gặp dọc đường và tuy khao khát có một người an ủi bên cạnh con trai mình, bà khấn cầu Louise ở lại qua mùa đông với bà và các cô con gái. Tôi lợi dụng việc mở đầu ấy thuyết phục cô tạm hoãn chuyến đi. Với nụ cười hiền dịu và buồn bã, cô trả lời "Xin mọi người yên tâm, tôi sẽ đến nơi". Chúng tôi nài ép cô chờ thời kỳ trượt tuyết nhưng cô lại lắc đầu nói "Nhu vậy quá lâu". Thực vậy mùa thu ẩm ướt, mưa nhiều, không dự tính được bao giờ trời sẽ lạnh và đóng băng. Thấy chúng tôi vẫn nằn nì, cô sốt ruột nói "Vậy mọi người muốn anh ấy chết ở đây còn tôi chết ở đây à?"

Thế là cô ấy đã quyết tâm và tôi cũng không ngăn cản nữa.

Louise sẽ đi vào ngày hôm sau lúc mười giờ, sau bữa ăn sáng, chúng tôi được mời cùng dự ở nhà bà Bá tước. Tôi dậy sớm đi mua một áo dài, chiếc mũ trùm, đôi ủng to lót lông thú, một súng các bin và đôi súng ngắn. Tôi giao cho Ivan bỏ tất cả vào chiếc xe đi đường, đây là một chiếc xe rất tốt nhưng có thể phải thay bằng một chiếc trượt tuyết nhưng chúng tôi định vẫn sử dụng trong lúc thời tiết và đường đi cho phép. Tôi viết một bức thư trình lên Hoàng đế, thấy người đàn bà khốn khổ mà Người chiếu cố bảo vệ cho phép tiến hành cuộc hành trình dài và nguy hiểm nên tôi, người đồng hương và là người bạn, không có can đảm để cô ra đi một mình. Tôi mong mỗi Hoàng đế tha thứ cho một quyết định đã không xin ý kiến của Người trước trong hoàn cảnh đột xuất. Sau đó tôi đến nhà bà Bá tước.

Bữa ăn sáng buồn và nặng nề. Chỉ có Louise có vẻ rạng rỡ. Gần mỗi nguy hiểm và ý nghĩ được bù lại sau đó khiến cô có cái gì đó như là sự liên tưởng của tín đồ công giáo, sẵn sàng xuống đấu trường trời sẽ rộng mở: cuối cùng lòng thành kính ấy lan sang tôi và cũng như Louise, tôi tràn đầy hy vọng và lòng tin vào Chúa.

Bà Bá tước và các cô con gái đưa Louise ra sân chỗ xe đang chờ, ở đây những lời vĩnh biệt được lặp lại dịu dàng và đối với họ đau đớn hơn, đối với Louise cam chịu hơn. Đến lượt tôi, cô đưa tay, tôi dẫn cô lại xe.

- Thế nào? Ông không vĩnh biệt tôi ư?
- Để làm gì? – tôi trả lời.
- Sao? Tôi đi đây.
- Tôi cũng thế, tôi đi với cô; tôi giao cô lại cho Bá tước mạnh khỏe, yên lành, rồi tôi trở lại.

Louise có một cử chỉ như muốn ngăn cản tôi rồi sau một lúc im lặng, cô nói:

- Tôi không có quyền ngăn cản ông làm một việc thánh thiện và đẹp đẽ. Nếu ông tin vào Chúa như tôi, nếu ông đã quyết tâm như tôi thì mời ông cùng đi.

Bà Bá tước và hai cô gái khóc. Tôi bảo họ:

- Bà và hai cô yên tâm, tôi sẽ nói cho ông ấy biết nếu bà và hai cô không đến chính là vì bà và hai cô không thể đến.

- Ô! Vâng, xin ông nói với nó đúng như thế! – Bà mẹ kêu lên – Chúng tôi đã nhờ xin nhưng người ta trả lời không có trường hợp được gia ân đến mức ấy. Ông nói cho nếu người ta cho phép, chúng tôi đã đến với nó, dù phải đi bộ, dù phải đi xin ăn dọc đường.

- Dem con tôi lại đây! – Louise kêu lên, vốn cứng rắn cho đến lúc ấy, đã oà khóc nức nở - Đưa con tôi lại đây để tôi ôm hôn nó lần cuối cùng.

Đây là lúc đau đớn nhất. Người ta bế đứa bé lại, cô hôn con khắp các chỗ; cuối cùng tôi dứt đứa bé trong tay cô đưa cho bà Bá tước rồi nhảy lên xe, đóng cánh cửa lại và hét lên "Chúng ta đi nào!" Ivan đã ngồi trên ghế, người đánh xe không chờ nhắc lại, phi ngựa nhanh và giữa tiếng bánh xe trên đường, chúng tôi còn nghe những lời vĩnh biệt của gia đình. Mười phút sau chúng tôi đã ra khỏi Moscou.

Tôi đã báo trước với Ivan ý định đêm, ngày không dừng lại và lần này sự nóng nảy của Louise trùng hợp với sự cẩn trọng vì mùa thu mưa nhiều và chúng tôi không thể đến Tobolsk trước khi tuyết rơi, tránh nguy hiểm dọc đường và đi trong mười lăm ngày. Vậy là với tốc độ tuyệt vời của những chuyến đi ở Nga, chúng tôi đi qua một số tỉnh, đêm hôm sau nữa thì đến Nijni-Novgorod. Đến đây, tôi là người đầu tiên buộc Louise nghỉ ngơi mấy tiếng liền, rất cần sau những đau đớn và xúc động. Tuy thành phố rằng lạ chúng tôi cũng không thể dành thì giờ đi thăm viếng và tám giờ sáng lại ra đi, cũng với tốc độ ấy nên chiều tối hôm ấy chúng tôi đến Kosmodemiansk. Cho đến đây con đường đi Sibérie vẫn tốt đẹp. Các ngôi làng đều giàu có, nhiều nhà thờ, nông dân có vẻ hạnh phúc, nhà cửa của họ như lâu đài ở các tỉnh khác và trong mỗi nhà đều rất sạch sẽ. chúng tôi ngạc nhiên thấy có một phòng tắm và một phòng sang trọng dành cho việc uống trà. Tóm lại khắp nơi chúng tôi được tiếp đón vồn vã, độ lượng, không phải do có lệnh của Hoàng đế mà chúng tôi chưa đưa ra, mà do lòng tốt tự nhiên của nông dân Nga.

Tuy vậy không còn mưa nữa, một số đợt gió lạnh hình như từ biển băng giá thổi đến làm chúng tôi run cả người, bầu trời như một tấm thiếc nặng, dày đặc và thành phố Kazan tuy cảnh vật lạ lùng với bộ mặt Tartare cổ, không giữ chúng tôi lại trên hai tiếng đồng hồ. Ở hoàn cảnh khác tôi đã rất muốn dỡ một trong những tấm voan lớn của người đàn bà Kazan mà người ta nói rất đẹp, nhưng lúc này không phải lúc tìm hiểu việc đó. Thời tiết mỗi ngày thêm xấu đi, chúng tôi chỉ còn nghe tiếng Ivan qua mỗi trạm thay người đánh xe mới, giọng nói đầy uy lực "Nhanh hơn nữa! Nhanh hơn nữa!", xe chạy nhanh đến mức chúng tôi bay trên cánh đồng bao la này. Rõ ràng người hướng dẫn chúng tôi

muốn vượt dãy núi Ourals trước khi tuyết xuống, không có mục đích nào khác.

Đến Perm, Louise rất mệt mỏi buộc chúng tôi đề nghị Ivan nghỉ lại một đêm. Ông ngật ngưỡng rồi nhìn bầu trời xám xịt hơn bình thường, nói:

- Vâng, tuyết sắp rơi và chúng ta thà gặp tuyết ở đây hơn là dọc đường.

Tôi khoan khoái ngủ suốt đêm, khi dậy thấy mái nhà và đường xá ở Perm đã phủ một lớp tuyết dày khoảng hai bộ.

Tôi mặc quần áo, xuống bàn với Ivan nên làm gì. Ông đang rất lo lắng, tuyết rơi nhiều đến mức tất cả những con đường biến mất, các vực, hố bị lấp đầy nhưng chưa đủ lạnh để người ta tổ chức xe trượt tuyết, lớp băng mỏng phủ trên sông ngòi chưa đủ cứng để xe chạy trên đó. Ivan khuyên chúng tôi ở lại Perm chờ băng giá, tôi lắc đầu vì biết chắc Louise sẽ không chấp nhận.

Một lúc sau cô xuống, thấy chúng tôi đang bàn làm cách nào tốt nhất để đi nên tham gia tranh luận và nói muốn ra đi. Chúng tôi nêu những khó khăn làm cản trở kế hoạch, cô nói:

- Chúng ta ở lại hai ngày thôi, Chúa đã bảo vệ chúng ta cho đến nay cũng sẽ không bỏ rơi chúng ta.

Tôi bảo Ivan chuẩn bị mọi thứ cần thiết trong hai ngày đó để theo cách đi mới. Chúng tôi để xe trước lại, mau một loại xe bốn bánh, khi lớp băng đã đủ cứng sẽ đổi lấy một chiếc xe có bàn trượt tuyết.

trong ngày đã mua xong, áo khăn lông thú, vũ khí được chuyển sang xe mới. Ivan đúng là một người Nga, vâng lời không phản ứng và ngay ngày hôm ấy dù chắc chắn gặp nguy hiểm, ông vẫn chuẩn bị ra đi không phàn nàn gì.

Ở Perm chúng tôi bắt gặp những người lưu đày, những người Ba Lan có tham gia một phần hoặc che giấu cuộc âm mưu, giống như những linh hồn gặp ở cửa địa ngục, không đáng phải ở chung với những kẻ có tội nặng.

Việc lưu đày này nói chung ngoài việc mất quốc tịch và xa gia đình, có lẽ cũng dễ chịu hơn một cuộc lưu đày nào khác. Perm vào mùa hè là một thành phố đẹp và mùa đông nhiệt không xuống dưới âm ba mươi lăm, âm ba mươi tám độ còn ở Tobolsk người ta kể vào mùa này xuống đến âm năm mươi. Ngày hôm sau nữa chúng tôi lại lên đường trong chiếc xe bốn bánh, nhờ lớp băng dày chúng tôi đi không quá vất vả. Ra khỏi Perm cảnh vật mới làm chúng tôi nao lòng. Thật vậy, dưới tấm khăn tang của bầu trời, tất cả đường lớn, đường nhỏ, sông suối đã biến mất, đây là biển rộng bao la, nếu không có một số cây to đơn độc hướng dẫn những người đánh xe quen thuộc trong vùng, người ta phải dùng la bàn như trên một biển khơi thực thụ. Thịnh thoảng một cánh rừng thông âm u cành nhánh như kim cương xuất hiện trông xa như hòn đảo, nằm rải rác bên phải, bên trái hoặc trên đường chúng tôi đi, giúp chúng tôi nhận biết đã không đi chệch con đường mở ra giữa các hàng cây. Chúng tôi đi như thế gần năm mươi dặm vào một vùng mỗi lúc càng hoang dã. Càng tiến lên những trạm chuyển tiếp càng thưa, đôi khi cách nhau đến tám dặm. Đến những trạm này không còn như trên

đường từ Saint-Peterbourg đến Moscou, trước cửa là những đám đông luôn luôn tươi vui, ở đây ngược lại hầu như hoàn toàn hoang vắng. Chỉ một hoặc hai người trong những căn nhà có lò sưởi ấm, là vật dụng cần thiết trong những ngôi nhà nghèo nàn. Nghe tiếng chúng tôi tới, một trong bọn họ nhảy lên con ngựa không yên cương, tay cầm một cái sào dài, lao vào bụi thông nào đấy đuổi bầy ngựa hoang ra. Thế là người đánh xe, Ivan, đôi lúc cả tôi nữa, túm lấy bờm ngựa, dùng sức buộc chúng vào xe. Chúng kéo xe với tốc độ nhanh đáng sợ nhưng sự hăng hái ấy lắng dần vì băng chưa đóng chặt, chân chúng bị đóng vào tuyết, chúng mệt mỏi rất nhanh. Sau khi đi đường hơn mỗi đoạn trước một tiếng đồng hồ, chúng tôi đến một trạm khác và lại mất hai mươi, hai mươi lăm phút theo cách ấy. Chúng tôi đi qua như thế trên mọi vùng đất của sông Silva và Oujá, nước cuộn lên từng mảnh vàng, bạc, bạch kim và viên đá carbonate, chỉ rõ những kim loại giàu và đá quý. Khi đang trong vùng khai thác, có những làng thợ mỏ, những chỗ chúng tôi đi qua đều có vẻ đã lấy lại cuộc sống nhưng chẳng mấy chốc vượt khỏi thị trấn này chúng tôi bắt đầu thấy dãy núi Ourals ở chân trời như một bức tường tuyết lờ mờ chồm những chồm đen, khối rào chắn thiên nhiên dựng lên giữa châu Âu và châu Á.

Càng lại gần núi, rét lạnh càng buốt cho chúng tôi hy vọng rằng băng giá càng vững chắc để tổ chức việc trượt tuyết. Cuối cùng đến chân núi Ourals, chúng tôi dừng lại trong một ngôi làng nghèo nàn có vài chục mái nhà, không có quán hàng nào khác ngoài trạm chuyển tiếp.

Rét lạnh càng dữ dội, đợt nghỉ này cho chúng tôi thấy rõ phải thay xe lớn bốn bánh bằng xe trượt tuyết. Louise quyết định vào một ngôi nhà chờ tuyết đóng băng thêm và tìm xe trượt, chuyển đồ đạc, vào một mái nhà mà người đánh xe gọi là quán hàng.

Căn nhà rất nghèo vì lần đầu tiên chúng tôi thấy ở đây thiếu bếp lò truyền thống, giữa gian nhà là một ống khói lớn, khói ra ngoài theo một lỗ hổng trên mái. Chúng tôi ngồi quanh ống khói, đã có hơn mười người vận tải cũng chờ lúc thuận tiện để vượt qua dãy Ourals như chúng tôi. Lúc đầu họ chẳng để ý gì đến chúng tôi nhưng khi tôi cởi áo choàng, bộ quân phục của tôi đã giúp chiếm một chỗ rộng, người ta lễ độ dịch ra, để cho Louise và tôi chỗ ngồi cả một nửa vòng.

Gấp gáp nhất là sưởi ấm và khi đã đủ nóng, tôi bắt đầu nghĩ đến bữa ăn. Tôi gọi chủ quán hàng tồi tàn này để mua thức ăn nhưng anh ta chỉ đưa lại nửa chiếc bánh mì đen, bảo rằng chỉ cung cấp được có chừng ấy. Tôi nhìn Louise, nụ cười hiền cam chịu, đã giơ tay ra nhưng tôi ngăn lại, nài nỉ anh chủ quán xem có tìm được thứ gì khác không. Anh đi mở hết những gì gọi là tủ và anh mời cả tôi tự đến tìm lấy. Chú ý nhìn những người vận tải, những người bạn cùng ăn, thấy mỗi người rút trong thùng ra chiếc bánh và một khẩu mỡ xát vào bánh, sau đó cẩn thận cắt khúc mỡ vào thùng để giữ càng lâu càng tốt. Tôi sắp đến xin họ cho xát một ít mỡ vào bánh thì thấy Ivan đi vào, đã tìm được bánh mì đỡ xám xịt hơn và hai con gà do ông đã vận cõ.

Chúng tôi bàn cần có súp và thịt rán. Ivan lấy một chiếc nồi đưa cho người đánh xe cọ rửa thật sạch.

Louise và tôi vặt lông gà và Ivan làm que xiên thịt. Một lúc sau tất cả đã sẵn sàng; nồi súp sôi kỹ, thịt nướng quay đều đặn trên than hồng.

Bắt đầu yên tâm về bữa ăn tối, chúng tôi lo việc ra đi. Không tìm được xe trượt tuyết, Ivan khắc phục khó khăn bằng cách lật ngược chiếc xe bốn bánh đặt trên ván trượt. Người thợ đóng xe trong vùng cố làm cho xuống việc này trong lúc thời tiết càng băng giá, hy vọng sáng sớm hôm sau chúng tôi có thể ra đi được. Tin này làm chúng tôi ăn thêm ngon miệng, đã lâu tôi chưa được ăn ngon như tối hôm ấy. Về giường nằm chúng tôi cũng chẳng hỏi xem có hay không, có khăn lông thú rất tốt chúng tôi dễ dàng thay thế giường., bọc kín áo lông, áo choàng vào người và nằm ngủ, cầu mong thời tiết thuận lợi như lúc này.

Ba giờ sáng tôi giật mình tỉnh dậy vì một tiếng động khá mạnh. Ngồi dậy, qua ánh sáng leo lét ở bếp lửa, tôi thấy một con gà đang thu thập nốt bữa ăn tối của chúng tôi còn sót lại. Theo kinh nghiệm sẽ không tìm được gì ở những hàng quán trên đường, tôi chú ý không làm con gà sợ, nằm xuống lại và để nó tự do tiếp tục tìm cái ăn. Vừa nằm xuống bất động, con gà theo thói quen nhảy từ chân tôi lên đến đầu gối, từ đầu gối lên ngực, đến đây thì không tiếp tục được nữa, một tay tôi nắm lấy chân, tay kia chộp lấy đầu và trước khi nó kêu được một tiếng, tôi đã vặn gãy cổ.

Sau một việc cần động não nhiều như thế, tôi không ngủ lại được. Hơn nữa có hai con gà trống đầu đó cứ từng phút cất tiếng chào buổi sáng. Do vậy tôi dậy hẳn và bước ra ngoài xem thời tiết, thời tiết đã như tôi mong muốn, băng đã khá cứng, bàn trượt của chiếc xe có thể trượt trên mặt được rồi.

Trở về bếp lửa tôi thấy không chỉ mình tôi được tiếng gà gáy đánh thức. Louise đã ngồi đấy bọc mình trong đồng khăn áo lông, tươi cười như vừa ngủ trên chiếc giường tốt nhất, có vẻ không nghĩ đến những mối nguy hiểm chờ chúng tôi ở những thung lũng hẹp trên dãy núi Ourals. Những người vận tải cũng bắt đầu vận động, Ivan ngủ như một người đầy hạnh phúc. Những người vận tải lần lượt ra tới cửa, cân nhắc với nhau về việc ra đi. Tôi đánh thức Ivan dậy ra tham gia bàn luận với họ và rút kinh nghiệm từ những người ấy, những người không ngừng qua lại châu Âu châu Á và mùa đông cũng như mùa hè luôn đi trên con đường chúng tôi đang đi.

Một số, những người già có kinh nghiệm hơn muốn ở lại thêm một, hai ngày, những người khác trẻ và táo bạo hơn lại muốn đi và Louise theo ý kiến của những người này.

Ivan đứng về phía những người muốn đi và rất có thể do ảnh hưởng của bộ quần áo lính trong một đất nước mà quân phục là tất cả, ông lôi kéo được một số người ủng hộ, vì thế đa số thắng thiểu số và ai nấy bắt tay chuẩn bị. Sự thật là Ivan muốn đi cùng bọn họ hơn là đi một mình.

Ivan được giao phụ trách việc thanh toán, tôi bảo ông thêm vào tổng số tiền chủ quán đưa ra giá mua con gà và giao nó lại cho ông, đề nghị tìm thêm một số thực phẩm, nhất là bánh mì đỡ xám xị hơn nếu có thể. Ông đi tìm kiếm, trở về với một con gà thứ hai, một đùi lợn xông khói, bánh ăn tốt và mấy chai rượu đỏ tôi nghĩ được chiết với vỏ cây bu lô.

Trong thời gian ấy những người đánh xe đi đóng ngựa, tôi cũng ra chuồng chọn ngựa cho xe mình. Nhưng thường ngựa ở trong cánh rừng bên cạnh. Chủ quán đánh thức một cậu bé khoảng mười hai, mười ba tuổi đang ngủ trong góc nhà, bảo đi đuổi ngựa về. Cậu bé dậy không phàn nàn gì rồi theo ý thức vâng lệnh thụ động của nông dân Nga, đi lấy một cây sào dài, lên một con ngựa của những người đánh xe và phi nước đại. Trong lúc chờ đợi, những hướng dẫn viên phải chọn một hướng dẫn viên trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy cả đoàn. Bầu được người rồi, ai cũng phải nghe theo kinh nghiệm và lòng dũng cảm của người ấy, tuân lệnh như người lính đối với viên tướng, một người đánh xe được lựa chọn tên là Georges.

Đây là một ông già khoảng bảy mươi tuổi, nhưng trông ông không tới bốn mươi lăm, tay chân lực sĩ, đôi mắt đen dưới đám lông mày dày hoa râm và bộ râu dài bạc trắng. Ông mặc chiếc áo sơ mi len bó chặt người bằng chiếc đai da, quần vải len mềm kẻ sọc, mũ lông và khoác chiếc áo da cừu lộn vào trong. Ở thắt lưng, một bên là hai, ba móng sắt ngựa đục nhau lách cách, một chiếc thìa, mũ thép, con dao dài giữa chiếc dao găm và con dao săn, bên kia một chiếc búa cán ngắn và túi tiền.

Quần áo những người đánh xe khác cũng gần như thế.

Georges vừa mang chức chỉ huy đã bắt đầu nhiệm vụ bằng cách ra lệnh cho mọi người thắng ngựa không chậm trễ để có thể đến nghỉ ở một căn nhà khoản một phần ba đường, tôi đề nghị chờ ngựa chúng tôi tới để có thể cùng đi. Đề nghị được chấp nhận rất thoải mái. Cả đoàn trở vào nhà, chủ quán bỏ mấy bó thông, bu lô vào bếp lửa, lửa cháy thành ngọn làm lúc ra đi chúng tôi càng cảm thấy giá trị hơn. Vừa ngồi quanh bếp lửa chúng tôi đã nghe tiếng ngựa phi từ cánh rừng về, cùng lúc ấy cánh cửa hé mở và cậu bé khốn khổ đi đuổi ngựa kêu lên không ra tiếng, chạy vào tách vòng người đến quỳ xuống trước bếp lửa, cánh tay giơ vào gần trong lửa như muốn ngón ngấu lấy nó. Mọi cảm giác trong người nó có lẽ nở rộ dưới cảm giác đang được hưởng thụ. Cậu bé quỳ một lúc như thế bất động, im lặng, háo hức, sau đó nhắm mắt, co người lại, rên lên một tiếng và ngã ra. Tôi muốn nâng dậy, nắm tay nó nhưng tôi kinh hoàng cảm thấy những ngón tay tôi nắm vào tay nó như nắm vào thịt chín. Tôi kêu lên, Louise muốn bế nó nhưng tôi ngăn lại. Georges cúi xuống, nhìn nó và lạnh lùng nói:

- Nó chết mất.

Tôi không cho là sự thật, đưa bé rõ ràng đang sống mở mắt nhìn chúng tôi. Tôi đề nghị tìm một thầy thuốc nhưng không ai trả lời. Tuy vậy nhận một đồng năm rúp, một người vào làng tìm ông bác sĩ thú y vừa chữa người vừa chữa ngựa. Trong lúc ấy Louise và tôi cởi quần áo nạn nhân, hơi nóng một tấm da cừu cuộn người nó vào trong, đưa bé lằm bằm những tiếng cảm ơn nhưng không cử động, có lẽ đã bại liệt hết chân tay. Những người đánh xe trở lại với ngựa và chuẩn bị ra đi. Tôi đến với Georges khấn nài ít nhất cũng chờ một lúc cho đến khi thầy thuốc đến. Georges bảo "Ông yên tâm, chúng ta sẽ không ra đi trước mười lăm phút nữa và nó sẽ chết trong mười lăm phút". Lúc ấy bác sĩ

vào, Ivan giải thích người ta cử cậu bé đi làm gì. Bác sĩ lắc đầu, lại gần bếp lửa, mở tấm da cừu. Lúc này đứa bé đã chết.

Louise hỏi bố mẹ cậu bé ở đâu, cô muốn để lại một vài trăm rúp, chủ quán trả lời không có, nó là một đứa bé mồ côi, anh ta đã nuôi vì lòng nhân đạo.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 23

Điềm báo không tốt lành nhưng đã quá chậm không lùi lại được nữa. Đến lượt Georges thúc giục chúng tôi, đoàn xe nối đuôi nhau trước cửa quán. Georges đi đầu đoàn xe, giữa là xe chúng tôi, thắng ba ngựa, chúng tôi lên xe, Ivan ngồi cùng với người đánh xe trên một chiếc băng thay ghế ngồi đã mất đi khi đổi dạng chiếc xe cũ. Một tiếng còi kéo dài và chúng tôi lên đường.

Đi cách ngôi làng khoảng mười hai cây số thì trời sáng rõ, trước mặt như có thể giơ tay ra sờ được là dãy núi Ourals mà chúng tôi phải vượt qua. Trước khi đi xa hơn, Georges ngắm lấy chiều cao như một thuyền trưởng tàu biển phải làm và qua những hàng cây, đã nhận ra đoàn đi đúng đường. Chúng tôi tiếp tục tiến lên, chú ý giữ những khoảng cách xa nhau và chưa đầy một tiếng đồng hồ nữa chúng tôi đến được sườn núi phía tây.

Ở đây sườn quá dốc, băng tuyết chưa thật rắn chắc để mỗi xe có thể leo lên với tám con ngựa kéo. Georges quyết định mỗi lần chỉ hai xe đi lên, buộc tất cả ngựa trong đoàn xe kéo, khi hai xe ấy lên đến nơi, mấy con ngựa sẽ quay trở xuống kéo hai xe khác, cứ như thế cho đến khi mười chiếc xe họp thành đoàn lên chỗ chiếc xe thứ nhất. Hai con ngựa dành thắng theo kiểu cánh cung vào xe chúng tôi. Những người bạn đường đối xử với chúng tôi như anh em. Những việc đó được tiến hành mà chúng tôi không cần phải đưa chỉ dụ của Hoàng đế ra một lần nào.

Ở đây việc sắp đặt có đôi chút thay đổi. Xe của chúng tôi nhẹ hơn, được chuyển từ giữa đi lên đầu. Hai người đi trước cầm những ngọn giáo dài thăm dò đường. Georges cầm cương con ngựa đầu của chúng tôi, hai người đi sau, dùng búa sửa lại mặt băng sau xe, để lại dấu vết cho xe sau lần theo. Tôi đi giữa chiếc xe và vực thẳm, thích thú vì có dịp đi bộ, và chúng tôi bắt đầu leo lên, hai chiếc xe khác theo sau.

Sau một giờ rưỡi không có sự cố gì chúng tôi lên đến một mảng cao nguyên chung quanh có cây to. Chỗ này tạm nghỉ rất thuận lợi. Tám chiếc xe khác phải kéo lên từng hai chiếc một như hai chiếc đi đầu tiên. Vậy là phải mất tám tiếng đồng hồ chưa kể thời gian để cho những con ngựa quay trở

xuống. Khó hy vọng tập hợp được tất cả trước khi trời tối.

Những lái xe, trừ hai người ở phía dưới giữ hành lý, tất cả cùng chúng tôi nghiên cứu thực địa, mọi người đều nhận thấy đã đi đúng đường. Chỉ phải theo những vết xe, họ quay trở xuống, bốn người ở lại với Georges, Ivan và tôi để cắt tạm một căn lều.

Louise ngồi trong xe, bọc người trong áo khăn lông, không sợ gì lạnh. Cô bình tĩnh chờ đợi chúng tôi dùng búa dẫn những cây chung quanh, chỉ chừa lại bốn cây làm bốn cọc lều. Sau một giờ, vừa để làm cho nóng người, nhờ sự khéo léo của các kiến trúc sư bất ngờ, mấy người đã dựng xong một chỗ trú chân. Chúng tôi đào tuyết bên trong cho đến lớp đất, lấy tuyết trám phía ngoài căn nhà rồi đốt lửa lên, khói thoát ra ở lỗ hồng khoét trên mái lều. Louise xuống xe vào ngồi trước bếp lửa; con gà thứ hai đã được vật lông buộc chân treo vào một sợi dây, xoay đều các mặt. Toán xe thứ hai đã lên tới nơi.

Đến năm giờ chiều, tất cả các chiếc xe đậu thành hàng trên cồn đất, ngựa được tháo ra cho ăn thân bắp. Mọi người xúm vào nấu một món súp trong chiếc nồi to, xát mỡ vào bánh mì và với chai rượu chúng tôi để lại, họ cùng ăn tối.

Ăn xong chúng tôi tự sắp xếp nằm sao hay vậy. Những người đánh xe muốn dành lều cho chúng tôi và họ sẽ ngủ ngoài trời với đám ngựa nhưng chúng tôi dứt khoát từ chối, buộc họ phải vào nằm trong lều họ đã dựng lên, thống nhất với nhau một người thức gác với khẩu các bin của tôi để đề phòng chó sói và gấu, từng giờ một sẽ đổi gác. Ivan và tôi cùng năn nỉ để được thức gác nhưng bị từ chối.

Cho đến lúc đó tình hình khá dễ chịu, ngủ không lạnh lắm nhờ quần áo lông bà Bá tước cung cấp rộng rãi cho chúng tôi. Đang lúc ngủ ngon nhất thì tiếng súng làm chúng tôi thức giấc.

Tôi nhảy ngay dậy, tay cầm khẩu súng ngắn cùng Ivan lao ra cửa. Những người đánh xe chỉ ngẩng đầu hỏi xem có việc gì, thậm chí một hay người không hề thức giấc.

Georges vừa bắn một con gấu, con vật mò mẫm lại gần căn lều vài chục bước chân rồi như muốn xem rõ có gì bên trong, nó đứng dựng trên hai chân sau, lợi dụng tư thế ấy Georges bắn một phát rồi bình tĩnh nạp đạn lại trong lúc tôi đến gần bên ông. Tôi hỏi ông có bắn trúng nó không. Ông trả lời chắc chắn là trúng.

Lúc những người nhóm dậy biết có con gấu thì họ muốn đuổi theo con vật, nhưng con vật đã bị thương, để lại vết máu trên tuyết, chỉ có Georges mới có quyền đuổi theo. David, con trai ông, khoảng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi được phép đuổi theo. Tôi gọi anh ta lại đưa khẩu súng nhưng anh ta ra hiệu đã có con dao và chiếc búa là đủ.

Tôi nhìn theo khoảng năm mươi bước, thấy anh bước xuống vực, vừa đi vừa cúi xuống để không mất vết máu trên tuyết trong bóng tối. Những người đánh xe quay vào lều, Georges tiếp tục phiên gác, tôi không ngủ lại được, cùng ngồi với ông. Một lúc sau ở phía con trai Georges mất hút, có tiếng găm,

người cha cũng nghe thấy vì ông bầu chặt vào cánh tay tôi và không nói gì. Mấy giây tiếp theo lại có tiếng gầm, tôi cảm thấy những ngón tay sắt của Georges càng xiết mạnh. Năm phút im lặng, dài bằng năm thế kỷ, đối với ông bố pháp phồng, rồi năm phút nữa và có tiếng người dội lại. Georges thờ phào, thả tay tôi và ngoảnh lại:

- Ngày mai chúng ta sẽ có bữa ăn tốt hơn hôm nay; con gấu chết rồi.
- Ô, lạy Chúa! – một tiếng nói hiền dịu cất lên phía sau lưng chúng tôi – Georges, tại sao ông để con trai một mình đuổi theo con thú như thế mà hầu như không có vũ khí trong tay?
- Thưa bà – Georges nói với một nụ cười tự hào – chúng tôi biết rõ loài gấu. Trong đời tôi đã giết chết năm mươi con mà chỉ bị sây sát vài chỗ không đáng nói. Làm sao con trai tôi lại có thể bị tai nạn hơn tôi được?
- Thế nhưng – tôi nói – không phải lúc nào ông cũng bình tĩnh như thế này, chứng cứ là ông suýt làm gãy tay tôi .
- À – ông bảo – qua tiếng gầm của con gấu, tôi biết nó đang vật lộn với con trai tôi. Cũng yếu đuối đấy, thưa ngài, nhưng người bố vẫn là người bố.

Lúc đó chàng trai trở lại ngay chỗ anh mất hút và đi hay về, anh đều lần theo vết máu. Như muốn tỏ ra không yếu đuối nữa, Georges không ra đón David mà chỉ có một mình tôi đi.

Anh mang về bốn chiếc chân gấu vốn là phần được ưa chuộng và dành cho chúng tôi. Phần còn lại anh không mang về được, con gấu nặng ít nhất năm trăm ký lô.

Nghe tin ấy, những người nằm ngủ đều thức dậy hết, hăng hái đi khiêng con gấu. David cởi chiếc áo lông cừu để lộ vai, con gấu đã tát anh một cú rất mạnh làm lòi cả xương. Anh mất máu rất ít và vón cục lại ngay. Louise muốn lấy nước nóng rửa vết thương và băng lại nhưng anh lắc đầu nói đã khô rồi. Anh lấy mẩu mỡ xát vào vai choàng lại tấm da cừu. Cha anh ra ngoài, cử sáu người đánh xe đi khiêng con gấu.

Phiên gác của Georges kết thúc, ông đến ngồi gần con trai. Chàng trai kể lại cho ông già nghe các chi tiết về trận đánh. Nghe chuyện, đôi mắt Georges đỏ như than hồng. Louise tặng người bị thương số khăn áo lông trùn người nhưng David từ chối, kể chuyện xong anh tựa đầu vào vai cha và ngủ.

Chúng tôi cũng rất mệt, chẳng mấy chốc ngủ thiếp đi, năm giờ sáng mới thức dậy và không có sự cố nào làm gián đoạn giấc ngủ cả.

Đoàn người đã thắng ngựa vào nửa số xe và xe của chúng tôi. Đợt đi lên này không dốc như hôm trước, họ hy vọng chỉ cần hai chuyến. Như lần trước, Georges lại cầm cương con ngựa đầu của chúng tôi đi đầu đoàn xe, con trai ông và một người nữa cầm giáo dài đi thăm dò đường. Đến trưa chúng tôi đến đỉnh cao nhất, không phải của dãy núi, mà của đoạn đường đã đi qua. Phải dừng lại để đợi toán sau theo kịp chúng tôi trước khi trời tối. Nhìn ra xa chung quanh núi vẫn trần trụi không có cây cối, toán xe sau phải mang đủ gỗ củi để ngoài việc chuẩn bị bữa ăn còn đốt lửa sưởi suốt

đêm.

Chúng tôi đang thất vọng và với bốn cây giáo cắm xuống đất cùng tám vãi trùm xe, chúng tôi làm một loại lều tạm thì thấy con trai Georges cùng hai xe ngựa chở củi phi nhanh đến. Những con người tốt bụng ấy đã nghĩ đến chúng tôi, chở chất đốt lên trước. Lúc làm lều xong, chúng tôi bó tuyết, David đào một lỗ sâu một bộ, nhóm củi đốt đầy lửa lò than hồng, bỏ hai chiếc chân gấu lên trên, vùi than lên trên như nướng khoai tây rồi bỏ thêm vào lò nướng đã chiến ấy một bó củi, sau hai giờ chỉ còn là một đồng than.

Vừa chuẩn bị bữa ăn, người đầu bếp vừa chạy ra cửa lều xem thời tiết. Bầu trời đầy mây, không gian trầm lặng, chứng tỏ đêm tới sẽ có thay đổi, mà mọi thay đổi trong hoàn cảnh của chúng tôi hiện nay đều không tốt. Vì thế khi toán xe thứ hai lên tới nơi, những người đánh xe họp bàn, nhìn trời, xem hướng gió để phán đoán tình hình. Kết quả chắc không hay lắm vì họ đi vào, buồn chán ngồi quanh bếp lửa. Không muốn tỏ ra lo lắng trước mặt Louise, tôi cử Ivan đi hỏi tình hình. Một lúc sau Ivan trở lại nói thời tiết trở sang đợt tuyết rơi, họ sợ ngày hôm sau ngoài bão tuyết và lở núi, thật khó đi được đúng đường. Mà đường xuống núi lại có nhiều vực sâu, đi chệch một tí có thể chết người. Đúng điều nguy hiểm tôi đã lo ngại.

Dù lo lắng những người bạn đường của chúng tôi vẫn nghĩ đến cái đói: vừa ngồi quanh đồng lửa, họ bắt đầu cắt mỏng thịt gấu đặt lên trên than hồng. Còn chúng tôi người ta dành cho món ăn ngon hơn; những chân gấu nướng. Khi người làm bếp thấy chân gấu đã chín, anh cẩn thận cời than và lấy ra từng chiếc một.

Lần này nữa tôi xin thú nhận có cảm giác không thú vị lắm, đôi chân lớn quá cỡ, hình dạng thiếu hấp dẫn. Sau khi để lên khúc gỗ thông mà các bạn đường đã cưa cho chúng tôi làm bàn, với con dao, người đầu bếp bắt đầu gỡ lớp da cứng bọc bên ngoài.

Khi chuẩn bị xong, món ăn suýt làm tôi mất hứng thú nhưng do hương vị kích thích lại làm tôi muốn ăn, lột hết lớp da, đôi chân gấu trông như đôi tay của người khổng lồ. Ngập ngừng một lúc, hấp dẫn vì hương vị, không thích vì hình dạng, nhưng cũng muốn nếm thử món ăn rất được ca ngợi này. Nhìn lại Ivan thấy rõ ông ta đang thèm thuồng, tôi ra hiệu cho ông nếm đi, không đợi bảo đến hai lần, ông cắt ăn một trong hai chiếc. Hiển nhiên thấy ông thật thoả mãn, tôi cũng làm như ông, và ngay từ miếng đầu, buộc phải công nhận ông có lý.

Còn Louise không bị tác động gì về lời mời mọc cũng như về tám gương chúng tôi nêu ra, cô ăn bánh mì với một ít thịt heo quay và không muốn uống rượu. Cô giải khát bằng tuyết.

Trời mỗi lúc mỗi tối và bóng đêm càng dày đặc hơn, chỉ rõ thời tiết càng xấu. Những con ngựa cụm sát vào nhau theo sự lo sợ của bản năng. Thịnh thoảng có những đợt gió mạnh đã có thể bóc mái lều lên nếu các bạn đường không cẩn thận dựa vào vách đá lớn. Chúng tôi vẫn thu xếp để ngủ trong điều kiện có thể. Chiếc lều không đảm bảo cho một người đàn bà, Louise vào trong xe, tôi đóng cửa bằng

tám da gấu giết được hôm trước rồi trở về lều. Những người đánh xe nhường chỗ cho chúng tôi, họ cho rằng mình ngủ trong xe là rất tốt. Chỉ có con trai Georges, theo lệnh cha, và vì vết thương còn đau, ở lại làm người bạn cùng phòng với chúng tôi. Georges coi thường thói uỷ mị, ngủ ngay trên đất, bọc người trong những tấm da cừu của ông và gối đầu trên một tảng đá. Một người đánh xe khác, như hôm trước, gác trước cửa lều.

Sau khi thăm mọi việc được sắp xếp xong, tôi trở về lều, thấy giữa đường có một đồng cành cây lớn người ta đã nhóm lửa. Đồng lửa thứ hai này không để sưởi ấm ai cả mà để đuổi những con sói hấp dẫn vì mùi thịt nướng đến lớn vờn quanh chúng tôi. Người gác đêm có nhiệm vụ coi cả hai đồng lửa trên đường đi và trong lều.

Chúng tôi bọc người trong quần áo ấm, không yên lòng thì ít nhất cũng cam chịu chờ đợi hai kẻ thù là chó sói và tuyết. Không cần chờ lâu, chưa đầy nửa giờ tuyết bắt đầu rơi và nghe thấy tiếng chó sói hú từ xa. Nhưng vì quá mệt và không nghe thấy tiếng chó hú lại gần, hai mươi phút sau tôi ngủ thiếp đi.

Không biết đã ngủ được bao lâu, tôi giật mình thức dậy vì có một khối gì rất nặng rớt đè lên người, giật mình tỉnh dậy, giơ tay ra nhưng gặp trở ngại, muốn kêu lên nhưng giọng nghẹn lại. Lúc đầu tôi hoàn toàn không biết mình đang ở đâu, tập trung suy nghĩ, tưởng núi lở xuống nên cố gắng. Tôi vươn tay ra chỗ người bạn cùng số phận; ông ta nắm lấy kéo về phía mình và đầu tôi thò ra ngoài. Tấm vải lều của chúng tôi chứa không nổi lượng tuyết rơi, đã đổ sụp xuống bao lấy chúng tôi. Trong lúc tôi chưa tìm được lối ra thì con trai ông Georges đã dùng dao găm đâm toạc vải, một tay nắm lấy tay tôi, tay kia kéo Ivan, kéo chúng tôi ra với anh.

Phần đêm còn lại không hy vọng gì ngủ lại được nữa. Tuyết rơi dày đặc đến nỗi xe chúng tôi mất tích dưới lớp tuyết phủ, giống như những chòm đồi gắn với núi. Chỗ Georges nằm chỉ là một cồn đất nhô lên. Chúng tôi ngồi chân đưa lại gần lửa, lưng quay về phía gió.

Đến sáu giờ sáng tuyết ngừng rơi, tuy gần sáng rồi mà bầu trời vẫn âm u nặng nề. Phương Đông vừa hừng sáng, chúng tôi gọi Georges, ông lộ đầu ra khỏi tuyết nhưng tám da cừu của ông bám chặt trong tuyết làm cho ông như bị cấm chặt xuống đất, phải cố hết sức mới thoát ra được. Đứng dậy, ông gọi ngay những người đánh xe khác.

Người này tiếp người khác họ thò đầu ra khỏi những lớp tuyết phủ trên xe. Việc đầu tiên là họ nhìn về phương Đông. Ánh sáng ban ngày âm đạm chống chọi với ban đêm và có vẻ ban đêm đang thắng; tình hình đáng lo ngại vì họ họp nhau lại ngay bàn cách phải làm gì.

Thật vậy, tuyết rơi suốt đêm và mỗi bước đi trên lớp tuyết mới ấy, người ta ngập đến đầu gối. Mọi con đường đã biến mất và trong đêm những ngọn gió đem tuyết lấp đầy các hố vực. Mặt khác chúng tôi không ở yên một chỗ được, thiếu thốn tất cả, không có lửa, thức ăn, chỗ ẩn. Còn quay trở lại cũng không kém nguy hiểm hơn tiến lên, và tuy là quyết định của những người cùng đi, chúng tôi nhất

quyết không theo cách ấy.

Trong lúc họ đang tranh cãi, Louise ló đầu ra khỏi xe cũng bị tuyết bọc kín. Cô đoán ra được tình hình nhưng tỏ ra cứng rắn, bình tĩnh như bấy lâu nay và quyết định sẽ tiếp tục đi.

Cuộc thảo luận vẫn tiếp tục. Georges muốn tiếp tục đi, nhưng những người khác muốn chờ đợi. Ông nói tuyết có thể rơi tiếp trong một hoặc hai ngày nữa, và đôi khi ở lại hàng tuần cũng chẳng có gì là chắc được, cả đoàn không tiến, không lùi, chắc chắn sẽ bị vùi sống. Ngược lại đi ngay hôm nay, lúc tuyết mới có hai bộ, hôm sau có thể đến một làng ở dưới sườn núi phía đông, cách Ekaterinbourg khoảng mười lăm dặm.

Ý kiến ấy lúc đầu hợp ý tôi nhưng có nhiều nguy hiểm. Gió vẫn thổi mạnh trong dãy núi này thường có nhiều vụ đá, tuyết lở. Vì vậy việc phản đối quan niệm của Georges biến thành một cuộc nổi dậy. Quyền hành ông nắm được chỉ là một sự nhường nhịn tự nguyện, những người trao quyền cho ông vẫn có thể rút lại. Thực tế họ bảo nếu ông muốn thì cứ tiếp tục lên đường với con trai và xe của ông. Ivan, sau khi lấy ý kiến của tôi và Louise, tin tưởng vào kinh nghiệm dẫn đường của mình trước đây, tiến lại và ra lệnh cho cả đoàn thắng ngựa. Lệnh ấy làm mọi người kinh ngạc rồi thì thầm, Ivan bèn rút trong túi áo một tờ giấy, mở ra nói:

- Đây là lệnh của Hoàng đế.

Không người nào biết đọc nhưng ai cũng nhận ra con dấu của nhà vua. Không ai hỏi vì sao Ivan có lệnh đó, không xem xét kỹ có nên phục tùng không, họ chạy ra chỗ ngựa đang tập trung như một đàn cừu và sau mười phút, cả đoàn xe sẵn sàng lên đường.

Con trai Georges đi trước thăm dò đường, Georges và chiếc xe của ông đi đầu đoàn. Chiếc xe của chúng tôi theo sát ngay, nếu xe của Georges lún sâu vào một căn vực nào đó, xe chúng tôi vì nhẹ, dễ dàng tránh được ngay. Những xe khác tiếp nối theo hàng dọc vì lần này chúng tôi có thể cùng lúc đi từ trên núi cao xuống.

Một lúc sau nghe có tiếng kêu, người dẫn đường bị lún xuống một hố sâu khoảng mười lăm bộ, tuyết còn xáo động và một bàn tay còn giơ lên. Người cha khôn khéo chạy tới tay cầm sợi dây dài bảo người ta buộc quanh mình để nhảy xuống cứu con. Nhưng một người đến bảo Georges cần giữ mình để còn dẫn dắt cả đoàn, để ông ta xuống thay. Người ta quàng dây vào nách ông, Louise đưa cho ông một túi tiền, ông gật đầu bỏ vào túi cũng chẳng xem có gì trong đó, chúng tôi có sáu đến tám người nắm lấy đầu dây thả nhanh xuống vừa kịp lúc bàn tay khuất dần. Ông nắm ngay lấy cổ tay người kia và nhờ chúng tôi kéo mạnh. Ông rút anh ra khỏi lớp tuyết, bẻ anh bất tỉnh trên tay, chúng tôi càng gắng sức, một lúc sau cả hai người đều được đặt lên chỗ mặt đất cứng.

David ngất đi vì lạnh, Georges là người đầu tiên lao vào chăm sóc. Ông cho nạn nhân uống mấy ngụm rượu làm anh hồi tỉnh, người ta đặt anh lên đám lông thú, cởi quần áo và lấy tuyết xát vào người cho đến khi da thịt đỏ hồng, lúc đó anh cựa quậy chân tay và không còn nguy hiểm nữa. David

nói có thể đi được và đề nghị tiếp tục lên đường. Louise sắp xếp để anh lên ngồi trên xe, để một người đánh xe khác thay anh đi dò đường. Người đánh xe của chúng tôi nhảy lên một con ngựa, tôi và Ivan ngồi trên ghế đánh xe và chúng tôi tiếp tục đi.

Con đường quay sang bên trái men theo sườn núi, bên phải là vực thẳm con trai của Georges đã ngã xuống, không biết sâu bao nhiêu. Tốt nhất là đi sát vào vách núi chắc chắn con đường dựa vào đây. Cách ấy có kết quả và chúng tôi đi được hai tiếng đồng hồ không có tai nạn gì. Hướng đi xuống cảm thấy rõ tuy không dốc, chúng tôi đến một lùm cây giống như chỗ chúng tôi nghỉ lại đêm đầu. Chưa ai ăn uống gì, chúng tôi quyết định nghỉ lại một tiếng để cho ngựa đỡ mệt, ăn trưa và nhúm lửa.

Chắc là một nguồn dự trữ những cây nhựa dễ cháy này do Chúa khoan dung để lại giữa băng tuyết, chỉ cần đốn một cây thông, rũ hết tuyết bám ở cành là có ngay một bếp lửa rất nóng. Chúng tôi vây quanh lửa và sức nóng làm David hồi phục. Tôi tham vọng có được một cái chân gấu thứ ba nhưng chúng tôi không có đủ thì giờ làm lò nướng chín, đành hài lòng với một lát thịt nướng trên than nhưng cũng rất ngon. Chúng tôi chỉ ăn thịt, bánh mì rất quý, chỉ còn có mấy livres mà thôi.

Đợt nghỉ này tuy ngắn nhưng rất tốt cho mọi người, người và vật sẵn sàng lên đường với một nghị lực mới. Nhưng trong lúc dừng lại, một lớp tuyết dày bám trên trục bánh xe làm cho nó không quay được, phải dùng búa bổ để lăn bánh được bình thường. Việc này mất đến nửa giờ, khi chúng tôi lên đường thì đã gần trưa.

Chúng tôi đi được ba tiếng đồng hồ không có chuyện gì xảy ra, nghĩa là từ lúc ra đi lần đầu đã vượt được bảy dặm. Bỗng nghe có tiếng rảng rặc tiếp theo như một tiếng chuông rền vọng lại, đồng thời chúng tôi cảm thấy một cuộn gió thổi qua và không khí tối sầm lại vì bụi tuyết bay mù mịt. Georges dừng xe ngay lại kêu lên "Tuyết lở!". Và ai cũng câm lặng, đứng yên chờ đợi. Sau một lúc, tiếng ồn chấm dứt, trời lại trong sáng, và đợt gió mạnh như vòi rồng tiếp tục, quét tuyết và lật đổ hai cây thông giao nhau trên một mỏm đá phía dưới chúng tôi năm trăm bước chân. Tất cả những người đánh xe reo lên vui mừng, nếu chúng tôi bước thêm năm trăm mét nữa, đã bị con lốc cuốn đi hoặc vùi mình dưới tuyết lở. Thật vậy, cách chỗ chúng tôi năm trăm mét, con đường ngập trong tuyết. Nói đúng ra không phải một cảnh tượng bất ngờ vì khi bắt đầu nhận thấy vòi rồng, Georges nói với tôi ông sợ nó ảnh hưởng tới chúng tôi trên đường đi. Lớp tuyết ấy còn nhẹ và dễ vụn, chúng tôi cố đi xuyên qua, thúc ngựa tiến vào nhưng ngựa lùi lại như xông vào một bức tường. Chúng tôi lấy ngọn giáo đâm buộc chúng tiến lên nhưng chúng dựng người lên rồi đôi chân trước thả xuống bức màn tuyết ấy. Tuyết vào cả mắt, mũi làm chúng hung hăng lùi lại. Cố vượt qua cũng vô ích, phải chặn tuyết lại làm thành một lỗ hổng.

Ba người đánh xe leo lên chỗ cao nhất của chiếc xe và người thứ tư leo lên vai họ, cố không ché lũ ngựa trở lại. Khối tuyết có thể dày đến hai chục bộ, tai hoạ không lớn như người ta tưởng lúc đầu, tất cả chúng tôi phải bỏ công sức ra

trong hai, ba giờ làm việc.

Bầu trời thật âm u, mới bốn giờ chiều đã tối rất nhanh, không có thì giờ dựng lều, cũng không có cây đốt lửa. Chúng tôi phải dừng lại, sắp xếp xe thành hình vòng cung, trong đó cho ngựa và chiếc xe của chúng tôi vào giữa. Như vậy để đề phòng chó sói, không có lửa chúng sẽ tiến lại gần. Vừa sắp xếp xong thì trời tối hẳn.

Không cách gì nấu ăn được, những người vận tải ăn một miếng thịt gấu sống, có vẻ cũng ngon lành như khi ăn thịt nướng chín. Tôi dù đói cũng không ăn được loại thịt sống ấy, đành ăn bánh cùng Louise và đưa cho họ chai rượu cuối cùng nhưng Georges từ chối, nói để dành lại cho anh em làm việc.

Louise vốn tinh trí, nhắc tôi có hai chiếc đèn của chiếc xe trạm mà tôi lấy mang theo. Tôi tìm ra, thấy vẫn còn đủ nến.

Mọi người reo lên vui mừng. Không phải một loại bếp lửa có thể đuổi được các loại thú săn mồi nhưng nhờ ánh sáng chúng tôi có thể thấy chúng tiến lại gần. Hai chiếc đèn buộc vào hai đầu cây sào cắm sâu xuống tuyết, châm nến lên chúng tôi vui mừng thấy ánh sáng tuy mờ nhạt cũng chiếu được một khoảng năm mươi bước chân chung quanh chúng tôi.

Có mười người tất cả, hai đứng gác trên xe, tám người kia chọc thủng khối tuyết đọng phía trước. Từ hai giờ chiều trời đã bắt đầu lạnh, tuyết bắt đầu cứng lại, không đào được một lối ra. Tôi cùng làm việc với họ, nghĩ rằng hoạt động liên tục có thể đỡ lạnh hơn.

Trong ba bốn giờ liền chúng tôi làm việc khá bình tĩnh. Chai rượu của tôi tuy Georges phân phối dè sẻn, đã có tác dụng rất tốt. Vào lúc mười một giờ đêm nghe có tiếng hú kéo dài và rất gần, và nghe có tiếng Georges đang phiên gác gọi. Chúng tôi bỏ dở công việc mới được ba phần tư, chạy lại trèo lên những chiếc xe. Hơn mười hai con chó sói đã quanh quẩn hơn một tiếng đồng hồ ở đây. Vì có ánh sáng đèn nên chúng không dám lại gần, lượn lờ giữa biên giới ánh sáng và bóng tối, cuối cùng một con đến thật gần, nghe tiếng hú của nó Georges hiểu rằng nó sẽ tiến sát hơn nữa nên gọi chúng tôi. Lúc đầu tôi quả thật không yên tâm khi trông thấy những con vật to lớn, ít nhất cũng lớn gấp đôi những con sói ở châu Âu, phải kiểm tra lại khẩu các bin cầm ở tay và những khẩu súng ngắn ở thắt lưng đã được nạp đạn. tất cả sẽ hoạt động tốt, nhưng mặc dù lạnh, tôi vẫn cảm thấy mồ hôi toát ra trên mặt.

Tám chiếc xe làm thành hàng rào vòng cung ở chính giữa có bảy ngựa và Louise trên xe chúng tôi, một phía dựa vào vách núi thẳng đứng hơn tám mươi bộ, phía kia là khối tuyết lở làm thành tường lũy sau lưng chúng tôi. Còn hàng xe như những lỗ châu mai của một thành phố bị vây hãm, mỗi người trang bị giáo, búa, dao; Ivan và tôi nắm chắc khẩu các bin và một đôi súng ngắn.

Chúng tôi đứng như thế nửa giờ như thể hai bên lượng sức mình. Những con sói thỉnh thoảng đâm ra ngoài vùng ánh sáng một cách liều mạng nhưng còn e ngại. Cung cách ấy có vẻ vụng về làm chúng

tôi quen dần với sự nguy hiểm. Về phần tôi như có cơn sốt tiếp theo với nỗi sợ ban đầu, nóng lòng về tình hình ở trong mỗi nguy hiểm nhưng chưa đánh nhau. Cuối cùng một con sói tiến ra rất gần. Tôi hỏi Georges có nên bắn cho nó một phát để ngăn chặn sự táo bạo này. Ông nói:

- Được, nếu ông chắc chắn bắn nó chết ngay. Những con sói bạn sẽ xông vào ăn thịt nó như những con chó trong một chuồng. Cũng đúng là – ông lẩm bầm – khi đã có mùi máu, chúng như những con quỳ.

- Tôi đã sử dụng thành thạo nên gần như chắc chắn về phát súng của mình – tôi bảo.

- Vậy ông bắn đi, dù sao cũng phải kết thúc bằng cách này hay cách khác.

Ông nói chưa dứt thì phát súng đã được bắn ra và con sói oằn người trên tuyết.

Cùng lúc ấy, như Georges đã nói, năm sáu con sói khác như những chiếc bóng lao vào vùng sáng, ngoạm lấy con chết lồi vào bóng tối.

Tuy sói ở ngoài tầm nhìn thấy, những tiếng hú càng nhiều, chúng tỏ bày sói đã tăng số lượng. Đây là một loại gọi đàn đến ăn; có bao nhiêu con trong vòng hai dặm đều tập trung hết trước mặt chúng tôi. Những tiếng hú chấm dứt.

- Ông có nghe tiếng ngựa chúng ta không? – Georges hỏi.

- Chúng làm gì thế?

- Chúng dẫm chân và hí lên. Có nghĩa là chúng ta phải sẵn sàng.

- Nhưng tôi tưởng sói chạy đi rồi, không nghe chúng gầm gừ nữa.

- Không, chúng ăn xong rồi và đang liếm môi. Này, chúng đến đây! Các anh em, hãy chú ý!

Thực vậy, từ tám đến mười con sói, trong bóng tối như những con lừa, đột ngột vào trong vòng ánh sáng bao quanh chúng tôi, rồi không ngần ngại, không hú, lao thẳng vào chúng tôi và thay vì chui xuống dưới, táo tợn nhảy lên trên xe tấn công trực diện chúng tôi. Cuộc tấn công ấy nhanh như ý nghĩ, tôi vừa nhận thấy thì chúng đã nhảy xô vào. Tuy vậy hoặc tình cờ hoặc vì chúng biết súng từ đâu bắn ra, không con nào nhảy lên xe tôi, nên tôi có thể phán đoán trận đánh tốt hơn là bị tấn công thẳng.

Bên phải tôi, chiếc xe do Georges bảo vệ bị ba con sói tấn công. Một con vừa tầm ông già đâm giáo xuyên mình, con kia bị tôi bắn các bin giết chết, còn một con, thấy Georges giơ búa đánh, tôi không lo ngại nữa, ngoảnh sang nhìn chiếc xe bên trái có David.

Ở đây tuy có hai con nhảy lên nhưng David còn bị thương bên vai trái. Anh đâm giáo trúng một con, nhưng hình như không trúng huyết, con sói quay lại cắn gẫy cán giáo. David chỉ có trong tay một đoạn gỗ. Cùng lúc ấy con sói kia men theo dây buộc tiến lại phía David. Tôi nhảy ngay từ xe này sang xe kia và trong lúc David đang rút giáo, tôi dùng súng ngắn bắn vỡ đầu con sói, con trước đó ngã lăn ra tuyết, giận dữ gầm gè và cắn đoạn giáo đã đâm vào mình sâu đến sáu, tám đốt ngón tay, không nhổ ra được. Cũng thời gian ấy Ivan giải quyết ở phía mình, tôi nghe một tiếng súng các bin,

hai tiếng súng ngắn, biết rằng đối thủ đã lãnh đủ. Sau một lúc, bốn con sói lại đi qua ánh sáng nhưng lần này để chạy trốn, và điều lạ, hai hoặc ba con sói chúng tôi tưởng đã chết hoặc bị thương nặng, chồm dậy lết đi, để lại một vệt máu đàng sau. đi theo đồng bọn biến mất. Tổng kết lại chỉ có xác ba con sói còn lại ở chiến trường.

Tôi quay lại phía Georges phía dưới chiếc xe chỗ hai con sói đang nằm; con bị ông đâm bằng giáo và con bị tôi bắn chết.

- Lấp đạn nhanh lên! – Ông nói – Tôi biết rõ cung cách của bọn này. Lấp đạn đi. Chúng ta chưa giải quyết xong để dằng thế này đâu.

- Sao? - Tôi làm ngay và hỏi – Ông nghĩ chưa đuổi chúng đi hết được sao?

- Ông nghe đây, chúng đang gọi nhau. Xem kia. Xem kia... - ông vừa nói vừa đưa tay chỉ về phía chân trời.

Đúng thế, những tiếng hú xa đáp lại tiếng hú gần, rõ ràng ông già dẫn đường nói đúng. Trận tấn công vừa rồi chỉ là công việc của tiền tiêu.

Tôi quay lại thấy hai ánh mắt ánh lên như hai bó đuốc của một con sói đang đứng trên chòm khối tuyết nhìn vào trại của chúng tôi. Tôi nhắm bắn, viên đạn phát ra trong lúc nó xông vào đàn ngựa, bám vào cổ họng một con. Hai ba người xuống khỏi xe nhưng giọng Georges vang lên:

- Chỉ có một con sói, cần một người thôi, tất cả những người khác giữ vị trí... Còn ông – ông ngoảnh lại phía tôi – lấp đạn nhanh lên và bắn cho chắc tay.

Hai người lại lên xe và người thứ ba cầm con dao dài, bò sát bụng giữa hai chân ngựa đang lỏng lẻo giẫm chân và lao như điên vào giữa những chiếc xe bao quanh. Một lát sau lưỡi dao ánh lên rồi mất, con sói thả ngựa dựng đứng người trên chân sau, rồi dưới đất có một khối không rõ hình thù đang lăn lộn, không phân biệt được người và sói, có cái gì đó thật ghê sợ. Rồi người đứng lên, chúng tôi reo lên vui mừng vì quá hồi hộp.

- David – người vừa đánh nhau với sói vừa nói vừa lay rũ người – Đến đây giúp tôi kéo xác chết này đi, không thì chẳng có cách gì giữ yên được mấy con ngựa.

David xuống xe, kéo con sói đến xe của bố anh, cùng với một người khác nâng cao lên. Georges nắm lấy chân sau của nó như nắm chân thỏ, kéo về phía mình và vớt ra khỏi vòng cung nơi hai, ba con đang nằm ở đấy, rồi quay lại người đánh xe đang ngồi dưới đất, trong lúc David lại trèo lên xe.

- Đây, Nicolas! – ông nói – Không lên vị trí à?

- Không, già Georges, - anh ta nói – tôi nghĩ mình bị thương.

- Eugène – Louise gọi tôi – Eugène, đến giúp tôi băng bó cho anh này, anh ta mất khá nhiều máu.

Tôi đưa khẩu các bin cho Georges, nhảy xuống xe chạy lại người bị thương.

Đúng thật, anh bị mất đi một mảng hàm và một vết thương lớn ở cổ. Tôi lấy một nắm tuyết đắp vào

vết thương, không biết làm thế đúng hay sai. Nạn nhân lạnh quá kêu lên, bất tỉnh. Tôi tưởng anh ta chết.

- Lại đây với chúng tôi, thưa ngài, lại đây! – Georges kêu lên – Những con sói đang lao tới! Tôi để người bị thương cho Louise chăm sóc và leo lên xe.

Lần này tôi không theo dõi được chi tiết nào vì mải mê công việc của mình. Chúng tôi bị ít nhất hai mươi con sói tấn công. Tôi liên tiếp bắn hai khẩu súng ngắn và nắm lấy cây búa Georges đưa cho. Súng hết đạn tôi giắt vào thắt lưng và sử dụng vật được trang bị ấy.

Cuộc chiến kéo dài mười lăm phút, thật khốc liệt. Cuối cùng hàng ngũ chúng tôi reo lên chiến thắng, tôi phát huy một cố gắng cuối cùng. Một con sói bám vào dây buộc trên xe bò đến, tôi đánh một cú ghê gớm vào đầu, tuy búa trượt trên xương sọ, nó bị thương nặng ở vai, rơi ngã xuống phía sau. Cũng như lần đầu, chúng tôi trông thấy lũ sói vừa bỏ chạy vừa kêu lên, qua vùng có ánh sáng rồi biến vào trong bóng tối. Lần này thì không trở lại nữa.

Mỗi người chúng tôi im lặng và ủ ê nhìn quanh mình, ba anh em đi đường bị thương ít nhiều, bảy, tám con sói nằm rải rác, rõ ràng nếu không tìm cách chiếu sáng chỗ này, hẳn chúng tôi đã bị sói sâu xé.

Mối nguy hiểm vừa qua càng làm chúng tôi cảm thấy nhất thiết phải xuống ngay vùng đồng bằng. Ai dự đoán được những tai nạn mới khác trong đêm tới nếu ở lại trên núi?

Chúng tôi đặt những người bị thương gác trên các xe sau khi băng bó cho họ vì tuy nghe tiếng hú của sói xa dần, chắc chúng đã đi khỏi nhưng vẫn phải đề phòng. Sau đó chúng tôi xúm vào đào tuyết. Sáng ra khối tuyết đã bị đập vỡ từng phần. Georges ra lệnh thắng xe. Bốn người làm việc này còn bốn người khác lột da chó sói vì thời kỳ ấy bộ lông chó sói cũng rất có giá trị. Lúc sắp đi người ta thấy con ngựa bị chó sói cắn bị thương nặng không tiếp tục cuộc hành trình được. Người chủ con ngựa ấy mượn tôi khẩu súng ngắn, dẫn nó ra một góc và bắn vỡ đầu.

Làm xong việc ấy chúng tôi im lặng và buồn bã lên đường. Nicolas vẫn trong tình trạng gần như thất vọng và Louise đã cho đưa anh lên xe của cô, những người khác nằm trong xe họ còn chúng tôi đi bộ theo xe.

Sau ba, bốn giờ đi đường, xe suýt lao xuống vực vài chục lần, chúng tôi đến một cánh rừng nhỏ. Anh em đánh xe vui mừng nhận ra chỉ còn ba bốn giờ đi đường nữa chúng tôi sẽ đến ngôi làng đầu tiên ở phía bên sườn châu Á của rặng núi Ourals. Chúng tôi dừng lại nghỉ ngơi.

Ai cũng bắt tay vào làm việc, kể cả những người bị thương, trong mười phút ngựa được tháo ra, ba hoặc bốn cây thông bị hạ, một đống lửa lớn bùng lên. Lần này nữa thịt gấu được dùng làm thực phẩm nướng chín, mọi người cùng ăn, kể cả Louise.

Sau đó ai cũng vội vàng ra khỏi dãy núi đáng nguyên rủa, lên đường ngay sau khi người ngựa ăn xong. Qua một giờ rưỡi đi đường, khỏi đường vòng một ngọn đồi, chúng tôi thấy nhiều cột khói như

từ dưới đất bay lên: đây là ngôi làng mong mỗi đến mà ai cũng nghĩ là sẽ không bao giờ đến được.

Chúng tôi vào làng lúc bốn giờ chiều.

Chỉ có một quán hàng tồi tàn mà trong mọi trường hợp khác tôi sẽ không muốn sử dụng làm chuồng chó tuy lúc ấy đối với chúng tôi nó như một lâu đài.

Hôm sau khi chia tay, chúng tôi để lại cho Georges năm trăm rúp, đề nghị chia cho ông và các bạn đường.

Alexandre Dumas

Người thầy dạy đánh kiếm

Dịch giả: Đoàn Doãn

CHƯƠNG 24 (Hết)

Kể từ lúc này mọi việc tiến triển tốt đẹp vì chúng tôi đi trên những đồng bằng vùng Sibérie, trải rộng đến biển băng giá Bắc cực, không một ngọn núi nào đáng gọi là đồi. Nhờ mệnh lệnh Ivan mang theo, những con ngựa tốt nhất được dành cho chúng tôi, ban đêm sợ có những tai nạn mà chúng tôi có thể là nạn nhân, có những đội hộ vệ gồm mười hoặc mười hai trang bị súng hay giáo phi ngựa hai bên xe. Chúng tôi đi qua Ekaterinbourg không dừng lại ở những cửa hàng đá quý làm ánh lên một thành phố ma thuật, đối với chúng tôi điều này càng thần kỳ hơn nhất là vừa ra khỏi sa mạc tuyết ba ngày không tìm được mái nhà tranh trú chân. Tiếp đó là Tioumen, bắt đầu thực sự là Sibérie, cuối cùng là đến thung lũng Tobol và sau bảy ngày ra khỏi những ngọn núi của rặng Ourals ghê gớm, chúng tôi vào thủ đô của Sibérie lúc trời vừa tối.

Một oải người nhưng Louise, vì tình cảm yêu thương tăng dần khi càng gần người yêu, chỉ muốn dừng lại vừa đủ thời gian để tắm rửa. Hai giờ sáng chúng tôi ra đi Koslovo, một thành phố nhỏ trên sông Irtych được quy định là chỗ ở của vài chục người lưu đày trong đó có Bá tước Alexis.

Chúng tôi đến chỗ viên đại úy chỉ huy và ở đây cũng như ở khắp nơi, lệnh của Hoàng đế phát huy tác dụng. Hỏi tin tức về Bá tước thì ông này vẫn ở Koslovo, sức khoẻ tốt như có thể mong muốn. Đã thoả thuận với Louise, trước hết tôi phải gặp ông, báo tin cô đã đến. Tôi xin phép ông chỉ huy, ông này cho gặp chẳng khó khăn gì. Vì tôi không biết tiếng địa phương, người ta cho một anh Cô đặc dẫn đường.

Chúng tôi đến một khu làng chung quanh có hàng rào cao bao vây, các cửa ra vào đều có lính gác, gồm khoảng vài chục ngôi nhà. Anh Cô đặc dừng lại trước cửa một nhà chỉ tay và bảo chính ở đây.

Tim đập mạnh kỳ lạ, tôi gõ cửa, nghe tiếng Alexis bảo "Cứ vào". Mở cửa, thấy ông vẫn bận quần áo nằm trên giường, một cánh tay thông xuống, cuốn sách rơi bên cạnh.

Tôi đứng ở ngưỡng cửa, nhìn và giơ tay ra còn ông thì nhòe mắt ngạc nhiên, lưỡng lự nhận ra tôi.

- Xin chào! Chính tôi đây – tôi bảo ông.

- Sao? Ông? Ông à?

Và ông nhảy từ giường dậy, lao lại choàng tay quanh cổ tôi rồi bỗng lùi lại vẻ hoảng sợ:

- Lạy Chúa! – Ông kêu lên – Ông cũng bị lưu đày ư và có phải do tôi bất hạnh gây ra không?

- Ông yên tâm đi – tôi nói – tôi đến đây có tính cách chơi bời thôi.

Ông cười cay đắng:

- Chơi bời ở đây, Sibérie, cách Saint-Peterbourg chín trăm dặm! Ông giải thích đi..Hay trước hết... ông có thể cho tôi biết tin tức về Louise được không?

- Rất tốt và tươi sáng. Tôi vừa rời cô ấy.

- Ông rời cô ấy! Cách đây một tháng chứ?

- Cách đây năm phút.

- Lạy Chúa! – Alexis tái mặt kêu lên – ông nói gì thế?

- Sự thật.

- Louise?...

- Ở đây.

- Ôi! Người đàn bà thánh thiện! – Ông lẩm bẩm, giơ hai tay lên trời và hai giọt nước mắt chảy xuống má. Sau một lúc im lặng có vẻ cảm ơn Chúa, ông hỏi:

- Nhưng cô ấy đâu?

- Ở chỗ Tỉnh trưởng.

- Thế thì chúng ta chạy đến đây đi.

Rồi dừng lại, nói ngay:

- Tôi điên rồi! Tôi quên là mình đang bị giam cầm, không ra khỏi chỗ này được nếu không có phép của Đội trưởng. Bạn thân mến, xin ông đi tìm cô ấy đến để tôi trông thấy, ôm chặt cô trong tay. Hay ông cứ ở lại đây người này sẽ đi. Trong lúc đó chúng ta nói chuyện về cô ấy.

Ông nói mấy câu với anh Cô đặc, anh này đi làm công việc được giao liền.

Trong thời gian ấy tôi kể lại với Alexis những gì xảy ra từ sau khi ông bị bắt; quyết tâm của Louise, cô đã bán hết và bị lừa đảo như thế nào, việc tiếp kiến Hoàng đế và lòng tốt của Hoàng đế đối với cô, chúng tôi rời Saint-Peterbourg đến Moscou, được mẹ và các cô em ông tiếp đón ra sao, nhận chăm sóc con ông, rồi việc chúng tôi ra đi, những mệt nhọc hiem nguy, hành trình qua dãy Ourals ghê gớm và cuối cùng đến Tobolsk và Koslovo. Bá tước nghe tưởng như một câu chuyện hoang đường, thỉnh thoảng nắm lấy tay tôi, nhìn vào mặt để chắc chắn chính tôi đang nói với ông ấy và đang ở trước mặt ông. Rồi sốt ruột, ông đứng dậy đi ra cửa, không thấy ai tới lại vào ngồi xuống, hỏi tôi về những chi tiết mới, tôi nhắc lại và ông nghe không biết mệt. Cuối cùng cửa mở, anh Cô đặc xuất hiện một

mình.

- Thế nào? – Bá tước tái mặt hỏi.
- Tỉnh trưởng trả lời là ông phải biết điều cấm kỵ đối với tù nhân.
- Điều gì?
- Cấm tiếp đón đàn bà.

Bá tước đưa tay lên trán và để rơi mình xuống ghế. Tôi cũng bắt đầu sợ và nhìn nét mặt Bá tước lộ rõ những cảm xúc mạnh trong tâm hồn. Sau một lúc im lặng, ông ngoảnh lại anh Cô dắc hỏi:

- Tôi có thể nói chuyện với ông Đội trưởng được không?
- Ông ấy đang gặp Tỉnh trưởng cùng lúc với tôi.
- Nhờ anh chờ ở cửa, nói tôi xin ông ấy có lòng tốt đến đây một lúc.

Anh Cô dắc nghiêng mình và đi ra.

- Những người ấy vâng lời đấy chứ - tôi nói với Bá tước.
- Vâng, theo thói quen – Bá tước mỉm cười nói – Nhưng ông thấy có gì ghê gớm hơn thế không? Cô ấy ở đây, cách tôi một trăm bước chân, đã vượt qua chín trăm dặm đến với tôi mà tôi không thể gặp!
- Nhưng chắc có sự lầm lẫn gì đấy – tôi nói – Chắc có lệnh nào đó truyền đạt sai, để rồi tôi hỏi lại xem.

Alexis mỉm cười nghi ngờ.

- Chúng ta sẽ đề nghị lên Hoàng đế.
- Vâng, rồi ba tháng nữa mới có trả lời... Trong lúc đó... Ông không biết ở trên đất nước này như thế nào đâu! Lạy Chúa!

trong mắt Bá tước tràn đầy nỗi thất vọng làm tôi sợ.

- Thê thì – tôi cười nói tiếp – nếu cần tôi sẽ ở đây với ông trong ba tháng ấy, chúng ta sẽ nói chuyện với nhau về cô ấy và ông sẽ kiên trì. Và lại chưa biết Tỉnh trưởng phải động lòng hay cứ nhắm mắt lại.

Alexis nhìn tôi, cũng cười:

- Ở đây – ông nói – Không trông mong gì những điều ấy. tất cả đều lạnh như mặt đất. Nếu đã có lệnh thì sẽ được thi hành và tôi sẽ không được gặp cô ấy.

Lúc ấy ông Đội trưởng bước vào.

- Thưa ông! – Alexis kêu lên và chạy tới – một người đàn bà dũng cảm, hy sinh tuyệt vời rời bỏ Saint-Peterbourg để đến đây với tôi, vượt qua hàng nghìn hiểm nguy, cô ấy đã ở đây và người này bảo tôi rằng tôi không được gặp... Anh ta nhầm chăng?
- Không, thưa ông – Đội trưởng lạnh lùng trả lời – ông biết rõ tù nhân không được tiếp xúc với người đàn bà nào hết.

- Thế nhưng, Hoàng thân Troubetskoï được phép mà tôi thì không. Có phải vì ông ấy là Hoàng thân không?
- Không, nhưng vì bà ấy là vợ ông ta.
- Và nếu Louise là vợ tôi, người ta không chống lại việc tôi gặp cô ấy chứ?
- Không hề, thưa ông.
- Ồ! – Bá tước kêu lên như trút được gánh nặng.

Sau một lúc ông nói với viên Đội trưởng:

- Thưa ông, mong ông cho phép linh mục đến nói chuyện với tôi.
- Ông ấy sẽ được thông báo ngay – Đội trưởng nói.
- Còn ông, bạn thân mến – Bá tước nắm chặt cánh tay tôi tiếp tục đề nghị - sau khi là người bạn đường và là người bảo vệ Louise, ông là người làm chứng và đại diện cho cha cô ấy được chứ?

Tôi quàng tay vào cổ ông, vừa hôn vừa khóc, không nói lên được lời nào.

- Nhờ ông đi tìm Louise – ông lại nói – bảo cô ấy ngày mai chúng ta sẽ gặp nhau.

Ngày hôm sau, vào lúc mười giờ sáng, Louise do tôi và ông Tỉnh trưởng hướng dẫn, Bá tước Alexis, theo sau là Hoàng thân Troubetskoï và tất cả những người lưu đày khác, mọi người bước qua một cửa ra vào của nhà thờ Koslovo, vào quỳ im lặng trước bàn thờ rồi nói với nhau những lời đầu tiên. Đây là tiếng "có" trịnh trọng gắn chặt họ vào với nhau vĩnh viễn.

Hoàng đế gửi cho ông Tỉnh trưởng một bức thư đặc biệt do Ivan chuyển giao mà chúng tôi không biết, ra lệnh Bá tước chỉ được gặp Louise với danh nghĩa vợ mình.

Bá tước, như ta đã thấy, đã đi trước ý muốn của Hoàng đế.

*

Trở lại Saint-Peterbourg, tôi nhận được những bức thư gọi tôi nhất thiết phải về Pháp.

Đang là tháng hai, đường biển không đi được nhưng người ta đã tổ chức hoàn hảo xe trượt tuyết, tôi không hề ngần ngại đi theo con đường này.

Tôi quyết định rời thành phố của Pierre Đại đế cũng dễ dàng vì đi vắng không xin phép nghỉ nhưng Hoàng đế có lòng độ lượng không thay thế tôi trong đơn vị, tôi đã mất vì cuộc âm mưu một phần học trò và tuy họ phạm tội tôi cũng không ngăn được sự nổi tiếc họ.

Vậy là tôi theo con đường đã đi khi tôi đến đây mười tám tháng trước, lại qua Moscou cổ và một phần Ba Lan, nhưng lần này trên một tấm thảm tuyết mênh mông.

Vừa vào đất nước của Hoàng đế Phổ, ló đầu ra ngoài xe tôi rất ngạc nhiên nhìn thấy một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi, cao, mảnh dẻ, khô khan, mặc áo gi lê và quần đen, đi giày nhẹ đế mỏng có khoá, đội mũ nhẹ cao thành, mang một chiếc túi bên tay trái, cầm một chiếc vĩ cầm bên tay phải. Bộ quần áo có vẻ thật lạ và chỗ này thật khác thường đối với việc dạo chơi trên tuyết lạnh dưới hai

mười lăm độ. Và lại thấy người lạ mặt giơ tay ra hiệu, tôi dừng lại chờ. Vừa thấy tôi dừng xe, ông sai bước dài tới nhưng vẫn không vội vàng, vẻ trịnh trọng duyên dáng. Khi ông càng tới gần, tôi nghĩ đã nhận ra con người này, đến bên cạnh thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Đây là người đồng hương tôi đã gặp trên con đường lớn khi vào Saint-Peterbourg, cũng trang bị như thế nhưng trong hoàn cảnh khác hẳn. Cách xe tôi hai bước chân, ông dừng lại lấy tư thế, đưa chiếc vĩ vào dây đàn, ba ngón tay nắm chặt lấy mũ:

- Thưa ông – ông ta vừa nói vừa chào theo thể thức của một vũ công – chẳng phải thiếu kín đáo, tôi có thể hỏi ông tôi đang ở phần đất nào trên thế giới đây?
- Thưa ông – tôi trả lời – ông đang ở quá Niemen một ít, cách Koenisberg khoảng ba mươi dặm, bên trái ông là Friedland và bên phải là biển Baltique.
- A! A! – người đối thoại với tôi thốt lên, rõ ràng hài lòng về câu trả lời có vẻ văn minh của tôi.
- Nhưng thưa ông, đến lượt tôi cũng chẳng phải thiếu kín đáo, ông có thể cho tôi biết làm sao ông lại trang bị như thế, đi bộ, tất lụa đen, mũ cao thành, vĩ cầm mang vai, cách dân cư đến ba mươi dặm và trong cái rét như thế này\
- Vâng, đặc biệt đây, đúng không? Nguyên do thế này. Ông đảm bảo tôi đã ở ngoài địa phận vương quốc Nga hoàng rồi đấy chứ?
- Ông đang ở trên đất của vua Frédéric-Guillliame.
- Thế này! Phải nói với ông tôi không may đã dạy khiêu vũ cho những chàng trai khôn khổ có tội âm mưu chống Hoàng đế. Để hướng dẫn nghệ thuật của mình, tôi thường xuyên đến nhà người này, người khác, họ nhờ tôi chuyển cho nhau những bức thư gửi t người. Thưa ông, xin thề danh dự, tôi trao tay những bức thư ấy, ngây thơ như đây chỉ là giấy mời đi ăn tối hoặc đi dạo chơi. Cuộc âm mưu nổ ra, chắc ông đã biết.

Tôi gật đầu ra hiệu có.

- Không hiểu vì sao người ta biết vai trò của tôi đến mức, thưa ông, tôi phải vào tù! Trường hợp nghiêm trọng vì bị coi là đồng loã, không tố cáo. Sự thực là tôi chẳng biết gì hết nên ông hiểu cho, tôi không tố cáo được. Điều ấy cũng thấy rõ đúng không?

Tôi gật đầu tỏ vẻ hoàn toàn tán thành ý kiến của ông.

- Thế là thưa ông, trong lúc chờ đợi bị treo cổ, người ta đưa tôi vào một chiếc xe đóng kín, cũng rất tốt nhưng mỗi ngày chỉ ra ngoài hai lần cho những việc cần thiết như ăn trưa, ăn tối.

Tôi gật đầu ra hiệu rất hiểu.

- Tóm lại, thưa ông, cách đây mười lăm phút chiếc xe bỏ lại tôi trên cánh đồng này rồi phi nước đại. Vâng, rồi phi nước đại, không nói gì với tôi, thật thiếu lễ độ nhưng cũng không đòi hỏi tiền lót tay, là điều khá tế nhị. Cuối cùng tôi nghĩ mình đang ở Tobolsk, quá dãy Ourals. Ông biết Tobolsk không?

Tôi gật đầu tỏ rõ trình độ kiến thức của tôi cũng đạt đến mức ấy.

- Do vậy tôi chỉ còn xin lỗi đã quấy rầy ông và muốn hỏi ông nên sử dụng phương tiện giao thông ở đất nước này như thế nào?
- Ông đi về hướng nào, thưa ông?
- Thưa ông tôi muốn trở về Pháp. Người ta có để lại tiền cho tôi, tôi nói điều này vì ông không có vẻ gì là một kẻ trán lộn. Người ta có để lại tiền cho tôi và do tôi chỉ có một khoản tài sản nhỏ, gần một nghìn hai trăm livres lợi tức, thưa ông, nên không đi ngao du thiên hạ được, nhưng nếu tiết kiệm thì cũng đủ sống. Vậy là tôi muốn trở về Pháp để bình yên sử dụng một nghìn hai trăm livres của tôi, xa lánh mối thặng trầm của đời người và trốn tránh con mắt của các chính quyền. Để trở về tổ quốc, tôi muốn hỏi ông những phương tiện giao thông nào ít...ít tốn kém nhất?
- Theo tôi, ông bạn thân mến – tôi đổi giọng nói và bắt đầu thương hại con người này, tuy vẫn giữ nụ cười và tư thế của một vũ công nhưng đã run rẩy cả người – nếu ông muốn, tôi có một phương tiện giao thông rất đơn giản và dễ dàng.
- Cách nào vậy?
- Tôi cũng trở về Pháp, tổ quốc tôi. Ông hãy lên xe tôi, đến Paris tôi để ông xuống đại lộ Bonne-Nouvelle như tôi đã để ông xuống khách sạn Londres khi tôi tới Saint-Peterbourg.
- Sao? Đi cùng ông ư, ông Grisier thân mến?
- Vâng, hân hạnh được phục vụ ông, nhưng đừng để mất thì giờ. Ông đang vội, tôi cũng thế. Đây là một nửa áo khăn lông thú của tôi, ông ủ vào cho ấm.
- Thực tình tôi đã bắt đầu thấy lạnh. A!..
- Ông để chiếc vĩ cầm xuống, có đủ chỗ đấy.
- Không, cảm ơn. Nếu ông cho phép tôi mang nó trong tay.
- Tùy ông. Anh đánh xe ngựa, lên đường thôi.

Và chúng tôi lại phi nước đại

Chín ngày sau, tôi để ông bạn đi đường xuống trước mặt đường qua rạp Opéra. Từ đấy không bao giờ tôi gặp lại ông nữa.

Về phần tôi, do không có tính thích làm giàu, tôi tiếp tục việc dạy. Chúa ban phúc cho nghệ thuật của tôi, rất nhiều học trò nhưng không người nào bị giết trong cuộc đấu. Đây là hạnh phúc lớn nhất mà một thầy dạy đánh kiếm có thể mong muốn.

HẾT

Lời cuối: Cảm ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Người thầy dạy đánh kiếm

Alexandre Dumas

Đánh máy: Tumbleweed

Nguồn: Nhà xuất bản Thanh Niên

Tumbleweed - VNthquan - Thư viện Online

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 12 tháng 5 năm 2007